

HÒA THƯỢNG DUY LỰC KHAI THỊ BAN ĐẦU TẠI HOA KỲ

--o0o--

MỤC LỤC:

01.

- Lời khai thị I.
- Thoát Thập Nhị Nhân Duyên.
- Thân xác bay trên đất.
- Phiền não tức Bồ đề.
- Qua 3 quan ái.
- Cách thực hành tham thiền.
- Thiền thoại đầu có thời nào?
- Tọa thiền ngồi cách nào?
- Thức tỉnh mở mắt chiêm bao.
- Không biết có ích lợi gì.
- Phương pháp được tự tại.
- Quán nhất niệm hay vô niệm.
- Nghe nổ một tiếng “trắc”.
- Lòng tin – Tánh không.
- Ngồi thiền và gặp thầy.
- Cảnh tương lai hiện giờ ở đâu?
- Tham thiền cần ăn chay không?
- Qua Mỹ khi Ngài hiểu thiền.
- Thoại đầu và Tịnh độ kết hợp.
- Xuất hồn bay trên đất.
- Thầy mở một đường đi.

02.

- Không biết các cháu làm được.
- Lạnh dưới 0 độ mà không sao.
- Phải giải thích thế nào.
- Vô niệm chân hay giả.
- Thấy cảnh hoa rồi mỉm cười.
- Thế Tôn tu pháp nào?
- Thiền đầu tiên của Phật.
- Cúng 100 ngày.
- Linh hồn đi đâu thai.
- Mang theo chuỗi tràng hạt.
- Chỗ hãm sâu đen tối.
- Không sợ làm sai sao đi đúng?
- Kiến tánh được trình độ nào?
- Quá khứ, hiện tại, vị lai tâm.
- Câu thoại đầu cũng vọng niệm.
- Thế nào là nổi nghi tình?
- Thập mục nguru đồ.
- Đọc chú nào trong lúc thiền?
- Pháp tổng hợp và phân tích.
- Hợp hay không hợp.
- Vô lượng quang thọ

- Thế Âm, Văn Thù - Thế, tướng, dụng.
- Đi theo tôn giáo khác.
- Mạt na thức, đệ bát thức.
- Chia rẽ trong gia đình.
- Thế nào là trạch pháp?
- Nghiên cứu - Khán và niệm?
- Bản lai chân diện mục.
- Chứng pháp vô sanh.
- Nhẫn - Từ bi và bác ái.
- Phương pháp tự ngộ.
- Đâu là chánh pháp?
- Chứng ngộ của Thầy?

03.

- Chưa giải thoát, mất thân.
- Thiền không thông dụng.
- Thành tựu của Thầy.
- Đời sống an lành.
- Giữ nghi tình khỏi quên.
- Nghi đến lúc nào vỡ.
- Trực chỉ nhân tâm.
- Sao Thầy thông kinh điển?
- Điều tâm vào không.
- Sở tri và phiền não.
- Công đức và phước đức.
- Truyền tâm ấn.
- Thành Phật làm chi.
- Phương tiện đánh hết.
- Đủ sáu thân thông - Công hiệu nhất.
- Lời khai thị II.
- Không thiền mà tu Tịnh độ.
- Nhược hữu chúng sanh.
- Thắc mắc nguyện vọng.
- Thắc mắc cõi Cực Lạc.
- Đè nén và không đè nén .
- Thu và rời tất cả niệm.
- Cầu siêu, cầu an, cầu phước.

04.

- Thiền lợi ích cho người.
- Nóng và lo có bớt không.
- Bị tâu hỏa nhập ma.
- Câu thoại thấy nhạt nhẽo.
- Cách gì tâm khỏi bị phân tán?
- Ngồi thiền bao nhiêu lâu?
- Nghi của Thiền sư và khoa học?
- Chú phải công án không?
- Hiểu câu chú - Chưa đắc đã chết.
- Tin thọ mạng của Như lai.
- Niệm Phật tạo nhân duyên.
- Định ở trong động.

- Làm sao tu cho đúng.
- Căn cơ chúng con yếu.
- Thiền ảnh hưởng đến hành giả.
- Chưa thanh tịnh có hại không?
- Vai trò của các thức.
- Thiền của mình đúng nhất.
- Phẩm nào, nói nhân nghi quả ngộ?
- Ngộ rồi cần phải tu.
- Huệ Năng tu pháp môn gì.
- Thiền nên niệm Phật cầu tha lực.
- Thiền lúc lái xe và đi bộ.
- Nghịch di chuyển.
- Mình định cho việc này.
- Thi tiền thân thông.
- Hạ, trung căn theo thượng thừa.
- Cuồng vọng thuyết pháp.
- Lời khai thị III.
- Hương công và Thái cực quyền.
- Bộ lạc Nam Mỹ.
- Trường sanh - Chân lý.

05.

- Cầu cơ.
- Bộ lạc Cogy ngồi 9 năm.
- Giống như đại ngã.
- Thái cực như Phật giáo.
- Phải do nghiệp lực không?
- Cùng cái khó, sau hết khó.
- Giác ngộ là gì?
- An thân lập mạng – Không.
- Thái cực quyền.
- Tâm linh và Linh hồn.
- Tứ tượng.
- Vô ngã - Phương tiện.
- Càng biết càng khổ.
- Thời gian không có chăng?
- Vi sao Thầy trở nên tu sĩ?
- Cái gì quan trọng nhất?
- Tuyệt đối là đối đãi.
- Biết của Thượng Đế vô hạn.
- Đại nhân bất nhân.
- Phẩm Phổ Môn.
- Xưa ngộ nhiều hơn nay.
- Pháp tu khác để phù hợp.
- Sao nay không dùng cơ xảo.
- Tịnh độ Đài Loan.
- Thiền thỏa mãn người trí không?
- Tìm đến đạo Phật.
- Nhìn không được.
- Tinh tấn, dài dài và vô ký.

- Giết hại cho là anh hùng.
- Tu hai ba pháp cùng lúc.

06.

- Phản văn văn Tự tánh.
- Ở nhà giữ cháu.
- Thế nào là tham thiền?
- Tâm tánh - Chuyện cần.
- Cần ngòi thiền không?
- Chết trẻ và chết già.
- Không tội lại chết sớm.
- Tự tử - Đầu thai.
- Chánh niệm - Khó truyền.
- Mật tông - Thiền quán.
- Điên đảo của Nhị thừa.
- Bình thường tâm - Chánh pháp nhãn.
- Hiện lượng.
- Đương thế - Đuổi vọng tưởng.
- Lập đi lập lại câu thoại đầu.
- Bồ Tát - Sau có Bát nhã.
- Thiền Phật với ngoại đạo.
- Tu giống như cây khô.
- Điều thân.
- Bảy tuần thất thừa.
- Độ chúng sanh không chúng sanh.
- Bốn loài chúng sanh.
- Minh và vô minh.
- Luật tông.
- Giới luật.
- Thường kiến và đoạn kiến.
- Không biết pháp mà biết đạo.
- Không phương tiện sao đi.
- Chấp thật phá chấp thật.
- Thiên thượng thiên hạ.
- Nói hay nín - Tri chi nhưt tự.
- Thiên thai và Duy thức.
- Long Thọ.
- Thực hành vô trụ.
- Cành hoa - Công án.
- Ngộ Bồ Tát và Phật.

07.

- Tiểu ngộ - Bảo nhậm.
- Tập khí xuất thế gian.
- Bất lạc và bất muội.
- Gỗ đầu cá ba cái.
- Dùng pháp chiêm bao thức tỉnh.
- Pháp khác để thích hợp.
- Tùy duyên - Không Phật thì tới.
- Cấm địa - Giúp người.
- Ai làm ra luật nhân quả?

- Gà và trứng - Kiếp không.
- Hơi thở.
- Lục Tổ dạy đồ chúng.
- Tối thượng thừa thiên.
- Vô sở hữu.
- Sắc chẳng khác không?
- Thập mục ngư đồ.
- Kiến tánh chưa thành Phật.
- Kiến tánh chưa ấn chứng.
- Chưa bảo nhậm - Đốt thành tro.
- Không và không đại.
- Đúng pháp Tổ sư thiên.
- Vọng tưởng, nhứt đầu.
- Cái áo, cây gậy.
- Tánh không.
- Tịnh độ.
- Bình đẳng còn ăn thịt.
- Thiền giản dị sao thành Phật.
- Tiểu thừa và Đại thừa.
- Thuận chúng sanh - hơi thở trút hết.
- Đại thừa là nhập thế.

08.

- Không ai độ ai - Hóa thành.
- Niết bàn - Tãng sữa đường lộ.
- Đại khai viên giải.
- Y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa.
- Y pháp bất y nhân.
- Y trí bất y thức.
- Dứt phiền não - Nghĩa ba câu.
- Đọc sách với tham thiền.
- Ghiền đọc sách.
- Về một- Vô thủy vô minh.
- Đa tâm đến thiểu tâm.
- Nghĩ tình từ từ thành khối.
- Chiêm bao theo Duy thức.
- Phá Sơ quan rồi chết.
- Bùi Hưu ngộ cái gì?
- Đến gần kiến tánh.
- Sơ tham có lão tham hướng dẫn.
- Bồ Tát giới.
- Độ chủ nợ - Làm từ thiện.
- Tam luân thể không.
- Khất thực.
- Cần nghi tình, không cần đáp.
- Tham và khán thoại - An lạc hiện tại.
- Niệm chú.
- Chùa Cao Môn.
- Chùa đó thuộc của ai?
- Nghĩ đến câu thoại đầu.
- Tham thiền ở công sở.

- Tổ sư thiên kèm trì chú.
- Sao nhất định tái sanh 7 lần?
- Bói toán - Quan trọng Tổ sư thiên.

09.

- Dụng công sai - muốn là sở cầu.
- Tự tâm là bả sanh- Tu để làm chi?
- Gạt bỏ ý thức.
- Nhà có đèn dụ tánh biết.
- Lục Diệu Môn.
- A La Hán - chấp có và không.
- Bồ Đai Hòa Thượng.
- Phá công án.
- Không sợ chết.
- Viên Ngộ - Đại Thông Trí Thắng Phật.
- Thúc đẩy để tinh tấn.
- Thấy mất tất cả.
- Năm xưa nghèo.
- Tổ sư thiên và Như lai thiên.
- Hiểu giáo lý.
- Bắc Câu Lưu châu- Tinh thức.
- Thông minh từ cảnh.
- Bạch tượng đeo chuỗi ngọc.
- Các tướng đều thường trụ.
- Số lượng chúng sanh chẳng biết.
- Lửa tắt - Định nghiệp.
- Thằng chết- Niệm Phật.
- Không nói chỗ nào ăn chay.
- Bát Quan Trai và người Tòng Lâm.
- Sao biết mình kiến tánh.
- Muốn xuất gia - Xuất gia để ngộ.
- Dành cho người khờ ngốc.
- Chẳng chấp lý bỏ sự.
- Nhân khổ quả phước - Diệt tận định.
- Đạo lợi hành vô tận.

LỜI NÓI ĐẦU

Thiên là gì?

Đối với pháp tương đối mà nói, Thiên là một tổng danh làm phương pháp đình chỉ vọng tâm; nhưng đình chỉ vọng tâm có hai đường lối:

- Thiên ngoại đạo và Thiên phàm phu (có tính chất chấp ngã).
- Thiên tiểu thừa, Thiên trung thừa, Thiên đại thừa và Thiên tối thượng thừa (có tính chất phá ngã chấp).

Đối với pháp tuyệt đối, Thiên là tất cả các pháp, các pháp tức là Thiên; cảnh giới này chỉ có người chứng ngộ triệt để mới thấy rõ. Còn người chưa chứng ngộ, có người không tin hay có tin nhưng còn nghi ngờ.

Bởi vậy, Hòa thượng Duy Lực mang Thiên tối thượng thừa (Tổ sư thiên) gieo duyên những người phương tây và giải đáp thắc mắc cho họ được có niềm tin vững chắc nơi tự tâm mình, rồi thực hành để đạt đến cảnh giới tuyệt đối.

Nay chúng tôi chép lại những cuốn băng đầu của Ngài thuyết giảng tại Hoa Kỳ, việc làm này không khỏi sự sai sót; nếu các vị độc giả phát hiện, xin chỉ giáo cho.

Người thực hiện: Thích Đồng Thường.

01

Lời khai thị I:

Tôi chuyên tu Tổ sư thiên và chuyên hoằng Tổ sư thiên. Hôm nay, giảng về đề tài “Phương Pháp Tự Ngộ Của Thiên Tông”. Thiên tông khác hơn các thiên khác, do đức Phật Thích Ca đích thân truyền, là pháp thiên trực tiếp không qua văn tự lời nói. Các thiên nói trong kinh điển đều qua văn tự lời nói, gọi là pháp thiên gián tiếp.

Pháp thiên trực tiếp do đức Phật Thích Ca đích thân truyền cho Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Diếp truyền cho A Nan, A Nan truyền cho Thương Na Hòa Tu, từ Tổ từ Tổ truyền xuống Bồ Đề Đạt Ma là thứ 28. Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Quốc làm sơ tổ, truyền cho nhị tổ Huệ Khả, Huệ Khả truyền cho tam tổ Tăng Xán, Tăng Xán truyền cho tứ tổ Đạo Tín, Đạo Tín truyền cho ngũ tổ Hoằng Nhẫn, Hoằng Nhẫn truyền cho lục tổ Huệ Năng.

Tổ Huệ Năng danh tiếng truyền khắp Trung Quốc, tính từ Ấn Độ đến Trung Quốc thì Huệ Năng là Tổ thứ 33. Trước kia mỗi Tổ kiến tách chỉ truyền năm bảy người, đến Lục Tổ có 43 người kiến tách, cháu của Lục Tổ là Mã Tổ có 139 người kiến tách. Cho nên, Thiên tông gọi là Tổ sư thiên với 4 chữ “từ nghi đến ngộ”.

Nghi là nhân, ngộ là quả; có nghi mới có ngộ, nên nói bất nghi bất ngộ; nghi nhỏ ngộ nhỏ, nên nói tiểu nghi tiểu ngộ; nghi lớn ngộ lớn, nên nói đại nghi đại ngộ. Muốn ngộ phải có nghi, nếu không có nghi thì không được ngộ; không những pháp xuất thế gian có nghi có ngộ, mà pháp thế gian cũng vậy.

Như nhà khoa học Newton thấy trái bôm từ trên cây rớt xuống đất, ông nghi tại sao không rơi trên trời? Từ đó, ông nghiên cứu phát minh được hấp dẫn lực của vạn hữu. Phát minh của nhà khoa học cũng do nghi mới ngộ, nhưng cái nghi của nhà khoa học gọi là hồ nghi. Cái nghi của Thiên tông gọi là chánh nghi.

Tại sao gọi là hồ nghi? Hồ nghi phải qua bộ óc nghiên cứu tìm hiểu được ngộ. Còn chánh nghi không qua bộ óc nghiên cứu tìm hiểu mà giữ nghi tình, cuối cùng nghi tình bùng vỡ thì ngộ. Vì vậy, gọi là phương pháp tự ngộ.

Tại sao nói là phương pháp tự ngộ? Tự ngộ giống như thức tỉnh chiêm bao. Chiêm bao có hai thứ: mở mắt chiêm bao và nhắm mắt chiêm bao. Nhắm mắt chiêm bao là một thức thứ 6 biến hiện (độc đầu ý thức biến hiện). Mở mắt chiêm bao do hai thức đồng thời biến hiện. Nói chung là “nhất thiết duy tâm tạo”.

Tại sao gọi là nhắm mắt chiêm bao? Nhắm mắt chiêm bao mà quý vị đều có kinh nghiệm, ban đêm ngủ trên giường, chiêm bao thấy thân chiêm bao tiếp xúc thế giới chiêm bao. Như tiếp xúc cái tách, cái bàn... đều có thật chất, tiếp xúc cái gì đều có thật chất cái nấy, tiếp xúc nóng lạnh biết nóng lạnh, thân chiêm bao bị đánh cũng biết đau.

Giả sử trong chiêm bao có một vị thiện tri thức giải thích cái tách, cái bàn... đều không thật, luôn cả thân chiêm bao của ông cũng không thật. Người chiêm bao không thể tin. Tại sao? Người chiêm bao nói “tôi tiếp xúc cái nào cũng thật chất, nếu nói thân tôi không thật, vì sao người ta đánh tôi biết đau?” Nhưng khi thức dậy, tự mình chứng tỏ, hồi nãy những cái thật đó bây giờ ở đâu! Tìm không ra, luôn cả thân chiêm bao cũng không tìm được.

Đang chiêm bao, đồ vật trong phòng không thấy, lại thấy xa, thấy bên Tây, Việt Nam... Vì 5 thức trước (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) ngưng nghỉ hoạt động, 5 thức trước là đối với tiền trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc). Ý căn (thức thứ 6) biết xa, biết quá khứ, biết vị lai; nên biến hiện nhắm mắt chiêm bao.

Tôi đang giảng, các vị đang nghe là ở trong mở mắt chiêm bao. Mở mắt chiêm bao gọi là đồng thời ý thức biến hiện. Tại sao gọi là đồng thời ý thức biến hiện? Vì 5 thức trước đang hoạt động, như nhĩ thức nghe được tiếng, nhưng không biết tiếng gì, tiếng người, tiếng chim, tiếng đàn bà, tiếng đàn ông... đều không biết; phải có thức thứ 6 đồng thời nổi lên, mới phân biệt được tiếng đàn ông, tiếng đàn bà, tiếng chim... Nếu chỉ có thức thứ 6 thì không nghe được tiếng, lấy cái gì để phân biệt? Cho nên phải có nhĩ thức nghe tiếng, rồi thức thứ 6 phân biệt. Hai cái thức đồng thời nổi lên biến hiện mở mắt chiêm bao.

Nhưng nhắm mắt chiêm bao, mình ngủ đã rồi tự thức dậy; còn mở mắt chiêm bao không bao giờ thức tỉnh, phải trải qua tu đúng lời dạy của Phật Thích Ca (pháp thiên trực tiếp là Tổ sư thiên), sau này tự thức tỉnh gọi là kiến tánh thành Phật.

Chưa thức tỉnh tiếp xúc cái gì cũng thấy thật chất, như nhắm mắt chiêm bao vậy. Dầu cho Phật Thích Ca giải thích cái này cái kia đều không thật, chúng ta không thể tin. Như Phật nói trong Bát Nhã Tâm Kinh “vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp”. Cái nào cũng không có, nhưng tuyệt đối không phải không có. Chữ vô là không thật, có mà không thật. Lục căn, lục trần, lục thức đều chẳng thật; cho đến Tứ Diệu Đế (khổ, tập, diệt, đạo) của Phật dạy chẳng thật, Thập Nhị Nhân Duyên (từ vô minh đến lão tử) dùng chữ vô quét sạch là không thật, trí huệ Bồ Tát cũng vô (vô trí diệt vô đắc); tức theo bộ óc nhận thức đều phải tẩy sạch.

Cái biết chân thật của Phật tánh, gọi là chánh biến tri. Tại sao gọi là chánh biến tri? Chánh là đúng với thực tế, biến là phổ biến khắp không gian thời gian, tri là biết. Cái biết của bộ não biết được chỗ này lại không biết chỗ kia, nên không cùng khắp không gian thời gian. Biết cùng khắp không gian không có khứ lai, gọi là Như lai; biết cùng khắp thời gian không có gián đoạn, không có sanh diệt nên gọi là Niết bàn.

Tại sao Thiên tông phải tự ngộ? Phật Thích Ca đã ngộ nói cho biết được thì mình khỏi tu. Vì cái này không thể nói, tự mình phải tự ngộ. Như ở trong chiêm bao tự thức tỉnh, tất cả khổ trong chiêm bao tự dứt, đạt đến tự do tự tại.

Sơ lược phương pháp tự ngộ, cơ bản có 2 yếu tố: tin tự tâm và phát nghi tình.

Thế nào là tin tự tâm? Mình phải tin tự tâm như lời Phật Thích Ca nói “Phật tánh bình đẳng bất nhị”, Phật tánh của mình và Phật tánh của Phật Thích Ca bằng nhau, không khác. Cho nên, tất cả thần thông trí huệ của Phật tánh mình bằng với Phật Thích Ca, không kém hơn một chút nào. Nếu kém hơn một chút thì có cao thấp là không bình đẳng. Có cao thấp là nhị, trái với lời Phật Thích Ca. Vì vậy, mình phải tin tự tâm đầy đủ, mới phát huy hết tự tâm. Nếu không tin làm sao phát huy hết tự tâm, phát hiện tự tâm gọi là tự ngộ.

Muốn phát hiện tự tâm phải làm sao? Yếu tố thứ nhì là khởi nghi tình. Tại sao gọi là nghi tình? Nghi là không hiểu không biết, một việc gì đã hiểu đã biết thì hết nghi, hết nghi không phải tham thiền. Tham thiền rất chú trọng cái nghi, Thiền tông gọi là nghi tình. Cho nên, tham là nghi, nói một cách khác là dùng cái không biết của bộ óc, để chấm dứt tất cả biết của bộ óc.

Muốn phát khởi nghi tình, phải hỏi câu thoại đầu. Như “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Bây giờ có trời đất có ta ở đây, khi chưa có trời đất ta là cái gì? Không biết, không biết là nghi tình. Thiền tông chỉ giữ cái không biết của bộ óc để chấm dứt tất cả biết của bộ óc, đến chừng cái biết của bộ óc chấm dứt hết, cuối cùng cái không biết của bộ óc bùng vỡ thì cái không biết của bộ óc cũng tan rã, biết và không biết đều sạch hết thì cái biết Phật tánh hiện lên, gọi là kiến tánh thành Phật.

Cái biết của bộ óc là tướng bệnh, nên không cùng khắp, biết chỗ này không biết chỗ kia. Cái biết Phật tánh cùng khắp không gian thời gian. Cái biết bộ óc ngủ mê không biết, chết giấc không biết, chết rồi không biết. Cái biết Phật tánh thì ngủ mê vẫn biết, chết giấc cũng biết, chết rồi cũng biết.

Nếu chết rồi không biết thì không cùng khắp thời gian, cùng khắp thời gian nên lúc nào vẫn biết. Cùng khắp không gian cũng vậy, như kinh Phật nói “ở ngoài hằng sa thế giới, có một giọt mưa cũng biết; vô lượng chúng sanh có một chúng sanh nổi lên một niệm cũng biết”. Nếu không biết là thiếu sót, không phải cùng khắp không gian.

Phương pháp tự ngộ Thiền tông rất giản dị, rất dễ. Trong lịch sử Thiền tông có “con nít sáu bảy tuổi và bà già tám chín chục tuổi đều tham thiền được”. Vì muốn biết rất khó, còn không biết rất dễ, người nào cũng làm được; chỉ giữ cái không biết là hỏi câu thoại đầu.

Nếu giữ cái không biết được một phút thì một phút không phiền não, giữ được một tiếng thì một tiếng không phiền não... Tại sao? Vì Bộ óc không biết, làm sao có phiền não để cho mình biết! không biết phiền não tự nhiên không có phiền não.

Nhưng lúc thực hành phải hỏi khít khít, vừa hỏi dứt hỏi nữa; nếu hỏi rồi một hồi hồi nữa thì có kẻ hở, phiền não ở nơi kẻ hở nổi lên. Vọng tưởng nổi lên không được thì tâm mình được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh hiện ra cái dụng, cái dụng là do cái tâm.

Người đời coi “không môn” là tiêu cực, cho rằng tu sĩ chán đời đi xuất gia. Sự thật, chữ không của Phật pháp rất tích cực hiển bày cái dụng. Nếu không có không thì không có dụng. Cho nên, ngài Long Thọ nói “vì có nghĩa không nên được thành tựu tất cả pháp”.

Như cái tách lắp bít, không có khoảng trống thì không để đựng nước, sữa... vì có cái không mới dùng được. Cái bàn không có cái không chẳng thể để đồ, cái ghế không có cái không chẳng thể ngồi... Muốn dùng phải có cái không, không rộng chừng nào thì cái dụng nhiều chừng nấy.

Tin tự tâm cùng khắp không gian thời gian, không gian thời gian mênh mông, làm sao chúng tỏ cùng khắp. Tâm mình không có hình tướng, không có âm thanh, làm sao cho mình biết cùng khắp? Tôi mượn ánh sáng đèn thí dụ cho quý vị hiểu được cùng khắp không gian thời gian. Ánh sáng đèn ở đây có một hai, ba, bốn... mỗi cây đèn có ánh sáng đều cùng khắp không gian (người học khoa học cũng biết ánh sáng cùng khắp không gian).

Bây giờ, chỉ nói ánh sáng cùng khắp hội trường này. Nếu đã cùng khắp thì sự tương đối không có (Đại Thừa Tuyệt Đối Luận nói là tuyệt đối). Nguồn gốc của tương đối là có và không có, tất cả phát sanh tai họa do có ngã chấp, ta muốn hơn người, ta muốn

hưởng nhiều hơn người, cái gì cũng muốn hơn người, nên tranh giành với nhau, xảy ra xung đột đổ máu.

Phát hiện được bản thể cùng khắp không gian thời gian thì sự tương đối không còn. Như ánh sáng đèn nào cũng cùng khắp, có ngã và vô ngã không thể thành lập. Tại sao? Thay cho đèn số 1 là ta (ngã), nếu có ngã thì quý vị chỉ ra ánh sáng nào thuộc về cây đèn số 1 của ta? Vì ánh sáng cùng khắp nên chỉ không ra, vậy ngã không thể thành lập. Nói vô ngã thì chỉ chỗ nào không có ánh sáng đèn số 1 của ta? Cũng chỉ không ra, vì đã cùng khắp.

Hiện nay, có một hai trăm người là một hai trăm Phật tánh, một hai trăm cái đèn cùng khắp như ánh sáng đèn vậy, khi cùng khắp thì không có chỗ để chỉ. Cái biết của Phật tánh là chánh biến tri cùng khắp không gian thời gian, không có hình tướng để nhận biết. Cái biết của bộ óc không cùng khắp không gian thời gian.

Tôi lấy cơ thể này mà quý vị thấy trước mắt, có thể nhận biết được. Cái biết của lớp da là cảm giác của lớp da. Cảm giác lớp da của cơ thể có cùng khắp cơ thể không? Cảm giác lớp da có phải là biết không? Nếu cảm giác lớp da là biết cùng khắp cơ thể này thì không có chỗ búng. Tại sao? Nếu có chỗ búng, vậy búng tay tay biết, búng đầu đầu biết, những chỗ không búng không biết. Những chỗ không búng mà không biết, làm sao gọi là cùng khắp! Đây thuộc về không gian.

Cùng khắp thời gian thì không có lúc búng. Nếu lúc búng mới biết, không búng không biết không được gọi là cùng khắp thời gian. Do nhận thức của bộ óc sai lầm cho là chỗ búng mới có cảm giác, chỗ không búng thì không có cảm giác. Kỳ thật, chỗ búng có cảm giác, chỗ không búng cũng có cảm giác; luôn luôn ngày đêm có cảm giác, búng hay không búng cũng có cảm giác khắp không gian của cơ thể.

Nhưng bộ óc có thói quen cho là chỗ búng mới biết, chỗ không búng không biết; lúc búng mới biết, lúc không búng không biết. Đó là do bộ óc nhận thức sai lầm. Cái biết của Phật tánh cũng vậy, luôn luôn cùng khắp, không có lúc nào không biết, không có chỗ nào không biết.

Quý vị muốn thực hành phương pháp tự ngộ của Thiên tông, phải tin tự tâm cùng khắp không gian thời gian, tất cả thần thông trí huệ năng lực sẵn sàng, không kém hơn Phật Thích Ca một chút nào. Nhưng Phật Thích Ca dùng ra cùng tột khắp không gian thời gian, vì không có cái gì làm chướng ngại. Còn của mình mặc dù có sẵn đầy đủ, nhưng có cái không thể dùng ra; vì bị tham sân si, phiền não nhét đầy; không còn chỗ trống để hiện ra cái dụng.

Tham Tô sư thiên là hỏi câu thoại đầu khởi lên nghi tình (không biết), là cây chổi tự động quét trống tất cả; mình khởi cần khởi niệm muốn quét, quét trống bao nhiêu có sức dụng hiện bấy nhiêu. Như Trương Quốc Anh là túc cầu viên làm thủ môn, lúc khởi nghi tình thì bộ óc không biết, không thấy trái banh mà chụp được trái banh, nên không có trái nào lọt vào cửa. Cô Hằng Thiên thợ may, vừa cắt vải vừa tham thiên khởi nghi tình mà không cắt lộn; người em hỏi mấy phen mấy tấc, cô trả lời không biết. Vô lý! Không biết làm sao cắt? Sự thật, bộ óc không biết nhưng không cắt lộn.

Chúng tỏ cái biết của Phật tánh hiện ra dùng, không qua bộ óc mà hoàn thành công việc của bộ óc. Như Ổ Việt Nam có Phật tử đang tham thiên mà dạy anh văn, tự mình giảng bài không biết giảng cái gì; nhưng học trò nghe giảng rất hay, không có giảng lộn. Vì vậy, Phật Thích Ca đích thân truyền pháp môn này, gọi là pháp thiên trực tiếp, rất giản dị, dễ thực hành, thấy mau có kết quả, cuối cùng được tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ. Bây giờ, mình không được tự do tự tại, vì không biết mình là gì? Tham thiên đến giác ngộ, biết mình là gì thì làm chủ được mình, nên tự do tự tại. Ông

Newton phát minh lực hấp dẫn, chỉ có giá trị ở thế gian; nhưng không phát minh chính mình, nên không tự chủ được, không giải thoát tất cả khổ. Thiên tông phát minh được chính mình, làm chủ cho mình thì tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ.

Hỏi: Làm sao thoát khỏi Thập Nhị Nhân Duyên?

Đáp: Thập Nhị Nhân Duyên ở trong bốn thừa, thuộc Trung thừa, thừa này còn ở trong giai đoạn không chấp. Nếu tham Tổ sư thiên được một thời gian ngắn vượt qua Thập Nhị Nhân Duyên. Thập Nhị Nhân Duyên gồm có 2 thứ: Độc giác và Duyên giác.

Độc giác là ở trong thời kỳ không có Phật, tự mình quán hiện tượng vũ trụ đều xoay chuyển trong 12 nhân duyên từ vô minh đến lão tử. Phật nói trong Bát Nhã Tâm Kinh “vô vô minh, diệt vô vô minh tận; vô lão tử, diệt vô lão tử tận”. Vốn không có vô minh làm sao có vô minh hết! Có vô minh là chúng sanh, vô minh hết là thành Phật. Phật nói rõ ràng không có vô minh, cũng không có vô minh hết; không có lão tử, cũng không có lão tử hết. Có lão tử là sanh tử luân hồi, hết sanh tử luân hồi gọi là Niết bàn. Nhưng sự thật, vốn không có vô minh, không có lão tử thì lấy cái gì để hết! Phương tiện của Phật đối với những người không tin Đại thừa, nên bắt đấng dĩ giảng Tứ Diệu Đế và Thập Nhị Nhân Duyên. Nếu tham Tổ sư thiên là vượt qua Thanh văn, Duyên giác, vì bước đầu tiên là nhìn chỗ thoại đầu. Tại sao gọi là thoại đầu? Thoại là một lời nói, đầu là trước khi chưa khởi niệm muốn nói câu thoại, gọi là thoại đầu; tức là trước khi một niệm chưa sanh là thoại đầu.

Khi một niệm chưa sanh, ở trong Phật pháp gọi là vô thi vô minh. Tham thiên là nhìn ngay vô thi vô minh, vô minh là không sáng (đen tối), nhìn chỗ mịt mù đen tối, rồi đề lên câu thoại đầu. Như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” để kích thích niệm không hiểu không biết (nghi tình).

Hỏi: Có bao nhiêu loại thiên? Có người ngồi thiên, thân xác bay bổng trên mặt đất, việc ấy ra sao? Làm sao để biết tu có kết quả?

Đáp: Tổ sư thiên khác hơn tất cả thiên, gọi là pháp thiên trực tiếp. Còn các thiên kia phải qua văn tự lời nói và thường ngồi. Tổ sư thiên không qua văn tự lời nói, như Phật Thích Ca truyền cho sơ tổ Ma Ha Ca Diếp, chỉ đưa lên một cành hoa mà không nói, rồi Ma Ha Ca Diếp ngộ cũng không nói, chỉ mỉm cười.

Pháp thiên gián tiếp rất nhiều, người ta thường nói là ngồi thiên; Tổ sư thiên không cần ngồi, đi đứng nằm ngồi, làm việc bằng tay chân hay làm việc bằng trí óc đều tham thiên được, cho đến ăn cơm, đi cầu, ngủ mê vẫn tham. Như Trương Quốc Anh đang đá banh vẫn tham, cô thợ may đang cắt vải cũng tham, bác sĩ Thuận đang lái xe vẫn tham, từ Rạch Giá đến Sài Gòn, không để ý xe nhưng không bị đụng xe. Tôi biết có 2 tài xế lái xe khách Sài Gòn - Chợ Lớn chở mười mấy người, khởi lên nghi tình không để ý xe, nhưng không bao giờ đụng xe. Trước kia chưa tham thiên thường bị cảnh sát thổi phạt, sau này tham thiên không những không đụng xe, mà không bị thổi phạt.

Hỏi: Thế nào phiền não tức Bồ đề?

Đáp: Tự tánh bình đẳng bất nhị, Phật tánh của mình cùng khắp không gian thời gian; ngoài không gian không có không gian, ngoài thời gian không có thời gian. Nói bất nhị không phải là một, nếu có một thì phải có hai, có ba cho đến muôn ngàn. Phiền não do bộ óc nhận thức rồi biết thành có phiền não. Nếu tham thiên có nghi tình thì bộ óc không biết nên không có phiền não, Bồ đề cũng không biết thì không có Bồ đề.

Vậy phiền não và Bồ đề không khác.

Do bộ óc nhận biết phân biệt thành ra khác, giữ được nghi tình thì phiền não tức Bồ đề, Bồ đề là phiền não. Vì không biết nên không còn phân biệt, không có tương đối;

như ánh sáng của đèn vậy. Ánh sáng cùng khắp, không còn tương đối; Bồ đề, sanh tử, Niết bàn, có và không... đều là tương đối. Cho nên, nói phiền não tức Bồ đề.

Hỏi: Trên đường muốn chứng ngộ thiên, hành giả phải vượt qua 3 trở ngại là 3 quan ái: Đồi thiện quan, Sơn hải quan và Nhạn môn quan. Xin Thiên sư cho biết có phải đúng như vậy hay không? Nếu đúng, nói như thế có nghĩa gì? Về lý, tại sao đặt ra những cái tên gọi như vậy? Về sự, khi vượt chướng ngại thì môn chứng cảnh là những môn gì, mà cho là ngộ thiên hay là chứng thiên?

Đáp: Ba danh từ đó là những người không biết Tổ sư thiên mà nói, chứ không phải Tổ sư thiên. Ba cửa ái của Tổ sư thiên là Sơ quan, Trùng quan, Mạc hậu lao quan. Trong Thiên Thất Khai Thị Lục của ngài Lai Quả có nói 3 quan ái này. Tham câu thoại đầu đến nghi tình bùng vỡ được phá Sơ quan, cũng gọi là phá bồn tham; rồi tiến lên một bậc nữa là phá Trùng quan, tiến lên một bậc nữa là phá Mạc hậu lao quan. Đó là tùy theo mỗi người mỗi khác, có người ngộ một cái là thấu 3 cửa; tức là thấu qua Mạc hậu lao quan. Có người chia làm 3 lần, Sơ quan, Trùng quan rồi Mạc hậu lao quan. Có người thấu trước 2 quan rồi thấu 1 cái, có người thấu trước 1 cái rồi sau thấu thêm 2 cái, mỗi người mỗi khác.

Nói đến chỗ này phải nói đại ngộ và tiểu ngộ. Ví dụ cây viết, đầu trên cây viết là thoại đầu, đầu dưới cây viết là thoại vĩ. Bắt đầu tham là rời thoại vĩ nhưng chưa đến thoại đầu, ở giữa đường, đường này là đường đi ý thức. Một ngày kia đến thoại đầu, câu thoại tự mất, chỉ còn có nghi tình, đến chỗ này là đường đi ý thức đã hết, ở trước thanh thanh tịnh tịnh, không còn cái gì, chỗ này gọi là vô thi vô minh, cũng là nguồn gốc của ý thức, Thiên tông gọi là đầu sào trăm thước. Chỗ này còn dính líu ý thức, nhưng ngộ thì lia ý thức. Lúc sát na lia ý thức là kiến tánh, ngài Lai Quả nói “lia ý thức là lọt vào hư không té xuống cho chết, rồi sống lại”, Thiên tông gọi là “tuyệt hậu tái tô”.

Chết có 2 thứ: tiểu tử tiểu hoạt và đại tử đại hoạt. Tại sao gọi là tiểu tử tiểu hoạt? Tức là tiểu ngộ chỉ phá Sơ quan hay Trùng quan, té mặc dù chết nhưng còn xác, rồi sống gọi là tiểu tử tiểu hoạt. Đại tử đại hoạt là té xuống chết, cái xác tan rã hết. Cái xác không phải cái xác thật là để thí dụ cảnh giới ngộ, nhưng ngộ rồi còn ôm cảnh giới ngộ, nên chướng ngại cái dụng, gọi là tiểu tử tiểu hoạt. Đại tử đại hoạt là ngộ triệt để không còn cảnh giới ngộ. Cho nên, nói ngộ rồi đồng như chưa ngộ. Vì có ngộ phải có mê, đã triệt ngộ là hết mê thì hết ngộ; nếu còn ngộ tức còn mê, còn tương đối. Đại ngộ không còn ngộ là không trụ nơi Niết bàn, vì có sanh tử nên có Niết bàn. Đến chỗ cứu kính, Niết bàn cũng không còn. Trụ nơi Niết bàn, kinh Kim Cang gọi là Thọ giả tướng, kinh Viên Giác gọi là Thọ mạng tướng, trong Thiên tông gọi là mạng căn chưa dứt (mạng căn còn ở trong thời gian).

Người triệt ngộ được vô sở trụ hiển bày cái dụng. Cái tay dụ cho Phật tánh của mình là hoạt bát vạn năng, muốn lấy cái tách, mặt kiến... đều được. Nếu tay có sở trụ, như trụ mặt kiến thì hoạt bát vạn năng bị mất, lấy cái tách, cái bóp... đều không được. Tay buông mặt kiến để khôi phục hoạt bát vạn năng lại, lấy cái gì cũng được. Cái này là pháp có, nhưng lại trụ nơi không, trong tay không có cái gì, cũng là đánh mất hoạt bát vạn năng của tay, nên muốn lấy cái gì không được. Cho nên, cái không cũng phải quét, mới khôi phục hoạt bát vạn năng trở lại. Không trụ chỗ nào thì dùng ra cái hoạt bát vạn năng của tự tánh, nếu có sở trụ thì cái hoạt bát vạn năng tự tánh bị mất. Vì vậy, Pháp Bảo Đàn nói “lấy vô trụ làm gốc”, Vô trụ là bản thể của Phật tánh cùng khắp không gian thời gian, dụng cũng cùng khắp không gian thời gian. Nếu có sở trụ nên bị chướng ngại, ngộ rồi còn trụ nơi ngộ bị cái ngộ làm chướng ngại, gọi là tiểu tử tiểu hoạt.

Hỏi: Thiền sư nói phương pháp tự ngộ của Thiền tông rất dễ thực hành, xin Thiền sư cho biết muốn thực hành mỗi ngày phải làm thế nào?

Đáp: Cách thực hành tham thiền rất giản dị, chỉ tối ngày sáng đêm tự hỏi câu thoại đầu, hỏi chứ không phải niệm. Như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Cảm thấy không biết, gọi là nghi tình. Không biết này khác hơn không biết của người ngủ mê, người bệnh tâm thần, người chết giấc.

Những cái không biết kia không phải nghi tình. Không biết phối hợp với tánh ham biết của mình, tánh con người tự nhiên ham biết; hỏi câu thoại đầu cảm thấy không biết, mà không biết đụng chạm với tánh ham biết thành nghi tình; cho nên khác hơn không biết kia.

Không biết của ngủ mê, chết giấc, bệnh tâm thần đều không phải không biết của tham thiền. Đi cầu, tắm rửa, ăn cơm, ngủ mê, làm công việc bằng tay chân hay trí óc đều hỏi câu thoại. Rất khó là tính số, ở Việt Nam có một Phật tử tính số vẫn tham được, không lộn số. Tính số không có nguy hiểm, lái xe nguy hiểm, bác sĩ Thuận lái xe mà tham thiền không bao giờ đụng xe. Không phải mới tham mà làm được, phải tập qua một thời gian đến chừng nghi tình liên tục thật không biết, tự nhiên lái xe không đụng xe.

Hỏi: Thiền thoại đầu do Trung Hoa sáng lập hay đã có từ thời đức Phật ở Ấn Độ?

Đáp: Phật ở Ấn Độ truyền từ nghi đến ngộ, cái nghi đó không phải tham thoại đầu mới có nghi. Trước đời nhà Tống ở Trung Quốc không có tham công án, tham thoại đầu. Chư Tổ dùng cơ xảo đặc biệt để cho người tham thiền phát khởi nghi tình.

Phật giáo Việt Nam đều là dòng Lâm Tế, tổ Lâm Tế tên là Thiền sư Nghĩa Huyền. Ban đầu Ngài ở trong hội Hoàng Bá, Hoàng Bá là thầy truyền pháp của Lâm Tế. Ở đó 3 năm chuyên tham thiền không hỏi pháp, có một ngày Ngài gặp Thủ tọa Mộc Châu. Mộc Châu biết Lâm Tế sau này là một pháp khí lớn, nên ngày thường Mộc Châu đối với Lâm Tế rất tốt, Lâm Tế lấy làm cảm kích.

Mộc Châu hỏi: đến đây bao lâu rồi?

Lâm Tế đáp: được 3 năm.

Mộc Châu hỏi: có đi hỏi Phật pháp với Hòa thượng Hoàng Bá không?

Lâm Tế đáp: không có.

Mộc Châu hỏi: tại sao không đi hỏi?

Lâm Tế đáp: không biết hỏi gì.

Mộc châu nói: hỏi “thế nào là đại ý của Phật pháp?”

Lâm Tế nghe lời đi hỏi: thế nào là đại ý của Phật pháp?

Câu hỏi vừa dứt, Hoàng Bá đánh đập đuổi ra.

Lúc bị đánh đập đuổi ra là phát khởi nghi tình, nhưng tự mình không biết. Trong tâm cứ nghi tại sao tôi hỏi Phật pháp có lỗi gì, mà đánh đập đuổi ra?

Hôm sau gặp Mộc Châu, Mộc Châu hỏi: có đi hỏi không?

Lâm Tế đáp: có.

Mộc Châu hỏi: tại sao vậy?

Lâm Tế đáp: tôi vừa hỏi thì bị đánh đập đuổi ra, không biết tại sao?

Mộc Châu nói: nên đi hỏi lần nữa.

Lâm Tế nói: bị đánh đập đuổi ra, còn đi hỏi gì nữa!

Mộc Châu nói: kỳ này lại khác.

Lâm Tế hỏi: thế nào là đại ý của Phật pháp?

Câu hỏi vừa dứt thì Hoàng Bá đánh đập đuổi ra, nghi tình tăng thêm nhưng tự mình không biết.

Hôm sau nữa gặp Mộc Châu hỏi: có đi hỏi không?

Lâm Tế đáp: có.
Mộc Châu hỏi: thế nào?
Lâm Tế đáp: kỳ này giống như kỳ trước là bị đánh đập đuổi ra, cũng không biết tại sao?
Mộc Châu nói: hãy hỏi lần nữa!
Lâm Tế nói: thôi, còn hỏi gì nữa, đã hai lần bị đánh đập đuổi ra.
Mộc Châu nói: làm cái gì phải ba lần mới được, kỳ này chắc là đặc biệt.
Lâm Tế hỏi: thế nào là đại ý Phật pháp?
Câu hỏi vừa dứt, Hoàng Bá giận dữ đánh mạnh đuổi ra.
Lâm Tế không đợi gặp Mộc Châu, mà tự mình đến gặp Mộc Châu để từ giả “tôi không muốn ở đây nữa”, lúc đó nghi tình muốn bùng vỡ.
Mộc Châu đã biết và nói: muốn đi cũng được, nhưng phải từ giả Hòa thượng.
Lâm Tế đến Hoàng Bá từ giả ra đi.
Hoàng Bá nói: muốn đi đâu?
Lâm Tế đáp: chưa biết.
Hoàng Bá nói: khỏi cần đi chỗ khác, tôi chỉ cho: đến Cao An Thăng là chỗ ở Thiền sư Đại Ngu sẽ có ích cho ông.
Lâm Tế đến Đại Ngu. Đại Ngu hỏi: từ đâu đến?
Lâm Tế đáp: từ Hoàng Bá.
Đại Ngu hỏi: Hoàng Bá có dạy bảo gì chăng?
Lâm Tế kể ba lần hỏi Phật pháp, ba lần bị đánh đập đuổi ra, không biết lỗi ở chỗ nào?
Đại Ngu nói: Hoàng Bá vì ngươi mà từ bi như thế, lại hỏi lỗi chỗ nào!
Lâm Tế nghe liền ngộ thấu qua ba cửa, tức là phá luôn Mạc hậu lao quan.
Lâm Tế lập tức trở về Hoàng Bá, Hoàng Bá nói: đi đâu về mau vậy?
Lâm Tế đáp: ở Đại Ngu.
Hoàng Bá hỏi: Đại Ngu có nói gì không?
Lâm Tế kể chuyện Đại Ngu, Hoàng Bá nói: Đại Ngu sao nhiều chuyện quá! Sau này tôi gặp sẽ cho bạt tai.
Lâm Tế nói: khỏi cần đợi sau này.
Lâm Tế liền bạt tai Hoàng Bá, Hoàng Bá cười lên. Tại sao? Vì được một đệ tử để nói huệ mạng của Phật.
Đó là cơ xảo của Tổ sư, lúc đó không dạy tham thoại đầu. Đánh đập mạnh làm cho người tham học phát nghi mà tự mình không biết, gọi là vô tham hay chân tham. Ngài Lai Quả nói “vô tham tức là chân tham”, vô tham không phải không tham, lúc tham thiền mà không biết mình tham, gọi là chân tham. Mặc dù, không biết các thứ khác, mà còn biết mình tham thiền, không phải chân tham.
Bây giờ, tham thiền đến chân tham trải qua nhiều năm là do tham công án hay tham thoại đầu. Tham công án hay tham thoại đầu có sau này, vì cuốn sách Cảnh Đức Truyền Đăng Lục phổ biến; trong cuốn sách nói rõ các cơ xảo của các Tổ sư, người tham thiền đọc hiểu; Chư Tổ dùng cơ xảo cho người tham thiền không phát nghi được.
Thầy của Sùng Tín là Đạo Ngộ, Sùng Tín làm thị giả cho thầy đã mấy năm, thầy không có dạy bảo gì, ở trong tâm đã khởi nghi tình nhưng tự mình không biết. Một ngày kia, nghi tình nặng quá nên chịu không nổi, rồi từ giả thầy nói “con muốn đi chỗ khác học đạo, đi xuất gia là để giải thoát, mà ở đây mấy năm không thấy thầy dạy đạo, làm sao con giải thoát?”
Đạo Ngộ nói: tại sao nói tôi không khai thị? Ngày nào tôi cũng khai thị, mà nói tôi không khai thị!
Sùng Tín nói: Thầy khai thị gì đâu?

Đạo Ngộ nói: người bới cơm thì ta ăn, rót trà thì ta uống, đánh lễ thì ta gập đầu, chỗ nào mà chẳng khai thị!

Sùng Tín nghe liền ngộ triệt để.

Không khai thị cũng là một cơ xảo, chỉ cần người tham thiền khởi lên nghi tình. Có nghi là được ngộ. Trước kia mình tham nhưng không biết mình tham, nên mới mau ngộ; sau này những chuyện này đã ghi trong Truyền Đăng Lục, người tham thiền coi rồi, thầy có dùng cơ xảo cũng không có thể phát nghi được. Vì vậy, bắt đặc dĩ dạy tham công án, tham thoại đầu.

Bây giờ, người tham thiền đã biết mình tham phải trải qua nhiều năm mới được ngộ. Ngài Lai Quả xuất gia 24 tuổi, 28 tuổi kiến tánh; còn ngài Hư Vân phải trải qua mấy mươi năm mới được ngộ. Hiện nay, mình tham thiền đã biết mình tham thiền nên khó ngộ, người ngộ lại ít. Tuy ít người ngộ nhưng mỗi đời đều có người ngộ, như gần đây có ngài Nguyệt Khê, ngài Lai Quả, ngài Hư Vân; còn những người ngộ mà không biết cũng nhiều.

Hỏi: Tọa thiền có bắt buộc phải ngồi kiết già không hay ngồi cách nào cũng được?

Đáp: Tổ sư thiền không cần ngồi, ngồi thiền không phải tham thiền, tham thiền không phải ngồi thiền. Tham thiền không cần ngồi, ngồi cách nào cũng được. Khi đã thiền thất là nửa tiếng ngồi nửa tiếng đi, hồi trước không có đồng hồ nên dùng cây nhang đốt để ngồi, rồi hết cây nhang đốt cây nhang khác để đi. Lúc ngồi gọi là tọa hương, lúc đi gọi là đi hương; mà khi cần kiết già, muốn ngồi cách nào cũng được; tức là đi mỗi chân rồi lại ngồi, ngồi tê chân rồi đi. Ngồi và đi là điều thân, nên Lục Tổ trong Pháp Bảo Đàn nói “tâm tọa chứ không phải thân tọa”. Vì thân sau khi chết biến thành tro biến thành đất, ngộ là do tâm; tâm là không sanh không diệt, cho nên khi cần ngồi.

Hỏi: Làm thế nào để thức tỉnh trong mở mắt chiêm bao?

Đáp: Theo Đường Lối Thực Tham tổ Sư Thiền, theo đúng tông chỉ của Tổ sư truyền xuống, được thức tỉnh trong mở mắt chiêm bao (kiến tánh thành Phật), làm chủ cho mình được tự do.

Có hai công án sanh tử tự do:

-Có một Thiền sư kiến tánh đem cái hòm sắn, cùng đại chúng dùng tiệc trai; ăn xong Ngài vô trong hòm nằm, bảo đệ tử dậy nắp lại đóng đi đem đi thiêu; đệ tử thấy còn sống, đâu dám đóng đinh đem đi thiêu! Đệ hai ba ngày sau, đệ tử lên mở nắp hòm thấy Ngài ngồi dậy, mắng các đệ tử: tại sao các người theo tôi nhiều năm mà không tin lời tôi? Nếu tôi không được tự do sanh tử, làm sao tôi bảo các người dậy nắp đóng đinh đem đi thiêu? Sao các người ngu si vậy! Rồi đả tiệt ngu si, ăn xong, Ngài nói “kỳ này tôi vô dậy nắp lại, người nào mở nắp ra không phải đệ tử của tôi”. Ngài vô hòm rồi đệ tử dậy nắp lại, đóng đinh đem đi thiêu. Chứng tỏ Ngài được sanh tử tự do.

-Một Thiền sư kiến tánh ở trên núi, danh tiếng vang tới kinh thành, vua nghe được rồi sai một vị quan lớn, đến mời Thiền sư về kinh thành để vua hỏi pháp; mời hai lần không đi, vua nổi giận nói với quan lớn “lần này, mời Thiền sư không đi thì đem cái đầu ông ấy về, còn không lấy cái đầu của ông thay thế”.

Ông quan lên núi gặp Thiền sư năn nỉ “hai kỳ trước Thiền sư không đi không có sao, lần này nếu Thiền sư không đi, nhà vua bảo tôi đem cái đầu Ngài về; Tôi không dám lấy đầu của Ngài, nên lần này ráng cố gắng đi”.

Thiền sư hứa đi, hỏi các môn đồ: lần này tôi đi, có người nào muốn đi theo tôi không?

Một đệ tử nói: con muốn theo thầy đi.

Thiền sư hỏi: một ngày, người đi bao nhiêu dặm?

Đệ tử đáp: được 50 dặm.

Thiền sư nói: không được.

Đệ tử khác nói: con theo thầy đi.

Thiền sư hỏi: một ngày, người đi bao nhiêu dặm?

Đệ tử ấy đáp: được 70 dặm.

Thiền sư nói: không được.

Cứ như thế các đệ tử lần lượt hỏi đi đều không được, nhưng cuối cùng có thị giả nói: con muốn theo thầy đi.

Thiền sư hỏi: một ngày người đi bao nhiêu dặm?

Thị giả đáp: không biết bao nhiêu dặm, thầy đến đâu thì con đến đó.

Thiền sư nói: được.

Rồi Thiền sư ngồi trên ghế tịch và thị giả đứng một bên cũng tịch theo. Tịch trước mặt quan làm cho ông ta kính sợ. Oai quyền của vua chỉ dùng cho người thường, đối với Thiền sư không thể dùng được; vì Thiền sư sanh từ tự do. Mình chưa kiến tánh nghe nói chết rất sợ, đến chừng kiến tánh thấy việc sanh tử không còn sợ, tự do đi lại.

Hỏi: Đạt đến trình độ như câu thủ Trương Quốc Anh, mà bộ óc không biết, vậy có phải như người nằm chiêm bao, được ích lợi gì?

Đáp: Cuộc sống hàng ngày bây giờ do bộ óc làm chủ, là xuất phát từ ngã chấp thì có tương đối; có lợi phải có hại, thường thường cái hại nhiều hơn cái lợi. Mặc dù, khoa học tiến bộ nhưng không giải quyết được, không làm cho người hạnh phúc nhiều hơn. Như Khoa học phát minh xe hơi để giúp cho phương tiện giao thông được dễ dàng. Bây giờ, xe hơi nhiều quá làm cho giao thông thường bị tắc nghẽn, lại tai nạn mỗi ngày tăng thêm. Nước Mỹ thống kê mỗi ngày chết vì tai nạn xe hơi trên 50 người, bị thương chưa tính.

Có lợi phải có hại, vì có ngã chấp nên tranh giành với nhau, tôi muốn hưởng nhiều hơn, tôi muốn có tiền nhiều hơn; từ anh chị em trong gia đình tranh giành, cho đến gia đình này với gia đình kia, đoàn thể này với đoàn thể kia, chủng tộc này với chủng tộc kia, nước này với nước kia. Từ chửi mắng, xung đột, chiến tranh nhỏ, chiến tranh lớn, xung đột đổ máu đều tạo ra tai họa, làm cho con người không được an cư lạc nghiệp. Đó là do bộ óc làm chủ.

Phật muốn sửa lại đem Phật tánh làm chủ mà thông qua bộ óc dùng ra, bộ óc làm nô lệ cho Phật tánh thì không có tương đối, không xảy ra tai họa; cái dụng lớn hơn trăm triệu ngàn lần, chứ không phải người khờ ngốc không biết gì. Như tài xế đang tham thiền bộ óc không biết, ở giữa đường có cục đá hay có một cái lỗ, tự động tránh tuy không thấy. Đó là tác dụng của Phật tánh.

Hỏi: Xin Thiền sư chỉ cho phương pháp làm thế nào được tự tại?

Đáp: Phật tánh của mình là bình đẳng bất nhị, vốn là tự tại; không phải do ai tạo ra cho mình, vốn sẵn có từ lâu đời; không có sự bắt đầu, nên Phật nói là vô thi. Vô thi là vô sanh, một việc gì đã sanh thì có sự bắt đầu. Vô sanh là cái nghĩa Niết bàn (không sanh không diệt). Cho nên, người chứng quả là ngộ pháp vô sanh, như Tịnh độ nói là “hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh”.

Tham thiền đến kiến tánh phát hiện bản thể cùng khắp không gian thời gian là được tự do tự tại. Nếu dùng bộ óc luyện cũng có thần thông, thần thông này còn bị thời gian không gian hạn chế, không được tự do tự tại.

Trong kinh Lăng Nghiêm nói 50 thứ ma ngũ âm có thần thông, như bên này bay về Việt Nam 5 phút. Tuy bay có 5 phút, nhưng 5 là số lượng, phút là thời gian, từ đây

đến Việt Nam là không gian, cũng còn bị thời gian không gian hạn chế. Thần thông của Phật tánh khỏi cần bay, được tự do tự tại; không bị không gian thời gian hạn chế.

Hỏi: Khi tham thiền nên quán nhất niệm hay vô niệm? Và thế nào là tịch chiếu? Trong khi hành thiền có dấu hiệu nào mình chứng ngộ được tịch và chiếu?

Đáp: Nếu khởi lên một niệm gọi là nhất niệm vô minh, một niệm chưa khởi lên gọi là vô thi vô minh. Mục đích tham thiền phá tan vô thi vô minh thì được tự do tự tại. Cho nên, không phải quán một niệm hay vô niệm. Hỏi câu thoại đầu kích thích lên niệm không biết, không biết là vô tướng, không có sự đối đãi; không phải nhất niệm cũng không phải vô niệm, chỉ có nghi tình là không biết. Cuối cùng nghi tình bùng vỡ thì vô thi vô minh bị phá tan, tức trong sát na đó kiến tánh thành Phật.

Hỏi: Mỗi lần ngồi thiền khoảng 2 tiếng đồng hồ, con nghe nổ một tiếng “trắc” mà người ngoài cũng có thể nghe được. Xin Thiền sư chỉ dạy?

Đáp: Ngồi thiền đến chừng vọng tưởng bồng, có nhiều thứ cảm giác, thấy cảnh giới này thấy cảnh giới kia, cho đến thấy Phật Thích Ca đến rờ đầu an ủi thọ ký cho mình thành Phật, đều phải quét sạch. Vì ma có thể hiện Phật để làm việc. Thường thường có cảm giác như kiến bò, điện chạy hay cảm giác thấy thân cứng, cả thân mềm, cả thân lạnh, cả thân nóng... Đó là do ảo tượng, do vọng tưởng sanh ra.

Tham thiền có những cảnh giới ấy không cần biết tới. Ngồi thiền để ý cảnh giới ấy thì sau này bị tẩu hỏa nhập ma. Để ý hơi thở, dùng câu chú đè nén vọng tưởng, dùng câu A Di Đà Phật để đè nén vọng tưởng, đến mức độ cao thì có thể xảy ra 3 kết quả không tốt. Ở Việt Nam, tôi đã gặp nhiều người như vậy. Bởi vì, người ta không biết đường lối thực hành do Tổ sư từ đời từ đời truyền xuống. Các môn các phái đều có thiền đặc biệt của môn phái đó.

Tôi bây giờ hoảng pháp môn Tổ sư thiền của Phật Thích Ca thân truyền, còn tông Thiên thai có Chỉ quán thiền, tông Hiền thủ có Pháp giới quán thiền, tông Duy thức có Duy thức quán thiền, tông Tam luận có Tánh không quán thiền, mỗi tông mỗi phái đều có thiền riêng của tông phái đó. Mình muốn thực hành phải đúng theo tông chỉ của tông phái đó, không xảy ra sự nguy hiểm.

Mình coi sách rồi tự đặt ra đường lối tu, có người dùng niệm Phật để đè nén vọng tưởng, có người dùng niệm chú để đè nén vọng tưởng; ban đầu thấy trong người nhẹ nhàng sung sướng, hay trong cơ thể có bệnh gì cũng hết, rất mừng. Nhưng đến mức độ cao, có người phát lên thần thông; theo vật lý đề nhiều chừng nào thì phản lực mạnh chừng nấy, vì chỉ đè nén mà không phá ngã chấp. Cho nên, tham sân si còn nguyên, lại đè lâu ngày có phản lực mạnh, đến khi phát lên không khống chế được, thường xảy ra 3 kết quả: ói máu, phát điên, phá giới.

Hỏi: Tôn giáo dựa nơi lòng tin, Thiền học dựa trên nghi tình để đến thoại đầu. Xin Thiền sư khai thị?

Đáp: Vừa rồi tôi đã nói 2 cơ bản tham thiền, tại sao nói không có tin! Chữ tin là mẹ tất cả công đức, tham thiền cũng vậy, phải tin tự tâm mới phát hiện được tự tâm. Còn nghi tình chỉ là phương pháp tạm thời, nhờ nghi tình để đưa mình đến chỗ giác ngộ. Như chiếc bè qua sông, đến bờ phải bỏ bè; nếu đến bờ còn vác chiếc bè đi chơi thì không thể được.

Hỏi: Thế nào gọi là tánh không?

Đáp: Tánh không là biệt danh của tự tánh, thường thường người đời hiểu lầm 2 chữ “tánh không”; cho rằng tiêu diệt cái có mới thành không, sự thật không phải như vậy.

Nếu trụ nơi có chẳng được gọi tánh không, tức là không chấp thật có là tánh không, không chấp thật không là tánh không, không chấp thật chơn là tánh không, không chấp thật giả là tánh không.

Như thế lia tứ cú, không trụ nơi tứ cú, gọi là tánh không. Tứ cú không phải có đối với không, như nói đối với nín: nói là cú thứ nhất, nín là cú thứ nhì, chẳng nói chẳng nín là cú thứ ba, cũng nói cũng nín là cú thứ tư. Không lọt vào cú nào gọi là tánh không.

Hỏi: *Tu Tổ sư thiên cần mỗi ngày ngồi thiền bao nhiêu phút và mỗi năm phải gặp thầy bao nhiêu lần?*

Đáp: Tổ sư thiên rất thích hợp cho người tại gia để tu, vì rất tự do; một ngày 24 tiếng đều tu được, bất cứ nơi nào cũng tham thiền. Cho nên, không cần ngồi, đang làm việc, đang đi xe, đang đi bộ, đang giặt đồ, đang nấu cơm, bất cứ làm việc gì đều tham thiền được, hỏi thầm trong bụng. Tin tự tâm đầy đủ 100 % là đã thực hành được “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”, nên ở nhà cũng tu được, khỏi cần gặp tôi. Nếu chưa tin tự tâm đầy đủ, có thắc mắc hỏi, tôi giải đáp để tăng lòng tin tự tâm, hay coi những cuốn sách của tôi sáng tác và dịch, cũng để tăng cường lòng tin tự tâm; chứ không có giáo lý cao siêu. Như kinh Đại thừa liễu nghĩa của Phật cũng để tăng cường lòng tin tự tâm cho chúng sanh, không có giáo lý cao siêu. Nếu có giáo lý cao siêu thì Phật không nói “49 năm thuyết pháp, tôi chưa từng nói một chữ”. Phật đã tự phủ định, chỉ là phương tiện tạm thời, rồi phát hiện tự tâm của mình để làm chủ, giải thoát tất cả khổ.

Hỏi: *Nếu trong vô thức chiêm bao đôi khi nhìn được cảnh quá khứ hay tương lai thì cảnh tương lai hiện giờ đang ở đâu?*

Đáp: Nếu đã cùng khắp không gian thì không có chỗ, cùng khắp thời gian thì không có lúc. Có người hỏi: kiến tánh rồi đi về đâu? Nếu có chỗ trở về thì chưa kiến tánh, vì kiến tánh rồi cùng khắp không gian thời gian, nên không cần đi. Ở đây bay về Việt Nam 5 phút, không phải thần thông của Phật tánh; thần thông của Phật tánh không cần bay. Ngoài không gian không có không gian.

Hỏi: *Tham thiền có cần ăn chay không?*

Đáp: Ăn chay thuộc về nhân quả, giết một mạng phải trả một mạng, ăn cục thịt phải trả cục thịt. Tôi không có khuyên người ta ăn chay, tôi nói “nếu quý vị chịu cho người ta ăn thì cứ ăn người ta, sợ người ta ăn mình thì đừng ăn người ta”. Trong kinh Lăng Nghiêm nói “kiếp này mình ăn thịt dê, con dê kiếp sau thành con người; mình thành con dê thì nó ăn trở lại”, ăn đi ăn lại là ăn thịt mình chứ đâu phải người khác!

Hỏi: *Tại sao Thiên sư qua Mỹ khi Ngài đã am hiểu về thiền?*

Đáp: Tôi chưa kiến tánh, đáng lẽ chưa ra hoàng Tổ sư thiên, chỉ được giải ngộ, may mắn được truyền phương pháp tự của Thiên tông. Ngài Lai Quả đã kiến tánh, nhưng thầy của ngài Lai Quả chưa kiến tánh; ngài Hư Vân kiến tánh, thầy của ngài Hư Vân không kiến tánh. Mặc dù, thầy chưa kiến tánh, nhưng trò kiến tánh trước. Bởi vì đi đúng đường lối của Tổ truyền xuống, nếu quyết tâm tu sẽ được kiến tánh. Thầy bận việc dạy đồ chúng nên chậm trễ kiến tánh.

Tại sao tôi ra hoàng dương Tổ sư thiên thiên? Ngày mùng 1 tháng 4 năm 1977, tôi ở chùa Từ Ân được người ta mời thọ trai, lúc đó không có ở chùa. Khi cúng ngộ, thầy tôi tuyên bố với Phật tử là ngày mai có sư Duy Lực ra dạy Tổ sư thiên, mời tất cả Phật tử đến chùa nghe giảng thiền. Thầy của tôi không nói cho tôi biết trước, đến sáng mùng 2 tháng 4, thầy tôi mới nói cho tôi biết. Trong lúc đó Phật tử đã đến chùa, bảo tôi ra dạy thiền. Tôi có muốn từ chối cũng không thể nào được, nếu từ chối làm mất mặt thầy của tôi. Bất đắc dĩ tôi phải ra hoàng Tổ sư thiên.

Trước kia, tối ngày tôi ở trong phòng, không ai biết; ngày mùng 2 tháng 4 năm 1977. Ban đầu, tôi giảng bằng tiếng Quảng, chỉ có người Hoa đến học hơn ba mươi người, giảng một tuần lễ, tôi hỏi người nào thích thiền? Chỉ có một người, sau này từ từ tăng thêm, người Hoa tăng lên hai ba trăm người; đến khi tôi mở thiền thất, người Việt ban đầu đến coi rồi xin dự; sau ngày càng đông, yêu cầu tôi giảng tiếng Việt; người Việt theo học thiền ba bốn ngàn. Ra hoằng Tổ sư thiền không thể nghĩ được nên phải tiếp tục; tuy hoằng pháp rất khó khăn.

Hỏi: Sự khác biệt giữa pháp môn tham thoại đầu và Tịnh độ? Và có thể kết hợp hai pháp môn này để tu được không?

Đáp: Pháp thực hành của tham thoại đầu phải nghi, còn pháp Tịnh độ cần phải tin; hai cái nghịch với nhau. Nghi có dấu hỏi, nghi là nhân, ngộ là quả. Đường lối thực hành Tịnh độ không có nghi, chỉ thực hành đến chỗ bất thối (không lui sụt); nhưng phải thực hành đúng theo tông chỉ của Tịnh độ mới được. Trước kia, tôi hoằng dương Tịnh độ được mười mấy năm, nhưng chưa gặp một người nào tu đúng theo tông chỉ Tịnh độ.

Tông chỉ của Tịnh độ là gì? Là tín, nguyện, hành. Tín có thứ 3 tin, có 2 thứ nguyện (đại nguyện và tiểu nguyện), 2 thứ hành (nhứt tâm niệm Phật và tán tâm niệm Phật). Tôi giảng đường lối thực hành của Tịnh độ rất kỹ, rõ ràng. Sao gọi là 3 thứ tin? Sao gọi là 3 thứ nguyện? Sao gọi là 2 thứ hành? Thực hành thế nào đến chỗ nhứt tâm bất loạn, đến chỗ không niệm mà niệm, niệm mà chẳng niệm, từ bước từ bước.

Tôi hỏi những người dạy Tịnh độ và người tu Tịnh độ: ba tông chỉ của Tịnh độ là gì? Nhiều người không trả lời được. Đó cũng không lạ gì! Tại sao? Như Thiền tông truyền đến Việt Nam có tổ Liễu Quán, tổ Vô Ngôn Thông từ Trung Quốc truyền qua Việt Nam. Tịnh độ có Tổ nào truyền từ Trung Quốc qua Việt Nam không? Những người tu Tịnh độ đều không biết.

Sơ tổ của Tịnh độ là người Trung Quốc đời nhà Tấn ở Trung Quốc sáng lập tông Tịnh độ. Không có Tổ nào từ Trung Quốc truyền qua Việt Nam, vậy có Tổ nào ở Việt Nam sáng lập tông Tịnh độ không? Hỏi người nào cũng không biết, nên mỗi người coi sách tu theo ý của mình cho ăn chay, tụng kinh là Tịnh độ; chứ không biết đường lối thực hành tông chỉ của Tịnh độ, thành ra không có một người nào được thành tựu vãng sanh.

Nhiều người nói biết ngày giờ chết là vãng sanh, nhưng sự thật nhiều người không có niệm Phật cũng biết ngày giờ chết. Người được sanh cõi người có thể biết ngày giờ chết, người sanh cõi trời cũng có thể biết ngày giờ chết; nhưng không phải vãng sanh Cực Lạc. Nếu lấy cái đó để làm bằng chứng không đúng.

Bởi vì không tu đúng theo tông chỉ Tịnh độ, nên khó thành tựu. Theo kinh nghiệm của tôi hoằng dương Tịnh độ mười mấy năm biết là Tịnh độ khó hơn Tổ sư thiền cả trăm ngàn lần. Cái khó là tại chỗ nào? Khó là chỗ không thực hành đại nguyện của mình phát.

Sơ lược 2 thứ nguyện: tiểu nguyện và đại nguyện.

Phát tiểu nguyện chỉ cho mình được vãng sanh thì không hợp với nhân quả. Thiện quả được phước báo, sanh cõi người được giàu sang phú quý. Tự mình hỏi mình từ nhỏ đến lớn có giết chết một con kiến không? Có giết chết một con muỗi không? Có ăn thịt gà thịt heo không? Nếu có phải đầu thai trả lại. Vậy làm sao được vãng sanh? Vì vãng sanh không có chết nữa, là không hợp với nhân quả. Cho nên, tiểu nguyện không được vãng sanh.

Phải phát đại nguyện, đại nguyện không phải một mình được vãng sanh. Làm tất cả phước thiện đều hồi hướng cho tất cả chúng sanh được vãng sanh. Hai chữ hồi hướng mà người ta cũng hiểu lầm. Hồi hướng là phá ngã chấp, trong Giáo môn hết Thập Hồi Hướng thì lên bực Bồ Tát.

Bây giờ, người ta dùng hồi hướng tăng thêm ngã chấp, tức tất cả là công đức của tôi; tôi thương người này hồi hướng cho người này, tôi thương người kia hồi hướng cho người kia là theo ngã chấp; không phải tất cả công đức của tôi hồi hướng cho tất cả chúng sanh, tôi chỉ là một trong chúng sanh. Đó mới là đại nguyện, tức tất cả chúng sanh bình đẳng; tôi được vãng sanh thì tất cả chúng sanh đều được vãng sanh.

Những người nợ thịt nợ mạng mà tôi ăn lúc trước đều cùng tôi được vãng sanh. Nếu những người ấy không được vãng sanh thì tôi thành Phật trở lại độ họ. Nhưng đối với tất cả chúng sanh phải bình đẳng mới là thực hành đại nguyện của mình phát. Nếu chỉ miệng nói tâm nghĩ gọi là nguyện suông nguyện giả, vậy làm sao được vãng sanh?

Muốn thực hành đại nguyện của mình phát không phải dễ! Đừng nói mình đối với người bình đẳng, mình đối với súc sanh, đối với con chó, con chuột, con mèo... mình có coi là bình đẳng hay không? Đây thực hành rất khó. Nếu không thực hành đại nguyện của mình phát là nguyện suông nguyện giả không được vãng sanh. Như mình không có tiền để trả nợ, nhưng trương mục ngân hàng của mình không có tiền, mình ký ngân phiếu là ba bốn năm sau trả; mỗi ngày mình phải nạp vô ngân hàng, người ta sau này mới nhận được. Nếu mình chỉ nói suông, ký ngân phiếu cho người là gạt người phải bị ở tù.

Người ta không hiểu chỗ khó của Tịnh độ, cho niệm Phật là nhờ tha lực mà được vãng sanh. Tất cả pháp môn nào đều phải nhờ tự lực và tha lực; Thiền tông cũng nhờ tha lực và tự lực, chứ không không phải chỉ nhờ tự lực mà được. Phật nói nhân duyên, tự lực là nhân, tha lực là duyên. Như hạt lúa là nhân, sanh ra cây lúa là quả. Nếu để hạt lúa trong vựa một trăm năm vẫn là hạt lúa, không thể sanh ra cây lúa; phải có người lấy ra ngoài bờ trên đất tưới nước rồi mọc lên cây lúa. Nhân công và đất đều là trợ duyên, nên nói là nhân duyên hòa hợp được thành tựu. Không có nhân mà có duyên, như không có hạt lúa làm sao sanh ra cây lúa! Phải có hạt lúa, nhân công, đất, nước mới sanh ra cây lúa.

Pháp môn nào cũng vậy, trong Phật pháp gọi là nhân duyên; có nhân phải có duyên, có duyên phải có nhân; nhân duyên hòa hợp được sanh khởi. Thường thường người tu Tịnh độ nói nhờ tha lực được vãng sanh, chỉ biết như vậy, thành ra khó thành tựu.

Hỏi: Người có tu thiền và người không tu thiền đều cảm thấy xuất hồn bay bổng trên mặt đất. Trạng thái đó là gì?

Đáp: Năm mươi thứ ma ngữ ám trong kinh Lăng Nghiêm có thần thông cao hơn cái này nhiều lắm, như ở đây về Việt Nam lấy một món đồ chỉ có 5 phút, tà ma ngoại đạo đều làm được thần thông này. Những người không tọa thiền vì kiếp trước họ tu cũng có thần thông. Súc sanh cũng có thần thông, như con kiến, con chuột biết trước trời bão, ngập nước, rồi nó dời chỗ khác. Bản năng của con thú vật không phải do tập luyện và học mà tự có.

Nhà khoa học phát minh ra đa là học theo con dơi, con dơi không có con mắt, không học, không nghiên cứu, nhưng có bản năng ra đa, nó bay khắp nơi không đụng mọi vật. Nhà kiến trúc giỏi học kiến trúc con ong, con ong không học, không nghiên cứu mà làm tổ rất kiên cố. Bản năng đó ở nơi Phật tánh mình sẵn có, tất cả chúng sanh đều bằng nhau; kiếp này không tu, kiếp trước có tu vẫn hiện ra được. Kiếp này mình không tu nhưng sẵn có bằng như Phật, không phải bị mất. Cho nên, tham thiền lần lần

phát hiện ra cái dụng, như vừa nói: tức cầu viên, cô thợ may, tài xế... hiện ra cái dùng một phần nào của mình, cho đến hiện ra vô lượng vô biên bằng như chư Phật.

Hỏi: *Đệ tử cảm thấy hình như thế hệ sắp tới không thấy Thầy cho mở một đường đi. Cái gương của người Tàu, người Nhật, người Cao Ly... sau hai mươi năm Phật giáo đi vào con đường diệt vong. Bây giờ, nếu chúng ta không vạch ra lối đi thích hợp thì e rằng hết đời chúng con thì Phật giáo cũng đi vào con đường của những người đi trước. Xin cảm tạ Thầy?*

Đáp: Đường lối thực hành Tổ sư thiền do Phật Thích Ca thân truyền duy nhất. Phật nói những pháp ở trong kinh chỉ qua văn tự lời nói, không phải đích thân truyền. Những lời nói văn tự trong gọi là pháp thiền gián tiếp, Tổ sư thiền là pháp thiền trực tiếp. Pháp này thích hợp với mọi người, nên con nít sáu bảy tuổi cũng tham được, bà già tám chín chục vẫn thực hành được. Đường lối này thực hành rất giản dị, chỉ là nhờ câu thoại đầu hỏi thăm trong bụng để khởi lên thắc mắc gọi là nghi tình. Giữ được nghi tình là thực hành rồi, Thiền tông chỉ chú trọng nghi tình.

Hôm qua, tôi coi đài số 50, các nhà khoa học thí nghiệm: lúc không biết của bộ óc hiện lên, ngồi hay đi trên bàn đĩnh không bị đâm và không bị đau, khi mình biết thì bị đĩnh đâm vô. Chứng tỏ cái không biết của Phật dạy rất đúng với khoa học hiện nay. Đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, cơm, mặc áo, đi cầu... người nào cũng thực hành được. Các thiền khác phải ngồi yên một chỗ, Tổ sư thiền bất cứ ở chỗ nào, ở chỗ nào động đều tham được; đang làm việc tay chân hay trí óc cũng tham được. Như cô Trì Hằng Thiền đang cắt may mà tham thiền, không cần qua bộ óc vẫn làm được. Bất cứ kiểu áo mới nào, cô không cần suy nghĩ nhưng cắt được. Có người ở đây chứng tỏ đàng hoàng, chứ không phải tôi nói suông. Có người ở Pháp và ở Việt Nam cũng có sức dụng như vậy.

02

Hỏi: *Các giới trẻ thanh thiếu niên ở nước Mỹ, muốn có một cái gì thích thú vui vẻ trong đời sống hằng ngày, cũng như trong việc tu tập. Nếu bảo các em các cháu tham thiền đi, không biết các em các cháu làm được điều đó hay không. Kính xin Thầy khai thị thêm?*

Đáp: Phật pháp là để giải quyết tất cả khổ sanh tử luân hồi, đây chỉ Phật giáo mới có, các tôn giáo khác không có. Giải thoát tất cả khổ đạt đến tự do tự tại là điểm chính của Phật pháp. Những cái hứng thú ở ngoài đời có thiếu gì! Như âm nhạc, nghệ thuật, khiêu vũ, đánh banh, đá banh...

Chuyện Trương Quốc Anh thủ môn đang tham thiền, trái banh nào đến cầu môn đều chụp được. Không những chỉ cái này mà bất cứ làm cái gì cũng vậy. Trước kia chưa tham thiền, một ngày may một bộ; lúc đang tham thiền, một ngày may được hai bộ. Bao hàm niệm Phật, niệm chú, giới định huệ, lục độ vạn hạnh và tất cả pháp thế gian đều ở trong nghi tình. Vì tự tánh của mình cùng khắp không gian thời gian, năng lực vô lượng vô biên; chỉ cần mình phát hiện thì dùng chỗ nào cũng được. Lúc dùng ra mà bộ óc không biết, nếu bộ óc biết thì không hiện ra để dùng.

Hỏi: *Xin Thiền sư bình phẩm các vị tu ở Tây Tạng, dùng trí nào tu để thay đổi sinh lý có thể tăng sức nóng của cơ thể lên 50 độ, có thể ở trên trên núi Hy mã Lạp sơn lạnh lẽo dưới 0 độ mà không sao?*

Đáp: Trương Quốc Anh ở Việt Nam qua Ba Lê, đi xe về nhà chị bị lật xe, cả xe đều bị thương, lúc y đang tham thiền nên bộ óc không biết. Nhân viên hồng thập tự lại cứu ra, y còn không biết, lại hỏi “việc gì vậy?” Người nào cũng bị thương, phải chở đến bệnh viện rọi kiến; bảo y rọi kiến, y nói “khỏi, tôi không có bị thương”. Nhân viên bệnh viện nói “tuy bên ngoài không thấy, nhưng bên trong có thể bị thương”. Rồi y rọi kiến, nhưng không bị thương chỗ nào. Hôm qua, tôi nói dài 50 cũng chứng tỏ như vậy.

Do lý này mà bộ óc không biết thì lạnh cũng không biết, nóng cũng không biết. Nếu không biết làm sao biết lạnh! Làm sao biết nóng! Nhà khoa học nói những người không biết dù đi trên đỉnh chông, không bị đỉnh đâm lủng chân; lúc biết thì bị đâm lủng. Giữ được không biết của óc tự nhiên hiện ra cái dụng của tự tánh, khỏi cần mình mong; nếu mình mong tức là mình biết, biết rồi không thấy lạnh rất khó.

Mục đích của Phật pháp là giải thoát tất cả khổ, để đạt đến sanh tử tự do vĩnh viễn; chứ không phải dùng làm mấy cái này, đó chỉ là tạm thời. Chú trọng mấy cái này làm mất tác dụng căn bản, tức là được cái nhỏ mà mất cái lớn. Như mình mua vé số là muốn trúng độc đắc, nhưng lại trúng an ủi.

Hỏi: Xin thầy giảng rõ nghi tình và sự không biết, nếu như biết nhiều quá thì bị sở tri chướng. Vậy một đũa tre không biết gì, có phải là nhiều nghi tình và dễ ngộ hay không? Lại nữa, theo Thiền tông tránh dùng cái biết của bộ óc, đối với thanh thiếu niên phải giải thích như thế nào về thế học và Phật học?

Đáp: Tham thiền là nhờ câu thoại đầu tự hỏi trong bụng cảm thấy không biết, không biết này đụng với với tánh ham biết của mình thành nghi tình; nhưng không để ý đụng chạm, chỉ cần cái không biết. Cho nên, nghi tình khác hơn người ngủ mê không biết, chết giấc không biết, bệnh tâm thần không biết, khờ ngốc không biết, những cái không biết này không phải là nghi tình.

Hỏi: Giữa hai ý niệm là khoảng không tức là vô niệm, vô niệm này chân hay giả vô niệm?

Đáp: Trong Pháp Bảo Đàn giải thích hai chữ vô niệm: vô niệm không phải không có một niệm nào hết, tức là bản niệm không sanh diệt. Thiền tông nói vô tâm là vô niệm: Chớ nói vô tâm là cao nhất, vô tâm cũng còn cách rất xa.

Nếu trụ chỗ vô niệm thì không thể đến chỗ giác ngộ cuối cùng. Vô niệm là vô thi vô minh, chỗ này không có khởi lên một niệm. Khi vô thi vô minh bị kích thích thì nổi lên một niệm, gọi là nhất niệm vô minh. Nhất niệm vô minh đã khởi thì có cuộc sống hằng ngày.

Ngài Nguyệt Khê nói trong Đại Thừa Tuyệt Đối Luận “mình gặp việc vui cho vui là nhất niệm vô minh, gặp việc buồn cho buồn là nhất niệm vô minh”, tức là gặp việc gì cho là gì là hóa thân của nhất niệm vô minh. Dứt hết nhất niệm vô minh trở về vô niệm thành vô thi vô minh.

Thiền tông đến chỗ vô thi vô minh cần phải tiến lên một bước, phá tan vô thi vô minh được kiến tánh thành Phật, tức giác ngộ cuối cùng; cũng là bản tánh của mình hiện ra cùng khắp không gian thời gian, bằng như chư Phật không hơn kém một chút nào cả.

Hỏi: Ca Diếp nhìn thấy cành hoa rồi mỉm cười có ý gì? Vì sao một mình Ngài thấy mà các vị khác không thấy?

Đáp: Tất cả hơn triệu người, người nào cũng thấy, không phải chỉ ngài Ca Diếp mới thấy. Ngài Ca Diếp đã có nghi tình sẵn, lúc thấy thì nghi tình bùng vỡ được ngộ.

Những người kia tuy thấy nhưng nghi tình chưa đến mức, nên không ngộ. Có người chưa có nghi tình cũng không thể ngộ. Chư Tổ, có người thấy con khi leo cây được ngộ, có người thấy hoa nở được ngộ, có người nghe người ta ca hát được ngộ, có người đi ngang chỗ bán thịt thấy người mua thịt nói “bán cho tôi một miếng thịt nạt”, người bán thịt chặt mạnh con dao xuống bàn, nói “chỗ nào không phải thịt nạt!” Người đi ngang nghe người bán thịt nói liền ngộ.

Nghi tình đến mức thì bất cứ gặp nhân duyên nào cũng ngộ. Có một vị thăm Mã Tổ, Mã Tổ nói “đánh lễ đi”. Người ấy vừa lạy xuống, Mã Tổ đá một cái thì người ấy liền ngộ. Ở trong Thiền tông đủ thứ, như thấy cảnh hoa, nghe tiếng hát, bị đá... đều ngộ, ngộ không phải do những cảnh ấy; vì nghi tình đến mức nên ngộ, những cảnh ấy tạm thời trợ duyên.

Hỏi: Đức Thế Tôn tu pháp môn nào ngồi dưới gốc cây bồ đề 6 ngày đắc đạo?

Đáp: Phật Thích Ca là Phật xưa trong kinh Pháp Hoa có nói, đã tự nói thành Phật không biết bao nhiêu kiếp rồi, gọi là trần điểm kiếp. Thí dụ trần điểm kiếp là: đem tam thiên đại thiên thế giới mài thành mực, một ngàn tam thiên đại thiên thế giới thì chấm một giọt mực, chấm hết mực này không biết bao nhiêu thế giới, mình không thể đếm được. Vậy Phật đã thành Phật không biết bao nhiêu kiếp, không phải Phật mới thành Phật cách 2534 năm. Kiếp này Phật Thích Ca thành Phật chỉ là thị hiện.

Trong kinh có tám thứ thị hiện: 1-Trên Trời Đâu Suất giáng sanh xuống thọ thai, 2-Xuất thai, 3-Đi học, 4-Đi tu, 5-Xuất gia, 6-Thành đạo, 7-Thuyết pháp, 8-Nhập Niết bàn. Phật nói trong kinh “không phải chỉ làm giáo chủ cõi Ta Bà này, mà làm giáo chủ thiên bá ức thế giới cùng một thời gian, cùng một thời gian thuyết pháp”, nên gọi là thiên bá ức hóa thân. Việc này mình ngộ rồi mới chứng tỏ được.

Hỏi: Pháp thiền đầu tiên của Phật là gì?

Đáp: Phật truyền pháp môn Tổ sư thiền có bốn chữ là “từ nghi đến ngộ”, nghi là nhân, ngộ là quả; nên nói bất nghi bất ngộ là không có nhân thì không có quả; nghi nhỏ ngộ nhỏ, gọi là tiểu nghi tiểu ngộ, tức là nhân nhỏ thì quả nhỏ; nhân lớn thì quả lớn, nên nói đại nghi đại ngộ. Đầu tiên truyền pháp này chỉ đưa cảnh hoa, chứ không nói gì, Ma Ha Ca Diếp được ngộ, Phật phó chúc “Chánh pháp nhãn tạng cho Ma Ha Ca Diếp để truyền cho đời sau”.

Hỏi: Con người sau khi chết phải cúng 7 thất. Tại sao mỗi thất linh hồn phải chết thêm một lần nữa? Chết rồi linh hồn như thế nào? 49 ngày là định nghiệp, mà sao còn cúng 100 ngày?

Đáp: Làm tuần 49 ngày (7 tuần), nếu có thân trung âm thì 7 ngày thay đổi một lần. Cho nên, người ta căn cứ theo chỗ đó mới có làm tuần từ tuần đầu đến tuần thứ bảy. Còn 100 ngày hay 3 năm là do con cháu muốn kỷ niệm thêm cho đến ngày giỗ. Việc đó là theo phong tục ngày xưa, chứ không phải Phật pháp có nghi lễ quy định như vậy.

Hỏi: Khi nào linh hồn đi đầu thai làm kiếp người vào tháng thứ mấy trong bào thai mẹ?

Đáp: Đầu thai có hai thứ: khi có thai thì thức thứ 8 (a lại da thức) vào thai và có thai đến gần sanh ra thì thức thứ 8 mới vào. Thường thường ở đây chết ở kia sanh là cùng một thời gian.

Huỳnh Đình Kiên lúc 26 tuổi làm huyện trưởng, ở dinh huyện ăn sinh nhật, rồi ngủ trưa thấy chiêm bao, một mình đi ra ngoài không có ai theo, đi trên con đường nhỏ

đến một làng quê, gặp một bà già mời vô nhà ăn cơm, ăn xong rồi về. Lúc thức tỉnh chiêm bao, sao thấy việc này rõ ràng quá, không biết có sự thật như vậy không! Một mình đi, cũng có con đường đó đến một làng xóm gặp bà già đó, hỏi bà già: hôm nay nhà bà có làm gì không?

Bà già nói: có đám giỗ con gái, con gái đã chết 26 năm; lúc chưa chết nó tu và trước khi chết dặn tôi “kiếp sau con sẽ mở cái rương này”, rồi tự mình cất chìa khóa.

Huỳnh Đình Kiên nghe đến chỗ này liền nhớ lại kiếp trước, hỏi: Bà biết chìa khóa để chỗ nào không?

Bà già đáp: không biết.

Huỳnh Đình Kiên nói: tôi biết.

Rồi lấy chìa khóa mở cái rương ra, trong đó chỉ có những văn chương tú tài, cử nhân giống như kiếp trước của ông đã làm. Ông biết bà già này là mẹ kiếp trước của ông, bà già không có con cháu nên ông đưa bà già về đình huyện trưởng để nuôi.

Việc này chứng tỏ ngày sinh nhật là ngày chết, tức là chỗ này chết chỗ kia sanh, cùng một thời gian. Sau này Huỳnh Đình Kiên tham thiền cũng được kiến tánh, pháp danh là Sơn Cốc.

Hỏi: Khi người chết có mang theo chuỗi tràng hạt mà lúc sống đã từng niệm Phật?

Đáp: Đúng theo tông chỉ Tịnh độ thì sợi chuỗi dùng để tập cho lúc đầu tiên, nếu đã quen thuộc chớ nên dùng, huống là chết còn muốn đem theo! Tôi muốn giải thích phải nói đến hành của Tịnh độ: ngài Ấn Quang là Tổ thứ 13 của tông Tịnh độ dạy có 2 thứ hành: nhiếp tâm niệm Phật và tán tâm niệm Phật.

Tán tâm niệm Phật một ngàn tiếng không bằng nhiếp tâm niệm Phật một tiếng.

Làm sao được nhiếp tâm? Ngài dạy ghi nhớ niệm Phật, tức là nhớ số, từ 1 nhớ tới 10. Niệm A Di Đà Phật nhớ 1, niệm A Di Đà Phật nhớ 2, niệm A Di Đà Phật nhớ 3. Người ta thường tới 3 hay 4 là quên, quên phải từ đầu lại; nếu quên hoài phải chia làm 2 đoạn: là từ 1 nhớ tới 5, từ 6 nhớ tới 10; nếu còn hay quên thì chia làm 3 đoạn: từ 1 nhớ tới 3, từ 4 nhớ tới 6, từ 7 nhớ tới 10. Như vậy đã ngăn không thể bị lộn, 3 đoạn quen rồi tiến lên 2 đoạn; 2 đoạn quen rồi tiến lên từ 1 tới 10. Từ 1 tới 10 thì trở ngược lại, là nhớ 10, 9, 8, 7... Trở ngược quen thuộc, khỏi cần nhớ nữa. Một thời gian tiến tới không niệm nó vẫn niệm, tức là miệng không niệm nhưng bốn chữ A Di Đà Phật ở trong tâm không mất, không niệm mà niệm, niệm mà không niệm thì tiến đến nhất tâm bất loạn.

Đó là cách thực hành niệm Phật rõ ràng, tôi hoảng Tịnh độ mười mấy năm dạy cho người ta thực hành. Nếu cứ nhờ sợi chuỗi thì vĩnh viễn không đến chỗ nhất tâm bất loạn, không thể tiến lên được. Dùng sợi chuỗi để thực hành, chưa đến lâm chung đã bỏ trước; huống là lâm chung còn muốn đem theo!

Hỏi: Tham thoại đầu là nhìn chỗ hàm sâu đen tối tức là chỗ vô thị vô minh mà đề câu thoại đầu, chỗ hàm sâu đen tối là chỗ nào, xin Thầy giảng rõ?

Đáp: Chỗ hàm sâu đen tối là thoại đầu, ngài Hư Vân giải thích: tại sao gọi là thoại đầu? Thoại là một lời nói, đầu là trước khi muốn nói một lời nói này, gọi là thoại đầu. Bởi vì, mình muốn nói một lời nói phải khởi niệm lên mới nói ra miệng, khi chưa khởi niệm muốn nói câu thoại gọi là thoại đầu. Nếu đã khởi niệm muốn nói, mặc dù chưa nói ra miệng gọi là thoại vì (đuôi). Vậy nghĩa thoại đầu là một niệm chưa sanh khởi, cũng là vô thị vô minh; tức không có niệm, chỉ là thanh thanh tịnh tịnh. Chỗ đó không có gì gọi là vô minh, nên chư Tổ gọi đó là hàm sâu đen tối. Nói chỗ hàm sâu đen tối tại mình không biết, không biết cho đó là hàm sâu đen tối, vì đen tối là không thấy gì. Tham thiền là dùng tâm nhìn ngay chỗ hàm sâu đen tối (chỗ không biết), chỗ

một niệm chưa sanh là cái gì? Vừa nhìn vừa đề câu thoại đầu đề tăng cường nghi tình, nhìn chỗ không biết. Đó là thực hành Tổ sư thiền.

Hỏi: Vô sở sợ là gì? Nếu mình không sợ làm điều sai làm sao đi đúng chánh pháp, xin Thầy giảng rõ và thí dụ cụ thể?

Đáp: Chín chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” là để phá ngã chấp. Phàm chánh pháp: Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa đều lấy phá ngã chấp làm gốc. Tiểu thừa phá nhân ngã chấp chứng quả A la hán, Đại thừa phá nhân ngã chấp và pháp ngã chấp (pháp của mình tu chứng được).

Nếu tin tự tâm cùng khắp không gian thời gian thì tất cả đồ vật tài sản đều của mình, không phải của người khác. Vì ngoài không gian không có không gian, ngoài thời gian không có thời gian. Mình muốn đắc là đắc ở ngoài, muốn cầu là cầu ở ngoài. Đã hoàn toàn không có thì mình muốn đắc cái gì? Cầu cái gì? Nếu không có đắc có cầu thì đâu còn sợ! Tự nhiên không có sợ.

Tin tự tâm cùng khắp không gian thời gian tự nhiên thực hành được 9 chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Nếu không tin tự tâm dù muốn miễn cưỡng thực hành 9 chữ này cũng rất khó. Tin tự tâm và giữ nghi tình thì không biết đắc, không biết cầu, không biết sợ. Cho nên, có nghi tình khi lái xe không bị đụng xe, nếu sợ đụng xe thì sẽ đụng xe.

Hỏi: Theo con biết có 5 trình độ chứng quả tùy theo căn cơ của người Phật tử, thứ nhất là nhập lưu, thứ nhì là nhất lai, thứ ba là bất lai, thứ tư là A la hán và thứ năm là Bồ Tát. Người Phật tử theo thiền Tổ sư, khi kiến tánh đã được chứng quả ở trình độ nào?

Đáp: Sơ quả là Tu đà hoàn gọi là nhập lưu. Tại sao gọi là nhập lưu? Nhập thánh lưu, nếu chạy ra ngoài là đuổi theo lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), không đuổi theo lục trần lại trở về gọi là nhập lưu, tức là dứt được lục trần. Quả vị này dứt được kiến hoặc trong Dục giới và còn thọ sanh 7 lần trong Dục giới.

Nhị quả là Tư đà hàm gọi là nhất lai. Tại sao gọi là nhất lai? Là hết tư tưởng sai lầm (tư hoặc) của Dục giới, nhưng chỉ được 6 phẩm trong 9 phẩm, còn lại 3 phẩm chưa dứt được, nên phải đến Dục giới thọ sanh thêm một lần.

Tam quả là A na hàm gọi là bất lai. Tại sao gọi là bất lai? Là dứt luôn cả 3 phẩm sau, tức là kiến hoặc và tư hoặc không còn, nên không trở lại Dục giới thọ sanh; có thể thọ sanh Sắc giới hay Vô sắc giới.

Tứ quả là A la hán dứt hết kiến hoặc và tư hoặc của tam giới (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới).

Đây là pháp Tiểu thừa (thừa Thanh văn có 4 cấp).

Bồ Tát là Đại thừa gồm có từ Sơ địa đến Thập địa. Pháp môn Tổ sư thiền không qua Tiểu thừa hay Đại thừa. Đại thừa có Thập trụ, Thập tín, Thập hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập địa, tổng cộng gồm 50 cấp, rồi đến Đăng giác, Diệu giác là từ cấp từ cấp tiến lên. Tổ sư thiền là giáo ngoại biệt truyền, ở ngoài Giáo môn, nên không có từ cấp từ cấp, mà từ địa vị phạm phu thẳng chứng Đăng giác, giác ngộ bằng Phật.

Bồ Tát Thập địa chứng Đăng giác và phạm phu chứng Đăng giác, cái ngộ bằng nhau, nhưng cái dụng cách xa rất nhiều. Bồ Tát Thập địa đã dứt hết tập khí thế gian và tập khí xuất thế gian còn ít, nên có thần thông diệu dụng rất nhiều. Phạm phu chứng Đăng giác, nhưng tập khí thế gian và xuất thế gian còn nguyên. Có người dứt tập khí thế

gian được phần nào thì cái dụng hiển bày phần nấy. Như bác sĩ Thuận và Trương Quốc anh, do sự tinh tấn quét không bao nhiêu thì hiện ra dụng bấy nhiêu.

Hỏi: Xin Thầy giảng câu “quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”?

Đáp: Trong Thiền tông có công án Đức Sơn Phảng (người hỏi đạo vào cửa, cây gậy liền đập trên đầu): Đức Sơn lúc chưa tham thiền là một Pháp sư rất danh tiếng, nhất là về kinh Kim Cang mà ngài thông suốt hết, có làm sớ giải kinh Kim Cang, tự cho mình hay hơn mọi người, mọi người cũng biết Ngài giảng kinh Kim Cang rất hay. Ngài họ Châu, nên người ta gọi là Châu Kim Cang. Ngài ở miền bắc Trung Quốc, nghe người tham thiền ở miền nam chỉ tham câu thoại đầu được ngộ, hay do cơ xảo của Tổ sư làm cho ngộ; trong tâm rất giận, Ngài nói “muôn kiếp học oai nghi và tế hạnh của Phật, làm sao người tham thiền nói sát na thành Phật? Bây giờ tôi phải đi tảo thanh những người ấy mới được”. Rồi Ngài gánh sớ giải kinh Kim Cang từ miền bắc xuống miền nam, đến nửa đường gặp bà già bán điểm tâm hỏi mua.

Bà già hỏi: Ngài gánh gì vậy?

Đức Sơn đáp: Sớ Giải Kinh Kim Cang.

Bà già hỏi: để làm gì?

Đức Sơn đáp: Dạy người ta tu thành Phật.

Bà già nói: nếu Ngài trả lời được thì tôi cúng dường điểm tâm, trái lại không trả lời được thì tôi không cúng dường và cũng không bán!

Đức Sơn đáp: xin bà cứ hỏi.

Bà già nói: Trong kinh Kim Cang nói “quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”, xin hỏi Thượng tọa muốn điểm tâm nào?

Đức Sơn không trả lời được, mặt đỏ hết, ban đầu muốn đi tảo thanh những người tham thiền; nhưng gặp bà già hỏi không trả lời được, Ngài gánh sớ giải Kim Cang trở về, không đi miền nam nữa.

Bà già gọi lại và nói: Tôi giới thiệu Ngài đến Thiền sư Sùng Tín sẽ có ích lợi.

Sau này Ngài được ngộ, rồi dùng cây gậy độ người rất có danh tiếng, nên gọi là Đức Sơn phảng.

Ba câu này là phá chấp thời gian (quá khứ, hiện tại, vị lai). Không gian, thời gian, số lượng là ba danh từ, nhưng chúng sanh cho đến nhà khoa học, triết học đều chấp thật. Chấp thật ba danh từ nên bị ba danh từ này trói buộc, không được tự do tự tại. Sự thật ba danh từ này là cái gì? Chỉ là ba khái niệm ở trong vọng tâm của mọi người. Thời gian, không gian và số lượng đều không có bản thể, chỉ là tên gọi.

Vũ trụ không có ba khái niệm này thì phải sụp. Vũ trụ ví như một căn nhà, ba khái niệm là ba cột nhà; nếu ba cột nhà rút ra thì căn nhà liền sụp. Như tôi ngồi đây, nếu rời khỏi ba khái niệm này thì không có tôi. Tại sao? Chỗ ngồi của tôi là không gian, năm nay tôi 68 tuổi, 68 là số lượng, tuổi là thời gian. Ba khái niệm này rút ra thì tôi ở đâu? Vì nhờ ba khái niệm nên có tôi đây.

Bây giờ, mọi người đều bị ba khái niệm này trói buộc. Cho nên, Thiền tông kiến tánh là đập bẻ hư không là phá khái niệm không gian. “Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc” là phá khái niệm thời gian. Giáo môn nói “nhứt niệm muôn năm, muôn năm nhứt niệm” là phá khái niệm số lượng.

Người kiến tánh là phá khái niệm không gian thì khái niệm thời gian và số lượng cũng tan rã. Kinh Lăng nghiêm nói “người phát chân quy nguyên thì tất cả vũ trụ đều tiêu diệt”, cũng là phá khái niệm không gian.

Hỏi: Câu thoại đầu là dùng để ngăn chặn các vọng niệm, nhưng theo con hiểu câu thoại đầu cũng từ bản chất vọng niệm. Kính xin thầy giải thích?

Đáp: Nhờ câu thoại đầu để khởi lên nghi tình tức là không biết của bộ óc, chứ không phải để dẹp vọng niệm. Bởi vậy, Thiên tông không cho dẹp vọng niệm và không cho biết vọng niệm, vọng niệm nổi lên cứ mặc kệ cho nổi lên, chỉ cần hỏi câu thoại đầu. Nếu giữ được nghi tình thì vọng niệm tự nhiên sẽ hết, vì không biết vọng niệm làm sao có vọng niệm! Cho nên dẹp vọng niệm không đúng cách tu của Phật.

Ý của Phật muốn mình giữ nghi tình, Phật nói từ nghi đến ngộ, nghi là nhân, ngộ là quả, có nhân mới có quả; pháp thế gian cũng phải do nghi rồi có ngộ, pháp thế gian dùng bộ óc đi nghiên cứu suy tìm; mặc dù ngộ được chỉ có giá trị thế gian, không phát minh được chính tâm mình; nên không làm chủ tâm mình, không được sanh tử tự do; tự do tự tại dứt hết tất cả khổ.

Nghi của Thiên tông không phải muốn giải thích câu thoại đầu, chỉ nhờ câu thoại đầu phát lên nghi tình để phát hiện bản tâm của mình. Còn vọng tưởng hay phiền não nổi lên đừng biết tới. Vì không biết tự động quét tất cả vọng tưởng hay không vọng tưởng. Cho nên Thiên tông không cho quét vọng tưởng, không cho đè nén vọng tưởng, không cho buông bỏ vọng tưởng.

Nghi tình là không biết thì chân lý không biết, vọng tưởng cũng không biết; không biết thì không thành lập vọng tưởng, không biết chân lý thì không thành lập chân lý, không biết năng thì không thành lập năng, không biết sở thì không thành lập sở. Đã nói là không biết thì cái này cái kia, tất cả đều không biết. Cho nên tất cả không thành lập, vọng tưởng cũng không thành lập.

Hỏi: Thế nào là nổi nghi tình?

Đáp: Tham câu thoại đầu “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Cảm thấy không biết, cái không biết đó là nổi nghi tình rồi. Hôm qua tôi coi đài 50, thấy nhà khoa học nghiên cứu bộ óc của con người, nghiên cứu động vật, thực vật, trên bờ, dưới biển đều chứng tỏ cái không biết này rất hay. Tham thoại đầu chỉ cần nổi lên cái không biết.

Hỏi: Phật giáo Thiên tông chế ra thập ngưu đồ, xin Thượng tọa giải thích và áp dụng cho lối thiền này?

Đáp: Thập Ngưu Đồ do một Thiên sư tự làm tài khôn đặt ra, rồi Giáo môn không hiểu, lấy cái đó để tu; nhưng sự thật không đúng. Tại sao? Ngưu là con trâu, họ dụ con trâu là vọng tưởng, người giữ trâu dụ cho Phật tánh, như vậy là không đúng. Nếu dụ trâu là lục căn, người giữ trâu là nhứt niệm vô minh, về tới nhà là vô thi vô minh thì đúng. Nhưng tu hành không nhờ cái đó tu được.

Giữ trâu là sau khi ngộ, tức là ngộ rồi dứt tập khí. Con trâu đi trên đường, giữ cho không cho ăn lúa mạ; tức là không cho tập khí tiếp tục nữa, Thiên tông gọi là bảo nhậm (giữ trâu), chứ không phải chưa ngộ mà nhờ giữ trâu để tu là không đúng. Ngài Nguyệt Khê cũng có nói về vấn đề này.

Hỏi: Kính xin Thượng tọa cho biết phải đọc chú nào trong lúc thiền?

Đáp: Thần chú là pháp môn Mật tông, Thiên tông chỉ nhờ câu thoại đầu khởi lên nghi tình, tức là tâm không biết; mà lại nghi tình có dấu hỏi là nhân, đến chừng ngộ là phá dấu hỏi này là quả, đúng với nhân quả. Niệm chú có tác dụng cho bộ óc không biết, vì tất cả chú đều không cho dịch nghĩa; những thần chú đều là tên của Phật, Bồ Tát, muốn cho người ta niệm để cho bộ óc không biết, tác dụng cũng giống như tham thiền. Nhưng tham thiền có cái nhân nghi, từ nghi mới đến ngộ. Niệm chú dẹp được

vọng tưởng mà không có nghi, nên không thể ngộ. Sau này đến một mức nào chuyên thành cái nghi rồi được ngộ. Nghĩa chữ Phật là giác ngộ, muốn giác ngộ phải nghi. Cho nên, Phật Thích Ca truyền từ nghi đến ngộ là vậy.

Hỏi: Trong các bộ kinh của Phật pháp, như các kinh: Bát Nhã Ba La Mật, Diệu Pháp Liên Hoa, có phải được viết với hình thức và nội dung bằng những phương pháp tổng hợp và phân tích. Kính mong Thượng tọa giải thích chứng minh cụ thể?

Đáp: Phật thuyết pháp theo khế cơ, tức là khế hợp đương cơ; cho nên tiếng phạn gọi là Tu đa la, dịch nghĩa chữ Hán là khế cơ. Chữ khế là khế hợp đương cơ (những người nghe). Có cái đối với Tiểu thừa mà thuyết, có cái đối với phàm phu mà thuyết, có cái đối với ngoại đạo mà thuyết; không phải có nghĩa tổng hợp. Thật ra không có một pháp nào gọi là Phật pháp, nên kinh Kim Cang nói “không có pháp nhất định để cho Như lai thuyết, ai nói Phật có thuyết pháp là người ấy phi báng Phật”. Nghe như vậy thấy mâu thuẫn quá! Chính kinh Kim Cang của Phật thuyết, tại sao nói Phật có thuyết pháp là phi báng Phật? Vì không có một pháp nào gọi là Phật pháp, chỉ do chúng sanh có bệnh thì Phật lập ra thuốc để trị. Nếu bệnh hết thì thuốc phải bỏ, nên kinh Kim Cang nói “pháp của ta như chiếc bè để qua sông, đến bờ phải bỏ bè”. Vì dùng chiếc bè tạm thời để qua sông, không phải chiếc bè là chân lý, khi đến bờ thì chiếc bè không còn tác dụng nữa.

Cho nên không có ý tổng hợp, chỉ là chúng sanh chấp cái này thì Phật phá cái này, chúng sanh chấp cái kia thì phá cái kia; tùy theo bệnh chấp của chúng sanh mà phá chấp, chứ không phải có pháp nhất định để cho Phật thuyết. Nếu chúng sanh chấp Phật thì Phật phá Phật, chúng sanh chấp Bồ Tát thì Phật phá Bồ Tát. Vì vậy, Thiên tông nói “ma đến chém ma, Phật đến chém Phật”. Chém Phật là không phải chém đức Phật mà chém tâm chấp Phật; chứ không phải phi báng Phật hay khinh Phật, nên nói là chém Phật.

Hỏi: Theo con hiểu tất cả các pháp là những phương tiện chỉ bày để cho chúng sanh tu được giải thoát, chứ không có thấp hay cao như Đại thừa và Tiểu thừa gì cả, chỉ có hợp hay không hợp với căn cơ mà thôi. Kính xin Thầy chỉ dạy?

Đáp: Như vậy là đúng.

Hỏi: Đức Phật A Di Đà là đức tính sáng suốt hằng có của mỗi chúng sanh còn gọi là Phật tánh, vì chỉ có Phật tánh mới có vô lượng thọ, vô lượng quang. Kính xin Thầy chỉ giáo?

Đáp: Vô lượng thọ là khắp thời gian, vô lượng quang là khắp không gian. Chữ A Di Đà không dịch ra nghĩa chữ Việt, vì để bao gồm thời gian, không gian. Nếu có dịch A Di Đà là vô lượng quang thọ mới đúng. Không những A Di Đà, mà tất cả Phật đều là bản tâm của mình (Phật tánh), không có khác. Nếu có khác là nhị, Phật đã nói Phật tánh là bình đẳng bất nhị, không có khác. Như bao nhiêu đèn cũng cùng chung một ánh sáng, chứ không phân biệt đèn số 1, đèn số 2, đèn số 3... cho đến đèn số muôn ngàn.

Hỏi: Bồ Tát Quán Thế Âm. Văn Thù, Phổ Hiền là những hạnh nguyện đại bi, đại trí, đại hạnh; bất cứ ai tu theo thành tựu trở thành Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền; chứ không phải chỉ có một Phổ Hiền, một Quán Âm hay một Văn Thù mà thôi. Kính xin Thầy khai thị?

Đáp: Nói như vậy cũng đúng, những danh từ: Quán Âm, Phổ Hiền, Văn Thù là biểu thị cái dụng trí huệ của Phật, cho nên danh từ vô lượng vô biên.

Hỏi: Tất cả các pháp gồm có 3 phần: thể, tướng, dụng. Thể là bản tánh của sự vật, tướng là hình tướng của sự vật, dụng là công dụng của sự vật. Thể là Phật tánh bất sanh bất diệt, tướng là hình thể có thay đổi, dụng là tùy theo tướng mà có. Tu là trở về với thể, tức là Phật tánh bất sanh bất diệt; muốn trở về phải phá những chấp trước của chấp ngã và chấp pháp, khi tâm đến với cảnh mà không sanh niệm dính mắc chấp trước, tức là được giải thoát. Kính xin Thầy cho biết sự hiểu biết của con có đúng hay sai?

Đáp: Theo lời nói của Giáo môn thì đúng, nhưng Thiên môn thì khác. Bởi vì Thiên là giáo ngoại biệt truyền, không chia ra thể, tướng, dụng. Thể với dụng không khác, thể tức là dụng, dụng tức là thể. Giáo môn chia là tánh, tướng hay là thể, dụng; còn Thiên môn tất cả đều bất nhị.

Giáo môn muốn cho người ta dễ hiểu, đáng lẽ Phật tánh cùng khắp không gian thời gian (vô lượng thọ, vô lượng quang), nhưng người ta khó hiểu khó tin, nên phải giảng theo sự tương đối ở thế gian, gọi bản thể của Phật tánh là tánh để thay mặt.

Như nói: Phật tánh, Không tánh, Tự tánh, Thật tánh... đều là biệt danh của Phật tánh, cái nghĩa không khác. Nói tướng thì Phật có thuyết minh tư tưởng sai lầm của chúng sanh được chia làm 4 cấp ở trong kinh Kim Cang: ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Nói chúng chung là “phàm sở hữu tướng đều là hư vọng”.

Khi kiến tánh thì không phân biệt tánh với tướng, cho nên có một danh từ gọi là Thật tướng, cũng là biệt danh của Phật tánh. Nhưng chưa kiến tánh nên Giáo môn phân biệt tánh là tánh, tướng là tướng, thể là thể, dụng là dụng. Kiến tánh phát hiện bản thể cùng khắp không gian thời gian thì sự tương đối tự tiêu diệt, không còn sự phân biệt.

Hỏi: Khi người Trung Hoa sang Hoa Kỳ, họ đem theo văn hóa và tôn giáo của họ, chắc chắn là những nhà truyền giáo giỏi; thế mà hai mươi năm, con cháu của người Trung Hoa không còn tha thiết tôn giáo của ông bà họ nữa, mà đi theo các tôn giáo khác gần như là 90%. Như vậy có lý do nào đó, kính xin Thầy cho biết ý kiến?

Đáp: Theo Giáo môn có chánh pháp, tượng pháp, mật pháp. Nói chánh pháp có 1.000 năm, tượng pháp có 1.000 năm và mật pháp có 10.000 năm. Năm nay Phật lịch là 2.534 thì bây giờ là thời kỳ mật pháp, người tin Phật nhiều nhưng không thực hành, vì thế chúng ngộ ít, thành ra người ta bỏ lần lần.

Tu sĩ không sản xuất, nên ăn, mặc, ở... đều nhờ sự cúng dường của tứ chúng Phật tử. Mục đích sự cúng dường của Phật tử là để cho tu sĩ có thời giờ tu hành giải thoát, rồi giải thoát cho chúng sanh, đó là bổn phận của tu sĩ.

Nếu tu sĩ bỏ bổn phận đi làm các phước thiện, cũng như người ta không có áo mặc thì cho người ta áo mặc, người ta không có cơm ăn lại cho người ta cơm ăn... nghịch với nghĩa chữ Phật. Nghĩa chữ Phật là tự giác, giác tha là tự độ cho mình được giải thoát, rồi độ cho người khác cũng được giải thoát. Ăn cơm của Phật phải có bổn phận làm việc của Phật.

Những người lấy tiền của mười phương Phật tử, mặc dù đi bố thí cho người ta, mà người đời khen ngợi là Phật sống hay Bồ Tát sống; chính người đó bỏ bổn phận tu giải thoát, mà đi làm những việc đó để tăng cường địa vị danh dự cá nhân; chứ không phải vì mục đích chúng sanh thoát khổ, để cho chúng sanh đạt đến tự do tự tại. Đó là cắt đứt huệ mạng của Phật. Trong giới luật nói “tu sĩ bỏ bổn phận để đi làm từ thiện, gọi là thiện nhân chiêu ác quả”. Nếu nhiều người làm như vậy, tất nhiên người ta thấy không được nên phải bỏ đạo mình theo đạo khác.

Hỏi: Kính xin Tôn sư giảng giải những chữ: Mạt na thức, đệ bát thức?

Đáp: Nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân đối với sắc, thính, hương, vị, xúc, sanh ra nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức (tiền ngũ thức). Ý căn đối với pháp trần sanh ra ý thức có pháp sanh pháp diệt.

Mạt na thức (thức thứ 7) có hai nhiệm vụ:

- Chấp thức thứ 8 là ngã, ngày đêm chấp chặt, không buông giờ phút nào.
- Truyền tống thức là thức thứ 6 lãnh đạo 5 thức trước (tiền ngũ thức) làm những việc gì có những cảm thọ như buồn vui mừng giận đều truyền vô thức thứ 8 làm chủng tử. Khi chủng tử thuận thực gặp được nguyên duyên từ thức thứ 8 được truyền ra cho thức thứ 6 lãnh đạo 5 thức trước thực hành.

Thức thứ 8 (đệ bát thức) chỉ là một kho tàng, chủng tử ác bỏ vô thì nó cũng nhận, chủng tử thiện bỏ vô thì nó cũng nhận, không phân biệt. Lục căn tạo cái gì dù thiện hay ác thì thức thứ 7 cũng truyền vô, khi nào ở ngoài thích hợp truyền ra hiện hành. Đó là nhân quả, chủng tử là nhân, hoàn cảnh là trợ duyên. Nhân duyên thuận thực hiện ra, như gieo thiện nhân được thiện quả, gieo ác nhân chịu ác quả.

Hỏi: Sự chia rẽ trong gia đình của người tỵ nạn giữa vợ chồng, con cái, ông bà quá trầm trọng, Phật giáo có đóng góp gì để hàn gắn lại của sự đổ vỡ đó?

Đáp: Tất cả đều phát xuất từ ngã chấp, có ngã chấp là tôi muốn hơn người khác, mặc dù anh em ruột, vợ chồng cũng vậy, như anh muốn hơn em, em cũng muốn hơn anh, chửi mắng, đánh lộn, xung đột đổ máu. Anh chị em trong gia đình tranh giành với nhau, gia đình này với gia đình kia tranh giành với nhau, đoàn thể này với đoàn thể kia tranh giành với nhau, chủng tộc này với chủng tộc kia tranh giành với nhau, quốc gia này với quốc gia kia tranh giành với nhau. Cho nên chửi mắng, xung đột đổ máu, cho đến chiến tranh nhỏ chiến tranh lớn cứ xảy ra hoài.

Phật muốn chấm dứt những thứ đó, nếu người nào đều tham Tổ sư thiên giữ được nghi tình thì những thứ đó tự động chấm dứt. Tại sao? Vì giữ nghi tình là không biết, đã không biết làm sao có tôi muốn hơn ông, ông muốn hơn tôi! Không biết thì không có phân biệt tự nhiên những tranh giành đó chấm dứt. Cái này rất đơn giản, chỉ thực hành Tổ sư thiên giữ nghi tình làm được tất cả.

Hỏi: Thế nào là trạch pháp?

Đáp: Trạch pháp là lựa chọn ở bên giáo môn mới có, Thiên môn không phân biệt, chỉ là giữ tâm không biết, không có lựa chọn.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là:

- Tứ niệm xứ: quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.
 - Tứ chánh cần: ác đã sanh nên dứt, ác chưa sanh không nên sanh, thiện chưa sanh nên sanh, thiện đã sanh khiến cho tăng trưởng.
 - Tứ thần túc: dục thần túc (thỏa nguyện), cần thần túc (tinh tấn), tâm thần túc (chánh niệm), quán thần túc (bất loạn).
 - Ngũ căn: tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn.
 - Ngũ lực là lực xuất phát từ ngũ căn trên.
 - Thất Bồ đề phần: 1-Trạch pháp, 2-Tinh tấn, 3-Hỷ, 4-Khinh an, 5-Niệm, 6-Định, 7-Xả.
 - Bát chánh đạo phần: 1-Chánh kiến, 2-Chánh tư duy, 3-Chánh ngữ, 4-chánh niệm, 5-Chánh mạng, 6-Chánh tinh tấn, 7-Chánh nghiệp, 8-Chánh định.
- Trong 7 thứ Bồ đề phần, điều thứ nhất là trạch pháp (chọn pháp), tức là chọn pháp lành để thực hành, pháp ác phải bỏ. Trong 37 phẩm có nhiều thứ trùng nhau.

Hỏi: Nghiên cứu kinh sách hay theo học các Phật học viện có tăng trưởng trí huệ không?

Đáp: Trong Giáo môn có học tự nhiên giúp ích, nhưng Giáo môn thời xưa, học và thực hành đi song song, nên có người chứng quả. Nhưng hiện nay các lớp cơ bản, trung đẳng, cao đẳng, chỉ có học nhưng không có thực hành. Học biết để dạy học trò, tác dụng giải thoát không còn; đáng lẽ tác dụng của Phật pháp là giải thoát tất cả khổ sanh tử luân hồi. Cho nên, tôi có ý lập Phật học viện để học và thực hành song song, không phải tôi bài xích cái học. Nếu chỉ có học mà không thực hành thì tác dụng Phật pháp không còn.

Hỏi: Khán thoại đầu có khác niệm thoại đầu hay không, nếu khác thì khác nhau ở chỗ nào?

Đáp: Khán thoại đầu là có nghi tình, tức là nhìn ngay chỗ vô thi vô minh. Thoại đầu (vô thi vô minh) là một niệm chưa sanh khởi. Vô minh là đen tối, có cảm giác chỗ đen tối mà không biết là cái gì, chính cái đó là nghi tình. Niệm là không có nghi tình, nên ngài Hư Vân nói “niệm thoại đầu không bằng niệm Phật”.

Hỏi: Thiền sư Thiết Nhãn có nói về bản lai chân diện mục, xin Thầy giải nghĩa có phải là chân thiện mỹ cuộc đời?

Đáp: Bản lai chân diện mục là Phật tánh không hình, không tướng, không âm thanh, không để cho mình nhận biết được; tư tưởng không thể tiếp xúc, lời nói văn tự không thể diễn tả. Cho nên, Phật Thích Ca thuyết 49 năm tự nói không có một chữ. Vì không thể nói được, nếu Phật Thích Ca nói được thì nói cho biết mình khỏi tu, khỏi chứng ngộ. Bởi cái biết này là cái biết của Phật tánh gọi là chánh biến tri, phải tự tu tự chứng, tự ngộ mới được; chứ nhờ người khác không thể nói cho mình biết, mà cũng không thể nói.

Hỏi: Sự chứng ngộ của Thiền tông với sự chứng pháp vô sanh có khác không?

Đáp: Phật nói vô thi là không có sự bắt đầu, cũng là hiển bày nghĩa vô sanh. Nếu có sanh thì có sự bắt đầu, tất cả vũ trụ vạn vật đều không có sự bắt đầu. Như trái dừa không phải cây dừa, nếu nói cây dừa bắt đầu được không? Không được. Tại sao? Không có trái dừa làm sao mọc lên cây dừa. Rồi nói trái dừa có trước được không? Không được. Tại sao? Không có cây dừa làm sao sanh ra trái dừa. Cây dừa và trái dừa đều không có bắt đầu, tức là hiển bày nghĩa vô sanh.

Đây là việc ở ngoài, bây giờ nói thân tôi: Rõ ràng có cha mẹ sanh tôi, cha mẹ cũng có cha mẹ nữa, cứ từ đời từ đời truy cứu mãi có cha mẹ đầu tiên không? Giả thiết có cha mẹ đầu tiên, tôi xin hỏi cha mẹ đầu tiên có cha mẹ đầu tiên không? Nếu có cha mẹ thì không phải đầu tiên, mà không có cha mẹ vậy từ đâu ra?

Nhà khoa học nói là từ một hạt nguyên tử từ từ diễn biến thành, cuối cùng thành con người. Như vậy cho là được đi. Tôi hỏi: bào thai con người một tháng thì có hình tượng một tháng, hai tháng có hình tượng hai tháng, ba tháng có hình tượng ba tháng, đến mười tháng sanh ra đầy đủ ngũ tạng lục phủ, lục căn đều đủ. Từ một hạt nguyên tử diễn biến thành một con người, giả thiết cho 1 triệu năm, mỗi năm lên một cấp, cũng như thai của con người mỗi tháng một cấp. Nhưng bây giờ mình chỉ thấy cấp thứ nhất là nguyên tử với cấp 1 triệu là con người, không thấy mấy cấp kia. Có người nói mình chỉ sống mấy chục năm làm sao thấy 1 triệu năm được? Tôi nói khỏi cần, bây giờ mình sống 5 năm cũng được, 5 cấp đến 1 triệu gần thành con người thì mình phải thấy chứ! Vậy có ai thấy 5 cấp gần thành con người không? Nếu không có thì lý do này không thành lập được. Truy cứu cách nào cũng không có sự bắt đầu, nên Phật nói

trắng ra là vô thi, vô thi là nghĩa vô sanh; người chứng quả là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn.

Hỏi: Chữ nhãn trong vô sanh pháp nhãn là gì?

Đáp: Chữ nhãn là nhãn khả, như Giáo môn nói “người uống nước nóng lạnh tự biết”. Tách nước nóng, nếu quý vị không uống thì không thể biết. Nhãn khả là thành linh biết, cũng như mình bị mất một món đồ, không nhớ ở chỗ nào, thành linh nhớ lại “ò”. Chữ Hán là chữ lực ở trong chữ khẩu, Thiên tông hình dung chữ này là ngộ; tức là trước kia mình không biết, thành linh biết được “ò”.

Hỏi: Thế nào từ bi trong nhà Phật? Lòng từ bi có giống như bác ái không?

Đáp: Từ bi là phá ngã chấp, bác ái là ngã chấp; hai thứ nghịch với nhau. Từ bi của nhà Phật, chữ từ là vô duyên từ, chữ bi là đồng thể bi. Tại sao nói là vô duyên từ? (Duyên là nhân duyên đối đãi) Tôi không phải năng từ, ông cũng không phải là sở từ; có năng sở đối đãi thì không phải từ bi.

Hỏi: Thế nào là phương pháp tự ngộ?

Đáp: Phật Thích Ca truyền pháp môn này là pháp thiên trực tiếp, không qua văn tự lời nói, nên gọi là giáo ngoại biệt truyền. Thiên này trực tiếp hiện ra tự tánh, Phật chỉ truyền 4 chữ là “từ nghi đến ngộ”, nghi là nhân, ngộ là quả. Tất cả không ở ngoài nhân quả, có nhân phải có quả.

Thiên tông nói không có nhân thì không có quả, nên nói là bất nghi bất ngộ; nhân nhỏ quả nhỏ, nên nói tiểu nghi tiểu ngộ; nhân lớn quả lớn, nên nói đại nghi đại ngộ. Vậy nghi là gì? Nghi là không biết không hiểu, một việc gì đã hiểu đã biết thì hết nghi là không có tham thiền. Cho nên Thiên tông rất chú trọng cái nghi gọi là nghi tình.

Phật Thích Ca đã ngộ nhưng không thể nói cho mình biết, không có thể ngộ giùm cho mình. Vì nói được là không phải, tự tánh vô hình vô thanh; mà dùng văn tự của thế gian không thể diễn tả được, dùng bộ óc không thể suy nghĩ đến. Cho nên, Phật Thích Ca nói “49 năm thuyết pháp, chưa từng nói một chữ” là vậy. Bởi không thể dùng lời để nói, nên Phật Thích Ca chỉ dạy đường lối thực hành để mỗi mỗi chúng sanh đều được tự ngộ. Vì vậy, nói là phương pháp tự ngộ.

Như mình muốn no phải tự ăn, người nào có ăn được no; chứ chí thân như cha mẹ không thể ăn giùm cho con cái, con có hiếu cũng không thể ăn giùm cho cha mẹ; tức là ai ăn nấy no. Phật pháp cũng vậy, người nào tu thì người đó chứng; phương pháp thiên phải tự ngộ mới được. Phương pháp thực hành Tổ sư thiên rất dễ, theo kinh nghiệm của tôi dễ hơn Tịnh độ trăm ngàn lần. Trước kia tôi hoằng Tịnh độ mười mấy năm, chưa thấy người nào tu đúng tông chỉ Tịnh độ.

Từ ngày mùng 2 tháng 4 năm 1977 hoằng Tổ sư thiên. Mặc dù, chưa có ai kiến tánh nhưng nhiều người phát trí huệ, Phật tử tham Tổ sư thiên nửa năm một năm có kiến giải cao hơn những người tu học Phật Học Viện mười mấy năm. Tại sao? Vì cái học cần phải ghi nhớ, còn tham thiền là phát hiện cái dụng của mình sẵn có. Phật Thích Ca nói “Phật tánh bình đẳng bất nhị”, Phật tánh của mọi chúng sanh đều bằng với Phật gọi là bình đẳng. Nếu kém hơn Phật một chút thì không bình đẳng, có cao có thấp là nhị.

Tu pháp môn Tổ sư thiên hay pháp môn khác của Phật pháp cũng vậy, điều thứ nhất là tin tự tâm. Cái tin là cần nhất, như Tịnh độ có tín, nguyện, hành, tin có 3 thứ tin. Tin của Tổ sư thiên là tin tự tâm và phát khởi nghi tình.

Nói sơ lược cách thực hành tham Tô sư thiên: Trước đời nhà Tống của Trung Quốc không có tham công án, tham thoại đầu, đến sau này những cơ xảo của Tô sư ghi trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, những người tham biết thành ra cơ xảo của Tô sư không thể dùng được, bắt đắ dĩ mới dạy tham công án, tham thoại đầu.

Tham thoại đầu là nhờ câu thoại để khởi lên nghi tình, trong Đường Lối Thực Hành Tham Tô Sư Thiên có đề ra 5 câu thoại đầu: câu thứ nhất “Khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Bây giờ có trời có đất thì mình ở đây, còn khi chưa có trời đất, mình không biết; không biết đó là nghi tình. Hỏi câu thoại đầu cảm thấy không biết, thực hành rất đơn giản, chỉ cần giữ cái không biết. Giữ cái không biết đến khi thành linh bùng vỡ, gọi là kiến tánh thành Phật. Có người hỏi tôi “suốt ngày giữ cái không biết thành người khờ ngốc sao làm việc?” Ban đầu tham thiên, khi làm việc phải ngưng tham; sau này tham thiên quen tự nhiên hiện ra cái dụng của tự tánh.

Ở Việt Nam có Trương Quốc Anh làm thủ môn đội banh hăng bọt ngọt, lúc khởi lên nghi tình không thấy trái banh, nhưng trái banh nào cũng chụp được, nên trận đấu nào có y tham dự chắc chắn thắng. Bác sĩ Thuận trưởng ty y tế Rạch Giá theo tôi tham thiên, lái xe từ Rạch Giá đến Sài Gòn, lúc khởi lên nghi tình không thấy xe nhưng không đụng xe. Cô Thọ may Trì Hằng Thiên lúc khởi lên nghi tình, không qua bộ óc cũng cắt vải được.

Tôi ở Việt Nam có người hỏi “tôi rất thích tham Tô sư thiên, nhưng ở trong lu gạo tôi hết gạo làm sao tham được?” Tôi dạy ông tham thiên, không phải của trời rớt xuống cho ông ăn! Ông làm nghề nào thì cứ làm nghề đó, lúc làm việc cũng tham, đi đứng nằm ngồi, mặc áo ăn cơm ngủ nghỉ, đi xe đi bộ... đều tham.

Ngài Lai Quả nói “nhờ câu thoại đầu khởi lên nghi tình bao gồm tất cả giới định huệ, niệm Phật, tụng kinh, lục độ vạn hạnh cho đến công thương kỹ nghệ... đều ở trong đó”. Tại sao? Vì nghi tình là không biết, nếu giữ không biết thì không phạm giới là trì giới. Trong giới luật có 3 cấp trì giới, cấp thứ nhì gọi là thiên giới. Bộ óc không biết thì tất cả phiền não vọng tưởng không có, nên được thanh tịnh gọi là định, định này được lâu sẽ phát ra thần thông.

Trí huệ của nhà Phật khác hơn trí huệ của thế gian, trí huệ của thế gian do bộ óc khởi tâm động niệm mới làm được. Trí huệ của Phật tánh là Bát nhã không cần qua bộ óc. Có sự thật cụ thể chứng tỏ giữ được cái không biết thì tất cả tụng kinh, niệm Phật, trì giới cho đến lục độ vạn hạnh, công thương kỹ nghệ thế gian đều ở trong đó, không có cái nào thiếu sót.

Bởi vì, bản thể Phật tánh cùng khắp không gian thời gian, cái dụng cũng cùng khắp không gian thời gian, gọi là Phật pháp vô biên. Pháp này thực hành rất giản dị, con nít 6, 7 tuổi cũng thực hành được, bà già 8, 9 chục tuổi cũng thực hành được; mà lại khỏi cần xuất gia cũng tu được.

Lịch sử Thiên tông Trung Quốc: vua kiến tánh vẫn làm vua, thừa tướng kiến tánh vẫn làm thừa tướng, thượng thư kiến tánh vẫn làm thượng thư; cho đến bà già bán rong ngoài đường cũng được kiến tánh. Bất cứ làm nghề gì đều có thể kiến tánh, thông minh hay ngu si đều có thể kiến tánh.

Trong kinh nói người nữ có 5 thứ chương, sự thật có 3 đứa bé gái kiến tánh (Long Nữ 8 tuổi, cô họ Trịnh 13 tuổi, cô họ Tô 15 tuổi). Theo giới luật nhà Phật, thực hành bát kính, Tỳ kheo ni đánh lễ Tỳ kheo; chứ không có Tỳ kheo đánh lễ Tỳ kheo ni, nhưng Tỳ kheo ni kiến tánh thì Tỳ kheo đánh lễ Tỳ kheo ni. Tất cả chương do mình chấp thật mới có, nếu không chấp thật thì tất cả bình đẳng bất nhị.

Hỏi: Hiện nay phong trào tu thiền lớn mạnh ở hải ngoại, thiền hơi thở, thiền nhân điện, thiền yoga...không biết đâu là chánh pháp, mặc dù Phật dạy chánh pháp còn phải bỏ, huống là phi pháp?

Đáp: Quán sổ tức trong Ngũ Đình Tâm Quán là đếm hơi thở từ 1 đến 10, rồi từ 10 ngược lại 1, thiền này là đúng. Tôi hoàng Tổ sư thiền khác hơn tất cả thiền, tất cả thiền khác gọi là tọa thiền; còn Tổ sư thiền đang làm vẫn thiền, không cần phải ngồi, muốn ngồi thì ngồi. Đả thiền thất ngồi nửa tiếng đi nửa tiếng, đi gọi là đi hương, ngồi gọi là tọa hương.

Năm 1974, tôi đi Bangkok đến thăm trung tâm thiền của Thái Lan, có mời Thiền sư Miến Điện dạy Tiểu thừa thiền, ngồi bao nhiêu đi bấy nhiêu, hình thức giống như Tổ sư thiền. Đó là để điều thân, đi mỗi chân lại ngồi, ngồi tê chân lại đi. Các thiền khác chú trọng ngồi kiết già, Tổ sư thiền khỏi cần ngồi kiết già, muốn ngồi cách nào cũng được. Lục Tổ nói “đạo do tâm ngộ bất tại tọa”, ngộ là do tâm chứ không phải do thân; vì thân này sau khi chết đem thiêu thành tro, chôn thành đất. Tâm mình không sanh không diệt, tu là tu cái tâm; ngộ là ngộ cái tâm, cho nên khỏi cần ngồi. Trong phẩm Tọa Thiền của Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói “tâm tọa chứ không phải thân tọa”. Tổ sư thiền rất thích hợp cho người tại gia để tu; đi xe, đi bộ, đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo, đi cầu, ăn cơm, ngủ nghỉ... lúc nào tham cũng được, chỗ nào tham cũng được.

Muốn phân biệt chánh tà rất dễ, chánh pháp là phá ngã chấp; nếu chấp ngã là tà, phá chấp ngã là chánh. Tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa đều phá chấp thật. Như Bát Nhã Tâm Kinh phá tất cả chấp; bất cứ chấp cái gì, chấp thật lục căn, lục trần, lục thức cho đến chấp thật Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên đều dùng chữ vô để phá (vô là không có, không phải là không có, vô là vô thật tức là không phải thật, nghĩa là phá chấp thật), trí huệ của Bồ Tát cũng phá luôn (vô trí diệt vô đắc), cứu kính Niết bàn cũng xa lìa (xa lìa điên đảo cứu kính Niết bàn). Phá hết tất cả chấp thì được thành Phật.

Hỏi: Xin Thầy giảng về quá trình chứng ngộ của Thầy?

Đáp: Đáng lẽ quý vị nghe tôi giảng phương pháp tự ngộ của Thiền tông là tu để tự ngộ, không phải để khảo lại tôi. Nhưng đã hỏi thì tôi phải nói: Ban đầu tôi giảng thiền được một tuần lễ cho ba mươi mấy người, hỏi các vị ấy có thích thiền không? Chỉ có một người thích.

Tôi ra hoàng Tổ sư thiền thì không thể buông, phần nhiều các Phật tử ấy tu Tịnh độ và mê tín. Tôi dạy Tổ sư thiền là vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ, nên người ta cũng công kích. Sau này có sự thật chứng tỏ nhiều người tu phát trí huệ, trong công thương kỹ nghệ đều tham được.

Mới giải phóng không có viết nguyên tử, dùng ruột mực bôm vô xài nữa. Có người làm nghề bôm mực nguyên tử. Một thanh niên 20 tuổi làm nghề này, trước kia chưa có tham thiền một ngày bôm được bốn mươi mấy cây; sau khi tham thiền mỗi ngày bôm được tám mươi mấy cây. Bốn mươi mấy cây bôm mực không đều, tám mươi mấy cây ra mực đều. Chứng tỏ tham thiền không chướng ngại kiếm gạo, còn giúp kiếm gạo nhiều. Vì sản xuất gấp bội, tự nhiên gạo phải nhiều hơn.

Tôi bắt đắc dĩ ra hoàng Tổ sư thiền, ban đầu tôi nói tiếng Quảng, chỉ có người Hoa đến dự, sau này người Việt lại coi, vì tôi là người đầu tiên đả thiền thất ở Việt Nam, cho tứ chúng tập thiền liên tiếp 7 ngày. Người Hoa theo tôi học thiền được hai ba trăm người, người Việt theo tôi học thiền hơn bốn ngàn người.

Cho nên, tất cả kinh sách của tôi dịch chữ Việt nhiều, chữ Hán ít hơn. Như hôm nay lại đây tôi giảng bằng tiếng Việt, tháng trước đi Canada cũng giảng bằng tiếng Việt, ở

Việt Nam giảng bằng tiếng Việt nhiều hơn. Vì người Việt theo tôi học thiền nhiều, chon tu nhiều hơn; người Hoa phần nhiều cầu phước.

Tại sao tôi chưa kiến tánh mà ra hoàng thiên? Tôi nghĩ ngài Lai Quả kiến tánh nhưng thầy của ngài Lai Quả chưa kiến tánh, ngài Hư Vân kiến tánh nhưng thầy của ngài Hư Vân chưa kiến tánh; nghĩa là mình tu đúng đường lối thực hành sẽ kiến tánh, tuy thầy chưa kiến tánh nhưng trò kiến tánh trước, trong lịch sử Thiền tông thấy nhiều. Đệ tử kiến tánh rồi trở lại làm thầy, thầy trở lại làm đệ tử.

Tôi chưa kiến tánh, nhưng may mắn biết được đường lối thực hành Tổ sư thiền, do Thiền sư có theo tham học với ngài Lai Quả, ngài Hư Vân truyền dạy cho tôi. Tôi chỉ có giải ngộ, nên các vị hỏi vấn đề gì, tôi khỏi cần qua bộ óc suy nghĩ mà trả lời liền

03

Hỏi: Tham Tổ sư thiền đời này chưa giải thoát, mất thân người phải đọa thì làm sao?

Đáp: Đối với Phật pháp phải tin nhân quả, nhân nào quả nấy; như kinh Pháp Hoa nói “như thị nhân như thị quả”. Tổ sư thiền do Phật Thích Ca truyền là chánh nhân, chánh nhân đã gieo thì chánh quả sẽ đến. Ở Việt Nam, có Phật tử cũng hỏi vậy “ngày nay tôi tu thiền rồi ngày mai chết làm sao?” Tôi nói, mặc dù chỉ tu một ngày, nhưng chánh nhân đã gieo thì chánh quả sẽ đến, kiếp sau sẽ tiếp tục tu.

Thí dụ mục đích kiến tánh là Sài Gòn, Chợ Lớn đi Sài Gòn là 100 bước; tuy mình đi 1 bước thì kiếp sau đi thêm 99 bước, chứ khỏi cần đi 100 bước. Nếu mình đi được 50 bước thì kiếp sau đi thêm 50 bước, kiếp này đi 99 bước thì kiếp sau đi 1 bước là đến nơi. Cho nên, tham thiền không nói sơ tham hay lão tham, sơ tham có thể mau kiến tánh hơn lão tham. Vì kiếp trước đã tu gần tới nơi thì kiếp này chỉ tu thêm ít sẽ tới nơi.

Hỏi: Tại sao phương pháp thiền này không được thông dụng như trước kia?

Đáp: Phương pháp thiền thực hành rất dễ, mà tin tự tâm rất khó. Pháp môn này phải tin tự tâm, tức là phải tin tự tâm mình với tâm của Phật Thích Ca bằng nhau (Phật Thích Ca nói Phật tánh bình đẳng bất nhị). Nhưng người ta khó tin, nếu không tin tự tâm thì không phát hiện tự tâm.

Tham Tổ sư thiền là phát hiện tự tâm mình, gọi là kiến tánh thành Phật. Bây giờ tất cả thần thông trí huệ của mình bằng với Phật Thích Ca, cùng khắp không gian thời gian, siêu việt số lượng; nhưng vì bị chôn vùi ở vô thi vô minh lâu đời, không thể lấy ra dùng.

Như kinh Pháp Hoa nói “mình có hạt châu như ý để trong ché áo, cho mình nghèo phải đi ăn xin; được người trí chỉ ra thì được giàu sang”. Nhưng việc này rất khó tin, nên người thực hành rất ít. Mặc dù, rất ít nhưng đời nào cũng có người kiến tánh.

Trước đời nhà Tống của Trung Quốc có người kiến tánh rất nhiều, chùa phần nhiều thuộc về Thiền tông. Sau này Truyền Đăng Lục ra đời, các cơ xảo của Tổ sư ghi trong đó, người tham thiền biết nên cơ xảo của Tổ không dùng được. Bất đắc dĩ dạy người ta tham công án, tham thoại đầu, nên người kiến tánh ít lại.

Tuy ít người kiến tánh, nhưng đời nào cũng có người kiến tánh. Như gần đây theo mình biết ngài Hư Vân, ngài Lai Quả, ngài Nguyệt Khê đều kiến tánh. Ngài Nguyệt

Khê tịch năm 1965 để lại nhục thân ở Cửu Long (Hồng Kông). Mặc dù người ta tu ít, vì ít người hoằng dương; đó cũng là do tánh của con người, như bây giờ tôi hoằng Tổ sư thiên rất khó khăn.

Ở Việt Nam hoằng Tổ sư thiên có nhiều người công kích, vì tôi dạy tông chỉ Tổ sư thiên là phá ngã chấp (vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ), còn các chùa cần phải nuôi sống nên dạy người ta cầu.

Người ta nói tôi làm như vậy phải bị nhện đói, hoằng Tổ sư thiên rất khó vì người tin rất ít; nhưng vì hoằng dương chánh pháp, nên tôi phải vậy, nếu có nhện đói cũng hoằng dương. Tánh của con người rất khó làm theo vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ. Vì vậy, người tu Tổ sư thiên rất ít.

Hỏi: Mười mấy năm Thầy tu Tịnh độ có thành tựu được gì không? Sau khi chuyển sang Thiền tông, Thầy bảo là thành tựu hơn. Vậy thành tựu của Thầy là thế nào?

Đáp: Thành tựu của tôi vừa rồi tôi đã kể, tôi chỉ được giải ngộ và tận sức hoằng đúng theo tông chỉ Tổ sư thiên. Trước kia mười mấy năm tôi hoằng Tịnh độ, chính tôi niệm Phật sáng đêm không ngủ, muốn ngưng câu niệm Phật cũng không ngưng được. Ngài Lai Quả ban đầu cũng niệm Phật, ngủ quên niệm lớn tiếng, rồi chuyển qua Tổ sư thiên lúc 28 tuổi kiến tánh.

Những người theo tôi học thiên, trước kia đã tu Tịnh độ rồi chuyển sang Tổ sư thiên. Nếu niệm Phật được vãng sanh Tịnh độ cũng phải chuyển sang Tổ sư thiên mới kiến tánh thành Phật. Minh đời tới chết rồi chuyển, không bằng mình còn sống chuyển sang thì tốt hơn.

Hỏi: Tâm hồn con đòi hỏi có một đời sống nội tâm an lành trong sáng hữu ích và giải phóng, nhưng đời sống còn cạnh tranh, tranh chấp, thấp hèn, tàn nhẫn. Con nghĩ rằng giảng co, rách nát giữa tâm, trí tuệ và sự thật đời sống. Kính mong Thầy giúp đỡ?

Đáp: Cuộc sống hàng ngày của mình do bộ óc làm chủ, bộ óc làm chủ phải dựa theo ngã chấp. Vì bộ óc thì có tương đối, sống trong thế giới tương đối, có lợi phải có hại. Khoa học phát minh xe hơi để tiện lợi cho giao thông, nhưng xe hơi rất nhiều nên giao thông dễ bị tắc nghẽn; có khi có chỗ xe hơi đi còn chậm hơn đi bộ, mỗi ngày toàn nước Mỹ chết vì xe hơi hơn 50 người; chưa kể người bị thương, số này có thể tiếp tục tăng thêm.

Do bộ óc làm chủ phải tranh giành với nhau, như con mắt muốn sắc đẹp, lỗ tai thích nghe âm thanh khen ngợi hay âm nhạc, cái lưỡi muốn ưa đồ ngon... Muốn thỏa mãn dục vọng của mình phải tranh giành với người khác. Anh chị em ruột trong gia đình cũng có tranh giành với nhau, gia đình này với gia đình kia cũng tranh giành với nhau, đoàn thể này với đoàn thể kia cũng tranh giành với nhau, chủng tộc này với chủng tộc kia cũng tranh giành với nhau, quốc gia này với quốc gia kia cũng tranh giành với nhau.

Cho nên, từ chữ mắng, đánh lộn, xung đột đổ máu, chiến tranh nhỏ đến chiến tranh lớn đều do ngã chấp (bộ óc làm chủ). Phật Thích Ca dạy phát hiện Phật tánh của mình để cho Phật tánh làm chủ, Phật tánh làm chủ chỉ làm lành chứ không có làm ác, mà thông qua bộ óc để dùng, không cho bộ óc làm chủ, bộ óc làm nô lệ cho Phật tánh. Bây giờ Phật tánh bị bộ óc che khuất nên không được hiện ra. Vì vậy, Phật Thích Ca nói trong Bát Nhã Tâm Kinh là phủ định lục căn, lục trần, lục thức.

Hỏi: Cách nào để giữ nghi tình khỏi quên?

Đáp: Ngài Nguyệt Khê nói “một niệm chưa sanh khởi gọi là vô thi vô minh, đã sanh khởi một niệm rồi gọi là nhứt niệm vô minh”, sanh khởi một niệm thì kế tiếp niệm thứ hai, thứ ba tiếp tục hoài tới ngày sáng đêm, cũng trong phạm vi nhứt niệm vô minh. Tham thiền là phá vô thi vô minh, vô minh là đen tối, tham thiền là nhìn ngay chỗ mịt mù chỗ đen tối, không biết là cái gì, tức là nhìn ngay vô thi vô minh, cũng gọi là thoát đầu.

Thoại đầu là khi chưa nổi một niệm. Đã nổi niệm muốn nói mặc dù chưa nói ra gọi là thoát vi, chứ không phải thoát đầu. Tham thiền là nhìn ngay chỗ một niệm chưa sanh khởi, tức là chỗ vô thi vô minh, nhìn ngay chỗ mịt mù không biết là cái gì, mà vừa nhìn vừa đề câu hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” để tăng cường cái không biết (nghi tình). Đó là thực hành Tổ sư thiền.

Khi hỏi phải hỏi liên tiếp, không có cho kẽ hở; tức là vừa hỏi dứt phải hỏi nữa, nếu hỏi rồi cách một hồi hỏi nữa thì có kẽ hở; có kẽ hở thì vọng tưởng phiền não từ kẽ hở nổi lên. Nếu hỏi khít khít thì phiền não vọng tưởng, không có kẽ hở để nổi lên. Phiền não không nổi lên thì tâm mình được thanh tịnh.

Cho nên, tham thiền được 5 phút thì 5 phút này hết phiền não, tham thiền 1 tiếng thì 1 tiếng này hết phiền não, tham thiền được 1 ngày thì 1 ngày không có phiền não. Tâm thanh tịnh lâu ngày sẽ phát trí huệ. Như có nhiều Phật tử, trước khi chưa tham thiền coi kinh không hiểu, tham thiền một thời gian rồi coi kinh tự nhiên hiểu.

Ở chùa Từ Ân đã thiền thất, thanh niên theo cha dự thiền thất, người mẹ khuyên y ở nhà học bài để thi, nếu không lên lớp phải đi lính. Nhưng y không chịu nghe, cứ đến dự thiền thất. Qua thiền thất không có thời giờ học bài, lúc làm bài mà y không biết (vì không có học làm sao biết), rồi y tham thiền được 10 phút, tự nhiên làm được bài và nộp lên trước.

Kỳ thật, mình có công phu đến mức thì cái dụng của tự tánh hiện ra. Như Trương Quốc Anh không thấy trái banh mà chụp được trái banh, bác sĩ Thuận không thấy xe mà không đụng xe, cô Hằng Thiên không cần qua bộ óc mà cắt được cái áo.

Sự thật chứng tỏ cái biết của tự tánh dùng ra hay hơn trí huệ của bộ óc rất nhiều. Có hai tài xế lái xe khách Sài Gòn - Chợ Lớn, trước khi chưa tham thiền thường hay bị cảnh sát thổi phạt, sau này tham thiền không đụng xe và không bị cảnh sát thổi phạt.

Đang lái xe mà tham thiền rất nguy hiểm, công phu của mình chưa đến mức là còn sợ, còn biết thì làm không được, nên phải dừng xe. Lúc nghi tình liên tục là lúc đó tự mình không biết nên không biết sợ, tự nhiên không đụng xe, chứng tỏ tự tánh được dùng ra.

Tự tánh được dùng ra là nghĩa không của nhà Phật. Thường thường người ta nói tu sĩ là chán đời mới vô cửa không đi tu. Chữ không của Phật pháp rất tích cực, bởi vì có nghĩa không mới hiển bày cái dụng.

Trung Quán Luận nói “vì có nghĩa không nên tất cả pháp mới được thành tựu”. Như cái tách lắp bít hết, không có cái không (trống rỗng), không phải không có gì hết. Nếu cái tách không có cái không thì không đựng sữa, nước, trà... được, vì là cái tách chết. Cái tách có cái không nên hiển bày cái dụng. Cái bàn có cái không nên để đồ được, cái ghế có cái không nên ngồi được, cái nhà có cái không nên ở được.

Cái không rộng chừng nào thì dụng rộng chừng nấy. Tại sao dụng của Phật Thích Ca có vô lượng vô biên? Vì Phật Thích Ca đã không có cái không nào để không nữa, nên cái dụng cùng khắp không gian thời gian. Còn cái không của mình nhét đầy tham sân si... nên cái dụng không hiện ra.

Tham câu thoại đầu khởi lên nghi tình tự động quét tất cả. Quét không bao nhiêu thì cái dụng hiện ra bấy nhiêu. Có nghi tình là bao gồm giới, định, huệ, lục độ vạn hạnh, cho đến công thương kỹ nghệ thế gian, không có cái nào thiếu sót.

Hỏi: Khởi nghi tình đến lúc nào bùng vỡ?

Đáp: Khởi nghi tình cuối cùng sẽ bùng vỡ tức là kiến tánh. Ví dụ đầu trên cây viết là thoại đầu, đầu dưới cây viết là thoại vĩ. Bắt đầu tham là từ thoại vĩ đến thoại đầu, khởi lên nghi tình là rời khỏi thoại vĩ, nhưng chưa đến thoại đầu, đang đi ở giữa đường. Một ngày kia đến thoại đầu (nguồn gốc của ý thức, Thiên tông gọi là đầu sào trăm thước, cũng là vô thi vô minh) thì đường đi ý thức đã hết, trước mắt không còn cái gì, chỉ có thanh thanh tịnh tịnh; ngoại đạo đi tới chỗ này cho là Niết bàn. Nhưng sự thật chưa phải, còn dính líu với ý thức.

Cho nên, Thiên tông từ đầu sào trăm thước tiến lên một bước nữa mới rời khỏi ý thức. Rời khỏi ý thức, ngài Lai Quả nói là lọt vào hư không té xuống, té phải cho chết; chết rồi sống lại gọi là “tuyệt hậu tái tổ”. Sống lại có 2 thứ: tiểu tử tiểu hoạt và đại tử đại hoạt. Té xuống chết rồi sống lại nhưng còn cái xác, gọi là tiểu tử tiểu hoạt. Đại tử đại hoạt thì luôn cái xác cũng không còn, rồi sống lại gọi là đại tử đại hoạt. Đây là thí dụ, không phải xác thân này; tức là tiểu ngộ còn ôm cảnh giới ngộ cho mình đã ngộ, không buông cảnh giới ngộ. Do trụ cảnh giới ngộ nên bị chướng ngại, cái dụng không được dùng ra. Đại tử đại hoạt là cảnh giới ngộ cũng tan rã, Thiên tông gọi là ngộ rồi đồng như chưa ngộ. Vì có ngộ thì còn mê, tại sao? Có mê nên mới có ngộ. Đã ngộ rồi hết mê, hết mê phải hết ngộ.

Cái tay ví dụ Phật tánh của mình hoạt bát vạn năng, muốn lấy cây viết, cái máy, cái tách... đều được. Nếu trụ cây bút thì hoạt bát vạn năng bị mất, muốn lấy cái gì không được. Cho nên, tay trụ cây viết cần buông ra, khôi phục hoạt bát vạn năng của tay, muốn lấy cái gì cũng được. Đây là trụ nơi có làm chướng ngại cái dụng. Lại chấp trụ nơi không, tức trong tay không có gì thành chướng ngại, muốn lấy cái gì cũng không được. Vì vậy cái không phải quét để khôi phục hoạt bát vạn năng của tay.

Cái dụng của tự tánh cũng vậy, nên Pháp Bảo Đàn nói “lấy vô trụ làm gốc”, kinh Duy Ma Cật nói “từ gốc vô trụ lập tất cả pháp”. Nếu có sở trụ thì chướng ngại dụng của tự tánh. Lục Tổ nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” liền ngộ đạo. Ung vô sở trụ là bản thể của tự tánh, sanh kỳ tâm là hiển bày cái dụng. Nếu có sở trụ, mặc dù trụ nơi Niết bàn cũng quét (xa lìa điên đảo cứu kính Niết bàn), nếu còn trụ Niết bàn cũng là điên đảo mộng tưởng. Bản thể Phật tánh là bất nhị, nghĩa bất nhị là vô trụ.

Tất cả tên gọi của Phật đều do cái dụng mà lập danh, như Phật tánh cùng khắp không gian không khứ lai, nên gọi là Như lai; Phật tánh cùng khắp thời gian không gián đoạn (không sanh diệt), nên gọi là Niết bàn. Vô trụ, Bất nhã, tánh không... đều như vậy. Tuy nói danh từ muôn ngàn sai biệt nhưng nghĩa không khác, chỉ muốn hiển bày cái dụng của Phật tánh.

Phật Thích Ca muốn mỗi chúng sanh đều được tự ngộ, để hiển bày cái dụng của mình sẵn có từ lâu đời. Nếu cứ chôn vùi hoài rất uổng, Phật Thích Ca dạy thực hành Tổ sư thiên cho mọi người hiển bày cái dụng của mình sẵn có bằng như Phật. Cho nên, nói bình đẳng bất nhị là vậy.

Hỏi: Câu tuyên bố bất hủ của Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma “giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”. Xin Thượng tọa giảng cho về tâm và tánh theo Phật giáo trong câu trên?

Đáp: Bất lập văn tự không phải phế bỏ văn tự, mà không qua văn tự lời nói, gọi là pháp thiên trực tiếp; cho nên chỉ cần cái nghi tình (không biết). Giáo ngoại biệt truyền là ở ngoài Giáo môn, vì Giáo môn có giai cấp từ Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập địa và Đăng giác, Diệu giác.

Pháp thiên trực tiếp do Phật Thích Ca đích thân truyền không có giai cấp, phàm phu ngộ và Thập địa Bồ Tát ngộ bằng nhau, chỉ là cái dụng không bằng (cái lý thì bằng, cái sự không bằng). Cái dụng không bằng do phàm phu có tập khí thế gian và xuất thế gian còn nguyên. Thập địa Bồ Tát hết tập khí thế gian, tập khí xuất thế gian còn ít, nên cái dụng lớn hơn nhiều, chỉ không bằng Phật. Phàm phu bị tập khí phiền não nhét đầy nên không hiển bày cái dụng. Phàm phu kiến tánh, những tập khí dứt lần lần sẽ bằng dụng của Phật.

Hỏi: Nếu bất lập văn tự, sao Thầy thông thuộc kinh điển? Tại sao Tổ sư thiên trí lại đã viết rất nhiều sách vở nhất so với các tông phái khác?

Đáp: Trong Tục tạng kinh có tác phẩm của Tổ sư thiên rất nhiều. Bất lập văn tự chứ không phế bỏ văn tự, chỉ là không qua văn tự, trực tiếp ngộ. Trực chỉ nhân tâm là phải tin tự tâm là Phật, ngoài tâm không có Phật. Mặc dù nói kiến tánh thành Phật, nhưng chưa phải quả vị Phật. Phàm phu và Bồ Tát Thập địa đều ngộ tới Đăng giác bằng nhau, cái dụng cách nhau rất xa.

Cái dụng quả Phật vô lượng vô biên, vì tất cả tập khí phiền não không còn. Có người kiến tánh chưa có thần thông, nhưng thần thông bản thể của mình sẵn có bằng với Phật Thích Ca; chỉ là chưa hiển bày để dùng, khi nào tập khí mình quét sạch bao nhiêu hiện ra cái dụng bấy nhiêu.

Hỏi: Mười sáu năm nay, con tụng kinh niệm Phật vừa thiền và quán. Con được biết các chú Tổ nói “gặp Phật giết Phật, gặp ma giết ma”, nghĩa là không trụ các cảnh giới để tu lên, nhưng con không gặp cảnh giới đó, mà con chỉ điều tâm vào chỗ không để được an lạc. Vậy con có thể giữ mãi trạng thái đó hay là phải bỏ để đi lên, nếu bỏ thì làm sao?

Đáp: Theo chánh pháp, nếu tu pháp môn nào phải đúng tông chỉ của pháp môn đó. Phật nói trong kinh Lăng Nghiêm, kinh Viên Giác có 3 thứ thiền quán: Sa ma tha, Tam ma bát đề, Thiền na. Giáo môn của Trung Quốc có: tông Thiên thai có Chi quán thiền, tông Hiền thủ có Pháp giới quán thiền, tông Duy thức có Duy thức quán thiền... Nếu tự mình coi sách mà tu rất nguy hiểm. Ở Việt Nam, tôi gặp những người tự coi sách để tu xảy ra rất nguy hiểm, có sự thật chứng tỏ. Nhiều khổ công tu phát được thần thông, đến mức độ cao xảy ra nguy hiểm là: ói máu, phát điên, phá giới.

Có một tu sĩ ở Rạch Giá phá giới. Tại sao? Người ấy không tu đúng theo chánh pháp, tức là không phá ngã chấp, nên tham sân si chỉ là đè nén, do dùng lực tự Di Đà để đè nén, niệm chú để đè nén hoặc dùng quán tưởng để đè nén vọng tưởng. Theo vật lý, nếu đè nén mạnh chừng nào thì phản lực mạnh chừng ấy. Đè nén lâu ngày đến mức độ cao bộc phát lên không thể kiềm chế được, xảy ra 3 kết quả trên.

Hỏi: Thế nào là sở tri chướng và phiền não chướng?

Đáp: Tất cả do bộ óc nhận thức được gọi là sở tri chướng, cho nên Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn thức giới cho đến ý thức giới, cho đến vô khổ, tập, diệt, đạo (Tứ Diệu Đế của thừa Thanh văn); cho đến vô vô minh tới lão tử (Thập Nhị Nhân Duyên của thừa Duyên giác); cho đến trí huệ của Bồ Tát; cho đến cứu kính Niết bàn, tất cả đều quét”.

Vì do cái biết của bộ óc là sở tri chướng làm chướng ngại, nên tự tánh không được hiện ra. Cứ cho bộ óc làm chủ thì ở trong tương đối, có lợi phải có hại; thường hại

nhieu hơn lợi. Cho nên, Phật dạy mình phải quét sạch sở tri chướng thì chánh biến tri của Phật mới hiện ra.

Phiền não chướng là tất cả tham sân si, mình ham thích cái gì đều là phiền não chướng; ham thích ăn ngon, mặc đồ đẹp, muốn thỏa mãn dục vọng của mình đều là phiền não chướng.

Hỏi: Xin Thầy giải thích sự lợi ích giữa công đức và phước đức?

Đáp: Phước đức có thể hưởng hết, như trong kinh cuối cùng đều có thí dụ: lấy tiền tài thất bảo chất đầy tam thiên đại thiên để bố thí, chỉ được phước đức chứ không phải công đức; cho đến vô biên thế giới thất bảo để bố thí được phước đức, nhưng phước đức có thể hưởng hết. Còn công đức của tự tánh sẵn có, chỉ cần mình phát hiện; tự tánh không sanh không diệt nên công đức hưởng không bao giờ hết.

Lương Võ Đế hỏi tổ Đạt Ma: Tôi cất chùa, bố thí, cúng dường chư Tăng rất nhiều, vậy có công đức không?

Đạt Ma đáp: không có công đức, chỉ là phước đức của trời người.

Nhưng phước báo đó hưởng lâu ngày cũng phải hết, còn công đức hưởng không thể hết. Vì công đức là tự tánh không sanh diệt, không diệt làm sao hết! Cho nên, công đức và phước đức khác nhau.

Tham thiền là muốn phát hiện công đức của mình, không muốn phước đức. Muốn cứu kính vĩnh viễn, tức là giải thoát tất cả khổ, cái khổ không thể trở lại; không phải kiếp này hay kiếp sau, muôn triệu ngàn kiếp cũng không cần. Tại sao? Nếu muôn triệu ngàn kiếp, khổ còn trở lại thì không được gọi là chân thật bất hư.

Hỏi: Trong các sách có nói Tổ sư trong Thiền môn truyền tâm ấn, vậy tâm ấn là cái gì? Và truyền tâm ấn là thế nào?

Đáp: Bồn tâm không có hình thể, không có âm thanh; dùng bộ óc không thể tiếp xúc, văn tự lời nói cũng không diễn tả được. Vậy làm sao lấy cái gì để truyền! Thiền tông nói truyền tâm ấn là dùng tâm ngộ của thầy ấn chứng tâm của trò đã ngộ, chứ không phải có tâm ấn để cho người này cho người kia. Tâm vô hình vô thanh cùng khắp không gian thời gian, như ánh sáng đèn cùng khắp không gian thời gian làm sao truyền! Nếu có truyền được là không cùng khắp.

Hỏi: Lục Tổ nói “bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai”, thế thì tu để làm gì? Thành Phật để làm chi?

Đáp: Bài kệ của Lục Tổ là để phá chấp bài kệ của Thần Tú, lời nói của chư Phật chư Tổ là công cụ phá chấp; chứ không phải chân lý. Như chúng sanh chấp cái có là thật có thì Phật nói không, dùng cái không để phá cái có; nếu chúng sanh chấp cái không là thật không thì Phật phải nói có, dùng cái có để phá chấp không. Nếu chúng sanh thấy Phật phá có phá không, tưởng là chẳng có chẳng không thì chấp vào chẳng có chẳng không, nên Phật dùng cũng có cũng không để phá chấp chẳng có chẳng không. Cuối cùng chúng sanh cho cũng có cũng không là chân lý, còn chấp cũng có cũng không thì Phật thấy bệnh chấp vẫn còn, phải dùng chẳng có chẳng không để phá cũng có cũng không.

Tứ cú đều phá, có cũng phá, không cũng phá, chẳng có chẳng không cũng phá, cũng có cũng không cũng phá, gọi là lia tứ cú (vô sở trụ), không phải có câu nào là chân lý. Phật nói có, không phải có là chân lý; Phật nói không, không phải không là chân lý, chỉ là tạm mượn để phá chấp.

Lục Tổ cũng vậy, vì Thần Tú chấp thật có cái tâm để dính bụi nên cần phải quét sạch. Tâm vô hình tướng, tức là không có chỗ để dính bụi và vốn không có bụi để dính cái

tâm. Do bộ óc chấp thật có cái tâm để dính bụi, có cái bụi để dính trong tâm. Đó là nghịch ý Phật và Tổ, tức là nghịch với bản thể Phật tánh. Cho nên Lục Tổ phải phá chấp đó.

Nếu là bôn lai vô nhất vật (không có cái gì) thì muốn thành Phật để làm gì? Kỳ thật, muốn hiển bày cái dụng vô lượng vô biên, chứ không phải tiêu cực, nói là cửa không, không có cái gì! Bởi vì có dụng là tích cực, nhà khoa học, triết học có dụng tích cực không bằng cái dụng tích cực của Phật, do dụng tích cực của Phật nên không có cuối cùng. Vừa rồi tôi nói “hiển bày cái dụng muôn triệu ngàn kiếp cũng không cần, là muốn hiển bày cái dụng vĩnh viễn”. Vậy làm sao nói tất cả không có! Tại giải thích trên mặt chữ cho là không có thì không đúng.

Hỏi: Sau đời Lục Tổ, các Tổ dùng phương tiện đánh hết, xô đẩy... Vậy Thầy có chủ trương như vậy hay không? Và Thầy cũng thuộc dòng Lâm Tế chăng?

Đáp: Chủ trương nói không được, chủ trương là do bộ óc. Pháp môn là do Phật Thích Ca truyền cho ngài Ca Diếp chỉ đưa cành hoa, không qua lời nói, mà ngài Ca Diếp ngộ chỉ mỉm cười cũng không nói; nên nói pháp thiên trực tiếp bất lập văn tự, nếu bất lập văn tự thì có chủ trương gì! Có chủ trương là có sở trụ. Phật nói “không pháp để thuyết mới là thuyết pháp, ai có nói Phật thuyết pháp thì người ấy phi báng Phật”. Tham Tổ sư thiên là phát hiện cái dụng của mình từ lâu nay sẵn có để dùng ra, chứ không để chôn vùi mãi mãi.

Hỏi: Thầy có đủ sáu thần thông chưa?

Đáp: Có người đã kiến tánh cũng chưa có thần thông, hết tập khí hiện ra cái dụng, người ta không biết cho là thần thông. Thần thông do bộ óc luyện ra không phải thần thông của Phật tánh, thần thông của Phật tánh cùng khắp không gian thời gian. Luyện thần thông từ Mỹ bay qua Việt Nam 5 phút, chưa phải thần thông của Phật tánh. Thần thông của Phật tánh không cần bay, vì cần bay không cùng khắp không gian.

Hỏi: Căn cơ chúng sanh ở đất Mỹ mà đời sống rất phức tạp, xin Thầy chỉ dạy phương pháp tu công hiệu nhất?

Đáp: Cách tu công hiệu nhất là hỏi câu thoại đầu khởi lên nghi tình. Đây là một công án để cho quý vị hiểu: Có một ni cô tham câu thoại đầu “chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật là cái gì?” Tham nhiều năm không thấy gì, thường hỏi thầy “có phương pháp nào để cho con kiến tánh mau không?” Thầy lắc đầu không trả lời. Đến một ngày, ni cô ấy cũng hỏi như vậy, thầy biết công phu của ni cô ấy gần chín mùi, rồi nói: có.

Ni cô nói: sao không nói cho con biết! Xin thầy nói cho biết.

Thầy nói: chú ý nghe! Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật là cái gì?

Ni cô nghe liền kiến tánh, chính câu thoại đầu của ni cô tham; nhưng cứ cho có pháp đặc biệt để cho mình kiến tánh, thành ra tư tưởng đó làm chướng ngại nên không được kiến tánh. Vì vậy, thầy lắc đầu không trả lời là tăng cường nghi tình. Nghi tình đến gần bùng vỡ, thầy nói ra được ngộ mới biết không có cách khác. Nói cách gì cũng là câu thoại đầu, Phật Thích Ca truyền từ nghi đến ngộ, đến trước đến sau là tùy theo mình, đi nhanh đến trước, đi chậm đến sau.

Lời khai thị II:

Phương pháp tự ngộ của Thiên tông là pháp thiên trực tiếp, do Phật Thích Ca đích thân truyền đến ngày nay. Phật tánh của mình đầy đủ năng lực thần thông trí huệ bằng Phật Thích Ca, không kém hơn một chút nào. Phật Thích Ca nói “Phật tánh bình đẳng bất nhị”, nếu chúng sanh kém hơn Phật một chút thì có cao có thấp là không bình

đăng, cao với thấp là nhị. Cho nên, mình muốn tham Tổ sư thiên phải tin Phật tánh là tự tâm của mình bằng như Phật. Nếu lòng tin đầy đủ mới phát hiện được Phật tánh của mình, tức là cái dụng vô lượng vô biên đã có từ vô thủy.

Pháp thiên tự ngộ, vì tổ Đạt Ma truyền sang Trung Quốc, người ta gọi là Đạt Ma thiên; từ Tổ từ Tổ truyền xuống gọi là Tổ sư thiên. Tất cả thiên nói trong kinh điển đều gọi là pháp thiên gián tiếp, khó tu khó chứng; còn pháp thiên trực tiếp dễ tu dễ chứng hơn. Như các phái Giáo môn như: tông Pháp hoa, tông Hoa nghiêm, tông Duy thức, tông Tam luận... đều có thiên riêng.

Tông Pháp hoa còn gọi là tông Thiên thai, vì Đại sư Trí Giả ở núi Thiên thai, nên gọi là tông Thiên thai; vì căn cứ theo kinh Pháp hoa, nên người ta gọi là tông Pháp hoa. Tông Pháp hoa có chỉ quán thiên, bây giờ người tông Thiên thai chỉ học giáo lý của tông Thiên thai, mà không tu chỉ quán thiên của tông Thiên thai; bởi vì phức tạp nên khó tu, nếu tu cuối cùng cũng phải khởi lên nghi tình giống như Tổ sư thiên.

Chỉ quán thiên của tông này có tam chỉ tam quán. Tam chỉ là: Hệ duyên chỉ, Tùy duyên chỉ, Thể chơn chỉ. Tam quán là: Giả quán, Không quán, Trung quán. Ban đầu quán các pháp đều giả, không có cái nào thật, quán riết thì giả cũng không phải thật giả, rồi quán không, nhưng quán riết không chẳng phải thật không, đến quán trung tức là chẳng phải giả, chẳng phải không; trung cũng không có cái trung để trụ, lúc đó tự nhiên phát khởi nghi tình “chẳng phải giả, chẳng phải không, chẳng phải trung, vậy là cái gì?” do cái nghi này mới đạt đến ngộ.

Như thế đã trải qua bao nhiêu tinh thần khổ công phát nghi, còn Tổ sư thiên là bắt đầu đã phát nghi; chỉ nhờ câu thoại đầu, như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Không biết. Cho nên giản dị mau hơn, các thiên khác cuối cùng cũng phải phát nghi rồi được ngộ, vì nghi là nhân, ngộ là quả. Tổ sư thiên do Phật Thích Ca dạy là từ nghi đến ngộ.

Người tu Tịnh độ đã vãng sanh Cực lạc, cũng phải chuyển qua Tổ sư thiên là phát nghi được ngộ. Nghĩa chữ Phật là tiếng Ấn Độ gọi Phật Đà, dịch ra tiếng mình là giác ngộ; người nào giác ngộ thì người ấy là Phật. Có người hỏi Phật “Ngài là người gì?” Phật trả lời “tôi là người giác ngộ”. Đáng lẽ gọi Phật là người giác ngộ, nhưng không gọi như vậy mà gọi là Phật.

Nhiều người cho Phật là một thần linh, mình nói tu kiến tánh thành Phật nhưng người ta không tin “tại sao ông dám nói kiến tánh thành Phật!” Kỳ thật, đó là mục đích của Phật độ chúng sanh, Phật muốn mọi chúng sanh đều kiến tánh thành Phật; kiến tánh thành Phật được dứt tất cả khổ. Nếu không kiến tánh thì vĩnh viễn không giải thoát tất cả khổ. Bây giờ không tự do tự tại là không biết mình là cái gì? Nên không làm chủ chính mình.

Hiện nay mình đầu thai làm người, nhưng mình vốn không phải người; người ở trong lục đạo (trời, người, a tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục). Nếu mình sanh tử tự do thì làm cõi nào cũng được, mình không được sanh tử tự do nên theo nghiệp mình tạo mà đầu thai; như tạo nghiệp trời thì sanh cõi trời, tạo nghiệp người thì sanh cõi người... tùy theo nghiệp mà xoay chuyển nên không được tự do. Phật muốn mọi chúng sanh đều được giác ngộ.

Có hai thứ chiêm bao: nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao. Ban đêm ngủ chiêm bao thấy có thân chiêm bao tiếp xúc thế giới chiêm bao, như tiếp xúc cái tách, cái máy, cái bàn... đều có thật chất; tiếp xúc nóng lạnh biết lạnh nóng, luôn cả thân chiêm bao mà người ta đánh thấy đau; giả sử trong chiêm bao có một thiện tri thức giải thích: cái tách, cái bàn, cái máy... đều không thật; luôn cả thân của ông không thật, người chiêm bao không thể tin. Tại sao? Vì tiếp xúc cái nào cũng có thật chất rõ

ràng. Nói tôi không thật, sao người ta đánh tôi biết đau? Nhưng thức tỉnh tự mình chúng tỏ hời nầy những cái thật tìm không ra. Thức tỉnh thì những cái trong chiêm bao tự dứt, như trong chiêm bao bị phạm pháp luật phải ở tù, đánh đập... Thức tỉnh rồi thân chiêm bao không còn, chính phủ chiêm bao cũng mất.

Mở mắt chiêm bao cũng vậy, như tôi giảng và các vị đang nghe là trong mở mắt chiêm bao. Bây giờ tiếp xúc cái nào cũng thật, mặc dù Phật Thích Ca giảng là không thật; như Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý và vô sắc thính, hương, vị, xúc, pháp”. Nhưng mình khó tin, nếu tham thiền được tự ngộ thì chúng tỏ, gọi là chứng ngộ, giống như nhắm mắt chiêm bao thức tỉnh. Nếu còn ở trong chiêm bao thì thấy tất cả các cảnh đều thật.

Theo Duy thức gọi nhắm mắt chiêm bao là độc đầu Duy thức biến hiện. Tại sao? Một mình thức thứ 6 biến hiện ra cảnh giới nhắm mắt chiêm bao. Lúc ngủ thì tiền ngũ thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) ngưng hoạt động, chỉ còn thức thứ 6 hoạt động hiện ra cảnh giới nhắm mắt chiêm bao; những cảnh trong phòng không thấy, nhưng lại thấy các việc ở xa, như ở bên Tây, Việt Nam... Do thức thứ 6 không cần nhờ 5 thức trước (tiền ngũ thức), biết được quá khứ và vị lai trong chiêm bao; nó hoạt động ngày đêm không ngưng, nên một mình biến hiện cảnh giới nhắm mắt chiêm bao.

Mở mắt chiêm bao là 5 thức trước không ngưng nghỉ thì có hai thức cùng biến hiện, gọi là đồng thời ý thức biến hiện mở mắt chiêm bao. Tại sao? Như nhĩ thức nghe được tiếng, nhưng không biết tiếng gì, tiếng đàn ông, tiếng đàn bà, tiếng con nít... phải nhờ thức thứ 6 để phân biệt biết tiếng này là tiếng người đàn ông, đàn bà, con nít... Nếu chỉ có ý thức thì không nghe được tiếng nên lấy cái gì để phân biệt là tiếng gì. Nếu chỉ có nhĩ thức thì chỉ nghe được tiếng nhưng không biết tiếng gì. Cho nên phải hai thức cùng nổi lên, gọi là đồng thời ý thức biến hiện mới thấy rõ ràng.

Nhắm mắt chiêm bao do một thức biến hiện, mở mắt chiêm bao do hai thức đồng thời biến hiện; một thức cũng là tâm, hai thức cũng là tâm. Nên kinh Hoa Nghiêm nói “nhứt thiết duy tâm tạo”. Tham Tổ sư thiền là muốn tự ngộ cái tâm này là cùng khắp không gian thời gian, mà cái dụng cũng cùng khắp không gian thời gian.

Phật Thích Ca có thần thông trí huệ vô lượng vô biên là do Phật Thích Ca quét sạch, không còn cái gì để quét nữa, cái không rộng cùng khắp không gian thời gian, nên cái dụng cùng khắp không gian thời gian. Còn chúng ta có tham sân si rất nhiều nhét đầy thành ra không hiển bày cái dụng.

Tham thiền là nhờ câu thoại đầu khởi lên nghi tình là không biết của bộ óc quét không bao nhiêu thì hiển bày cái dụng được bấy nhiêu. Vì vậy, hôm nay tham thiền thì hôm nay được cái dụng, tham được một ngày thì cái dụng được một ngày, tham được một tháng thì cái dụng được một tháng, quét trống nhiều thì cái dụng nhiều.

Hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Không biết, trả lời không ra thì hỏi nữa, hỏi đến thành linh trả lời ra là được kiến tánh. Nhưng trả lời ra không phải đáp án câu thoại đầu, mà phát hiện bản tâm mình. Nếu hỏi câu thoại cách một hồi hỏi nữa thì có kẽ hở, phiền não từ kẽ hở nổi lên; hỏi khít khít không có kẽ hở thì không có phiền não nổi lên, nên tâm mình được thanh tịnh. Tham được 5 phút thì 5 phút này không có phiền não, tham được 1 tiếng thì 1 tiếng này không có phiền não... chưa kiến tánh hiển bày cái dụng phần nào. Lúc tham là giữ được không biết nên không biết có phiền não. Vì vậy, chữ nghi có sức mạnh rất lớn, nhà khoa học cũng phải nhờ chữ nghi mới ngộ.

Nhưng cái nghi của nhà khoa học gọi là hồ nghi là qua bộ óc suy nghĩ tìm hiểu, chỉ phát minh các việc thế gian có giá trị của thế gian, không biết được chính mình. Tham

thiền là chánh nghi không qua bộ óc suy nghĩ tìm hiểu, phát hiện chính mình làm chủ cho mình nên được tự do tự tại. Bây giờ không biết mình là cái gì nên không làm chủ cho mình, mình không muốn già cũng phải già, không muốn bệnh cũng phải bệnh, không muốn chết cũng phải chết... Nếu kiến tánh triệt để là sanh tử tự do, muốn sống thì sống, muốn chết thì chết, muốn lên thiên đường, muốn xuống địa ngục...

Hỏi: Ngài Diên Thọ nói “không tu thiền mà tu Tịnh độ, một vạn người thì một vạn người về Tây phương thấy đức Phật A Di Đà được khai ngộ”. Xin Thầy giảng giải?

Đáp:

Có bài kệ nói:

Muôn người tu Tịnh độ,
Thì muôn người thành tựu.
Tu thiền không Tịnh độ,
Mười người, chín người sai.
Tu thiền tu Tịnh độ,
Như con cọp thêm sừng.
Không thiền không Tịnh độ,
Phải chìm đắm muôn người.

Người tu Tịnh độ thường lấy bài kệ này cho là của ngài Vĩnh Minh để dẫn chứng. Sự thật, ngài Vĩnh Minh là tổ thứ 3 tông Pháp Nhãn của Thiền tông, đệ tử của ngài Vĩnh Minh có truyền đến Đại Hàn, bây giờ vẫn còn. Ở Trung Quốc, hiện nay chỉ còn tông Lâm Tế và tông Tào động; tông Pháp Nhãn đã thất truyền.

Ngài Hư Vân là người kiến tánh gần đây, ngài nói “tìm hết tất cả tác phẩm của ngài Vĩnh Minh không thấy bài kệ này”. Bài kệ này tự mâu thuẫn, Tại sao? Tu thiền mười người, chín người sai, mà tu Tịnh độ muôn người muôn người được. Muôn người muôn người được là tốt nhất, không sánh bằng. Tại sao còn đem thiền vô làm mất chín ngàn, chỉ còn lại một ngàn. Vậy, phải mâu thuẫn không? Chính bài kệ đã tự mâu thuẫn.

Sự thật, ngài Vĩnh Minh không có làm bài kệ này, vì ngài đã kiến tánh không thể làm bài kệ mâu thuẫn. Đó là người đời sau làm ra bài kệ này làm oan cho ngài Vĩnh Minh. Tông Tịnh độ sáng lập từ Trung Quốc, sơ tổ là Huệ Viễn đời nhà Tấn truyền đến Trung Hoa Dân Quốc, mấy chục năm trước tổ thứ 13 là Ấn Quang, ngài có tác phẩm Ấn Quang Văn Sao có dạy đường lối thực hành rõ ràng, nhưng những người dạy và tu Tịnh độ không biết.

Trong đó có ba thứ tin, hai thứ nguyện và hai thứ hành. Mình tu pháp môn nào phải đúng tông chỉ của pháp môn đó mới được thành tựu, nếu tu không đúng làm sao thành tựu? Cho nên, ngài Ấn Quang không cho người tu Tịnh độ coi các kinh khác, chỉ được coi 3 thứ kinh của Tịnh độ (kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà). Kinh A Di Đà phổ biến, nhiều chùa thường tụng; kinh Quán Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Thọ ít người biết, mà lại coi những sách thiền.

Tôi dạy Tổ sư thiền cho người ta hỏi tự do, nên tất cả tôi phải biết; nếu tôi không biết thì người ta khó tin. Tất cả ở trong bản tâm đều đầy đủ, không có cái nào thiếu sót. Những cái không có ở trong kinh, mặc dù tôi không có coi kinh nhiều, chỉ hoằng Thiền tông nhưng các tông phái khác, mà các vị hỏi tôi đều trả lời được; ngoài ra Mật tông tôi không thể nói, vì Mật tông là bí mật truyền thọ.

Như quý vị dùng cái tách này nhờ tôi giảng thiền thì tôi giảng thiền, nhờ tôi giảng Thiên thai thì tôi giảng Thiên thai, nhờ tôi giảng Hiền thủ thì tôi giảng Hiền thủ, nhờ tôi giảng Duy thức thì tôi giảng Duy thức, nhờ tôi giảng cái nào thì tôi giảng được. Vì

ở nơi tự tánh mình sẵn có, không phải do học mới có, tất cả đều đầy đủ. Do tâm mình chấp thật (có sở trụ) nên không hiện ra cái dụng. Bản tâm mình là vô sở trụ, có hoạt bát vạn năng.

Như cái tay dụ cho tự tánh hoạt bát vạn năng lấy cái máy, cái tách, cái đĩa... đều được. Nếu có sở trụ, như cái tay trụ cái tách thì dụng bị đánh mất, không còn hoạt bát vạn năng, nên lấy cái gì cũng không được. Tay cần buông cái tách thì khôi phục hoạt bát vạn năng, nên lấy cái nào cũng được.

Cái tách này là pháp có, nhưng tay tự làm nắm tay, trong tay không có thứ gì; nhưng cái dụng cũng bị mất, nên lấy cái gì cũng không được. Cho nên cái không này cũng phải quét thì tay được hoạt bát vạn năng. Được hoạt bát vạn năng là do vô sở trụ, khi Lục Tổ nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” liền ngộ triệt để.

Ứng vô sở trụ là bản thể, sanh kỳ tâm là cái dụng; bản thể không có sở trụ nên dụng hoạt bát vạn năng, nếu có sở trụ thì bị mắc kẹt. Mặc dù trụ có cũng bị mắc kẹt, trụ không cũng bị mắc kẹt; bất cứ trụ Bồ Tát hay trụ Phật cũng đều bị mắc kẹt. Vì vậy, Pháp Bảo Đàn nói “lấy vô trụ làm gốc”, kinh Duy Cát nói “từ gốc vô trụ lập tất cả pháp”. Chư Phật chư Tổ đều phá chấp thật của mình, vì chấp thật là có sở trụ làm mất cái dụng.

Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý” là quét lục căn; “vô sắc, thính, vị, xúc, pháp” là quét lục trần; “vô nhãn thức cho đến ý thức giới” là quét lục thức; “vô khổ, tập, diệt, đạo” là quét Tứ Diệu Đế; “vô vô minh diệt vô vô minh tận, cho đến vô lão tử diệt vô lão tử tận” là quét Thập Nhị Nhân Duyên; “vô trí diệt vô đắc” là quét trí huệ của Bồ Tát; “xa lìa điên đảo cứu kính Niết bàn” là quét luôn cứu kính Niết bàn.

Tất cả quét sạch mới được thành tựu Bồ đề (thành Phật), có cái dụng vô lượng vô biên. Minh theo đó thực hành, quét từ tri kiến phàm phu, tri kiến Tiểu thừa, tri kiến Đại thừa và tri kiến Phật thì chính thức thành Phật.

Hỏi: Đức Phật A Di Đà nói “nhược hữu chúng sanh dục sanh ngã quốc, chí tâm tín nhạo nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả bất thủ chánh giác”. Xin Thầy giải thích?

Đáp: Lúc gần lâm chung có mười câu niệm Phật được vãng sanh Tây phương, nhưng phải tu đúng tông chỉ Tịnh độ; tức là phải phát đại nguyện, thực hành đại nguyện của mình phát. Nếu theo đúng tông chỉ, khỏi cần mười niệm mà chỉ một niệm cũng được vãng sanh.

Trái lại, không đúng tông chỉ, dù có một trăm ngàn niệm cũng không được vãng sanh. Cho nên cần nhất là thực hành đại nguyện. Kinh Di Đà nói “đã phát nguyện thì đã vãng sanh, đương phát nguyện thì đương vãng sanh, sau này phát nguyện thì sau này vãng sanh” là chú trọng cái nguyện. Quyết định được vãng sanh là do cái nguyện.

Nguyện gồm có hai thứ: tiểu nguyện và đại nguyện.

Nếu phát tiểu nguyện là chỉ cầu cho một mình được vãng sanh thì trái với nhân quả, nên không được vãng sanh. Tại sao? Vì vãng sanh là không thể chết nữa, tiếp tục tu đến thành Phật. Bởi vãng sanh ở cõi Cực Lạc nghe gió thổi chim kêu đều làm cho mình thích tu, như mình ở đây ham tiền vậy, tự nhiên rồi sẽ thành Phật. Vãng sanh là không chết, làm sao đi đâu thai để trả nợ?

Từ nhỏ đến lớn, tự xét mình có giết một con kiến không? Có ăn cá ăn tôm không? Có ăn thịt heo thịt gà không? Nếu có phải đầu thai để trả nợ trước, chứ đâu được vãng sanh. Bởi vì theo nhân quả thì nhân nào quả nấy, như kinh Pháp Hoa nói “như thị

nhân như thị quả”. Nếu chỉ cầu cho mình vãng sanh là không trả nợ sao? Phải đầu thai để trả nợ trước chứ! Như vậy tiểu nguyện không thể vãng sanh, phải phát đại nguyện.

Đại nguyện là hồi hướng, mà bây giờ nhiều người hiểu lầm hai chữ hồi hướng; hai chữ hồi hướng theo Giáo môn là phá ngã chấp. Giáo môn có Thập Hồi Hướng, qua Thập Hồi Hướng lên Sơ địa (phá hết ngã chấp lên Bồ Tát Sơ địa). Người ta lấy hồi hướng để tăng cường ngã chấp. Tại sao? Vì nói là cái này công đức của tôi, tôi thương người này, tôi hồi hướng cho người này; tôi thương người kia, tôi hồi hướng cho người kia; lấy tôi làm chủ muốn cho người nào cũng được. Đó là ngã.

Hồi hướng là tất cả công đức của tôi, làm tất cả phước thiện, cúng dường Tam bảo đều hồi hướng cho tất cả chúng sanh, tôi chỉ là một trong chúng sanh. Cho nên, phát đại nguyện không phải một mình tôi được vãng sanh, mà tất cả chúng sanh đều được vãng sanh; tất cả chủ nợ mạng, chủ nợ thịt đều cùng với tôi được vãng sanh, không sót một chúng sanh nào mới là đại nguyện. Phát đại nguyện thì đối với chúng sanh bình đẳng, nếu mình đã vãng sanh rồi tu thành Phật trở lại độ những người chưa vãng sanh. Phát đại nguyện phải thực hành đại nguyện của mình phát.

Tôi đã hoằng Tịnh độ mười mấy năm, gặp nhiều người tu Tịnh độ không coi chúng sanh bình đẳng. Đừng nói đối với thú vật, mà đối với con người cũng không bình đẳng. Vậy đối với con chó, con mèo, con chuột, con kiến, con muỗi... làm sao bình đẳng? Vì muỗi chích tôi nên tôi phải đập nó, con chó dơ dáy gần tôi nên tôi phải đá cho nó đi. Nếu đối với chúng sanh không bình đẳng thì nghịch với đại nguyện mình phát. Như vậy là nguyện suông nguyện giả, làm sao vãng sanh? Cho nên chỗ này rất khó.

Trương mục trong ngân hàng của mình không có tiền, nhưng mình thiếu nợ người ta; mình ký biên nhận cho người ta là năm mười sau mới trả, mỗi ngày có bao tiền nạp vô ngân hàng. Người ta đem biên nhận đến ngân hàng mới lãnh được tiền. Trong ngân hàng không có tiền, sau này người ta đến ngân hàng lấy tiền không có thì mình phải bị bắt ở tù.

Mình không thực hành đại nguyện của mình phát là có tội, không có công đức làm sao được vãng sanh! Cho nên phát đại nguyện và thực hành đại nguyện của mình phát (mỗi ngày nạp tiền vô ngân hàng, mình ký biên nhận mới có giá trị). Người ta cho ăn chay, niệm Phật, tụng kinh gõ mõ là Tịnh độ. Kỳ thật không phải Tịnh độ, phải đúng theo tông chỉ Tịnh độ là Tín, Nguyện, Hành.

Hỏi: Khi còn ở Việt Nam, con tha thiết cầu nguyện Phật cho các con và con đi ra nước ngoài sinh sống. Đã đến lúc con không còn tin gì nữa, bỗng một đêm trong giấc ngủ có một tiếng nói văng vẳng, nói với con rằng “con sẽ được ý nguyện”. Cho dù đã mười năm qua, con thắc mắc nguyện vọng của con đã được chư Bồ Tát nghe đến hoặc chỉ là tưởng tượng?

Đáp: Tất cả nguyện thiện hay nguyện ác đều được thỏa mãn. Trong kinh Phật nói, hồi trước Phật Thích Ca theo ngoại đạo 6 năm tu chứng quả ngoại đạo, biết là sai liền bỏ. Uất Đầu Lam Phát chứng quả cõi trời cao nhất là phi tướng phi phi tướng, thọ mạng được 8 muôn đại kiếp (1 đại kiếp = 4 trung kiếp, 1 trung kiếp = 20 tiểu kiếp, 1 tiểu kiếp = 16 triệu năm). Phật Thích Ca thành Phật muốn đi đến người đó liền, nhưng trễ một ngày, vì người đó đã sanh vào phi tướng phi phi tướng.

Uất Đầu Lam Phát tu ở gần sông, cá lội làm cho ông phát giận, ở trong rừng chim kêu làm cho nổi sân; lúc đang giận, ông chỉ nổi lên một niệm “sau này tôi sẽ làm chồn bay vô rừng ăn chim, vào nước ăn cá”. Qua một niệm ấy thì ông quên. Hết 8 muôn đại kiếp của cõi trời phi tướng phi phi tướng, ông phải đầu thai làm con chồn bay để thỏa

mãn cái nguyện đó. Đó là ác nguyện cũng được thỏa mãn. Phật nói trong kinh Hoa Nghiêm “tất cả do tâm tạo”, tâm mình tạo là nhân, có nhân phải có quả. Mình khởi tâm động niệm, mặc dù chưa đi làm nhưng đã có nhân rồi.

Những người có tiền mới đi vượt biên được, nhưng người có tiền không sợ chết đói. Vì kiếp trước đã tạo nhân chết đói, kiếp này mặc dù có tiền nhưng cũng phải bị chết đói, Bởi nhân quả không thể trừ với nhau, tạo nhân thiện được quả phước, tạo nhân ác phải chịu quả khổ. Họ tạo nhân ác làm cho người chết đói, kiếp này có tiền vượt biên ở ngoài biển hết lương thực phải chịu chết đói.

Theo nhân quả có thể sửa lại, vì tất cả do tâm tạo. Như thiếu nợ, người chủ nợ có thể lực mạnh phải trả trước, chủ nợ yếu rồi trả sau. Nhân quả cũng vậy, nhân mạnh thì quả đến trước, nhân yếu thì quả đến sau. Thí dụ người không có tu là tâm lực một độ, người tu thành Phật là tâm lực một triệu độ (sự thật vô lượng vô biên, không phải một triệu độ). Mình đã cho người ta bị chết đói là tâm lực một độ, kiếp này cũng là một độ thì phải chịu cái quả chết đói. Nếu mình có tham thiền thì tâm lực từ một độ lên đến mười độ tuy mới tạo nhân, nhưng quả phải đến trước, vì nhân mạnh hơn. Nhân một độ làm cho người ta chết đói thì yếu, nên cái quả chậm lại sau.

Nếu tham thiền được mười độ, rồi không tham thiền nữa, quả của mười độ đến hết rồi tới chín độ, chín độ hết thì tới quả tám độ...rồi một độ cũng phải đến. Được mười độ, không ngưng tham thiền, tham tới một triệu độ thành Phật. Nhưng nhân một độ làm cho người ta chết đói chưa tiêu được, nên phải trở lại độ người đó. Những người mình đã tạo chết đói thì được ưu tiên độ trước, đó là tự nhiên như vậy. Độ họ hết khổ được tự do thì nhân làm cho chết đói mới được tiêu.

Hỏi: Con thường nghe nói bây giờ là thời mạt pháp, chỉ có Tịnh độ là thích hợp với căn cơ mọi người; vì Tịnh độ vừa tự lực vừa tha lực. Người tu pháp môn này, ngoài vấn đề niệm Phật cầu vãng sanh còn phải tu thập thiện, giữ thân khẩu ý cho trong sạch, có hiếu với cha mẹ như Phật nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Như vậy, khi quá vãng mới sanh về Cực Lạc, do đó con nhận định rằng vẫn không ra ngoài nhân quả. Nhưng có một điều con còn thắc mắc có một cõi Cực Lạc nào đó không hay chỉ là phương tiện, do đức Phật chỉ dạy chúng sanh như trong kinh Pháp Hoa, phẩm Hóa Thành Dụ chỉ là hóa thành?

Đáp: “Tất cả do tâm tạo” thì tất cả đều là hóa thành, cho đến Cực Lạc cũng vậy, chỉ là tâm tạo thôi. Cõi Cực Lạc do tất cả người tu Tịnh độ vọng tạo. Bây giờ, mình được thân này giàu sang hay nghèo khổ là biệt nghiệp của mình tự tạo, tất cả đều không ngoài tâm. Kinh Lăng Nghiêm nói “nhiếp cả lục căn, tịnh niệm tương tục”, câu này bao gồm hết thấy.

Làm sao nhiếp cả lục căn? Con mắt không phân biệt xấu đẹp thì nhiếp được nhãn căn, lỗ tai không phân biệt khen chê thì nhiếp được nhĩ căn, cái lưỡi không phân biệt vị ngon hay dở thì nhiếp được thiệt căn... tất cả lục căn đều không phân biệt, đúng lời Phật nói là “vô nhân, nhĩ, tỳ, thiệt, thân, ý” ở trong kinh Bát Nhã Tâm Kinh vậy.

Nhưng bây giờ người tu Tịnh độ có được nhiếp lục căn không? Tôi hoảng Tịnh độ mười mấy năm, chưa có gặp một người nào thực hành được. Nhiếp được lục căn rồi thì niệm mới trong sạch (tịnh niệm), mà tịnh niệm liên tiếp khắp thời gian không có gián đoạn, gọi là tịnh niệm tương tục thì mới được vãng sanh; chứ đâu phải dễ!

Vì không hiểu nghĩa trong kinh nói, cứ nói nhờ tự lực nhờ tha lực. Nhưng phải làm sao đúng lời dạy trong kinh Phật mới được. Mình phân biệt xấu đẹp rõ ràng, người ta chê thì mình đã giận, người ta khen ngợi thì mình mừng, vậy đâu có nhiếp được! Nếu không nhiếp được, làm sao đi đúng lời kinh để được vãng sanh!

Hỏi: Thầy đã giảng kỳ trước, niệm Phật hay trì chú chỉ có tác dụng đè nén vọng tưởng; nhưng con nghĩ mục đích niệm Phật để một lòng không tán loạn, đạt được nhưt tâm bất loạn, con nghĩ đó là tâm bất nhị của Phật tánh. Sự nhận xét của con có đúng không? Xin Thầy phân biệt rõ tác dụng đè nén vọng tưởng của niệm Phật và không đè nén vọng tưởng của tham thoại đầu?

Đáp: Ai cũng biết do vô minh mới thành chúng sanh. Tại sao gọi là vô minh? Vô minh có hai thứ:

Vô thi vô minh (căn bản vô minh) là không có sự bắt đầu. Vô thi vô minh đó cảnh giới thế nào? Là một niệm chưa sanh cũng là thoại đầu của người tham thiền. Tham thiền là muốn phá vô thi vô minh mới được kiến tánh, cho nên đến thoại đầu phải tiến thêm một bước nữa, tan rã vô thi vô minh thì giây phút đó được kiến tánh.

Còn nổi lên một niệm rồi gọi là nhưt niệm vô minh, cuộc sống hàng ngày như: mừng, giận, buồn, vui... đều là hóa thân nhưt niệm vô minh. Trong Đại Thừa Tuyệt Đối Luận, ngài Nguyệt Khê giảng rất rõ về nhưt niệm vô minh. Mình gặp chuyện vui mà cho vui là nhưt niệm vô minh, gặp chuyện buồn cho buồn là nhưt niệm vô minh, gặp chuyện giận cho giận là nhưt niệm vô minh; tức là tâm trạng mình biến đổi mức nào cũng là ở trong nhưt niệm vô minh, đã nổi một niệm thì niệm thứ hai thứ ba cứ tiếp tục hoài, nên gọi là nhưt niệm vô minh.

Vô minh là không sáng, tức tự mình không làm chủ được, mà theo dục vọng mình để thỏa mãn tạo ra đủ thứ nghiệp, phải chịu nghiệp thọ ác báo. Theo nhân quả, tạo nhân lành được phước báo, tạo nhân ác phải chịu khổ báo. Kinh Hoa Nghiêm nói “tâm mình như một họa sĩ rất hay”, họa thiên đường thì mình thấy vui, họa địa ngục thì mình thấy sợ; nếu mình không họa thì bình an vô sự. Vì do tâm mình muốn họa cái này cái kia là nhưt niệm vô minh, có muốn ngưng cũng không ngưng được.

Nói dùng niệm Phật để ngưng, nhưng niệm Phật cũng là nhưt niệm vô minh. Niệm đến nhưt tâm bất loạn là trở về vô thi vô minh thì cũng còn ở trong vô minh, chưa phá được vô minh thì không giải thoát. Uất Đầu Lam Phát sanh cõi trời Phi tướng phi phi tướng, sắc thân không có, tất cả tập khí phiền não không có, ông nhập định 8 muôn đại kiếp, không có một chút vọng tưởng, mà người niệm Phật không có được vậy! Nhưng rồi ông mãn hết 8 muôn đại kiếp cũng đầu thai con chồn bay, không được giải thoát.

Niệm Phật không đúng tông chỉ Tịnh độ, làm thập thiện sanh cõi người hưởng vinh hoa phú quý hay sanh cõi trời hưởng thú vui; nhưng hưởng hết rồi cũng phải đọa xuống chịu khổ báo, vì không đúng tông chỉ Tịnh độ thì không vãng sanh cõi Cực Lạc. Bởi làm phước hưởng phước, làm ác cũng phải chịu quả ác vậy! Làm phước được phát tài mới có tiền đi vượt biên, nhưng làm ác cho người ta chết đói cũng phải chịu quả chết đói; chứ không có thiện và ác trừ với nhau được, vì không ra ngoài chiêm bao; chưa phá được vô thi vô minh, phá vô thi vô minh là ra ngoài chiêm bao, không bị chiêm bao trói buộc.

Câu hỏi vừa rồi từ nhưt niệm vô minh đến vô thi vô minh, vô thi vô minh bị kích thích thì sanh nhưt niệm vô minh, đó là còn trong luân hồi.

Hỏi: Trong Thiền Thất Khai Thị Lục, ngài Lai Quả nói rằng “suốt ngày nổi vọng tưởng bên này, rồi nổi vọng tưởng bên kia, vui vẻ, giận hờn, tất cả phiền não vô minh, gieo những thứ nhân như vậy thì sanh tử có lúc nào dứt không? Niệm Phật có thể dứt được không?” Ngài trả lời: Ta nói có thể được, nhưng niệm Phật chỉ có thể thu tất cả niệm, câu thoại đầu có thể rời tất cả niệm. Kính xin Thiền sư giảng

rõ sự khác biệt giữa niệm Phật và câu thoại đầu, thế nào là thu tất cả niệm và thế nào rời tất cả niệm?

Đáp: Niệm Phật đến nhưt tâm bất loạn là thu tất cả niệm thành một niệm, thành một niệm là nhưt niệm vô minh, chưa tới vô thi vô minh; dù đến vô thi vô minh, như Uất Đầu Lam Phát cũng còn đọa xuống làm con chồn bay.

Hỏi câu thoại đầu khởi lên nghi tình, nghi tình là cây chổi automatic thì niệm gì cũng quét, cái quét này tự động chứ không có nỗi niệm muốn quét. Tại sao? Vì nghi tình là không biết, không biết thì nhưt niệm cũng không biết, nhưt niệm không biết thì đâu có còn niệm gì nữa; tức là quét sạch cái niệm rồi, luôn cả vô minh không biết thì quét luôn cả vô minh. Nhưng cuối cùng cũng phải tới vô thi vô minh (thoại đầu), từ thoại đầu (đầu sào trăm thước) tiến lên một bước là kiến tánh.

Niệm Phật gom tất niệm thành một niệm, còn tham thiền bất cứ niệm gì cũng quét, vì nghĩa là vô sở trụ, niệm không cũng quét, niệm có cũng quét, chẳng có chẳng không cũng quét, cũng có cũng không cũng quét. Tại không biết làm sao có biết niệm nào! Có biết là có niệm rồi, không biết thì không có niệm nào hết; không có năng niệm, không có sở niệm, không có tất cả đối đãi thì lia tất cả niệm. Kỳ thật, niệm Phật và tham câu thoại đầu nghịch với nhau.

Hỏi: Cầu siêu cho người chết, nếu người tụng kinh A Di Đà với tâm thành thì tâm lực mạnh mẽ chuyển tâm thức người chết được chư Phật tiếp dẫn về cõi Tịnh độ hoặc đi đầu thai đến cảnh giới an lành. Nếu người chết đã đi đầu thai ở các cõi khác, nhờ cầu siêu mà hưởng được nhiều phước báo ở cõi ấy. Như vậy việc cầu siêu, cầu an, cầu phước có phù hợp với chánh pháp không?

Đáp: Chuyện cầu siêu phải nói thân trung ấm, tôi kể thân trung ấm phát sanh ở Đài Loan: Thường người ta quan niệm người chết biến thành quỷ, nhưng sự thật không phải vậy. Chết rồi tùy theo nghiệp mà đi đầu thai, nếu tạo nghiệp trời nhiều sanh cõi trời, tạo nghiệp người sanh cõi người, tạo nghiệp súc sanh sanh cõi súc sanh, tạo nghiệp quỷ sanh cõi ngạ quỷ, tạo nghiệp địa ngục đọa xuống địa ngục. Thường thường giờ phút chết là giờ phút sanh, ít có thân trung ấm; nếu người đó làm thiện và làm ác bằng nhau thì không sanh thiện đạo hay ác đạo mới có thân trung ấm.

Tại sao gọi là thân trung ấm? Ấm là ngũ uẩn (thân này), thân ngũ ấm trước đã chết rồi, thân sau chưa sanh, ở trước và sau có chính giữa gọi là thân trung ấm, tức là cái trước đã mất, cái sau chưa sanh, ở giữa trước và sau gọi là trung, có thân trung ấm. Thân trung ấm bây giờ thay đổi một lần, nếu lúc đó tâm của người đó nghiêng về thiện một chút thì sanh về tam thiện đạo, nghiêng về ác một chút thì sanh tam ác đạo.

Có Ung Bá Huy từ đại lục Trung Quốc sang Đài Loan, lúc đó ông được 40 tuổi. Đến Đài Loan quy y Pháp sư Nam Đình. Vì muốn người ta tin luân hồi, nên nói người nghe pháp: Tôi có một đệ tử biết kiếp trước đầu thai một con heo, bây giờ ra vô trong chùa mà các vị cũng có thể gặp, nhưng tôi không thể nói ra tên ông đó. Những người nghe pháp không biết ai đầu thai con heo! Có một hôm trong chùa ăn cơm, có một tay dùng túi bao lại của một ông, một tay bới cơm khó khăn, người bên cạnh thấy vậy muốn bới giùm, mà ông không chịu, hai người giựt qua lại làm túi sút ra, người bên cạnh thấy giò heo, khúc trên là tay người, khúc dưới là chân trước con heo. Ông ấy nhanh tay bao túi lại và nói với người bên cạnh không được nói.

Đến chừng người ta đi hết, đến một chỗ vắng, người bên cạnh hỏi: Có phải Pháp sư Nam Đình nói người đầu thai con heo là ông phải không?

Ung Bá Huy không chịu nói.

Người ấy nói: nếu ông không nói mà tôi cũng biết vậy! Nói cho tôi biết thì không nói

với người khác.

Ung Bá Huy kể:

“Tôi biết hai kiếp trước, kiếp đầu tiên tôi dạy học ở thôn quê, lúc tôi chết nhưng không biết chết, đi lang thang ngoài đường thấy trong thân nhẹ nhàng (lúc đó là thân trung âm, nhưng ông không biết). Một ngày đó đi ngang nhà lớn gặp gió bắc thổi lạnh quá, chịu không nổi thấy trong nhà mở cửa mà không có ai, nên tôi vô trong nhà để tránh gió bắc. Nhưng ở trong nhà cũng còn lạnh, thấy trên vách tường treo mười mấy áo lớn, lạnh quá chịu không nổi nên phải lấy một cái áo mặt vô thấy ấm, ngủ hồi nào không hay, khi thức dậy thấy bên cạnh mình có con heo mẹ và các con heo nhỏ. Lúc ấy biết mình đã thành con heo nhỏ, nghĩ trong bụng nếu heo lớn lên thì người ta làm thịt, bây giờ phải làm sao? Tính tự tử nên không ăn. Người chủ tưởng là bệnh, rồi đem thuốc trộn với sữa cho ăn nhưng heo không chịu.

Qua 7 ngày heo chết thì khôi phục thân trung âm, thân trung âm cũng đi lang thang ngoài đường, gặp gió bắc lạnh, đi ngang nhà đó và vô trong nhà cũng thấy mười mấy cái áo lớn, tay muốn lấy một cái áo để mặc, tay vừa đụng áo thì rút tay lại và nói “kỳ trước lấy áo đã đầu thai thành con heo, sao bây giờ còn lấy! Chẳng thà bị lạnh chết”, lạnh đến chịu không nổi rồi bị chết giắc. Đến chùng tỉnh lại nghe người ta nói là sanh con trai (Ung Bá Huy). Cái tay đụng vô cái áo thành chân heo. Mẹ tôi may túi vải bao tay lại lúc tôi còn nhỏ để không cho người ta biết”.

Ung Bá Huy sống được 62 tuổi, bệnh rồi chết tại bệnh viện Diêm Vương, Đài Bắc. Sau khi ông chết, người hỏi ông mới viết sự thật ra đăng lên Phật San, tôi coi mới biết. Ăn cắp là ác nên phải đầu thai con heo, không ăn cắp là thiện nên sanh con người. Tùy theo tạo nghiệp gì thì sanh cõi đó.

Cầu siêu phải làm ảnh hưởng người chết, để tâm lực người đó sửa lại mới được. Cho nên, người chết, cha mẹ hay anh em người đó sát sanh để cúng làm ảnh hưởng người chết nổi lên ác niệm, nên người chết có hại chứ không có lợi ích. Nếu có người chết thì cả gia đình ăn chay, biết tham thiền nên trước linh cửu tham thiền, biết niệm Phật thì trước linh cửu niệm Phật, người chết được ảnh hưởng tốt sanh vào ba đường thiện.

04

Hỏi: Thiên có lợi ích cho con người thế nào?

Đáp: Có đủ thứ thiên, nhưng tôi hoảng Tổ sư thiên là pháp thiên trực tiếp do Phật Thích Ca đích thân truyền. Thiên này rất lợi ích, như tham thiên được 5 phút thì 5 phút này không có phiền não, tham được một ngày thì một ngày không có phiền não, tham được một tháng thì một tháng này không có phiền não, vừa làm là có lợi ích liền. Còn các thiên kia là tọa thiên có rất nhiều nên tôi không thể nói ra được, người tu Phật pháp phải tu đúng tông chỉ của tông phái đó.

Như tông Thiên thai có chỉ quán thiên, tông Duy thức có Duy thức quán thiên, tông Hiền thủ có Pháp giới quán thiên, mỗi tông phái đều có thiên riêng của tông phái đó. Tông Tịnh độ cũng có 16 pháp thiên quán. Nếu tu không đúng theo tông chỉ thì có hại. Tông chỉ của Tổ sư thiên là có chín chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Đúng tông chỉ thì không có thiên bệnh, không bị tẩu hỏa nhập ma. Ma nhập được là do có sở cầu, có sở đắc, có sở sợ; thực hành được chín chữ này nên không thể nhập ma.

Hỏi: Tánh tình nóng nảy hay lo lắng mà học thiên có thể bớt không?

Đáp: Những người thích xem hát, tham Tô sư thiên một thời gian không thích đi xem hát nữa; có người ham mặc đồ đẹp, tham thiên một thời gian không ham mặc đồ đẹp nữa; có người ưa ăn uống, tham thiên một thời gian không ưa ăn uống nữa. Tại sao? Vì nghi tình là không biết, cứ tối ngày giữ không biết hoài thì sự ham thích tự nhiên không còn. Cái nóng nảy cũng vậy, nếu không biết làm sao biết nóng nảy! Người ta chửi mắng, đánh đập mình, mình nhẫn nhục được nhưng trong tâm thấy rất khó chịu. Tham Tô sư thiên thì người ta có chửi mắng mình cũng không biết, không thấy khó chịu; ở trong tâm không có nhẫn nhục, đó mới là chân thực nhẫn nhục.

Hỏi: Con nghe nói người hay lo lắng suy nghĩ nhiều mà tu thiền có thể bị tẩu hỏa nhập ma phải không?

Đáp: Chính tẩu hỏa nhập ma là do lo lắng suy nghĩ, còn Tô sư thiên là không cho bộ óc suy nghĩ. Nếu có suy nghĩ không phải tham thiên, không cho bộ óc lo lắng, lo lắng và suy nghĩ là biết. Tham thiên không suy nghĩ, không cho tìm hiểu câu thoại đầu; học thiên học đạo cũng không cho. Tại sao tham thiên mà không cho học thiên học đạo? Vì tham thiên đã có thiên có đạo rồi, nếu còn học thiên học đạo thì ở trong Thiên tông gọi là đầu thượng an đầu (trên đầu mọc thêm đầu). Minh đã có một cái đầu đủ dùng rồi, nếu mọc thêm một cái đầu nữa làm cho cái đầu này khó chịu, phải mời bác sĩ cắt bỏ mới được, không cắt bỏ thì rất cực khổ. Tìm hiểu thiên tìm hiểu đạo còn không cho, huống là cái khác mà lo lắng gì nữa!

Hỏi: Chúng con là kẻ sơ tham câu thoại thấy nhẽ vô vị quá, làm sao câu đó giúp con đạt đến kiến tánh được?

Đáp: Tô thứ 18 của tông Lâm Tế là Thiên sư Trung Phong dạy mình phải thống thiết sanh tử, hôm nay mình sống đây, không biết ngày mai còn sống không! Như tôi năm nay 68 tuổi, rồi 10 năm sau 78 tuổi, 10 năm sau nữa là 88 tuổi, 10 năm sau nữa 98 tuổi, 10 năm nữa 108 tuổi, cứ suy nghĩ hoài tới chừng đó làm sao? Nếu trước khi chết, mình không giải quyết vấn đề sanh tử, không biết chết rồi sẽ ra sao? Trước khi chết, phải giải quyết, phải thống thiết vấn đề sanh tử của mình. Dầu cho mình ở ngoài thế gian có sự nghiệp bằng vua, thế lực cũng mạnh, tiền tài cũng nhiều hơn cả nước; nhưng kết cuộc bi thảm là phải già phải bệnh phải chết. Nếu giải quyết sanh tử không được thì cái khổ vẫn tiếp tục mãi mãi.

Cho nên, tham thiên không được nhờ hứng thú, nếu nhờ hứng thú để tham thiên thì hết hứng thú lại bỏ tham. Ngài Hư Vân nói “năm đầu là sơ tham, năm thứ nhì là lão tham, năm thứ ba hết hứng thú thì hết tham”. Nếu sanh tử được giải quyết thì sanh tử tự do, không tham nữa. Chưa giải quyết sanh tử nên phải tiếp tục tham. Vì vậy, mình phải thống thiết sanh tử, chứ đừng nhờ hứng thú để tham.

Hỏi: Khi ngồi thiền, tâm hay bị phân tán thì có cách gì tâm khỏi bị phân tán?

Đáp: Tâm phân tán là có muốn đắc, có muốn cầu, có sở sợ. Nếu thực hành được 9 chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”, tự nhiên tâm không bị phân tán. Lại chính nghi tình là không biết, không biết làm sao phân tán, biết mới phân tán.

Nghi tình là do Phật Thích Ca truyền rất hay, chỉ giữ một chữ nghi thì được thành tựu tất cả. Khi đã không biết nên tất cả đều được giải quyết. Giới định huệ, lục độ vạn hạnh cho đến công thương kỹ nghệ ở xã hội, niệm Phật, trì chú, sám hối cũng gồm trong đó, chứ không có ở ngoài.

Hỏi: Tối thiểu ngồi thiền là bao nhiêu lâu?

Đáp: Tham thiên không phải ngồi thiền, ngồi thiền không phải tham thiên; tham thiên không cần ngồi, Lục Tổ nói “Đạo do tâm ngộ bất tại tọa”, ngộ là do tâm, chứ không

phải do thân. Thân này sau khi chết, đi thiêu thành tro, chôn thành đất; còn tâm mình không thể biến thành tro, biến thành đất, vĩnh viễn tồn tại, cho nên mới cần tu, tu cái tâm này; tâm này ngộ thì tất cả khổ đều được giải thoát, tự do tự tại, tự làm chủ tâm mình.

Bộ óc làm chủ thì có ngã chấp, tranh giành trong xã hội, chửi mắng, xung đột sanh ra đổ máu. Nếu phát hiện được Phật tánh của mình thì Phật tánh làm chủ, bộ óc làm đầy tớ. Phật tánh làm chủ thông qua bộ óc để dùng ra, nên ngã chấp không còn. Vì vậy tất cả đều được giải quyết. Như tất cả đèn đều chung một ánh sáng, tất cả chúng sanh đều chung một hạnh phúc, không có ta với người làm tương đối để tranh giành với nhau.

Hỏi: Kính xin Thầy giải thích phân biệt giữa nghi tình của một Thiền sư và nghi tình của một nhà khoa học? Sự ngộ của một Thiền sư và sự khám phá ra của nhà khoa học?

Đáp: Trong Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền, tôi đề ra ông Newton thấy trái bôm trên cây rớt xuống, ông khởi lên nghi tình “tại sao trái bôm rớt xuống đất, mà không rơi lên trời?” Do nghi tình này, ông nghiên cứu tìm hiểu, phát minh được định luật hấp dẫn lực vạn hữu, đó là hồ nghi, nhà khoa học nghi việc thế gian chỉ phát minh những đồ vật của thế gian, có giá trị thế gian; nhưng không phát minh được chính mình, nên không làm chủ cho mình, không được giải thoát khổ.

Nghi của tham thiền là chánh nghi, không cho bộ óc suy nghĩ, tìm hiểu, nghiên cứu; để cho tự ngộ, tức phát hiện chính mình là Phật tánh. Biết được chính mình mới tự làm chủ, tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ.

Cho nên, danh từ nghi thì giống, nhưng sự thực khác. Cái nghi của nhà khoa học là hồ nghi, phải bộ óc suy nghĩ nghiên cứu. Còn cái nghi của Thiền tông không cho bộ óc nghiên cứu, tìm hiểu; chỉ là nuôi cái nghi cho thật mạnh, (giống như bôm bong bóng đến bong bóng căng rồi sẽ nổ) đến lúc nghi tình vỡ gọi là kiến tánh thành Phật.

Mặc dù, cuối cùng ngộ, nhưng hai thứ ngộ có khác. Cái ngộ của nhà khoa học là ngộ pháp thế gian, cái ngộ của Thiền tông là ngộ tâm chính mình cùng khắp không gian thời gian, thần thông trí huệ vô lượng vô biên bằng như Phật, cho nên được tự do tự tại, dứt hết tất cả khổ vĩnh viễn, muôn ngàn kiếp sau cái khổ không thể trở lại.

Hỏi: Câu kết của kinh Bát Nhã, đức Bồ Tát có dạy “ga tê, ga tê, ba ra ga tê, ba ra ga tê, bo di sa va ha”. Câu chú này có phải là một công án không?

Đáp: Thần chú là muốn cho mình không biết, nhưng không có nghi tình, vì không có dấu hỏi. Còn nghi tình của Thiền tông là không biết nhưng có dấu hỏi, có hỏi thì phải có đáp, mình đáp không ra thấy tức lăm thì phải tiếp tục hỏi nữa, hỏi đến một ngày đáp ra được là kiến tánh. Thần chú không có dấu hỏi, thành ra khác xa với tham công án hay tham thoại đầu.

Công án là một chuyện tích, như tham công án chữ vô của Triệu Châu, chữ vô không có dấu hỏi, dưới đây là công án:

Tăng hỏi Triệu Châu: con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: có.

Tăng khác hỏi: con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: không.

Tại sao một người trả lời có, một người trả lời không? Thì đã có dấu hỏi rồi. Lại kinh Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tại sao Triệu Châu nói không? Vì con chó cũng là chúng sanh vậy. Tại sao con chó không có Phật tánh? Cũng là dấu hỏi. Tham công án thì cả chuyện tích, chứ không phải khán chữ vô. Nếu chữ vô thì không có dấu hỏi, làm sao gọi là nghi tình? Nghi tình phải có dấu hỏi.

Niệm chú chỉ là để cho mình không biết, nếu dịch ra thì tác dụng của thần chú không còn nữa. Thần chú không thể dịch được. Thần chú là thay mặt cho mệnh lệnh, thay mặt cho sự dụng của tâm; cho nên kinh Lăng Nghiêm gọi là tâm chú, tôi dịch kinh Lăng Nghiêm có lược giải tâm chú này.

Hỏi: Con có thể hiểu câu chú này như là “thả buông, thả buông, con hãy thả buông, mau con hãy thả buông, bỏ để hiện nơi con” không?

Đáp: Nếu dịch chú ra nghĩa thành kinh, không phải là chú; chú là không cho mình hiểu nghĩa, mới có tác dụng cho mình không biết. Cho nên chú không có dịch nghĩa, như trên đã dịch ra là phá hoại tác dụng của chú.

Hỏi: Tham Tổ sư thiền chưa đắc thì đã chết, tâm và thân đời sau sẽ ra sao? Nếu như không có duyên gặp lại Phật pháp để tu theo pháp tham thiền Tổ sư rồi mình sẽ như thế nào? Còn Tịnh độ tông ít ra mình cũng có một chỗ đỡ khổ để tu tiếp, có phải dễ không?

Đáp: Kinh Pháp Hoa nói “như thị nhân như thị quả” (nhân nào quả nấy), mình đã gieo chánh nhân thì được chánh quả. Tại sao gọi là chánh nhân? Vì pháp Tổ sư thiền do Phật Thích Ca thân truyền là chánh nhân. Ở Việt Nam có người hỏi “hôm nay tôi tu Tổ sư thiền, rồi ngày mai chết sẽ ra sao?” Mặc dù chỉ tu có một ngày, nhưng chánh nhân đã gieo thì chánh quả sẽ đến.

Ở Việt Nam, tôi thường ví dụ Chợ Lớn đi Sài Gòn là 100 bước, mục đích đến là Sài Gòn. Tuy kiếp này mình chỉ đi một bước, nhưng kiếp sau mình tiếp tục đi 99 bước, khỏi cần đi 100 bước. Mình đi 1 bước cũng không uổng công. Nếu mình đi được 50 bước thì kiếp sau tiếp tục 50 bước nữa. Nếu mình đi được 99 bước thì kiếp sau đi thêm 1 bước là đến nơi. Đó là tùy theo sự đi của mình, đi nhanh hay đi chậm, mình quyết tử tham thì mau đến.

Cho nên, pháp môn này không kể sơ tham hay lão tham. Tại sao? Vì sơ tham có thể đi 99 bước rồi, mặc dù kiếp này họ mới tham, chỉ cần bước thêm 1 bước thì đến nơi. Người lão tham kiếp trước chưa đi hay mới một hai bước thì kiếp này phải đi chín mươi mấy bước nữa, nên phải chậm hơn. Vì vậy, người nào đi nhanh thì tới trước.

Từ Chợ Lớn đi Sài Gòn, mình cứ cuối đầu đi, chứ không phải luôn nói “tôi đi Sài Gòn”, mình cứ đi sẽ đến nơi; hay giữa đường gặp rạp hát ghé lại để coi, hoặc gặp hồ bơi vô coi người ta tắm... nếu vậy biết bao giờ mới đến Sài Gòn! Cho nên mình cứ đi thẳng sẽ đến nơi. Như tham thiền mà còn tìm hiểu cái này cái kia, làm sao mau ngộ!

Nhưng mình gieo chánh nhân thì chánh quả sẽ đến. Tôi hoàng Tổ sư thiền ở Việt Nam, tôi không ngờ tôi đến Hoa Kỳ. Tại sao? Tôi không có làm hồ sơ đến Hoa Kỳ, chỉ có cô Như đến học thiền, ở thiền đường của tôi một tháng. Hôm đó, cô Như đi gặp phái đoàn Mỹ, đến gặp tôi và nói “Su Phụ đi với con gặp phái đoàn Mỹ, có thể Su Phụ đi Mỹ”. Chỉ có lấy tên tôi ghi vào hồ sơ của cô Như. Tôi đi với cô Như gặp phái đoàn Mỹ, cô Như vào trước, người Mỹ chỉ tên tôi trong hồ sơ và hỏi cô Như: người này là ai vậy?

Cô Như đáp: cha nuôi tôi.

Người Mỹ nói: ở đâu?

Cô Như đáp: Ở bên ngoài.

Người Mỹ nói: bảo ông ấy vô.

Rồi cho tôi đi, bảo tôi khám sức khỏe và chích thuốc ngừa. Chỉ có mấy tiếng mà đã đi được qua bên này, nên các vị mới gặp tôi giảng Tổ sư thiền. Kiếp trước đã gieo trồng chánh nhân, nên kiếp này nghe tôi giảng Tổ sư thiền. Tôi tự mình không thể biết mình đến Hoa Kỳ.

Hỏi: Đức Phật bảo rằng “người nào tin tưởng thọ mạng của Như lai là bất khả tư nghì, thì công đức vô lượng gấp trăm ngàn lần, so với công đức của một hành giả tu năm ba la mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn và thiền định”. Kính xin Thiền sư giảng giải?

Đáp: Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền, sau cùng có 2 cơ bản: Tin tự tâm và phát nghi tình.

Tin tự tâm là thế nào? Thọ mạng của Phật không có cuối cùng, vì cùng khắp thời gian, không có bắt đầu. Tuy mình chưa kiến tánh, nhưng bản tâm của mình cùng khắp không gian thời gian, không có khác với Phật tánh của Phật, như Phật đã nói Phật tánh bình đẳng bất nhị.

Tôi muốn chứng tỏ cùng khắp không gian thời gian cho các vị dễ hiểu, vì không gian và thời gian mênh mông nên khó hiểu. Tâm là thể tinh thần không có hình tướng, không có âm thanh để mình nhận biết được thì lấy gì để chứng tỏ cùng khắp không gian thời gian?

Những người học khoa học biết ánh sáng cùng khắp không gian. Chỉ nói ánh sáng khắp trung tâm này. Hiện có 1 cây đèn, 2 cây đèn, 3 cây đèn... mỗi cây đèn có ánh sáng cùng khắp, cũng như mình ngồi đây cả trăm người thì có cả 100 tâm cùng khắp, mỗi tâm đều cùng khắp. Nhưng tâm mình cùng khắp mà không tin vì mình không thấy, còn ánh sáng đèn thì mình thấy cùng khắp; đã cùng khắp nên sự tương đối không còn, như diệu minh là không có sự tương đối nên gọi là diệu minh.

Nếu có năng minh và sở minh thì mất cái diệu, bản thể của mình cũng vậy; nếu đã cùng khắp thì trở thành diệu, không có năng sở. Nguồn gốc của sự tương đối là có và không có, như có ta và không có ta, có ta là hữu ngã, không có ta là vô ngã. Phật pháp là phải phá ngã chấp.

Tôi sắp đèn này là số 1, đèn kia là số 2, số 3, số 4, số 5... bây giờ tôi thay mặt cho đèn số 1 là ta; có ta là có ngã, nếu có ngã thì phải lập cái lý có ngã mới được. Ánh sáng của 5 cái đèn đã cùng khắp, nếu nói có ngã phải chỉ ra ánh sáng nào thuộc về cây đèn số 1 của ta? Nếu chỉ ra được thì chứng tỏ là có ngã, có ánh sáng đèn số 1 của ta. Nhưng tôi biết các vị chỉ không ra, vì nó đã cùng khắp. Chỉ không ra nên cái lý có ngã, ánh sáng đèn số 1 của ta không thể thành lập.

Nếu nói không có ngã, vậy các vị chỉ chỗ nào không có ánh sáng đèn số 1 của ta? Chỉ ra được là vô ngã thì lý vô ngã mới thành lập được. Chỉ ra được không? Chỉ không được. Cho nên, có ngã và vô ngã đều không thể thành lập. Tại sao? Vì ánh sáng đã cùng khắp. Có 100 cây đèn thì ánh sáng cũng cùng chung ánh sáng, chứ không thể phân biệt ánh sáng nào cây đèn số 1, ánh sáng nào của cây đèn số 2...

Vì vậy, khi kiến tánh phát hiện bản thể cùng khắp, không có phân biệt ta với người; không có phân biệt nên không có giành giật chửi mắng, tất cả mọi người cùng hưởng chung một hạnh phúc. Đây là mục đích của Phật Thích Ca.

Cái biết của bộ óc không cùng khắp không gian thời gian, cái biết Phật tánh cùng khắp không gian thời gian. Cái biết Phật tánh gọi là chánh biến tri nhưng lấy gì để chứng tỏ? Vì cùng khắp không gian thời gian, cái biết cũng không có hình tướng; không gian thời gian mênh mông.

Tôi phải dùng cơ thể này để ví dụ cho quý vị được dễ hiểu chứng tỏ cùng khắp: Cảm giác lớp da này phải cùng khắp cơ thể này không? Cảm giác lớp da có phải gọi là biết không? Vậy cái biết của lớp da này cùng khắp không gian cơ thể. Nếu đã cùng khắp cơ thể thì không có chỗ búng. Tại sao? Có chỗ búng thì búng tay tay biết, búng đầu

đâu biết, những chỗ không búng không biết. Những chỗ không búng không biết, làm sao gọi là cùng khắp? Cho nên đã cùng khắp thì không có chỗ búng. Đây là về không gian.

Còn về thời gian thì không có lúc búng, nếu có lúc búng thì lúc búng mới biết, lúc không búng nên không biết. Lúc không búng, cảm giác lớp da không mất mà nói không biết! Cảm giác lớp da ngày đêm luôn luôn như vậy, đâu phải nhờ búng mới biết, không búng lại mất! Rõ ràng cảm giác lớp da cùng khắp không gian và thời gian của toàn cơ thể. Nhưng bộ óc mình có thói quen đã nhận thức sai lầm cho là chỗ búng mới biết, chỗ không búng thì không biết; lúc búng mới biết, lúc không búng không biết.

Phật muốn mình đừng cho bộ óc làm chủ, phải cho Phật tánh làm chủ thì những tai họa không còn sanh nữa, mới được hưởng hạnh phúc mà không có sự khổ đối đãi. Như tất cả bao nhiêu đèn cùng chung một ánh sáng, tất cả bao nhiêu chúng sanh cùng chung một hạnh phúc. Lúc đó hạnh phúc mới là chân thật, Đại Thừa Tuyệt Đối Luận nói “nhập vào quốc độ tuyệt đối”.

Hỏi: Thầy có nói “niệm Phật, trì chú là tạo cho nhân duyên mai sau, tham thiền mới là tu thật sự”. Kính xin Thầy khai thị?

Đáp: Vấn đề này, ngài Lai Quả đã nói rõ trong Thiên Thắt Khai Thị Lục. Pháp thiền trực tiếp của Phật Thích Ca thân truyền, muốn mọi chúng sanh tự ngộ; ngộ mới được giải thoát tất cả khổ. Muốn ngộ phải có nhân làm cho ngộ, nhân làm cho ngộ là nghi. Cho nên Phật Thích Ca truyền pháp môn này là từ nghi đến ngộ. Còn trì chú, niệm Phật không có nghi, không có nghi thì không có ngộ.

Nếu tu đúng theo tông chỉ của tông phái đó, niệm Phật được bất thối (không lui sụt), ở nơi Cực Lạc chuyển qua thiền là từ nghi đến ngộ; Mật tông cũng vậy, phải có nghi mới có ngộ. Bất cứ tông phái nào cuối cùng phải có nghi rồi được ngộ. Chỉ có Thiền tông bắt đầu phát nghi trước, còn pháp môn khác như tông Thiên thai đến Thử chơn chỉ rồi phát nghi. Cho nên, các pháp môn khác (ngoài Tổ sư thiền) chỉ gieo cái nhân để sau này được ngộ.

Hỏi: Thiền phải đến chỗ vắng vẻ, không cho mắt chạy theo cảnh, không cho tai chạy theo tiếng, đó là phương pháp bớt thân chũng tử mới để có thì giờ loại những chũng tử cũ. Tại sao Thiền tông nói là định ở trong động?

Đáp: Thiền tông có một câu là “bất phá trùng quan, bất bế quan”. Người Việt gọi bế quan là nhập thất, tức là nhốt mình ở trong phòng, không có tiếp xúc với ai. Đã ngộ (phá trùng quan) mới cho bế quan, bế quan là để bảo nhiệm dứt trừ tập khí. Nếu chưa ngộ mà nhập thất rất có hại.

Có một Thầy ở trên núi, nuôi một đứa bé một tuổi; ở trên núi chỉ có hai thầy trò, nuôi đứa bé trai đến 20 tuổi không có gặp người nào khác, chỉ thấy các con thú rừng. Một ngày, Thầy dẫn đứa bé xuống chợ chơi, đứa bé thấy mọi thứ đều hỏi, Thầy đều trả lời.

Đứa bé thấy con gái rồi hỏi Thầy: đây là gì vậy?

Thầy trả lời: đây là con cạp chợ, nếu mày gần nó có thể bị hại hơn cạp trên núi.

Đi chơi về, qua hai ngày sau, Thầy muốn thử đứa bé, hỏi: Trong cuộc đi chơi, mày có thấy cái gì thích nhất không?

Đứa bé đáp: Tất cả con không thích, nhưng chỉ thích con cạp chợ.

Công án này chứng tỏ mắt không tiếp xúc cảnh nên niệm thích không nổi lên. Đưa bé từ hồi nhỏ đến lớn không tiếp xúc với con gái, nhưng tập khí từ kiếp trước có sẵn, khi tiếp xúc thì tâm nổi lên ham thích. Vậy làm sao nhập thất cho là tu!

Theo kinh nghiệm của tôi thấy những người chưa vô thất thì tốt hơn, khi vô thất được một thời gian rồi ra thất càng tệ hơn nhiều. Bởi vì tâm đè nén một thời gian, lúc gặp cảnh bộc phát ra rất mạnh. Không được tránh cảnh mà tu, nên Thiền tông có câu “bất phá trùng quan, bất bế quan”, tức là chưa ngộ không cho nhập thất.

Hỏi: Chúng con được biết: “Tu mà không học là tu mù, học mà không tu là dây sách”. Vậy chúng con phải làm sao tu cho đúng?

Đáp: Đó là lời của Giáo môn, còn Thiền môn là muốn phát hiện cái dụng của tự tánh. Tham thiền là tu cũng là học, như ngài Lai Quả nói “tham thiền có đầy đủ giới định huệ”. Bản tâm cùng khắp không gian thời gian, thần thông trí huệ sẵn đầy đủ, không thiếu sót một thứ gì. Kinh Pháp Hoa thí dụ hạt châu như ý là bản tâm có sẵn trong áo, tự cho mình nghèo rồi đi ăn xin các nơi, gặp người trí cho biết hạt châu thì không còn đi ăn xin.

Con ơi không có con mắt mà có ra đa, nhà khoa học bắt chước con ơi chế tạo ra đa; nhưng con ơi không có học, tự bản năng có sẵn. Con ong làm tổ, các nhà kiến trúc phải học cách làm tổ của con ong, kiến trúc mới được kiên cố; con ong cũng không có học.

Kỳ thật, trong Giáo môn có phân biệt hữu và vô học, hữu học còn thấp, vô học mới cao. Tại sao còn nói phải học? Giáo môn là vừa học vừa tu, biết được bao nhiêu thì tu bấy nhiêu.

Thiền môn không phải vậy, là giáo ngoại biệt truyền, chỉ cần phát hiện cái của mình sẵn có. Cho nên tôi dạy phải tin tự tâm đầy đủ tất cả thần thông trí huệ, năng lực bằng Phật Thích Ca, không kém Phật Thích Ca một chút nào.

Nếu đã tin như vậy thì không cần phải học, chính tôi mà người ta cho rằng tôi học mới trả lời được. Nếu tôi học thì có cái không thể trả lời được, vì đâu thể nhớ hết và cũng không học hết. Hồi xưa chưa tham thiền, tôi muốn coi hết tạng kinh, tục tạng kinh. Tục tạng kinh có 150 cuốn, tôi coi suốt 1 năm được 7 cuốn, phải mất hơn 21 năm coi hết tục tạng; coi một lần cũng không nhớ hết, dù có nhớ hết cũng không dùng được.

Cái của mình sẵn có, khỏi cần học khỏi cần nhớ; muốn dùng thì sẵn sàng dùng, có phải tốt hơn không! Bởi vì người nào cũng bằng nhau, Phật Thích Ca nói “Phật tánh bình đẳng bất nhị”. Do mình không tin, nếu mình tin chỉ cần phát hiện; chứ đâu cần học!

Hỏi: Có người nói pháp môn này cao quá, xưa kia thời Phật Thích Ca chỉ có ngài Ca Diếp ngộ được. Chúng con tự nhủ thế này “bao giờ mới kiến tánh được, sợ chúng con đi lầm pháp môn chướng! Vì căn cơ chúng con yếu kém lắm”. Kính xin Thầy khai thị?

Đáp: Ngày xưa Phật Thích Ca đưa cảnh hoa trong hội hơn triệu người chỉ có Ma Ha Ca Diếp ngộ. Đó là vị đầu tiên, ấy cũng là nhân duyên. Sau này bên Trung Quốc, Lục Tổ có 43 người kiến tánh, Mã Tổ có 139 người kiến tánh; không phải Lục Tổ và Mã Tổ hay hơn Phật Thích Ca. Vì cơ duyên là người ta chưa tin, sau này người ta tin nhiều nên nhiều người ngộ.

Nếu tin pháp môn tham thiền 100 %, tôi nói chưa được. Tại sao? Vì mới có phân nửa, còn chưa tin tự tâm. Nếu tin pháp môn Tổ sư thiền 100 %, mà không tin tự tâm, dù có siêng năng cách mấy cũng không thể kiến tánh. Bởi không tin tự tâm nên không thể phát hiện tự tâm. Cho nên phải tin tự tâm 100 % nữa mới đúng. Vì vậy, không phải người ngộ ít hay nhiều, mình phải gieo trồng thiện căn thì được phước, được tin, được ngộ.

Hỏi: Trong phần nhân quả nghi ngộ của Đường Lối Tham Tổ Sư Thiền, Thượng tọa có nói rằng “tham thiền lúc nghi tình nặng thì ảnh hưởng đến nhức đầu, tức ngực, khó thở, đó là đại nghi; nhức đầu nhiều chừng nào tốt chừng nấy, đừng sợ”. Phật có dạy “tâm bệnh thì thân bệnh”, ở đây nhức đầu, tức ngực, khó thở là thân bệnh. Khi tham thiền có ảnh hưởng gì đến tâm hành giả không?

Đáp: Do nghi tình ảnh hưởng đến nhức đầu, tức ngực, khó thở là do nghi tình nặng mới có; nếu bỏ nghi tình thì những trạng thái vừa kể liền hết, bệnh của thân mà bỏ nghi tình thì bệnh vẫn còn, cần phải đi bác sĩ trị.

Do nghi tình làm cho đau đầu, tức ngực, khó thở... là do tâm lý tiến bộ rất mau nên sinh lý theo không kịp làm cho đau đầu, tức ngực, khó thở... qua năm bảy ngày tự hết, vì sinh lý đã theo kịp.

Rồi một thời gian sau, tinh tấn tham thiền, sinh lý theo không kịp tâm lý cũng có những trường hợp như vậy nữa, qua năm bảy ngày sẽ hết. Đó là quá trình tham thiền bình thường, cho nên tôi nói cho biết đừng sợ.

Hỏi: Phương pháp Tổ sư thiền của Thượng tọa có cần học thêm giáo lý của đức Phật để mở mang trí tuệ và học phương pháp chuyển nội tâm về điều thiện hay là chỉ cần giữ nghi tình mà thôi? Giữ nghi tình liên tục không cho tạp niệm hiện, trong khi nội tâm vẫn còn hỗn độn chưa được thanh tịnh sẽ có những phản ứng nguy hại không?

Đáp: Tham Tổ sư thiền là phát hiện năng lực thần thông của mình sẵn có, đó không phải do học mà có. Trong Thiền tông có công án:

Một vị thợ đập đá cho nhà chùa, trụ trì là người kiến tánh, thợ đập đá không biết chữ, nghe người ta nói “kinh Pháp Hoa rất hay, nếu tụng có thể đạt đến thành Phật”, ông nghe vậy tin liền, cố gắng hỏi người ta từng chữ một, hỏi đến mấy năm thuộc hết bộ kinh Pháp Hoa. Lúc đập đá, ông thường tụng kinh ra tiếng.

Một hôm vị trụ trì thấy hỏi: miệng ông làm gì vậy?

Thợ đá đáp: tụng kinh Pháp Hoa.

Trụ trì hỏi: tụng để làm gì?

Thợ đá đáp: để làm Phật.

Trụ trì hỏi: tụng như vậy biết chừng nào thành Phật?

Thợ đá nói: vậy mình sẽ làm sao?

Vị trụ trì dạy tham thoại đầu.

Thợ đá tốn bao nhiêu công sức để thuộc bộ kinh Pháp Hoa, nghe vị trụ trì nói liền bỏ chuyên qua tham thiền, rồi một thời gian sau ông được ngộ. Ông vừa đập đá vừa tham, có lần cục đá cứng, ra sức đập mạnh làm tia lửa phát lên, ông liền ngộ. Ngộ rồi ra hoằng pháp, nói “quý vị đều hay hơn tôi, tôi là người dốt nát không biết chữ, mà tôi cũng ngộ được vậy. Tại sao quý vị không tin tự tâm mình?”

Có công án khác:

Một tu sĩ theo đại chúng tham thiền, nhưng không biết thiền là gì; hỏi nhỏ người ngồi kế bên “thiền là gì?” Người ngồi kế bên biết ông ấy khờ ngốc, nói giỡn chơi rằng “thiền ở trên cây vào mùa hè đêm ngày kêu hoài đó!” (chữ thiền và con ve, tiếng Hán

đồng âm). Ông ấy nói: vậy hả.

Ông ấy tưởng phải như vậy, nhưng bao lâu được kiến tánh. Kiến tánh rồi thì biết hết, không có gì thiếu sót. Chứng tỏ không phải cần học, khờ ngốc cũng được kiến tánh. Chuyện này ghi trong lịch sử Thiên tông Trung Quốc.

Hỏi: Xin Thượng tọa dùng Duy thức học giải thích vai trò của các thức trong việc giữ nghi tình liên tục ngày đêm?

Đáp: Tham thoại đầu, lấy cây viết ví dụ cho ý thức, đầu trên cây viết là thoại đầu, đầu dưới cây viết là thoại vĩ, từ thoại vĩ đến thoại đầu là đường đi ý thức. Hỏi câu thoại để khởi lên niệm không hiểu không biết và giữ niệm không biết (nhứt niệm vô minh), Thiên tông gọi là nghi tình. Khởi lên niệm không biết là rời khỏi thoại vĩ tiến đến thoại đầu, đang đi ở giữa đường của ý thức. Nhờ ý thức tham thiền, đến đầu trên cây viết là thoại đầu (vô thi vô minh), nhưng chưa lia ý thức, còn dính lúu ý thức. Sát na lia ý thức mới được kiến tánh, còn dính lúu ý thức thì chưa kiến tánh.

Cho nên, ngài Lai Quả nói “từ đầu sào trăm thước tiến thêm một bước là kiến tánh”, Thiên tông gọi nguồn gốc ý thức là đầu sào trăm thước, đến đây đường đi ý thức đã hết; chỗ này thanh thanh tịnh tịnh, không còn vọng tưởng; ngoại đạo, Tiểu thừa cho chỗ này là Niết bàn. Thiên tông phải phá vô thi vô minh, nên từ đầu sào trăm thước tiến thêm một bước lia khỏi ý thức. Lúc giây phút lia khỏi ý thức thì được kiến tánh, ngài Lai Quả nói “cảnh giới này lọt vào hư không té xuống cho chết, chết rồi sống lại (tuyệt hậu tái tô)”. Cái chết có hai thứ: tiểu tử tiểu hoạt và đại tử đại hoạt.

Hỏi: Gần đây, nhiều người học Phật chuộng tham thiền, có lẽ thiền học hợp với căn cơ chúng sanh hiện tại. Chúng con đã được nghe dạy nhiều phương pháp thiền. Tổ sư thiền do Thượng tọa giảng dạy. Các vị đều cho pháp thiền của mình đúng và cao nhất, xin thượng tọa cho biết ý kiến?

Đáp: Tôi giảng Tổ sư thiền này không thể nói là thiền của tôi, đây là thiền của Phật Thích Ca đích thân truyền, còn gọi là pháp thiền trực tiếp truyền cho sơ tổ Ma Ha Ca Diếp, sơ tổ truyền cho nhị tổ là Tôn giả A Nan, A Nan truyền cho tam tổ là Thương Na Hòa Tu, từ đời từ đời truyền xuống đến tổ Bồ Đề Đạt Ma thứ 28.

Bồ Đề Đạt Ma truyền sang Trung Quốc làm sơ tổ, Đạt Ma truyền cho người Trung Quốc là Huệ Khả. Huệ Khả truyền cho Tăng Xán, Tăng xán truyền cho Đạo Tín, Đạo Tín truyền cho Hoằng Nhẫn, Hoằng Nhẫn truyền cho Huệ Năng (lục tổ).

Trước kia, mỗi Tổ có vài người kiến tánh, đến Lục Tổ có 43 người kiến tánh, Thiên tông được mở rộng ra, Lục Tổ là người không biết chữ, ngộ triệt để hơn những người biết chữ, thông suốt giáo lý.

Trong Pháp Bảo Đàn có Ni sư Vô Tận Tạng đọc kinh Niết Bàn không hiểu, rồi hỏi Lục Tổ: chữ này là chữ gì vậy?

Lục Tổ nói: chữ thì không biết, nghĩa cứ hỏi.

Vô Tận Tạng nói: chữ còn không biết, làm sao biết nghĩa?

Lục Tổ nói: Diệu lý của chư Phật không dính dáng với văn tự.

Tổ sư thiền là phát hiện bản năng của mình sẵn có, tất cả năng lực thần thông, trí huệ bằng với chư Phật, không kém hơn Phật một chút nào.

Hỏi: Trong kinh nào phẩm nào, đức Phật nói về nhân nghi quả ngộ; trong các Tổ từ đức Phật Thích Ca cho đến Lục tổ Huệ Năng, có Tổ nào tham thoại đầu tham mà chứng ngộ không? Nếu có, các Tổ tham câu gì? Nghi gì? Ngài Ca Diếp mỉm cười khi thấy Phật đưa cành hoa lên, lúc ấy Ngài đã chứng ngộ. Trong kinh Phật không nói rõ cách tu hành của ngài Ca Diếp. Phật truyền tâm ấn cho ngài Ca

Diếp, không thể vậy mà bảo Phật Thích Ca đích thân truyền pháp môn Tổ sư thiên?

Đáp: Tâm là Phật tánh vô hình vô thanh, lấy gì để truyền! Chỉ là dùng tâm ngộ của thầy để ấn chứng tâm của trò đã ngộ, gọi là truyền tâm ấn. Ấn là ấn chứng, không phải có một cái tâm đưa cho người này người kia. Còn nói tôi tự khoe pháp môn Tổ sư thiên là của tôi, không phải vậy, pháp môn này là do Phật Thích Ca truyền.

Trước đời nhà Tống (Trung Quốc) không có tham công án hay tham thoại đầu, chư Tổ dùng cơ xảo, như niêm hoa thị chúng của Phật Thích Ca.

Công án hạt châu ma ni tùy sắc (hạt châu trên đời rất quý, không có màu sắc; nhưng tùy người xem mặc đồ màu gì thì hiện màu nấy, nên gọi là hạt châu ma ni tùy sắc): Phật cầm hạt châu ma ni tùy sắc hỏi Ngũ Phương Thiên Vương: hạt châu này màu gì?

Ngũ Phương Thiên vương mà mỗi vị đều nói khác, người nói trắng, người nói đỏ, người nói vàng...

Phật đem hạt châu cất đi, rồi đưa hai tay không, hỏi: hạt châu này màu gì?

Ngũ Phương Thiên Vương nói: trong tay Phật không có hạt châu sao lại hỏi màu gì!

Phật nói: sao các ngươi điên đảo quá vậy! Tôi đem hạt châu thế gian hỏi thì nói màu này màu kia, tôi thị hiện hạt châu chân thật mà các vị đều không biết. Điên đảo quá!

Ngũ Phương Thiên Vương đều ngộ hết.

Đó là cũng là pháp thiên trực tiếp của Phật Thích Ca, hỏi này tôi nói là cơ xảo.

Hỏi: Nghiệp chướng phiền não là trong mở mắt chiêm bao mà có, khi thức tỉnh mở mắt chiêm bao không còn, nghiệp chướng phiền não cũng không thật có. Sao Hòa thượng nói sau khi chứng ngộ rồi cần phải tu để dứt trừ tập khí nghiệp chướng thì cái dụng mới hiện ra?

Đáp: Tập khí là thói quen, chứ không phải có hiện tượng gì để cho mình thấy. Vừa rồi tôi nói “bất phá trùng quan bất bế quan”, bế quan là bảo nhậm dứt trừ tập khí; người kiến tánh tự nhiên tập khí dứt lần lần, như tham thoại đầu khởi lên nghi tình, nghi tình là cây chổi automatic tự quét sạch, quét không bao nhiêu thì được cái dụng bấy nhiêu. Tập khí dứt được bao nhiêu thì cái dụng hiện ra bấy nhiêu, dứt hết tập khí thế gian, rồi dứt hết luôn tập khí xuất thế gian. Nếu tập khí xuất thế gian còn vẫn còn biến dịch sanh tử. Đến Đẳng giác dứt hết tập khí xuất thế gian thì cái dụng mới bằng Phật.

Trong Lịch sử Thiên tông có những người kiến tánh, tập khí vẫn còn nguyên, chưa có thần thông; đến khi dứt bớt tập khí thì thần thông của Phật tánh được hiện ra. Trong kinh Lăng Nghiêm nói “lý dù đốn ngộ, nhưng sự phải tiệm tu”, chứ đâu phải ngộ rồi tập khí hết luôn! Như nhắm mắt chiêm bao, lúc trong chiêm bao khóc chảy nước mắt; khi tỉnh dậy nước mắt vẫn còn, phải lấy khăn lau mới hết nước mắt; đâu phải thức tỉnh rồi nước mắt hết!

Hỏi: Huệ Năng nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang đến câu “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, tâm liền sáng tỏ. Vậy Huệ Năng tu pháp môn gì? Có nhân nghi qua ngộ không? Nếu có nghi gì? Nếu không thì không thể nói đức Phật Thích Ca đích thân truyền từ đời từ đời truyền xuống. Xin Hòa thượng giải nghi giùm cho chúng con?

Đáp: Ngày xưa, chư Tổ không khai thị không dạy bảo cũng là pháp Tổ sư thiên, đâu phải cần nói ra! Cơ xảo của Tổ mà người thường không thể tưởng tượng được, đánh đập chửi mắng cũng là pháp thiên trực tiếp của Phật Thích Ca, không có cái nào là phương pháp nhất định. Cho nên, kinh Kim Cang nói “không có pháp nhất định để

cho Như lai thuyết, nếu ai nói Phật có thuyết pháp thì phi báng Phật”. Chính người hỏi trong kinh Kim Cang, không hiểu kinh Kim Cang, không tin lời trong kinh.

Ứng vô sở trụ là bản thể Phật tánh. Ví dụ cái tay là bản thể Phật tánh hoạt bát vạn năng có dụng vô lượng vô biên, lấy cái máy, cái tách, cây viết... đều được. Nếu cái tay trụ nơi cây bút (hoạt bát vạn năng của Phật tánh bị mất) thì lấy cái gì cũng không được (tham thiền khởi lên nghi tình là cây chổi automatic quét ra, khôi phục hoạt bát vạn năng Phật tánh), nên cần phải buông ra thì lấy thứ gì cũng được.

Nhưng cái bút này là pháp có, lại trong tay trụ nơi không (tự làm nắm tay) thì cái hoạt bát vạn năng bị mất, muốn lấy cái gì cũng không được. Vì vậy cái không phải quét, mới khôi phục lại hoạt bát vạn năng. Có hoạt bát vạn năng là vô trụ, cho nên “ứng vô sở trụ” là không có chỗ trụ, “nhi sanh kỳ tâm” là cái dụng được dùng ra. Bản thể Phật tánh là như thế, Lục Tổ nghe Ngũ Tổ giảng đến chỗ này liền phát hiện Phật tánh gọi là ngộ, vậy đâu có gì lạ! Lục Tổ chưa ngộ đã có nghi rồi, Ngũ Tổ làm cho Lục Tổ nghi thì mình làm sao biết? Có người kiếp trước đã có nghi, chứ không chỉ có kiếp này.

Như con nít từ nhỏ cũng có thể có nghi, nó hỏi cha mẹ nó “tại sao lại có thân con? Tại sao con là con trai? Tại sao con là con gái?” Nhiều người kiếp trước đã có nghi, như tôi có nói “kiếp trước đi được 99 bước, kiếp này chỉ đi 1 bước là đến nơi”. Người biết Phật pháp cũng biết có ba đời nhân quả là có quá khứ, hiện tại, vị lai; đâu phải chỉ có kiếp này thôi!

Hỏi: Để trợ niệm người sắp chết, giúp người mới chết, trợ duyên người đã chết lâu rồi; người tham Tổ sư thiên có nên niệm Phật A Di Đà và cầu tha lực hoặc trì chú để giúp cho người đó không?

Đáp: Tất cả pháp môn của Phật dạy là Chư Tổ đều muốn mình nhất môn thâm nhập, tức là chuyên tu một phương pháp. Chuyên tu một pháp còn khó thành tựu, huống là đồng thời tu nhiều môn. Như pháp thế gian, học đến đại học rồi chọn chuyên môn; như máy bay cũng phải chia bộ phận để cho mỗi người chọn bộ phận riêng của mình mà học.

Tham Tổ sư thiên cũng vậy, chỉ chuyên đề câu thoại đầu phát khởi nghi tình đến khi kiến tánh. Muốn ảnh hưởng đến người chết cũng đề câu thoại đầu, tâm lực mạnh mới ảnh hưởng đến người chết. Trước quan tài, người tham thiên đi hương và tọa hương.

Ngài Lai Quả nói: Có một người bán đậu hủ đem 100 miếng đậu cúng dường thiên đường, trong thiên đường có mấy trăm Tỳ kheo tọa hương đi hương; người bán đậu cũng theo chúng đi hương và tọa hương. Đến lúc người bán đậu chết, Diêm La Vương nói: ông ăn thịt chó mấy chục lần, bây giờ phải đầu thai con chó.

Thư ký của Diêm La Vương nói: người này có dự tọa hương đi hương ở thiên đường. Diêm La Vương nghe vậy cho ông bán đậu đầu thai con chó trắng hai ngày và cho ông sống lại được 30 năm nữa.

Hỏi: Thiền thế nào trong lúc lái xe và đi bộ?

Đáp: Mình mới tập tham thiên, lúc lái xe phải nghi tham. Đến mức độ tham thuần thực, lúc lái xe tự nổi lên nghi tình mình không biết, lúc đó tự nhiên không biết mình đang lái xe, không thấy xe cộ thì không bị đụng xe. Nếu mình còn biết, mà ráng làm thì có thể đụng xe. Việc này bác sĩ Thuận có làm qua.

Hỏi: Nghiệp di chuyển bằng cách nào, xin Thầy chứng minh?

Đáp: Kiếp trước mình làm cái nhân chết đói, tâm lực chỉ có 1 độ; kiếp này mình không có tu thì tâm lực cũng 1 độ, nên kiếp này phải chịu quả chết đói. Phật nói “nhứt thiết duy tâm tạo”, tâm lực mạnh thì quả đến trước, tâm lực yếu nên quả dời lại sau. Các vị tham thiền, tâm lực từ 1 độ lên đến 10 độ, tuy tâm lực 10 độ mới làm nhưng quả phải đến trước. Tâm lực 1 độ mặc dù kiếp trước đã làm, nhưng nhân yếu nên quả dời lại sau.

Nếu tham thiền đến 10 độ, mà không tham thiền nữa thì cái quả 10 độ đến hết rồi xuống quả 9 độ, cứ thế xuống 1 độ thì cái quả phải trả. Từ 10 độ tiếp tục tham thiền đến 1 triệu độ thành Phật thì nhân 1 độ không có cơ hội trả quả, nhưng nhân 1 độ này chưa thể tiêu. Thành Phật có duyên độ chúng sanh, nhưng người mình làm họ chết đói được ưu tiên độ trước ra khỏi sanh tử luân hồi thì nhân đó mới tiêu. Như thế đó là sửa lại nhân quả, không phải khi không mà sửa được.

Hỏi: Thiên sư nói rằng “có các vị kiến tánh như Trương Quốc Anh chụp banh rất giỏi và một người khác đổ mực vào ruột viết trong một ngày được 80 cái”. Trong sách sử kiến tánh, như ngài Hám Sơn lại mô tả khác rằng “thấy tâm mình lúc đó an lạc phi thường, thấy các sự vật yên chìm quang minh chan hòa và thấy thời gian trôi lẹ như khủy móng tay”. Vậy xin Thiên sư minh định cho việc này?

Đáp: Tôi kể Trương Quốc Anh, bác sĩ Thuận, người thanh niên bôn mực đều là mới tập thiền, chứ không phải kiến tánh. Tôi nói nghi tình là cây chổi automatic hiển bày nghĩa không, bởi vì quét không bao nhiêu thì hiển bày cái dụng được bấy nhiêu. Ví dụ cái tách có cái không thì mới đựng nước được, cái không rộng chừng nào thì cái dụng nhiều chừng nấy. Phật pháp nói đến chữ không là hiển bày cái dụng, chính nghi tình này là quét cho nó không (trống rỗng).

Hỏi: Nhiều vị Tổ thiền Tây Trúc như ngài Mã Minh, lúc sắp nhập diệt thường hay thị hiện thần thông bay cao lên hư không chừng 7 cây đa la, hiện thân chói sáng như mặt trời, nửa phun lửa, nửa phun nước, bay một hồi lâu rồi đáp xuống đất thị tịch. Tại sao Tổ thiền Đông Độ lại không thị tiền thân thần thông như vậy trong lúc thị tịch?

Đáp: Tại sao không có! Hôm trước tôi đã kể 2 chuyện rồi. Tôi sẽ kể thêm một chuyện nữa: Thiên sư Đặng Ân Phong là đệ tử của Mã Tổ, lúc thấy lính phản loạn đánh với lính của vua; hai bên đánh nhau chết rất nhiều. Ngài đi ngang đó thấy vậy liệng cây gậy trên không biến thành một cái cầu ở chính giữa hai bên quân lính đánh nhau, Ngài đi trên cái cầu đó, hai bên lính đều thấy nên không còn đánh nhau nữa.

Thiền tông không cho hiện ra thần thông cho người ta biết, vì sợ người ta mê thần thông. Cho nên Ngài hiện ra thần thông rồi liền tịch (chết). Trước khi chết, Ngài hỏi người ta: Các vị có nghe người ta chết ngồi không?

Người ta nói: có.

Ngài hỏi: có người đang đi chết không?

Người ta nói: có.

Ngài hỏi: có người chết trông chuối không?

Người ta nói: không.

Ngài liền chết theo kiểu trông chuối (đầu chóng xuống đất, hai chân dựng lên trên trời), nhưng quần áo vẫn xuôi theo thân mình, không tuột xuống.

Hỏi: Thiên đốn ngộ và pháp môn kiến tánh là một pháp môn thượng thừa, người thời nay đòi đạt pháp thường chỉ là hạ căn hoặc trung căn, liệu có thể theo pháp môn thượng thừa này được không?

Đáp: Lục Tổ và ngài Nguyệt Khê nói “Pháp vốn không có 4 thừa, tại chúng sanh chấp trước nên Phật chia làm 4 thừa”. Ngài Bác Sơn là Tổ của tông Tào Động nói “hạ căn chuyển thành thượng căn, mặt pháp chuyển thành chánh pháp”. Thượng căn, hạ căn, mặt pháp, chánh pháp cũng là do chấp của chúng sanh mới có, chứ trong Phật tánh vốn không có những thứ đó. Phật tánh bất nhị, hai còn không có làm sao lại có 4 thừa!

Cho nên, nói mặt pháp chuyển thành chánh pháp thì tôi chưa chứng tỏ, nhưng hạ căn chuyển thành thượng căn, ở Việt Nam có các Phật tử, tôi có chứng tỏ. Tại sao? Như những người ngu si dốt nát tham thiền một thời gian phát ra trí huệ, tức là vốn từ hạ căn chuyển thành thượng căn; trước kia họ coi kinh không hiểu, tham thiền một thời gian rồi coi kinh hiểu hết.

Năm 1980, tôi dẫn một số Phật tử tham thiền đến thăm Phật học viện, các Phật tử tham thiền nói chuyện Phật pháp với các học Tăng thì kiến giải cao hơn. Chúng tỏ hạ căn chuyển thành thượng căn, chứ không phải có nhất định. Như thợ đá và ông khờ ngốc không biết thiền là cái gì đều những người hạ căn, nhưng chuyển thành thượng căn mau kiến tánh.

Tổ sư thiền không phải cao, cũng không phải thấp. Con nít 6, 7 tuổi, bà già 8, 9 chục tuổi cũng tham thiền được; người thông suốt giáo lý hay người khờ ngốc ngu si dốt nát đều tham thiền được. Nếu cho Tổ sư thiền cao thì con nít 6, 7 tuổi và người dốt nát ngu si làm sao tham thiền được? Vì tự tánh là bất nhị, không có cao thấp.

Hỏi: Trong kinh Lăng Nghiêm có nói đến 4 tội địa ngục, trong đó cuồng vọng thuyết pháp là 1 trong 4 tội ấy. Xin Thầy cho biết thế nào là cuồng vọng thuyết pháp?

Đáp: Thuyết pháp không đúng với ý Phật, cho ý mình là ý Phật gọi là cuồng vọng thuyết pháp. Tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa của Phật đều dùng phá chấp của chúng sanh, chứ không phải là chân lý tuyệt đối, cũng không phải là pháp nhất định. Chúng sanh chấp có là thật có nên Phật phải nói không, dùng cái không để phá chấp có. Nếu chúng sanh chấp không là thật không thì Phật dùng cái có để phá chấp không. Khi Phật nói có, ý của Phật không phải ở nơi có, không phải cái có là chân lý; lúc Phật nói không, ý của Phật không phải là không, không phải cái không là chân lý. Chỉ là tạm thời để phá chấp đương cơ đó thôi, nếu người không hiểu nghe Phật nói có, cho có là chân lý; nghe Phật nói không, cho không là chân lý. Đó là cuồng vọng thuyết pháp.

Lời khai thị III:

Kinh Đại thừa liễu nghĩa cho đến kinh bất liễu nghĩa, đều là giải phẩu Tâm linh. Bây giờ, người ta học Phật chỉ biết danh từ Tâm linh, nhưng Tâm linh như thế nào lại không biết cái thực thể? Tâm linh cùng khắp không gian thời gian. Tại sao không biết Tâm linh? Vì dùng ngũ giác quan nên không cảm nhận được.

Dùng ngũ giác quan cảm nhận được thì nhà khoa học mới thừa nhận, sau đó có tồn tại khách quan; nếu không có qua tai mắt, họ không nhìn nhận. Nay phát minh những máy móc tối tân là chỉ giúp cho tai mắt thấy rõ hơn, thấy xa hơn, nghe rõ hơn và nghe xa hơn. Còn Tâm linh của mỗi người sẵn có trí huệ, thần thông, năng lực đầy đủ; nhưng họ không phát hiện được và cũng không tin.

Tôi tham khảo từ ngữ lục của chư Tổ, kinh Đại thừa liễu nghĩa và các tác phẩm nhà khí công đặc dị công Trung Quốc, cùng những triết học đông phương, triết học tây phương, rồi soạn ra cuốn sách này. Tôi tặng cuốn này cho một người ở Los, họ đọc một hơi thấy hay, rồi hỏi tôi “muốn copy cho một người bạn?” Tôi nói “được”, vì muốn phổ biến chứ không giữ bản quyền. Bác sĩ Cữu coi rồi cũng thấy hay, rồi nói “Từ xưa đến nay không biết”.

Quyển này chia làm hai bộ phận:

a- Vật lý sinh mạng công trình học.

b- Triết lý mạng công trình học.

Vật lý là hiển tánh, triết lý là ẩn tánh. Ẩn tánh nghĩa là không thể dùng ngũ giác quan (tai, mắt...) để cảm nhận, nhưng có tồn tại sự khách quan của nó. Phật nói “mình ứng dụng hàng ngày mà chẳng tự biết”, như nhà khoa học không biết và không tin. Mình soi gương thấy mặt của mình, nhưng hình chỉ là bề mặt. Nhà khoa học giải phẫu sinh mạng, tuy nói giải phẫu sinh mạng, kỳ thật chỉ là giải phẫu thể xác. Thể xác là xe chở sinh mạng, chứ không phải chủ sinh mạng; chủ sinh mạng là Tâm linh, thể xác sau này hư hoại, đem thiêu thành tro, chôn thành đất. Chủ sinh mạng không thể dùng ngũ giác quan để cảm nhận, nhà khoa học căn cứ hiện tượng vật chất để lập ra hệ thống khoa học, cho tất cả năng lượng là từ vật chất sinh ra. Nhưng theo Phật pháp thì ở sau lưng còn có Tâm linh điều khiển nó, tức “tất cả đều do tâm tạo” là năng lượng ở nơi tâm, chứ không phải ở nơi vật.

Ngày xưa cũng có người ta chứng tỏ, nhưng ít; ngày nay có mở nhiều lớp khí công theo sự luyện tập cũng hiển bày sức của tâm, mà không thể dùng khoa học để giải thích được. Như ánh sáng chiếu trên không gian thì chứng tỏ tồn tại của không gian (không gian là trống rỗng, như mình để đồ... tất cả đều phải nhờ không gian). Nhưng ánh sáng chiếu trên thời gian, không có thể chứng tỏ sự tồn tại của thời gian. Tại sao? Vì ngũ giác quan không thể phát hiện nó. Nhà khoa học cũng biết năng lượng là bất diệt, từ xưa đến nay chỉ là chuyển hóa và vật chất cũng vậy, nên cũng đúng với Phật pháp. Phật pháp nói là “tất cả đều vô thi vô sanh”, vô thi nghĩa là không có sự bắt đầu, cũng là nghĩa vô sanh; không sanh thì không diệt, được gán tên là Niết bàn.

Tất cả danh từ Phật pháp đều hiển bày cái dụng của Tâm linh, như: Tại sao là Phật tánh? Phật tánh là danh từ, vì có tánh giác ngộ, nên gọi là Phật tánh. Nghĩa chữ Phật là giác ngộ. Tại sao gọi là Như lai? Tại Tâm linh khắp không gian, không có khứ lai nên gọi là Như lai, đúng như bản lai.

Các nhà triết học đông phương, tây phương đang dùng, nhưng họ không nhìn nhận vì tai mắt không thể tiếp xúc được. Các nhà khoa học dùng máy móc tối tân cũng không truy cứu ra được những người khí công có công năng đặc dị. Nhà khoa học biết được các việc là vật chất hiển tánh.

Như âm thanh nói vô máy điện thoại, âm thanh đó truyền đến điện thoại kia, dầu xa, ở đây với Việt Nam, khi nói xong có tiếng liền, tức nó qua làn sóng điện làn sóng âm thanh thì cái máy của nhà khoa học qua lại hành lang không gian, ở trong máy vi tính, họ thấy rõ ràng, như máy bay đến chỗ nào đều thấy rõ khi nào gặp tai nạn thì họ đều biết.

Nhà khoa học dùng máy để thử nhà khí công Trương Bảo Thắng, nhưng máy phát ra chỉ có làn sóng hoài. Trương Bảo Thắng dùng sức của tâm dời cái máy từ nhà bên này sang bên kia, khoảng từ bên này qua bên kia thì làn sóng điện bị mất; tức là nhà khoa học dùng máy móc tối tân không phát hiện ra được. Nhà khoa học muốn truyền đạt việc gì, dùng máy truyền tin tức khắp toàn cầu và cũng phát hiện được, nhưng về tâm linh thì máy đó không thể phát hiện.

Vật chất nhỏ chừng nào thì tốc độ nhanh chừng nấy. Nguyên tử, điện tử và quang tử thì quang tử nhỏ nhất tức là ánh sáng, thuộc vật lý hiển tánh ở trong phạm vi ba chiều (dài, rộng, cao). Nói về vật lý ẩn tánh thì tốc độ ánh sáng là thấp nhất. Sức của tâm là thêm chiều thời gian (gồm không gian ba chiều), gọi là bốn chiều. Nhưng nhà khoa học bị nhốt trong không gian ba chiều, không có phát triển bốn chiều, nhìn nhận thời gian, mà không thể phát hiện thời gian, cho nên nói đến thời gian rất ít.

Tâm linh thì không có thời gian, như tốc độ máy bay bằng ánh sáng, theo nhà thiên văn tính khoảng cách, vì xa quá nên không dùng số dặm để tính, mà tính bằng quang niên (ánh sáng đi một năm). Ví như máy bay ở trên địa cầu bay qua hành tinh khác có thể mấy trăm quang niên mới tới, còn dùng tâm niệm thì chỉ một niệm đến. Tâm niệm không có chiếm không gian (vật chất ẩn tánh không có chiếm không gian). Vật chất hiển tánh có chiếm không gian, mà không có số lượng thời gian. Vì vậy, tốc độ ánh sáng là thấp nhất. Nhưng chuyện này, mà bộ óc không thể tưởng tượng được, nên nhà khoa học không tin nổi.

Bây giờ, nhà khoa học thí nghiệm các nhà khí công Trung Quốc có chứng tỏ được. Mỗi người đều có năng lực của Tâm linh, nên các nhà khí công hợp lại thì tâm lực càng mạnh thêm, vì vậy trị bệnh rất hay. Ở Việt Nam, tại chùa Từ Ân có 6 lần đả Thiên thất, mỗi lần mấy trăm người, tôi cũng dùng hương công để thử cho những người dự Thiên thất đều tập mỗi ngày 2 lần sáng chiều, cùng một lượt đồng người thì có sức mạnh hơn ở nhà tập riêng một mình. Cho nên, có người bị bứu cổ cũng được hết, có người bị bệnh đi bác sĩ lâu không hết, mà tập hương công lại hết, họ nói “hết bệnh, lý do như thế nào không biết”. Theo tôi tự tập thì không thấy gì, nhưng thấy trong người được khỏe hơn. Tham Tổ sư thiên thì không cần khí công, vì công phu của mọi người, lòng tin tự tâm không đầy đủ, thành ra dụng công cũng yếu, nên kết hợp tập hương công giúp cho công phu được mạnh thêm, vì thế tôi mới dạy môn hương công.

“Không” là trống rỗng là bản thể của Tâm linh, có dụng vô lượng vô biên, không bị không gian thời gian hạn chế. Tất cả vũ trụ vạn vật, mặt trời, mặt trăng, cây cối... bất cứ cái gì đều phải nhờ cái “không” này mới hiển bày được dụng. Nếu không có cái “không” sẵn sàng thì không thể hiển bày được dụng. Như cái tách bị lấp bít hết thì không có cái “không” là tách chết, nên không thể dùng được; vì có cái “không” mới được đựng sữa, nước, cà phê... Cái đĩa không có cái “không” thì không đựng trái cây hay đồ vật khác. Cái bình không có cái “không” thì cũng không cắm hoa vô được. Cái nhà không có cái “không” thì chúng ta làm sao ngồi đây? Tất cả dùng đều phải nhờ cái không, không có cái nào để hiển bày mà không dùng đến cái không!

Cho nên, Trung Quán luận nói “vì có nghĩa không, nên các pháp được thành tựu”. Như ông đang hỏi tôi, nếu không có cái không thì không thể hỏi được, tôi cũng không thể giải đáp cho ông. Tất cả đều nhờ cái không, nhưng mình ứng dụng hàng ngày mà chẳng tự biết. Tất cả dùng đều phải nhờ cái “không”, mà không dính líu đến cái “không”. Tại sao? Như tách, đĩa bẻ, nhà hư sụp, nhưng đối với cái “không” chẳng có ảnh hưởng, vẫn y như cũ. Bom nguyên tử làm quả đất tan nát, nhưng cái “không” vẫn y như cũ, không có tổn giảm chút nào.

Cái không sẵn sàng khắp không gian thời gian, nhưng thông minh của con người đem cái không sẵn sàng, hạn chế thành cái không của tách, bình, nhà; rồi giải thích nghĩa không của tách khác hơn nghĩa không của bình, khác hơn nghĩa không của nhà, muôn ngàn nghĩa không khác biệt, giải thích rất có lý. Nhưng cái không bỗng lại sẵn sàng chẳng có nghĩa lý gì, mà lại tất cả đều nhờ nó.

Nếu không có cái không sẵn sàng thì cái nhà không dựng lên được và cũng không có cái tách. Cái không sẵn sàng là gì? Là Tâm linh của mọi người. Chỗ này người ta không tin, tôi giải phẫu Tâm linh, dùng những cái được phát hiện để chứng tỏ cho người ta sanh lòng tin.

Tâm của mình có tánh giác ngộ gọi là Phật tánh, khắp không gian gọi là Như lai, khắp thời gian gọi là Niết bàn, trống rỗng gọi là Tánh không. Cho nên, Tánh không, Như

lai, Niết bàn đều là biệt danh của Tâm linh. Nhiều người học Phật mà không biết, chỉ biết những danh từ và nhất là đối với Tánh không càng không biết. Minh ứng dụng hàng ngày, không có một phút giây nào rời khỏi Tánh không, vì Tâm linh của mình là Tánh không; Phật tánh, Niết bàn, Như lai đều chính là mình, nhưng người ta không tin, cho đến Phật tử, Pháp sư cũng không tin.

Hỏi: Hương công có phải là Thái cực quyền không?

Đáp: Hương công là một môn của Khí công, hiện nay Khí công của Trung Quốc có mấy trăm môn phái, nhiều lắm, có cái thật có cái giả; nhưng cũng là hiện ra cái dụng của Tâm linh thôi.

Thái cực quyền là chú trọng cái tâm, đi quyền rất chậm, không dùng sức tức là buông (thư giãn); động tác đi tới đâu thì Tâm linh theo tới đó, làm động tác gì đều phải dùng cái tâm. Khi tập luyện mức cao chỉ cần đẩy nhẹ là người ta ngã, không những ngã mà có thể làm cho bị thương.

Sức mạnh nhất là tâm, tất cả mọi vật chất vận động, nguồn gốc là tâm, nhưng nhà khoa học không tin. Mỗi vật chất đều có từ trường. Như trái chuối có bao nhiêu nguyên tử, điện tử đang xoay xung quanh hạt nguyên tử; cái bàn hay vật chất nào đều cũng vậy. Nhà khoa học cho là nhiều nguyên tử tổ chức thành vật chất, hiện đang vận động; mình thấy nó yên tĩnh, không có vận động.

Nhưng sự thật có hai thứ động:

Một thứ là quả đất xoay xung quanh mặt trời, hiện giờ mình ngồi đây thấy yên tĩnh, như ngồi trên chiếc phi thuyền đang bay với vận tốc 180.000 km/giờ, mà mình không biết. Chiếc xe hơi chạy vận tốc 80 mile, thấy đã nhanh quá rồi.

Một thứ nữa là điện tử xoay xung quanh cái nhân của nguyên tử, tốc độ lại nhanh hơn từ 1/3 (100.000 cây số/giây) đến 1/2 (150.000 cây số/giây) tốc độ ánh sáng. Tốc độ ánh sáng là 1 giây = 300.000 cây số.

Vậy sức năng lượng từ đâu lại? Như chiếc xe chạy được phải có xăng đốt ra năng lượng. Cái nguyên tử, điện tử đang xoay ngày đêm, không có bắt đầu và cuối cùng, ai mang kính hiển vi đều thấy rõ.

Vậy năng lượng từ đâu mà ra? Nhà khoa học cho là mỗi vật chất có từ trường do vật chất sanh ra, Phật nói từ cái tâm sanh ra. Kinh Hoa Nghiêm nói “nhất thiết duy tâm tạo”, chỉ là nói tổng quát. Pháp Bảo Đàn nói rõ hơn “chẳng phải gió động, chẳng phải phước động là tâm của ông động; tại tâm của ông động nên gió mới động, tâm của ông động nên phước mới động”. Mình thấy gió động, phước động là do tâm động, các vị đọc Pháp Bảo Đàn mà không biết!

Hỏi: Trong cuốn sách này, Thầy có viết đến bộ lạc Nam Mỹ. Vậy như thế nào?

Đáp: Bộ lạc này thực hành theo giới luật của Phật 99%, hội nghị của họ là 100%, giống như yết ma của Phật; khi 7 tuổi rời cha mẹ (làm Sa di), 21 tuổi theo các Trưởng lão học tập (làm Tỳ kheo), họ chỉ khác với Tăng đoàn là có lập gia đình, nhưng gia đình của họ khác hơn gia đình ở đời thường, gia đình của họ giống như không có gia đình, chỉ là một đoàn viên của một đoàn thể.

Hỏi: Bộ lạc này sống chỉ 100 năm, so với Thần tiên có thể sống trên 1.000 năm. Vậy việc ấy như thế nào?

Đáp: Họ sống khoảng 100 năm, vì mục đích họ không phải để sống lâu! Tại cuộc sống của họ tự nhiên sống lâu như vậy. Những người kiến tánh cũng tùy theo nhân quả nhân duyên. Như tổ Bá Trượng sống 120 năm, ngài Hư Vân sống 120 năm;

nhưng tổ Bạch Vân sống 48 năm, là một tổ danh tiếng của phái Lâm Tế. Vì không theo tư tưởng người thường, sự thật sanh tử vốn không có. Như Bát Nhã Tâm kinh nói “vô lão tử, diệt vô lão tử tận”.

Hỏi: Có phải tu Tiên đạt đến trường sanh bất lão không?

Đáp: Tu tiên có tướng chấp thật, nên họ không được giải thoát mà chỉ được sống lâu. Còn dân tộc Cogy không có luyện tâm, sống một cách tự nhiên, không có pháp luật, không có ai quản lý ai, họ sống theo hội nghị, giống như pháp yết ma của nhà Phật.

Hỏi: Thế nào tìm chân lý Phật giáo là chỗ không Phật giáo?

Đáp: Kỳ thật, Phật giáo vốn không phải tôn giáo, Phật giáo là giải phẫu Tâm linh; tất cả chúng sanh đều có Tâm linh, chứ không phải chỉ loài người mới có. Mà mọi chúng sanh đều bằng nhau, như con dơi có ra đa, nhà khoa học nghiên cứu con dơi rồi bắt chước chế tạo máy ra đa.

Mình cũng có ra đa vậy, nhưng theo nghiệp mình không hiện ra đa mà hiện cấu tạo tinh vi bộ óc. Nhà khoa học học theo bộ óc làm ra máy vi tính, phần nhiều cấu tạo sự ghi nhớ để dùng; nhiều bộ phận khác họ còn chưa biết, mặc dù máy tính có nhiều chức năng; những cái nào phát minh thì làm được, cái nào chưa phát minh nên làm không được.

Tham Tổ sư thiên là cuối cùng phát hiện ra hết, làm ra ra hết, tất cả năng lực đều đầy đủ, không thiếu sót. Cho nên, tất cả bao xa thành lập tin tức trong một niệm, mới nói tốc độ ánh sáng thấp nhất.

05

Hỏi: Có Bác sĩ người Pháp, trước khi chết nói “chết rồi không còn cái gì, nếu còn cái gì tôi sẽ trở về báo cho con của tôi biết”. Sau khi ông chết được 2 năm, một hôm cầu cơ, người cầm cây bút chì tự động viết một bức thư, chữ giống của Bác sĩ. Hiện tượng ấy như thế nào?

Đáp: Người đòi cho cảnh giới đó là thật, nhưng theo lập trường nhà Phật thì cho những cảnh giới đó là vọng, nó vẫn còn ở trong chiêm bao, không phải ra ngoài chiêm bao. Các nhà khoa học dùng tư tưởng chấp thật, đối với Phật pháp coi họ cũng là vọng.

Hỏi: Có phải những người bộ lạc Cogy ngồi 9 năm không?

Đáp: Không phải nhất định họ ngồi 9 năm. Phái đoàn đài BBC là người đòi không biết Phật pháp, người bộ lạc không biết tiếng Anh, người thông dịch ở gần đó lại ít tiếp xúc, nên tôi biết lời nói không đủ để dịch. Bộ lạc ấy sống theo thiên nhiên, mà Tâm linh thì ai dịch cho nổi! Vì ngũ giác quan không thể tiếp xúc được, nếu có chỉ được khoảng 70% thôi.

Tổ Đạt Ma ngồi 9 năm, ai cũng biết, cho là phải ngồi 9 năm giống như tổ Đạt Ma! Sự thật không phải quy định như vậy. Tổ Đạt Ma ngồi 9 năm là đợi Huệ Khả, chứ không phải là phải ngồi 9 năm, việc ngồi hay không ngồi chẳng có liên quan gì cả.

Hỏi: Tại sao Bộ lạc không tiếp xúc bên ngoài?

Đáp: Họ không tiếp xúc bên ngoài là truyền thống của họ. Như Phật ở trong kinh Pháp Hoa nói “Phật nào cũng đều thuyết kinh Pháp Hoa”, chứ không phải chỉ một Phật Thích Ca thuyết kinh Pháp Hoa. Ở vi trần thế giới, danh hiệu Phật Thích Ca khác

nhau, cũng đồng thời thuyết kinh Pháp Hoa ở vô lượng vô biên thế giới, tức là không thể dùng tư tưởng người thường để đoán mò việc của người ta.

Người sống theo thiên nhiên không có gì bị trói buộc, tự nhiên tự động và các vật chất cũng như vậy. Tất cả vật chất đều do các nguyên tử hợp lại tổ chức thành, mỗi hạt nguyên tử, chu vi có nhiều điện tử đang xoay. Như trái nho, trái chuối, cái tách, cái bàn... đều như thế; hình thức bề ngoài đủ thứ khác nhau, nhưng tổ chức không khác. Cho nên gọi là Bản tâm bất nhị.

Lấy ánh sáng để ví dụ: Trong nhà đốt 100 cây đèn, có đèn lớn, đèn nhỏ; đèn lớn phát ra ánh sáng mạnh, đèn nhỏ phát ra ánh sáng yếu; nhưng chỉ có một ánh sáng, chứ không có hai ánh sáng, tự nhiên tương đối tự tiêu diệt. Nguồn gốc của tương đối là hữu và vô. Phật pháp phá ngã chấp, muốn thành lập ngã (hữu ngã), phá hết ngã chấp là vô ngã. Hữu ngã và vô ngã là tương đối, khi cùng khắp không gian thì tương đối tiêu diệt.

Tôi thay mặt cây đèn này là ngã (ta), 100 cây đèn muốn thành lập hữu ngã thì phải chỉ ra ánh sáng nào thuộc cây đèn của ta? Chỉ ra được không? Không được. Ngược lại, muốn thành lập vô ngã thì phải chỉ ra ánh sáng nào không phải cây đèn của ta? Cũng chỉ không được. Nên hữu ngã và vô ngã đều không thể thành lập. Vì hữu và vô là tương đối, khi đã cùng khắp thì không còn tương đối.

Mặc dù, không chỉ ra được, không phải là không có 100 cây đèn, không bớt một cây nào; đèn lớn phát ra ánh sáng lớn, đèn nhỏ phát ra ánh sáng yếu. Mỗi chúng sanh có trí tuệ, ngu si, tuy khác biệt; nhưng mỗi chúng sanh đều cùng một Tâm linh, không thể có hai.

Hỏi: *Vậy có giống như đại ngã không?*

Đáp: Không giống, vì đại ngã còn có đối đãi; như đại ngã của một nước thì có nước khác để đối đãi, đại ngã của nhân loại thì có chúng sanh để đối đãi, đại ngã chúng sanh hữu tình thì có vô tình để đối đãi. Nói đại ngã là đối với tiểu ngã mà có, tức là đại và tiểu là đối đãi. Tâm linh siêu việt số lượng, chẳng có lớn nhỏ. Như “ma ha Bát nhã”, nghĩa chữ ma ha là lớn, nhưng không phải đối với nhỏ cho là lớn. Kim cang Bát nhã, tuy kim cang là cứng, mà không phải đối với mềm cho là cứng. Hành thâm (sâu) Bát nhã, cũng không phải sâu đối với cạn. Cho nên, kinh Kim Cang nói “vô thân là đại thân”. Không có thân mới là lớn nhất, nếu có thân không thể nói lớn nhất, ở trong này tôi nói là vô cực.

Theo người đời nói “bằng như số 0” là không có gì hết, nhưng con số 0 tùy theo đơn vị, đơn vị là 1 thì số 0 là 9, 1 thêm số 0 = 10; nếu đơn vị là 10 thì số 0 là 90 (10 + 90 = 100); nếu đơn vị là 100 thì số 0 là 900 (100 + 900 = 1000). Nó phát triển lớn đến vô cực, không có hạn chế, vì là con số. Còn rút nhỏ cũng vậy, như 1 đồng thêm 0, 1 thì chỉ còn 1 cắc, thêm số 0 trước nữa thì còn 1 xu (0, 01), nó rút nhỏ đến vô cực. Bài tựa quyển sách ấy, tôi nói là vô cực đó.

Nói hiển tánh và ẩn tánh: không gian là hiển tánh, thời gian là ẩn tánh. Vì ánh sáng trong không gian có thể chứng tỏ tồn tại trong không gian, ánh sáng trong thời gian không thể chứng tỏ tồn tại trong thời gian. Nhưng thời gian luôn luôn ẩn trong không gian, không ai phủ nhận được, mà không thể dùng ngũ giác quan để phát hiện; còn không gian thì ngũ giác quan thấy rõ ràng trống rỗng.

Hỏi: *Vô cực với thái cực khác nhau thế nào?*

Đáp: Thái cực do Đạo giáo (Trang Tử) lập ra, họ cho thái cực là có cực; nhưng sự thật không có cực, vì Đạo giáo có tư tưởng chấp thật thì phải có cực. Thái cực sanh lưỡng

nghi là âm dương, tất cả vật chất đều có âm dương, như muốn thành một quả trái cây thì phải có âm dương.

Vô cực của Đạo giáo cũng là vô thi vô minh, họ cho là cùng tột, nhưng chưa cùng tột. Phật giáo phá vô thi vô minh đạt đến cùng tột, mà nói cùng tột là không có chỗ cùng tột, vì vô thi là nghĩa vô sanh (không có sự bắt đầu), làm sao có cùng tột? Phải có sanh khởi mới có cùng tột, tức là có sanh rồi có diệt.

Kinh Dịch là tư tưởng chấp thật, giáo lý nhà Phật phá tư tưởng chấp thật; không có cái gì thật, không có cái gì để lập chân lý. Nếu kiến lập chân lý là hai chân lý, cũng trên đầu mọc thêm cái đầu. Phật giáo không kiến lập chân lý là khác với các tôn giáo có kiến lập chân lý. Nhưng các Pháp sư Phật giáo nói có chân lý, vì họ có sự kiến lập.

Phật đã nói là vô thi, người chứng quả là ngộ pháp vô sanh. Vô sanh thì không có thi (không có bắt đầu), nếu có sanh thì phải có bắt đầu, nên phải có chung (cuối cùng); có sanh thì phải có diệt, đó là tương đối. Phật pháp không phải vậy, nhưng không phủ định cái gì cả, nó vẫn y như cũ; như nãi chuối vẫn là nãi chuối, chùm nho vẫn là chùm nho; không thể đem ý mình thêm hay bớt vào một chỗ nào, tất cả đều vô thi vô chung là Niết bàn sẵn sàng.

Có nhà khoa học nước Anh phát minh tất cả vật chất có năng lượng không sinh diệt, chỉ là chuyển biến. Như oxy hợp lại hydro thành nước, phân tích ra thành oxy và hydro. Đối với Phật pháp cũng vậy, tất cả đều do tâm tạo, nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao đều là chiêm bao.

Phật dạy mọi người ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh, tức là nhảy ra ngoài chiêm bao thì việc sinh tử được giải quyết xong. Nếu không nhảy ra ngoài mở mắt chiêm bao thì cứ thay đổi hoài, từ thân người chuyển thành thân heo, thân chó, thân chuột... tùy theo nghiệp mà thay đổi.

Hỏi: *Bên Kinh Dịch khuyên người ta trở về thái cực thì cũng giống như Phật giáo, vậy thế nào?*

Đáp: Những việc ấy là tư tưởng chấp thật mới có như vậy. Còn Phật giáo dạy đừng đem ý mình thêm vô hay bớt ra, gọi là bất tăng bất giảm, bất cấu bất tịnh, không có sự tương đối, không chấp vào một bên. Phật có 84.000 pháp môn để phá chấp vào một bên, mà phá chấp hết rồi, còn nói phá cái không chấp cũng không được; tức còn nói không chấp là chấp, chỗ nói không được thì phải ngộ.

Ngài Nguyệt Khê có nói 4 giai đoạn: Duy tâm, Duy vật, Tâm vật hợp một, Phi tâm phi vật. Cuốn sách này có thể nói đến Tâm vật hợp một, muốn đến Phi tâm phi vật phải tu đến ngộ mới biết, chứ không thể nói được. Triết học tây phương chỉ suy lý, không có kinh nghiệm trực tiếp; Triết học đông phương có kinh nghiệm trực tiếp, nhưng kinh nghiệm đó chấp thật. Chánh pháp phá chấp thật, tức là bản thể như thế nào là như thế ấy thôi, y như cũ. Như ban đầu núi sông, rồi tiến một bước chẳng phải núi sông, cuối cùng núi sông vẫn là núi sông.

Cuối cùng núi sông vẫn là núi sông thì khác xa với đầu tiên núi sông. Đầu tiên núi sông là chấp thật núi sông, rồi chẳng phải núi sông là phủ nhận núi sông, sau này không còn chấp thật thì núi sông vẫn là núi sông; tức là bản lai diện mục, không phải đầu tiên núi sông và cũng không phải phủ nhận núi sông; nghĩa là không nhìn nhận và không phủ nhận, nó như thế nào là y thế ấy, y như cũ, không có ý mình vô cho là núi sông hay không phải núi sông. Cho nên, nói núi sông vẫn là núi sông.

Nói ra rất đơn giản, mà người ta khó thực hành; người ta gặp cái gì cũng phải có ý mình cho là cái này hợp lý hay không hợp lý, cái này đúng hay không đúng. Nhưng sự thật, không phải đúng hay không đúng, có lý hay không có lý.

Như cái “không” sẵn sàng không có nghĩa lý gì hết, tại thông minh của con người lập ra đủ thứ nghĩa không rất có lý, diễn ra rất hay. Nhưng nguồn gốc thì không có nghĩa lý. Cái không có nghĩa lý thì không ai sửa đổi được, còn lập ra nghĩa lý thì có sự tranh cãi. Vì vậy, Thiên tông chỉ hiện ra bốn lai diện mục. Bốn lai là không thêm, không bớt; vì thêm hay bớt là tư tưởng chấp thật, gọi là vọng.

Chỗ này, các Giảng sư, Pháp sư giảng kinh thuyết pháp Phật giáo, những người còn có tư tưởng chấp thật thì không thể đến chỗ này được. Vì họ chấp thật giáo lý có chân lý, các chân lý đó ghi trong kinh điển. Nhưng tất cả kinh điển Đại thừa liễu nghĩa không có kiến lập chân lý. Kinh như ngón tay để chỉ mặt trăng, nếu thấy mặt trăng thì ngón tay là vô dụng; kinh Kim Cang ví dụ như chiếc bè qua sông, qua đến bờ bên kia thì chiếc bè phải bỏ. Không chịu bỏ chiếc bè, mà vác chiếc bè đi chơi làm sao được? Vì sợ người ta chấp thật lời thuyết pháp của Phật, nên khi Phật thuyết pháp xong liền phủ nhận. Như người ta cho là chân lý mà Phật đã bỏ vào thùng rác rồi.

Nhà khoa học tây phương chỉ biết có nhất nguyên, nhưng họ dùng bộ óc suy cứu tìm hiểu, kết cuộc cũng hiện ra nhị nguyên, vẫn còn trong tương đối. Nhà Phật thì nhất nguyên cũng không được, người ta nói “không thể dùng ngôn truyền, mà chỉ dùng ý hội”. Còn Thiên tông cũng không cho ý hội, nếu dùng ý hội là “con chó đuổi theo cục xương”.

Hỏi: Có người ở Việt Nam tu khá cao, rồi sang bên này vì đời sống vật chất nhiều, nên người ấy không còn tu nữa. Vậy có phải do nghiệp lực không?

Đáp: Người ấy bị hoàn cảnh lôi kéo, như con nít mới sanh ra có sẵn tập khí kiếp trước, mà kiếp này chưa có, rồi nó lớn lên từ từ nhiễm tập khí kiếp này, chơi các trò chơi bạo động của điện tử, nếu sau này chúng nó nắm chính quyền không biết ra sao? Bây giờ người ta bị giết là phần nhiều do những người trẻ làm ra. Con nít chơi trò chơi bạo động nguy hiểm, lâu ngày trở thành thói quen, vậy khó mà sửa được.

Hiện nay, các đồ chơi điện tử bạo động nguy hiểm có bán khắp thế giới, vì theo thị hiếu sở thích của con nít; những người sản xuất đồ chơi ấy không cần biết hậu quả ra sao, chỉ cần có tiền nhiều mà thôi. Sự ô nhiễm cũng vậy, các nhà sản xuất chỉ biết có tiền, để lại biết bao nhiêu ô nhiễm cho mọi người phải chịu.

Hỏi: Khi cùng cực cái khó, rồi sau này cũng hết cái khó phải không?

Đáp: Theo chu kỳ nó xoay, như điện tử xoay xung quanh nguyên tử; mặt trăng xoay xung quanh quả đất, quả đất xoay xung quanh mặt trời, mặt trời xoay xung quanh ngân hà. Bản vệ tinh nó cũng xoay quanh, đó là lý chung. Sức của tâm cũng vậy, không bao giờ ngưng xoay. Vì vậy, Pháp Bảo Đàn nói “tất cả các pháp không có tịnh”, tức là tất cả đều đang động.

Trực chỉ nhân tâm là chỉ thẳng tất cả đều ở trong tâm mình, phát hiện tâm mình là kiến tánh thành Phật. Cho nên, không cần lý luận, mới gọi là giáo ngoại biệt truyền, nghĩa là ở ngoài giáo lý đặc biệt truyền pháp môn này. Bất lập văn tự là không qua văn tự lời nói, văn tự lời nói còn không có, làm sao có lý luận? Tức chỉ tâm người là Phật, nhưng người ta khó tin lắm.

Hỏi: Giác ngộ là gì?

Đáp: Giác ngộ nghĩa là Phật (tự giác, giác tha), cũng là nghĩa Bồ Tát, Bồ Tát dịch ra là giác ngộ hữu tình chúng sanh. Ngày xưa, có người hỏi Phật: Ngài là gì? Phật trả lời: Tôi là người giác ngộ. Giác ngộ tiếng Ấn Độ gọi là Phật Đà, mà không gọi là người giác ngộ, rồi coi Phật như một thần linh.

Như lai, Niết bàn, giải thoát... đều là những danh từ không có thực tế. Chư Phật chư Tổ là ngộ thực tế, thực tế không thể dùng lời nói để nói, nên ông hỏi, tôi không thể nói được, mà tôi chưa ngộ. Mặc dù, tôi có ngộ hay Phật Thích Ca đã ngộ và bảy ngàn Tổ ghi ở trong Thiên tông đã ngộ cũng không thể nói cho ông biết được. Phật chỉ đường lối thực hành để cho mình đạt đến ngộ, chứ không thể đem cái ngộ nói cho mình biết. Vì không thể nói, nên cần phải ngộ mới được giải thoát.

Giác ngộ là ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh là rời khỏi chiêm bao. Nếu chưa thức tỉnh thì ở trong chiêm bao luân hồi mãi, có hiểu điều gì là hiểu theo bộ óc; ngộ là Tâm linh tự hiện, Tâm linh tự hiểu; chứ không phải bộ óc là năng hiểu, rồi có Phật tánh là sở hiểu để làm tương đối.

Tâm linh hiện lên là không có năng hiểu sở hiểu, không có năng biết và không có sở biết. Như chữ “kiến tánh”, nếu giải theo mặt chữ thì không đúng; không có năng kiến để kiến Phật tánh, nếu có năng kiến để kiến Phật tánh làm sở kiến thì có năng sở đối đãi, nên không phải là kiến tánh.

Không thể nói được chỗ ngộ, nếu nói được thì không phải ngộ; khi ngộ triệt để đồng như chưa ngộ. Tại sao? Tại cái ngộ là do cái mê, có mê rồi mới có ngộ; đến chừng ngộ thì hết mê, hết mê không còn ngộ. Cho nên, Thiên tông nói “ngộ rồi đồng như chưa ngộ”, nếu còn ôm cái ngộ thì Thiên tông gọi là tiểu ngộ, chưa phải triệt ngộ, tức là còn đi giữa đường.

Cao Phong Diệu ngộ nhưng chưa triệt để, gặp Thầy hỏi: Ban ngày ồn ào làm chủ được không?

Cao Phong Diệu đáp: được.

Thầy hỏi: ban đêm ngủ, làm chủ được không?

Cao Phong Diệu đáp: được.

Thầy hỏi: ngủ mê không có chiêm bao, vậy chủ ở đâu?

Cao Phong Diệu không trả lời được.

Thầy nói: từ đây về sau, không cần làm gì, ông mệt thì ngủ, đói thì ăn; khi ngủ thức dậy, rồi hỏi “hồi này, ngủ quên không có chiêm bao, chủ ở đâu?”

Như vậy, ông phải tham thêm 5 năm, cùng ngủ chung một phòng, nghe tiếng gối cây rớt xuống đất, ông ngộ triệt để (mạt hậu lao quan). Ngộ triệt để là cảnh giới ngộ trùng quan tan rã, không còn ngộ nữa.

Hỏi: “Chỗ nào ông an thân lập mạng?” là như thế nào?

Đáp: Nếu có chỗ an thân lập mạng là không phải. Cách tham thiền: Có trời có đất, nên ông có ở đây thì ông biết, mà chưa có trời đất vậy ông biết không? – Không biết.

Không biết là tham thiền được rồi. Hỏi câu câu thoại để kích thích không hiểu không biết, nhìn xem chỗ không biết đó là gì, muốn biết chỗ không biết mà biết không nổi, gọi là nghi tình. Nhìn và hỏi đồng thời.

Hỏi: Mọi thứ đều là “không” thì như thế nào?

Đáp: Con số 0 không phải là không, tất cả dùng đều phải nhờ nó; không phải như tư tưởng người ta là không có gì, nó muốn lớn bao nhiêu hay rút nhỏ bao nhiêu đều được. Không phải nghĩ cho chúng tôi chán đời yếm thế vào cửa “không” là chẳng có gì. Sự thật, “không” là hiển bày cái dụng, có dụng là không phải là tiêu cực. Chính Tâm linh của mình sẵn có cái “không” gọi là Tánh không, Như lai, Niết bàn, Bát

nhã... Bát nhã là dụng của “không” này, tất cả đều phải nhờ “không” mà dùng. Không phải dùng trí huệ của bộ óc để suy nghĩ, tìm hiểu rồi mới dùng; còn trí huệ Bát nhã là tự động dùng.

Hỏi: Trong quyển sách này có nói về Thái cực quyền, vậy như thế nào?

Đáp: Không nói rõ về Thái cực quyền, nhưng cũng có ý trong đó. Vì Thái cực quyền để trị bệnh giống như Khí công, nhưng nó thấp hơn Khí công một chút. Vận động của Thái cực quyền, như tay đưa lên đầu thì tâm hướng đến đó. Khí công nói là khí, Thái cực quyền luyện đến cực thì cũng được phát ra khí. Mặc dù, đi quyền rất chậm, nhưng hơi rất mạnh có thể đẩy làm té người.

Đạo giáo nói “tinh, khí, thần”, tức là tinh hóa khí, khí hóa thần. Tinh của Đạo giáo nói là tập trung ý chí của bộ óc, luyện lâu rồi phát ra làn sóng tin tức có thể trị bệnh, có thể biến đổi vật chất gọi là khí, khí tiến thêm gọi là thần. Nhưng thần của họ giống như thần thông, mà không bằng thần thông của A-la-hán. Thần thông của Đạo giáo ở phạm vi rất nhỏ trong không gian thời gian.

Thần thông của A-la-hán về không gian là 1 đại thiên thể giới, về thời gian là 8 muôn kiếp trước và 8 muôn kiếp sau. Thần thông của Đạo giáo chỉ có 1 kiếp trước và 1 kiếp sau về thời gian, về không gian thì ở trong phạm vi Nam Thiệm Bộ Châu. Vì họ luyện tinh thần của bộ óc giữ được sinh mạng được mấy ngàn năm, có thể đến 10.000 năm, rồi cũng phải chết. Còn A-la-hán muốn giữ hoài không chết và muốn chết cũng được, tại chết là thể xác chứ Tâm linh không chết.

Hỏi: Tâm linh và Linh hồn là như thế nào?

Đáp: Phật giáo phủ nhận Linh hồn, vì Linh hồn tùy theo thể xác mà biến đổi; như con nít chết, Linh hồn là con nít; người lớn chết, Linh hồn là người lớn; người già chết, Linh hồn là người già. Còn Tâm linh không phân biệt lớn nhỏ già trẻ, tất cả đều là một. Mọi người chỉ biết danh từ Tâm linh, mà bản thể Tâm linh không có hình tướng, số lượng.

Tại sao gọi là Phật tánh? Vì Tâm linh có tánh giác ngộ nên đặt tên là Phật tánh. Tâm linh cùng khắp không gian, chẳng có khứ lai nên gọi là Như lai. Tâm linh cùng khắp thời gian, không có gián đoạn, không có sinh diệt gọi là Niết bàn. Tất cả danh từ Bát nhã, vô sanh, bồ đề... đều là biệt danh của Tâm linh, cũng là cái dụng của Tâm linh, chứ không phải có nghĩa khác

Tất cả chúng sanh đều cùng một bản thể, tuy nói là một nhưng không kiến lập một. Nếu có một thì phải có hai có ba, như hư không không thể nói là một, vì ở ngoài hư không không có hư không nữa, nên không thể nói là một. Thời gian cũng vậy, như ánh sáng đèn thì cảm nhận được, nhưng Tâm linh thì không cảm nhận.

Bây giờ, ở trong chánh điện này đốt 100 cây đèn, mỗi cây đèn khác nhau, đèn lớn phát ra ánh sáng mạnh, đèn nhỏ phát ra ánh sáng yếu. Nhưng 100 cây đèn cùng chung một ánh sáng, vì mình dùng lời nói là một ánh sáng, không thể hai ánh sáng. Tại nó cùng khắp thì sự tương đối tự tiêu diệt.

Tương đối là gì? Tương đối là hữu và vô. Tất cả xảy ra phiền não là do cái ngã, Phật giáo là phá ngã chấp.

Chấp thân này là hữu ngã, khi phá được gọi là vô ngã. Cùng khắp thì hữu ngã vô ngã đều không thể thành lập. Tại sao? Như tôi thay mặt ánh sáng đèn này là của ta, 100 cây đèn, mỗi mỗi đều phát ra ánh sáng. Nếu muốn thành lập có ta (hữu ngã) thì chỉ ra ánh sáng đèn nào của ta? Chỉ ra không được. Vậy muốn thành lập hữu ngã không thể

được. Muốn thành lập vô ngã phải chỉ ra chỗ nào không phải ánh sáng đèn của ta? Chỉ ra không được. Theo khoa học, tất cả ánh sáng đều cùng khắp không gian.

Năm tôi đi Úc, có Phật tử nói “bây giờ chỉ không được, nhưng sau này khoa học phát minh cái máy, sẽ phân tích ánh sáng của mỗi cây đèn thì chỉ ra được”. Tôi nói không được. Tại sao? Như 100 cây đèn, tôi sắp số 1, 2, 3, 4... 100, bày ra 100 cái chén không, cũng sắp 1, 2, 3, 4... 100, đem chén không số 1 sát bên đèn số 1. Nói trong chén không của số 1 chỉ có ánh sáng đèn số 1 được không? Không được. Vì nó đủ 100 ánh sáng của 100 cây đèn, không thiếu một ánh sáng nào. Rồi đem chén không số 1 đến gần chén không số 100, nói là chén không số 1 không có ánh sáng đèn số 1 được không? Không được. Nó cũng đủ 100 ánh sáng, không thiếu cái nào.

Đừng nói 100 cây đèn ở trong nhà, mà đem chén không để trên mặt trăng, vẫn là 100 ánh sáng của 100 cây đèn. Vì ánh sáng cùng khắp không gian, mặt trăng ở trong không gian. Cho nên, bao nhiêu cây đèn cùng một ánh sáng, chứ không có hai ánh sáng. Tất cả chúng sanh cùng một Tâm linh, chứ không có hai; vì Tâm linh cùng khắp không gian thời gian, không thể chỉ ra, không thành lập tương đối.

Nhưng không phải không có 100 cây đèn, 100 cây đèn vẫn y như cũ; đèn lớn phát ra ánh sáng mạnh, đèn nhỏ phát ra ánh sáng yếu; chứ không có thay đổi, không bị mất đèn nào. Tất cả chúng sanh cũng vậy, mỗi mỗi chúng sanh thông minh ngu si, giàu nghèo khác biệt; nhưng Tâm linh vẫn là một, không thể hai được, vì nó cùng khắp.

Hỏi: Thế nào là tứ tướng?

Đáp: Tứ tướng phạm phu gồm có 4 loại: ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng.

Ngã tướng là thân ngũ uẩn này, rồi hy sinh tiểu ngã (ngã tướng) để hoàn thành đại ngã (nhân tướng) là toàn nhân loại. Nhưng đại ngã của nhân loại chưa phải toàn chúng sanh, vì mỗi chúng sanh đều có Tâm linh, tiến thêm một bước là toàn chúng sanh (đại ngã chúng sanh hơn đại ngã nhân loại). Nhưng vẫn còn cái ngã, vì ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng đều còn ở trong thời gian, còn chấp thật thời gian thì vẫn có ngã vi tế (thọ giả tướng).

Bậc Thánh đã chứng quả, cũng còn có 4 tướng.

Ngã tướng của bậc Thánh có năng chứng sở chứng. Tiến thêm một bước là ngộ được năng chứng sở chứng không phải thật, nhưng lại có năng ngộ sở ngộ là nhân tướng. Tiến thêm một bước là liễu tri năng chứng sở chứng, năng ngộ sở ngộ đều chẳng phải thật; nhưng còn có năng liễu tri để liễu tri sở tri là năng chứng sở chứng, năng ngộ sở ngộ đó, gọi là chúng sanh tướng. Rồi tiến thêm một bước đến Niết bàn (Niết bàn của Tiểu thừa là tịch diệt), nhưng còn có cảnh tịch diệt để mình chứng, vì Tiểu thừa chấp pháp là có ta chứng Niết bàn, còn trụ nơi Niết bàn, gọi là thọ mạng tướng, kinh Kim Cang gọi là thọ giả tướng.

Đó là ngã tướng rất vi tế, nói đúng là bỏ ngũ uẩn rồi ôm ngã Niết bàn, vậy ngã Niết bàn cũng là ta. Quả Phật thì không có ta chứng, không có năng chứng, không có sở chứng, cuối cùng gọi là vô tu vô chứng, nên nói “ngộ rồi đồng như chưa ngộ”. Nếu còn ôm cảnh giới ngộ thì chưa đến mặt hậu lao quan trong Thiên tông, chưa đến cuối cùng vì còn có ngã vi tế, ngã vi tế lớn hơn đại ngã. Bất cứ trụ nơi nào đều không được, bởi vì bản thể là vô trụ. Lục Tổ nói “lấy vô trụ làm gốc”, Duy Ma Cật nói “từ gốc vô trụ lập tất cả pháp”. Gốc vô trụ là Tánh không của Tâm linh.

Hỏi: Đến vô ngã thì sao?

Đáp: Nếu không chấp ngã mà chấp vào vô ngã thì còn tương đối với cái ngã. Vừa rồi tôi nói vô ngã cũng không thành lập được, nếu trụ nơi vô ngã là có sở trụ. Vì đối với ngã nên nói vô ngã. Cái ngã không thành lập được, làm sao vô ngã được thành lập? Trong Phật pháp gọi là biên kiến (chấp vào một bên).

Hỏi: Theo bản thể không có năng sở, nhưng chúng con là phàm phu dùng phương tiện có năng sở, như trì chú có năng sở... Nếu chúng con không dùng phương tiện, làm sao đi đến đạo được?

Đáp: Phải rồi! Cho nên, Phật Thích Ca thuyết ra 84.000 pháp môn để cho người ta đi từ từ. Nhưng Phật Thích Ca nói ra sợ mọi người chấp là chân lý, nên phủ nhận liền. Vì đó là phương tiện tạm thời, mà bây giờ các Phật học viện, các Pháp sư đều chấp vào lời nói của Phật Thích Ca. Đó là nghịch với ý của Phật Thích Ca, vì vậy Phật chỉ nói là phương tiện.

Duy Ma Cật nói “phương tiện và trí huệ phải đi song song”. Nếu dùng phương tiện mà không có trí huệ thì bị phương tiện trói buộc. Còn dùng trí huệ mà không có phương tiện thì bị trí huệ trói buộc. Bởi vậy, muốn độ chúng sanh phải có phương tiện, nhưng phương tiện và trí huệ đi song song mới được. Tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa đều như thế, chứ không phải chỉ có kinh Duy Ma Cật thôi.

Hỏi: Chúng con ở trong thế giới phức tạp quá, ngồi đây nhờ băng video biết được mọi thứ ở thế giới, nhưng cái biết ấy càng biết càng khổ. Vậy phải làm thế nào?

Đáp: Cái khổ là do cái biết và suy nghĩ mà ra. Tôi có nói về nghiệp chướng phiền não: nghiệp chướng phiền não là sở suy nghĩ của tâm, tâm là năng suy nghĩ. Tâm năng suy nghĩ vốn không có nghiệp chướng phiền não, nghiệp chướng phiền não chỉ là sở, mà sở là ở ngoài tâm. Như ta là năng uống nước, nước là sở uống, đâu phải ta! Nhưng người ta chỉ biết tâm là danh từ, chứ thực thể của tâm hoàn toàn không biết.

Ví dụ 2 chân để đi, con đường gai góc cứt sinh là sở đi của 2 chân; 2 chân là của ông, con đường gai góc cứt sinh không phải của ông. Vì 2 chân của ông ham đi con đường đó nên bị gai góc cứt sinh, rồi nói cứt sinh đó là của ông. Đâu phải! Nhờ tôi tìm cách rửa sạch cứt sinh. Không cần, thói cách mấy mặc kệ nó, chỉ giữ 2 chân mình đừng giẫm trên con đường đó thì không bị dính cứt sinh.

Các phức tạp ấy đừng biết tới, tâm mình đừng suy nghĩ, tâm vốn trong sạch; tại ham suy nghĩ, đem cái sở cho là của mình. Năng mới là của mình, sở là ở ngoài. Cho nên, Bất nhĩ không cần tác ý, luôn luôn sẵn sàng hiện ra cái dùng.

Như hư không chẳng có nghĩa lý, nhưng tất cả đều phải nhờ nó hiển bày ra cái dùng. Đem cái không sẵn sàng hạn chế thành cái không của cái tách, cái bàn... rồi giải thích cái không của cái tách khác hơn cái không của cái bàn, giải thích ra rất có lý.

Cái nhà được cất lên là nhờ cái không sẵn sàng, nếu không có cái không sẵn sàng thì cái nhà làm sao dựng lên? Muốn tạo ra cái tách để dùng phải có cái không sẵn sàng. Nếu tách bể, nhà sụp đối với cái không sẵn sàng không ảnh hưởng, cho đến bom nguyên tử nổ tung làm quả đất tan nát hết, không ảnh hưởng gì đến cái không sẵn sàng.

Mặc dù, tất cả đều nhờ cái không sẵn sàng, mà không dính dáng đến nó. Tất cả vũ trụ vạn vật rất phức tạp đủ thứ dùng, nhưng đều nhờ nó mà dùng. Cho đến ông hỏi chuyện với tôi, tôi giải thích đều phải nhờ cái không này. Nếu không có cái không này thì không thể diễn bày vấn đáp. Vậy cái không này là gì? Là bản thể Tâm linh của mình, mà mình không nhìn nhận.

Hỏi: Có phải thời gian không có chăng?

Đáp: Không phải không có, nhưng bộ óc tưởng tượng không nổi. Thí dụ, một ngày 24 tiếng, 1 tiếng chia làm 60 phút, 1 phút chia làm 60 giây, nhà Phật đem 1 giây chia thành 60 sát na. Rồi tôi đem chia thêm 3 lần nữa, 1 sát na chia = 60 A, 1 A chia = 60 B, 1 B chia = 60 C. Khi tôi vừa nói trong hiện tại thì đã qua hết mấy trăm mấy ngàn C rồi.

Tôi chỉ chia thêm 3 lần, con số biểu thị thời gian đó thấy rõ ràng; thời gian thực tế, bộ óc không thể cảm nhận được. Nếu tôi chia 30 lần, 300 lần, 3.000 lần thì có con số biểu thị thời gian đó, nhưng bộ óc hoàn toàn không biết, bộ óc chỉ biết con số.

Mình đang ở trong thời gian đó, mà mình không biết. Vậy con số đâu phải thực tế! Bây giờ máy móc tối tân của nhà khoa học phát minh để quay video, chiếu trên tivi cho mình thấy được; tuy thấy được nhưng chưa thật biết được, đó chỉ là đoán mò thôi.

Hỏi: Vì sao Thầy trở nên tu sĩ?

Đáp: Ngày xưa, tôi thấy bà nội tôi chết thì tôi nghĩ tại sao lại có sự chết? Rồi tới ông già tôi chết, tôi nghĩ là sau này tôi sẽ chết. Vậy việc chết đó mình có giải quyết được không? Đến sau này thấy kinh Phật có thể giải quyết được, tôi mới xuất gia.

Nhưng bây giờ tôi phát hiện được sanh tử vốn không có. Vừa rồi có nói, chủ sinh mạng là Tâm linh, Tâm linh thì không có sanh tử.

-Thầy bây giờ có cảm thấy an lạc không?

-Tôi không nói an lạc hay không an lạc. Tại sao? Bản thể trống rỗng chẳng có gì hết. Thành ra, tôi đi tới đâu cũng như vậy thôi.

Hỏi: Không thể nói an lạc hay không an lạc. Vậy Thầy thấy cái gì quan trọng nhất?

Đáp: Nếu có cái gì quan trọng nhất thì không phải Tổ sư thiên. Theo Tổ sư thiên thì Tổ sư thiên cũng không quan trọng. Nếu có mục đích là có sở trụ, có sở trụ nên bị chướng ngại. Có quan trọng hay không quan trọng là tương đối, Tâm linh bất nhị chẳng có tương đối.

Tôi lấy cái tay dụ cho Tâm linh, Tâm linh là bản thể vô trụ hoạt bát vạn năng. Tay lấy tách, trà, giấy... đều được vì nó không trụ. Nếu tay trụ nơi giấy thì cái dụng của cái tay bị mất, nên lấy thứ gì cũng không được. Muốn lấy được mọi thứ thì không trụ nơi giấy.

Việc kể trên là pháp có, mà lại tay tự làm nắm tay, trong nắm tay không có gì, tức là trụ nơi pháp không. Nhưng nếu trụ nơi không cũng làm mất cái dụng của tay, nên không lấy được thứ gì. Vậy nắm tay cần phải buông ra để khôi phục cái dụng của tay.

Cho nên, tôi dạy tham thiền phát khởi nghi tình là cây chổi automatic quét sạch tất cả chấp có chấp không thì cái dụng hoạt bát vạn năng của Tự tánh hiện ra.

Hỏi: Quét tương đối được tuyệt đối, vậy tuyệt đối là đối đãi của tương đối. Như thế là sao?

Đáp: Nói quét, sự thật khỏi cần quét, vì muốn diễn tả nên phải nói là quét, cái gì vẫn y như cũ. Như công án “núi sông vẫn là núi sông”. Ban đầu chấp thật núi sông, rồi tiến lên một bước nữa là chấp chẳng thật núi sông, rồi cuối cùng núi sông và chẳng núi sông cũng không thật. Nhưng núi sông vẫn là núi sông, chứ không đem ý mình xen vô là thật hay không thật. Vì thật với không thật là đối đãi.

Hỏi: Sự hiểu biết con người hữu hạn, mà sự hiểu biết của Thượng Đế vô hạn. Vậy như thế nào?

Đáp: Thượng Đế là thần nhân tạo, tức là do người ta tạo ra; chứ không phải thật tế thiên thật, theo lý luận trong Thánh kinh rất là ấu trĩ. Bây giờ, Thượng Đế không biết ai tạo ra, nói là tự nhiên thì không đúng. Những cái Thượng Đế tạo ra rất mâu thuẫn, như nói “ai tin ta thì được lên thiên đường, ai không tin ta thì xuống địa ngục”. Những người này ông tạo ra, tại sao không tạo ra những người tin, mà tạo ra nhiều người không tin, lại phạt những người ấy xuống địa ngục, vậy có phải mâu thuẫn không!

Hỏi: Thế nào là Thiên địa bất nhân tạo như sâu cập?

Đáp: Người ta hiểu lầm chữ Hán, câu ấy nghĩa là Đại nhân bất nhân. Tại sao Đại nhân bất nhân? Sự thương mến (nhân) cùng khắp mọi chúng sanh, thành ra không có kiến lập cái nhân nữa, người nào cũng bằng nhau, bất nhị rồi đâu thể kiến lập. Cho nên, gọi là Đại nhân bất nhân.

Tất cả vũ trụ đã bằng nhau thì sự tương đối tự tiêu diệt, như tôi đã dùng ánh sáng đèn thí dụ: muốn thành có ngã hay vô ngã đều không được, vì tất cả cùng khắp hư không nên không có sự tương đối. Mặc dù, sự tương đối không còn, không có lý thành lập có ta hay không có ta; nhưng mỗi cây đèn vẫn y như cũ, như 100 cây đèn cùng một ánh sáng, không có hai ánh sáng; đèn lớn phát ra ánh sáng mạnh, đèn nhỏ phát ra ánh sáng yếu.

Phật pháp không thể kiến lập và tiêu diệt, kiến lập là sanh, tiêu diệt là diệt. “Bất sanh bất diệt”, Phật Thích Ca gọi là pháp Bản trụ, vốn là vậy. Nếu thêm ý kiến của mình vô là sanh, như công án “núi sông vẫn là núi sông”, nhiều người không hiểu, kể cả các nhà Phật học giảng kinh thuyết pháp cũng không hiểu.

Tại sao núi sông vẫn là núi sông? Câu đầu tiên chấp núi sông là thật, tức là ý mình cho núi sông là thật; câu thứ nhì cho núi sông là không thật; câu thứ ba núi sông vẫn là núi sông. Cho thật núi sông là ý của mình vô, chẳng phải núi sông cũng do ý của mình vô; thật hay giả là ý của mình, chứ núi sông không có thật hoặc giả. Núi sông vẫn là núi sông vậy thôi.

Hỏi: Xin Thầy khai thị phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa?

Đáp: Người ta in ra có 12 đại nguyện trong phẩm Phổ Môn Quán Thế Âm Bồ Tát. Họ chấp thật có ở Phổ Đà Sơn và có Quán Thế Âm ở ngoài biển trên một chiếc thuyền đi tuần, mà ai xin cầu cứu thì ngài đến cứu. Nếu thật như vậy làm sao cứu nổi? Vì biển gồm có Thái bình dương, Đại tây dương, Ấn Độ dương... đó chỉ là Nam thiên bộ châu của tiểu thế giới. Tiểu thiên thế giới là 4 đại bộ châu, quả đất này chỉ là 1 đại bộ châu.

4 quả đất là 1 tiểu thế giới, 4 quả đất X 1.000 = 4.000 quả đất (tiểu thiên thế giới), 4.000 quả đất X 1.000 = 4.000.000 quả đất (trung thiên thế giới), 4.000.000 quả đất X 1.000 = 4.000.000.000 quả đất (đại thiên thế giới), 4.000.000.000 X 4.000.000.000 X 4.000.000.000 = tam thiên đại thiên thế giới.

Nếu Quán Thế Âm chỉ một mình đi tuần ở biển Thái bình dương, làm sao cứu nổi những người ở tam thiên đại thiên thế giới xin cầu cứu? Chỉ có một quả đất cũng không thể cứu nổi, như người ở Ấn Độ dương xin cầu cứu, mà Quán Thế Âm ở Thái bình dương, làm sao cứu được? Vì người xen vô ý trên không biết Phật pháp, họ không biết có tự tánh Quán Thế Âm ở chính mình. Tâm mình có sức dụng bất cứ bao xa ở trên một niệm (qua đường ngậm thời gian không có con số, nên nói tốc độ ánh sáng là thấp nhất). Nhưng họ không biết Phật pháp, chấp có một Quán Thế Âm ngồi

trên thuyền để cứu người. Nếu vậy người ta ở nhà xin cầu cứu, làm sao cứu được? Họ không biết tự tánh Quán Thế Âm tự cứu, cho nên ở chỗ nào cũng tự cứu được. Phật Thích Ca nói “người ta thấy tôi đến rờ đầu họ để an ủi, kỳ thật tôi đâu có đến đó!” Ai cũng có tự tánh Phật mà chẳng tự tin.

Hỏi: Ngày xưa người tham học tìm thầy học đạo rất khó, ngày nay có phương tiện đầy đủ, tìm thầy học đạo rất dễ. Tại sao người tu thời xưa ngộ đạo nhiều hơn người tu thời nay?

Đáp: Vì người học đạo thời nay có trí thức logic quá mạnh, cái gì cũng phải hợp với logic. Nhưng Tâm linh không hợp với logic, mà siêu việt logic; vậy không thể dùng logic để hiện Tâm linh, hiện ra Tâm linh gọi là kiến tánh. Logic nghịch với Tâm linh nên làm chướng ngại Tâm linh hiện ra, tức là hiện thịnh ẩn suy. Thời nay, hiện thịnh quá, ẩn phải suy nên khó kiến tánh; thời xưa, ẩn thịnh thì hiển suy nên dễ kiến tánh hơn.

Hỏi: Phật pháp bất ly thế gian giác, nhưng câu thoại đầu hay công án thích hợp với thời đại nông nghiệp thiếu vật chất của ngày xưa. Ngày nay là thời đại khoa học tiến bộ thì chúng ta phải có những công án và câu thoại đầu khác, phương pháp tu hành khác để phù hợp trong hoàn cảnh hiện tại. Xin Thầy khai thị?

Đáp: Tôi đã nói, sau đời nhà Tống ở Trung Quốc, dạy thoại đầu hay công án là bắt đầu dẽ. Trước đời nhà Tống không dùng công án hay thoại đầu để dạy người, mà dùng các cơ xảo để dạy người. Như Phật Thích Ca có cơ xảo “niêm hoa thị chúng”... cơ xảo của chư Tổ là: người tham học vào cửa, Lâm Tế liền hét; người tham học vừa vào cửa, Đức Sơn liền đánh... với niêm hoa thị chúng không khác. Vì Truyền Đăng Lục ra đời nên người ta biết hết, thành ra chư Tổ không thể dùng cơ xảo được, bắt đầu dạy tham công án, tham thoại đầu.

Hỏi: Sao thời nay không dùng cơ xảo khác?

Đáp: Cơ xảo đã dùng không được, mà nói cơ xảo gì nữa! Trước đó, 5 phái có mỗi cơ xảo đặc biệt, đến chừng cơ xảo dùng không được thì 5 phái dùng chung công án và thoại đầu, không có gì khác. Vì dùng cơ xảo chửi mắng, đánh đập... dùng cách nào, nhưng người ta không phát lên nghi tình. Đâu phải như người Nhật Bản cho thoại đầu, công án là pháp cố định, rồi nghiên cứu pháp đó sửa đổi như khoa học tiến bộ! Không có tiến bộ được, mà chỉ có thụt lui.

Hỏi: Bây giờ, người Đài Loan tu Tịnh độ nhiều, vậy theo Thầy nghĩ sao?

Đáp: Bây giờ nói tu Tịnh độ nhưng không phải Tịnh độ, chỉ là gắn cái tên mà thôi. Họ chỉ tụng kinh gõ mõ cho là Tịnh độ. Tụng kinh, gõ mõ đâu phải Tịnh độ? Rồi cho niệm Phật là Tịnh độ! Tịnh độ có tín, nguyện, hạnh và cũng có thiền, nhưng người ta không biết. Thật tướng niệm Phật là thiền, trì danh niệm Phật đến nhất tâm bất loạn cũng là thiền. Có người không biết Tịnh độ có thiền, mà lại phi báng thiền; rồi cho mình không phải thiền.

Cho nên, ở Việt Nam, tôi giảng các trường Phật học Tăng Ni sinh nghe ngơ ngác. Tịnh độ là thiền, mà lại nói là thiền tịnh song tu! Cứ cho mình không phải thiền, Tổ sư thiền mới là thiền; thành ra phải thiền tịnh song tu! Những người ấy làm bậy, Tịnh độ còn không biết, làm sao biết đến thiền được! Vì vậy, bây giờ rất khó nói. Tăng Ni sinh trường Phật học có hỏi điều gì thì tôi giải đáp điều ấy, hỏi Tịnh độ thì tôi dạy Tịnh độ, hỏi Chi quán thiền thì tôi dạy Chi quán thiền, không phải bắt buộc người ta tu Tổ sư thiền.

Hỏi: Tổ sư thiền có thỏa mãn cho người trí thức không?

Đáp: Tổ sư thiên không thỏa mãn cho người trí thức, mà lại quét sạch trí thức.

-Rốt ráo nhất là ở chỗ nào?

-Rốt ráo nhất như tôi đã giải thích về Tánh không của Tâm linh không có nghĩa lý, rồi con người mới đặt ra nghĩa lý; cũng như cái “không” của tách, đĩa, nhà... họ giải ra nghĩa lý rất đúng. Nhưng cái “không” sẵn sàng chẳng có nghĩa lý.

Hỏi: Những người không tin tưởng đạo của mình, rồi tìm đến đạo Phật đáp ứng các thắc mắc. Theo ý Thầy thế nào?

Đáp: Người theo đạo Phật bây giờ rất là phức tạp, vì mỗi người dùng chủ quan của mình để giải thích Phật giáo đều nghịch ý của Phật Thích Ca. Phật Thích Ca không kiến lập lý, lời Phật vừa nói ra là tự mình liền phủ nhận. Nhưng bây giờ các nhà Phật học cho là lời Phật Thích Ca là chân lý, nếu như vậy giống như ngoại đạo. Các đạo khác kiến lập chân lý.

Hỏi: Tại sao con “nhìn” không được?

Đáp: Cô có nhìn thấy cái này cái kia được không?

-Con nhìn cảm thấy đau đầu quá!

-Vậy là tốt, vì công phu có tiến bộ. Còn nói nhìn không được như thế nào? Tức là nhìn không thấy gì phải không? Nhìn không thấy gì là đúng rồi. Đến khi thấy là thấy tánh (kiến tánh), bây giờ có thấy gì thì không đúng.

-Con cứ nghĩ là hành sai phải không?

-Tại do có nghĩ, tham thiền không cho nghĩ; không cho chấp cái gì cả, lời của Phật cũng không cho chấp. Lời của Phật nói ra liền phủ nhận, tự nói không có nói. Nói vậy hoài, mà nói đến đâu lại chấp đến đó; cái khó là do có chấp, phạm tất cả nói được là không phải. Lời nói của Phật và Tổ đều vậy. Chỗ thực tế không thể nói, phải ngộ mới được; lời nói là tẩy trừ các chương ngại, để cho mình dễ kiến tánh.

Lời nói cao tột nhất trong Đại Trí Độ luận của ngài Long Thọ phân tích đến mức cuối cùng:

Hỏi: Tại sao không nói hư không rộng lớn vô biên nhận tất cả vật, mà lại nói vô sở hữu nên dung nạp tất cả vật?

Đáp: Hư không vô sở hữu nên mới dung nạp tất cả chúng sanh, Đại thừa, mà vô sở hữu cũng không có. Trước mắt thấy hư không chẳng có gì, nhưng tất cả vạn vật đều ở trong đó. Vì vô sở hữu được thọ nhận tất cả.

Pháp tâm tâm số không có hình chất, tại sao không thọ nhận tất cả? Pháp tâm tâm số có tướng giác tri, chẳng phải có tướng thọ nhận; mà lại không có chỗ trụ trong, ngoài, gần, xa... chỉ do tướng phân biệt mới biết có khái niệm của tâm.

Sắc pháp có chỗ trụ, vì sắc có chỗ nên biết có hư không. Tại sao? Do sắc không thọ nhận vật chất nữa, như cái bàn không thọ nhận thêm cái bàn, vì chỗ đó cái bàn đã chiếm. Biết hư không có thọ nhận vật, như hư không thọ nhận cái bàn. Cho nên, sắc trái ngược với hư không, mới biết hư không có thọ nhận. Cũng như có vô minh (không sáng) thì biết có sáng, hư không chẳng có tướng khác nữa.

Pháp tâm tâm số lại có nghĩa chẳng thọ nhận, mặc dù không có hình tướng thì đồng với hư không. Nhưng tâm có tà kiến thì chẳng thọ nhận chánh kiến, tâm chánh kiến chẳng thọ nhận tà kiến; vì có chẳng thọ, còn hư không chẳng phải vậy! Mà cái gì cũng đều thọ nhận hết. Pháp tâm tâm số thì sanh diệt có thể đoạn dứt, hư không chẳng có tướng sanh diệt nên không đoạn dứt. Tuy pháp tâm tâm số không hình tướng giống như hư không, nhưng lại khác hư không. Cho nên, nói hư không thọ nhận tất cả.

Hỏi: Tại sao không nói hư không vô lượng vô biên thọ nhận tất cả vật, mà lại nói vô sở hữu (không có hư không) thọ nhận tất cả vật?

Đáp: Hư không chẳng có tự tướng, tại sao? Phải đợi vật thể có sắc tướng rồi nói hư không mới hiện hư không. Nếu hư không chẳng có tự tướng thì chẳng có hư không. Đã chẳng có hư không, sao lại nói hư không vô lượng vô biên!

Hỏi: Vậy ông nói có tướng thọ nhận tức là hư không, tại sao nói là chẳng có?

Đáp: Tướng thọ nhận không có tướng vật chất, tức là vật chất chẳng thể đến, gọi là hư không. Nếu có sắc thì không phải hư không, nên nói chẳng có hư không. Nếu thật hư không lúc chưa có sắc thì có hư không, nếu chưa có sắc thì có hư không là vô tướng. Tại sao? Vì có sắc mới biết có hư không, có hư không là vì có sắc. Nếu trước có sắc sau mới có hư không thì hư không được làm ra. Làm được không phải là thường, bởi vì thành rồi phải diệt. Nếu có pháp thì bất khả đắc, vì hư không là vô tướng nên nói chẳng có hư không.

Hỏi: Nếu hư không là thường có, vì sắc nên tướng hư không hiện ra rồi chứng tỏ có hư không ư?

Đáp: Nếu hư không trước đã vô tướng thì sau cũng là vô tướng. Nếu hư không trước đã hữu tướng thì tại sao tướng ấy không có sở tướng (tức là chẳng có tướng sở hữu của hư không)? Nếu trước vô tướng, tướng cũng không có sở tướng, tướng chẳng có sở trụ. Nếu lia tướng chẳng có tướng, vì tướng chẳng có chỗ trụ. Nếu tướng chẳng có chỗ trụ thì sở tướng chẳng có, nên tướng cũng chẳng có; lia tướng và sở tướng đâu có pháp nào gọi là hư không!

Cho nên, hư không chẳng gọi là tướng, chẳng gọi là sở tướng, chẳng gọi là pháp, chẳng gọi là phi pháp, chẳng gọi là có, chẳng gọi là không có, chấm dứt tất cả ngôn ngữ, tịch diệt như vô dư Niết bàn, tất cả các pháp cũng như thế. Lấy hư không để dụ cho tất cả pháp đều như vậy, chỗ này làm cho người ta khó tin. Mình thấy hư không thì trống rỗng, không có cái gì còn để nhận. Ngoài hư không, tất cả các pháp cũng như thế, tức là dùng hư không để thí dụ cũng như hư không vậy.

Hỏi: Nếu tất cả pháp như thế tức là hư không, tại sao dùng hư không để thí dụ?

Đáp: Nhân quả của các pháp đều là hư dối, vì vô minh mới có. Vô minh đó lừa dối chúng sanh thì chúng sanh ở nơi pháp đó sanh ra chấp trước, mà chẳng phải ở nơi hư không sanh ra chấp trước. Pháp lục trần hư dối lừa gạt tâm chúng sanh, hư không cũng là hư dối, nhưng chẳng có lừa gạt, nên không ai bị hư không lừa gạt. Tâm của chúng sanh bị sự vật hư dối lừa gạt, như ngon, dở, yêu, ghét... Cho nên, lấy hư không làm thí dụ.

Dùng việc thô hiện tiền để phá việc vi tế, như hư không bởi sắc mới có giả danh là hư không, chẳng phải pháp nhất định. Chúng sanh cũng như thế, chúng sanh do ngũ uẩn hợp mới có cũng là giả danh, chẳng phải pháp nhất định.

Đại thừa pháp cũng như vậy, bởi chúng sanh Tánh không, nên chẳng có Phật và chẳng có Bồ Tát, vì chúng sanh chấp có nên có Phật có Bồ Tát. Nếu không có Phật, không có Bồ Tát thì không có Đại thừa để độ chúng sanh. Do đó, Đại thừa dung nạp vô lượng vô biên a tăng kỳ chúng sanh. Nếu thật có pháp thì không thể dung nạp vô lượng vô biên chư Phật và chúng sanh.

Hỏi: Nếu thật chẳng có hư không, tại sao dung nạp vô lượng vô biên a tăng kỳ chúng sanh?

Đáp: Do nghĩa này nên Phật thuyết Đại thừa vốn chẳng có, bởi vì hư không chẳng có thì Đại thừa cũng chẳng có, a tăng kỳ cũng không có, vô lượng cũng không có, vô biên cũng không có, tất cả pháp cũng không có, như thế mới được dung nạp.

Nói tiếng a tăng kỳ, a là tiếng Hán dịch là vô, tăng kỳ dịch là số; chúng sanh các pháp mỗi mỗi đều không được đến bờ, nên gọi là vô số. Dùng số để đo lường mười phương hư không xa gần, chẳng thể được. Phân biệt sáu ba la mật, mỗi bố thí, mỗi mỗi trì giới... đều không có số, thì Đại thừa, Tối thượng thừa cũng không có số, ấy gọi là vô số.

Mà lại có người nói số ban đầu là 1, 1 thêm 1 là 2; như thế 1 là tất cả, chẳng có số khác. Nếu tất cả đều là 1 tức là vô số vậy. Cũng có người nói tất cả pháp hòa hợp nên mới có tên gọi. Cũng như chiếc xe do trục, vành xe, vô xe... hòa hợp thành tên gọi là chiếc xe, thật thì chẳng có pháp nhất định.

Một pháp chẳng có thì nhiều pháp cũng chẳng có, vì trước một sau mới nhiều. Lại nữa, dùng số để đếm sự vật, vật chẳng có thì số cũng chẳng có. Nói vô lượng (không thể đo lường) như dùng đầu để lường gạo, dùng trí huệ để đo lường các pháp cũng như thế.

Các pháp tánh không, nên vô số, vô số nên vô lượng, vô lượng nên vô biên, chẳng có thật trí (Tâm Kinh nói: vô trí diệt vô đắc), như thế làm sao có tướng nhất định của các pháp để đo lường! Vì vô lượng nên vô biên, lượng là tổng tướng, biên là biệt tướng; lượng là bắt đầu, biên là cuối cùng. Bắt đầu không có làm sao có cuối cùng?

Cho nên, ta cho đến kẻ biết kẻ thấy vốn chẳng có thì thực tế cũng chẳng có; thực tế chẳng có nên vô số cũng chẳng có, vô số chẳng có nên vô lượng cũng chẳng có, vô lượng chẳng có nên vô biên cũng chẳng có; vô biên chẳng có nên tất cả các pháp cũng chẳng có. Do đó, tất cả pháp rốt ráo thanh tịnh, ấy là pháp Đại thừa dung nạp tất cả vậy.

Chúng sanh và pháp, hai thứ làm nhân với nhau, nếu chẳng có chúng sanh thì chẳng có pháp; nếu chẳng có pháp thì chẳng có chúng sanh (cũng như trứng gà và con gà). Trước nói tổng tướng tất cả pháp không, sau nói biệt tướng mỗi mỗi các pháp đều không, thực tế là diệu pháp sau cùng. Cái này đã chẳng có thì cái kia làm sao có! Từ cái tánh bất khả tư nghì cho đến tánh Niết bàn cũng đều như thế.

Dùng lời nói chỉ đến chỗ này thôi, vì vậy cuốn Tâm Linh Và khoa Học có thể nói được Tâm vật hợp một, còn Phi tâm phi vật phải tự tu chứng mới được, không thể dùng lời nói. Chỗ này là dùng lời nói đến chỗ cùng tột. Đây là lời của ngài Long Thọ giải thích Bát nhã trong Đại Trí Độ luận.

Theo nghĩa này thì đại trí cũng chẳng có, nhưng “chẳng có” này là dùng lời nói để diễn tả, luôn cả “chẳng có” cũng chẳng có. Nếu chẳng có cũng chẳng có thì không phải thiệt chẳng có. Thật chẳng có thì có cái chẳng có.

Dân Vô Tận viết một bức thư hỏi Thiền sư Báo Ân: Sớ Tham Lương của Hiền Thủ tông giải thích quyển thứ 3 nói: tà kiến ở Ấn Độ có 4 thứ, Đạo nho Trung Quốc cũng có 4 thứ tà kiến, Lão Trang cũng vậy.

Lão Trang nói “lấy tự nhiên làm nhân sanh ra vạn vật” tức là tà nhân. Kinh Dịch nói “Thái cực sanh Lưỡng nghi”, Thái cực làm nhân cũng là tà nhân. Nếu nói một âm một dương gọi là Đạo sanh vạn vật cũng là tà nhân. Nếu cho một hư vô tức là vô nhân.

Nghi thuyết tự nhiên của Lão Tử và thuyết tự nhiên ngoại đạo Ấn Độ khác nhau:

Thường vô dục để quán cái diệu, thường hữu dục để quán cái khiêu (năng khiêu). Nếu vô dục không phải là tài, khiêu là tinh hoa của tài. Vô dục là thường, mà có khiêu đã nhập Đạo, tại sao gọi là tà nhân?

Trung Phong giải thích: Dịch nói một âm một dương gọi là Đạo, âm dương không thể đoán biết được gọi là thành, thành đối với vạn vật gọi là diệu. Mặc dù, tịch nhiên chẳng động, nhưng cảm ứng thông thiên hạ, mà tại sao bây giờ lại phá âm dương, biến dịch âm dương cho là tà nhân? Mà lại quét luôn thân chẳng thể suy lường thì có thuyết gì, xin trả lời ở tờ giấy sau, để đoạn dứt cái nghi của tôi?

Thiền sư Báo Ân trả lời: Ngoại đạo ở Ấn Độ có rất nhiều, nhưng tóm lại không ra ngoài 4 thứ kiến (tứ cú: hữu kiến, vô kiến, diệc hữu diệc vô kiến, phi hữu phi vô kiến) thì không từ một tâm làm đạo, đạo đó không phải một tâm; cho nên nói là ngoại đạo. Nếu mà từ một tâm thì tâm không có 4 tướng này. Không lấy các pháp làm tâm thì tâm tùy theo tri kiến có khác biệt, vì vậy gọi là tà kiến.

Cũng như nói hữu thì có vô, bởi vì vô cũng là hữu. Nếu nói là vô không có thì hữu cũng không có. Như chấp lấy vô là chân lý thì hữu cũng là vô. Nếu có vô thì sanh ra kiến chấp hữu, nếu không hữu thì sanh ra kiến chấp vô; nên cũng hữu cũng vô hay chẳng phải hữu chẳng phải vô, cũng đều như vậy. Không lìa hết tri kiến thì không sáng tỏ tự tâm, không sáng tỏ tự tâm thì không biết rõ chánh đạo. Nên Kinh nói “dùng lời nói để thuyết pháp, người trí nhỏ vọng phân biệt”. Vì không rõ tự tâm, làm sao biết rõ chánh đạo?

Lại nói, có tri kiến tức là có bản, có tri kiến gì cao siêu nhất đều là có bản. Có bản là không phải tri kiến Phật, xa lìa tất cả kiến mới được thấy Phật, gọi là tri kiến Phật. Nếu theo mà quán thì tà chánh không khác nhau. Tri kiến cao nhất không phải do ngộ, ngộ thì không có tất cả tri kiến.

Nói tam giới duy tâm, tâm sanh thì pháp sanh, tâm diệt thì pháp diệt, cùng vạn hữu chẳng phải là có. Tất cả tập hợp lại cứu kính tịch diệt cũng chẳng phải là vô. Như nói, phi vô cũng phi phi vô, phi hữu cũng phi phi hữu; tức là 4 thứ chấp (tứ cú) đều quét hết thì tất cả lỗi lầm tiêu sạch, lý tự nhiên, lý nhân duyên đều hý luận không đúng, đều là hư vô, giả danh, không chân thật.

Lời nói dù khác, nhưng không phải là khác. Cho nên người Trung Quốc nói tam giáo là một tâm, nhưng lại khác. Còn đạo chân thật không thể dùng lời để nói phải ngộ mới biết. Vì vậy, tri kiến với ngộ cách xa. Kinh Lăng Nghiêm nói “tri kiến lập tri là căn bản vô minh, không có tri kiến gọi là Niết bàn”. Nhưng bây giờ các nhà tri thức và Pháp sư thuyết pháp Phật cũng đều chấp tri kiến.

Vì vậy muốn hoằng dương Tổ sư thiền không phải dễ! Có muốn phổ biến cũng không được, nên tôi nhấn mạnh khí công, rồi cuối cùng nói khí công chỉ biết một chút xíu trong Tâm linh thôi. Muốn biết toàn diện Tâm linh chỉ có tham Tổ sư thiền, chứ không có cách nào hết. Vì khí công mà người ta dễ tin, đến khi khí công giải quyết không được, phải tìm đến Tổ sư thiền. Còn bây giờ không thể bắt buộc người ta tu Tổ sư thiền.

Những người gặp Tổ sư thiền là kiếp trước họ đã có tu rồi, tức đã có gieo thiện căn vô lượng kiếp trước. Kinh Kim Cang nói “Chẳng phải nơi một đức Phật, hai đức Phật... mà vô lượng vô biên đức Phật gieo trồng thiện căn, mới có được một niệm tin trong sạch”. Cho nên, được niệm tin trong sạch đâu phải dễ! Được niệm tin đó có thể được giải thoát, những người ấy chịu tu theo đến cuối cùng giải thoát. Còn không có lòng tin, lúc ban đầu có hứng thì tu, sau hết hứng thú lại bỏ.

Hỏi: Trên đường tu hành, khi tinh tấn, lúc dãi dãi và lọt vào vô ký. Việc ấy như thế nào?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói “tri giác là chúng sanh”. Trong thế giới hiện hữu, mình cho cạp, beo, sư tử là ác thú; nhưng chúng nó không bao giờ giết hại đồng loại, chúng nó khi đói mới giết hại loại khác để làm lương thực, còn khi chúng nó không đói không bao giờ giết hại. Con người bình thường giết hại loại khác, như cá và súc vật... thành thói quen giết hại đồng loại. Con người hiểu biết cao rộng nên tâm độc, theo Phật pháp nói là do ngã chấp.

Bây giờ, thế giới không bao giờ ngưng chiến tranh, do hiểu biết của mình rồi lập ra chủ trương riêng; tức là dùng bộ óc làm chủ, bộ óc phải qua ngũ giác quan (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân). Mắt muốn xem cái đẹp, tai thích nghe tiếng khen, mũi ưa ngửi mùi thơm, lưỡi ham nếm đồ ngon và thân khoái xúc êm dịu. Tất cả đều theo dục vọng của mình để thỏa mãn là do hiểu của bộ óc. Khi thỏa mãn không được rồi sanh giết hại, nếu có thỏa mãn nhiều cũng giết hại.

Phật muốn chấm dứt cái chủ quyền của bộ óc, để cho Phật tánh làm chủ dẹp tất cả mây cái kia. Theo ông hỏi là cái tri kiến, Phật muốn đem chủ quyền bộ óc giao cho Phật tánh làm chủ, Phật tánh chỉ có thiện. Minh tu mục đích cuối cùng đạt đến kiến tánh thành Phật là để Phật tánh làm chủ.

Những người không có mục đích như đây, hoặc vì có hứng thú, lúc có hứng thú thì siêng năng, hết hứng thú thì dãi dãi; có khi bị ngoại cảnh lôi kéo làm cho dãi dãi. Sự thật việc này có thể sửa đổi, nên Phật dạy tu tập dần dần. Phật thuyết 84.000 pháp môn cho mình chọn thích hợp tu tập dần dần, chứ không phải làm được liền.

Nhưng người ta không chịu, nhất là Tổ sư thiên; người ta tu Tịnh độ mấy chục năm không thấy gì mà chẳng ai hỏi, còn người tu Tổ sư thiên được vài ngày, có người hỏi “có thấy gì không?” Người ta có ý bài xích phỉ báng. Hiện nay, tôi hoảng dương Tổ sư thiên, thấy rất khó. Nhưng tôi tận sức hoằng pháp, người nào chịu theo được lợi ích, người nào không chịu theo thì mất lợi ích.

Vấn đề sanh tử là của chính mình, đâu phải của người khác! Tôi dạy người giải thoát sanh tử để được tự do tự tại. Muốn đạt đến tự do tự tại phải triệt chủ quyền của bộ óc. Nếu bộ óc làm chủ thì không bao giờ được tự do tự tại. Nhưng mà bây giờ nhân loại lấy bộ óc làm chủ. Nhà chính trị chủ trương theo bộ óc giết chết biết bao nhiêu triệu người, họ không thấy động tâm gì hết; mà xúi những người đi giết rồi cho là anh hùng, tặng chức. Chỉ có ông Vệ không cho bộ hạ nô sủng, như vậy ở Trung Quốc biết được là xử tử liền.

Hỏi: Một người qua hành động giết hại cho là anh hùng, vậy sự giết hại, họ có tội không?

Đáp: Có tội. Người có quyền sai khiến bị tội nặng nhất, người chấp hành đi làm chịu tội nhẹ. Như ông Vệ không chấp hành cũng sống vậy, mà tất cả lính không bị chết; các lính bạn của ông đi đánh gặc chết hết một phân nửa, vì không bắn người ta chết thì người ta không bắn lại mình chết.

Chư Phật, Tổ nói “người khác lừa gạt mình thì cái hại nhỏ, mà chính mình lừa gạt mình thì cái hại lớn”. Tất cả đều do chính mình lừa gạt sanh ra cái hại, tức là do bộ óc gọi là vô minh.

Một người Mỹ hỏi tôi: có tin một Thánh nào hay tin mình?

Tôi trả lời: tất cả đều không tin, luôn cả chính mình cũng không tin.

Người ấy nghe tôi giải đáp bớt đi phiền não.

Hỏi: Có Phật tử tu hai, ba pháp môn cùng một lúc; khi tham thoại đầu thì họ sẽ đi về đâu?

Đáp: Tùy cái nghiệp kéo đi, nghiệp nào nặng thì thọ sanh về nơi đó. Như làm ác nhiều sanh nơi ác đạo, làm thiện nhiều sanh nơi thiện đạo. Làm thiện có 3 bậc: làm thiện bậc thượng thì sanh cõi trời, làm thiện bậc trung thì sanh cõi người, làm thiện bậc hạ thì sanh cõi a tu la. Làm ác có 3 bậc: làm ác bậc thượng thì đọa xuống địa ngục, làm ác bậc trung thì đọa nơi ngạ quỷ, làm ác bậc hạ thì đọa vào loài súc sanh.

Làm thiện nhiều chừng nào thì tuổi cao chừng nấy để hưởng phước, làm ác nhiều chừng nào thì tuổi thọ dài chừng nấy để chịu quả báo khổ. Thọ mạng dài nhất là địa ngục. Mình chưa ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh thì tùy nghiệp xoay chuyển.

06

Hỏi: Phương pháp “phản văn văn Tự tánh” có khác gì với Tổ sư thiền không?

Đáp: Ngài Hư Vân nói “phản văn văn Tự tánh chính là tham Tổ sư thiền”. Vì có âm thanh mới đặt tên nghe (văn), phản văn là lia âm thanh, vậy còn đặt tên nghe cho ai nữa? Người ta hiểu lầm cho là không nghe âm thanh ở ngoài, nghe trở về Tự tánh. Nếu dùng cái nghe thì không nghe động cũng nghe tịnh, không nghe thiện cũng nghe ác, không nghe khen cũng nghe chê... tất cả vẫn còn tương đối.

Bởi vì, còn dùng cái nghe thì nằm trong tương đối, nên Bát Nhã Tâm Kinh quét sạch là “vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý”. Dùng chữ vô, vô là không có, không phải là không có, không có thật; tức là đừng nghe, xem nữa... Vì không có thật, không phải chấp giả; giả cũng không thật giả, chứ đừng chấp cái giả là thật. Chấp chơn là thật thì bệnh dễ trị, chấp giả là thật thì bệnh khó trị. Nên kinh Lăng Nghiêm nói “chơn với vọng là hai thứ vọng”, vì đối với vọng mà lập chơn thì chơn cũng là vọng.

Tôi dịch kinh Lăng Nghiêm là phản văn bản tánh văn, bản tánh văn là Tự tánh. Tự tánh là bất nhị, không có năng nghe và sở nghe. Tự tánh không phải là sở nghe, nếu có năng nghe để nghe Tự tánh là nhị. Phản văn là lia âm thanh thì cái nghe mất, âm thanh động và tịnh đều hết, mới đúng nghĩa phản văn; tức là hiện bản tánh nghe, bản tánh này là Tự tánh.

Tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc, tánh biết đều là cái dụng trong Tâm linh không chết mất, tồn tại vĩnh viễn. Bản tánh văn hiện ra thì Phật tánh làm chủ, tất cả đều không dính dáng, nên được tự do tự tại.

Cuộc sống hàng ngày là do bộ óc làm chủ, cái nào thích thì mình siêng năng; cái nào không thích thì mình làm biếng, việc tu hành cũng vậy. Vì tiền mà bỏ tu hành là việc đó thông thường, vì tu hành mà bỏ tiền thì việc này rất ít có. Như Bàn Uẩn vì tu hành mà bỏ tiền, nên cả gia đình đều được kiến tánh.

Hỏi: Con muốn đến chùa để nghe Thầy giảng, nhưng chồng của con muốn con ở nhà giữ cháu. Vậy con phải làm thế nào?

Đáp: Đến chùa là để tu học giải thoát, ở nhà giữ cháu có giải thoát không? Tự mình suy nghĩ coi sao! Như bây giờ giữ cháu có được một số tiền cũng không bằng tu, hay vì tình thương mà giữ cháu. Mình soi kiến thấy mặt mũi của mình là chỉ thấy ngoài da. Sự thật, thể xác này chỉ là chiếc xe chở sinh mạng, không phải chủ nhân chở sinh mạng; sinh mạng là Tâm linh.

Hỏi: Mình đi nghe giảng là tốt, nhưng chồng con nói là bỏ bỏ phận. Vậy phải làm thế nào?

Đáp: Bôn phận thì có phạm vi. Như tu sĩ làm Sa di có bôn phận làm Sa di, Tỳ kheo có bôn phận Tỳ kheo, người tại gia làm chồng có bôn phận làm chồng, làm vợ có bôn phận làm vợ, làm cha mẹ có bôn phận làm cha mẹ, làm con cái có bôn phận làm con cái.

Cháu có cha mẹ phải không? Nếu vậy cháu sanh ra con là chắc, cứ tiếp tục giữ hoài biết bao giờ hết được! Cha mẹ có bôn phận với con, khi làm việc có thể gọi con ở nơi giữ trẻ, lúc về nhận con về. Trong xã hội có chế độ như vậy. Đi làm để kiếm tiền nuôi sống, nhưng mình không phải bỏ nuôi sống. Một tuần lễ đi chùa có mấy tiếng đồng hồ, ngày chủ nhật thì cha mẹ của cháu đã rảnh rồi. Tại sao đổ trách nhiệm cho bà nội? Ông nội muốn thì ông nội giữ cháu, bởi vì đã ngoài bôn phận.

Có một bà ở Việt Nam ra lệnh cho con cháu, không ai dám cãi lại. Khi qua Mỹ thì ngược lại, con cháu chỉ cho ăn ở. Nhưng bà ấy tuy chưa đến tuổi, mà đăng ký trước vào nhà dưỡng lão là muốn rời khỏi nhà con cháu, có nhiều người như vậy. Như ở New York, một bà có con dâu, trước mặt bà tỏ ra có hiếu, nhưng vắng bà thì con dâu không vừa ý. Khi bà biết vậy, không thể ở chung được, phải ở nơi khác.

Hỏi: Thế nào là tham thiền?

Đáp: Tham thiền là dùng cái không biết để tu, chỉ cần không biết.

Ba năm trước, tôi đi Canada có 10 Phật tử đi cùng, trong đó có hai mẹ con, đưa con mới 3 tuổi cũng tham thiền, tham câu “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Đã tham mấy tháng. Đến thành phố lớn nhất của Canada là Toronto, vào Quán khoa học có máy tính để coi hoạt động của bộ óc. Máy đó được chia ra ba mươi mấy cấp, có cái bàn để cho tay đặt lên thì đèn báo hiện. Những người tham thiền đề câu thoại đầu và nhìn chỗ không biết, xem chỗ không biết là cái gì, bộ óc hoạt động giảm bớt lại thì đèn xuống dần rồi tắt luôn.

Bình thường, tôi thuyết pháp là con nít 6, 7 tuổi mới tham thiền, bà già 8, 9 chục tuổi cũng tham thiền được. Nhưng 3 tuổi thì tôi không tin nổi, sẵn có cái máy thử coi; tôi ẵm nó để trên đầu gối, lấy tay nó đặt trên máy thì đèn sáng ở trên; tôi bảo nó tham thiền đi, đèn từ từ xuống rồi tắt.

Mấy người da trắng đứng một bên thấy vậy ngạc nhiên cho lạ quá! Sao các người đều làm được, luôn cả thằng bé cũng làm được? Tại sao chúng tôi làm không được? Tôi nói “phải bớt suy nghĩ mới được”. Người ấy nói “tôi không suy nghĩ, sao đèn không xuống?”

Họ nói vậy, nhưng bộ óc không nghe lời, khó khống chế nên không thể làm. Còn các Phật tử đều có tập tham thiền, có người theo tôi tham thiền mười mấy năm rồi. 3 tuổi cũng tham thiền, có máy đã chứng tỏ. Tại sao? Vì dùng cái không biết, không biết sẵn, nên nó tham thiền được. Bé còn dạy tham thiền cho các bé lớn hơn nó. Hỏi nó: sao không dạy tham thiền cho bé bằng mày? Bé trả lời: máy đưa đó không biết.

Hỏi “khi chưa có trời đất, ta là cái gì?” Cảm thấy không biết; nhìn chỗ không biết, xem chỗ không biết đó là cái gì? Vừa hỏi vừa nhìn, vừa nhìn vừa hỏi, nhìn với hỏi một lượt. Nhìn đến biết được, gọi là kiến tánh. Mặc dù, nhìn muốn biết, nhưng không cho suy nghĩ tìm hiểu để biết, không cho giải thích để biết, cứ hỏi và nhìn hoài; rất dễ, vì thằng bé 3 tuổi cũng làm được, mình là người lớn sao không làm được? Giờ nào rảnh thì tham thiền, tham cho đến được tự động, có khi quên tham nó cũng khởi lên.

Nếu chỉ hỏi “ta là ai?” thì dễ có đáp án. Còn “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” thì không thể hiểu, phải thật không hiểu mới được. Cần cái không biết và nhìn chỗ không biết là cái gì? Muốn biết chỗ không biết là cái gì, mà không biết nổi. Nếu một ngày kia thành linh biết được là kiến tánh thành Phật, thì tất cả khổ đều chấm dứt hết. Ngộ

rồi biết khắp không gian thời gian, không chỗ nào mà không biết, không lúc nào mà không biết.

Cái biết của bộ óc thì ngủ mê không biết, chết giấc không biết, chết rồi không biết; còn cái biết Phật tánh cùng khắp thời gian thì ngủ mê cũng biết, chết giấc vẫn biết, chết rồi cũng biết. Nếu chết rồi không biết thì có gián đoạn, không phải cùng khắp thời gian. Biết khắp không gian thì bao nhiêu tỷ chúng sanh nổi lên một niệm cũng biết, nếu không biết thì còn thiếu sót, không phải cái biết của Phật tánh. Nhưng bây giờ cái gì cũng không biết, tất cả không biết gom lại một cái không biết; rồi nhìn chỗ không biết đó, xem chỗ không biết đó là cái gì; không cho suy nghĩ, nếu suy nghĩ là sai; chỉ giữ cái không biết, mà muốn biết chỗ không biết.

Hỏi: *Vậy tâm tánh mình cần sửa không?*

Đáp: Tham thiền thì tâm tánh không cần sửa mà nó tự sửa, nếu không tham thiền có muốn sửa cũng không được. Như người ta thích xem hát, tham thiền một thời gian không thích xem hát; thích đi nhà hàng ăn uống, tham thiền một thời gian không thích đi nhà hàng ăn uống.

Hỏi: *Có chuyện gì cần thiết để làm cho đúng không?*

Đáp: Không có cần thiết hay không cần thiết, là tùy duyên, duyên đến thì làm, duyên tan thì thôi, không để trong tâm. Tùy duyên là không nghịch duyên, chứ không phải nên hay không nên. Nhưng tùy duyên cũng có cái bất biến, bất biến là đường tu của mình không bị ảnh hưởng. Nên mình cứ giữ nghi tĩnh, còn gặp các việc thì làm.

Hỏi: *Có cần ngồi thiền không?*

Đáp: Tham thiền khỏi cần ngồi, làm công việc đều tham thiền được, không nhất định phải ngồi. Đông người cần có trật tự, nên ở đây ngồi 40 phút đi 20 phút. Ở nhà tham thiền đi khi nào mỏi lại ngồi, ngồi tê chân lại đi. Không phải cần ngồi hay cần đi, việc ấy là để điều thân vì sức khỏe của mình. Pháp môn khác chú trọng ngồi, tham thiền không chú trọng ngồi; mới tập tham thiền lúc làm việc thì ngưng tham, tập trong khi không làm việc; sau này tham thiền quen thuộc, khi làm việc tự động khởi câu thoại và nghi tình.

Tham thiền khỏi cần gắng sức, khỏi cần tập trung; cứ hỏi và nhìn, nhìn chỗ không biết. Như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Cảm thấy không biết; nhìn chỗ không biết, muốn xem chỗ không biết là cái gì, muốn biết chỗ không biết. Vì không biết nên không có chỗ để nhìn, thành ra mới khó. Nhưng khó cũng phải nhìn, dùng tâm để nhìn. Không có chỗ thì nói nhìn không được, nhưng nhìn không được là được rồi.

Hỏi: *Tại sao có người chết trẻ và có người chết già?*

Đáp: Tùy theo nghiệp của mỗi người, hết duyên chết sớm, còn duyên ở lại chết sau. Các Tông Lâm Trung Quốc của mười phương, trụ trì do chính quyền địa phương mời. Như Tỉnh trưởng có quyền mời trụ trì, có quyền thôi trụ trì. Biết vị nào kiến tánh mời làm trụ trì, vị nào nhậm chức trụ trì, Tỉnh trưởng không can thiệp việc Tông Lâm.

Vị trụ trì kiến tánh có nhân duyên gì không thích hợp với Tỉnh trưởng, nên Tỉnh trưởng kiếm chuyện làm khó dễ. Vị trụ trì biết mình ở cõi này được 6 năm, muốn tránh khỏi ông Tỉnh trưởng, rồi gửi thư cho đệ tử là Quách Công Thổ: “Tôi muốn đầu thai vào nhà ông, làm con ông được không?” Ông ấy nhận thư và bằng lòng, chưa nói cho vợ biết; nửa đêm hôm đó, người vợ nằm mơ lớn tiếng; người chồng hỏi: làm gì la om sòm vậy?

Vợ nói: Hồi này, thấy ông Tăng vô trong phòng, tôi nói chỗ này vô không được.

Ông chồng cười, lấy thư cho vợ coi; sau này sanh ra đứa con được 6 tuổi rồi chết. Đứa bé lúc lên 3 tuổi, có sư Trạch đến thăm hỏi: mình chia tay bao lâu rồi?

Bé trả lời: 4 năm rồi.

Người kiến tánh được sanh tử tự do, còn người chưa kiến tánh phải theo nghiệp lực mà đầu thai. Ngài Bá Trọng nói “người không tu phải theo nghiệp, trước khi chết thích nhà lầu, cái này cái kia... thích nhà lầu nhiều hơn thì sau khi chết thấy nhà lầu đẹp, đi vô đi ra làm heo chó”.

Hỏi: Tại sao người không có tội lại chết sớm?

Đáp: Thiền sư Thủ Đoan được 48 tuổi mà chết, Thiền sư Hư Vân được 120 tuổi mà chết. Lúc ngộ rồi thấy không có sanh tử, tại bây giờ mình chấp thật thân này thì cho sanh tử có thật. Chết sớm chết trễ đâu phải do thiện ác là nghiệp của mỗi người.

Hỏi: Mấy người tự tử là sao?

Đáp: Tự tử theo giới luật nhà Phật cũng là tội sát sanh, nếu có thọ giới.

Hỏi: Tham thiền chưa kiến tánh cũng theo nghiệp đi đầu thai phải không?

Đáp: Phải rồi! Gieo nhân thì được quả, tham thiền là gieo chánh nhân sẽ được chánh quả. Tham thiền làm cho tâm lực mạnh. Như mình thiếu nợ, chủ nợ có thể lực mạnh phải trả trước, chủ nợ có thể lực yếu thì trả sau. Nhân quả cũng vậy, tâm lực mạnh tạo nhân nên quả đến trước, dù trước có làm ác, nhưng lúc đó tâm lực yếu nên kéo lại sau.

Bây giờ, mình làm chánh nhân là tham thiền thì kiếp sau cũng gặp duyên, tiếp tục tham đến kiến tánh.

Hỏi: Thế nào là giữ chánh niệm?

Đáp: Pháp Bảo Đàn nói “hữu niệm là niệm tà, vô niệm là niệm chánh; tà chánh đều quét sạch, thanh tịnh đến cùng tột”. Nếu bỏ tà niệm mà còn giữ chánh niệm cũng chưa được. Tham thiền giữ được nghi tình là giữ được chánh niệm. Vì nghĩa thoại đầu là chưa có khởi niệm lên, tức là vô niệm. Nếu đã khởi niệm là thoại vĩ, chứ không phải thoại đầu.

Hỏi: Tại sao Mật giáo dễ truyền qua Tây phương, Thiền tông khó truyền qua Tây phương?

Đáp: Vì Mật giáo dễ có thần thông, do người ham thần thông. Nhưng bây giờ Mật giáo giả nhiều hơn Mật giáo thật. Mật giáo ở Việt Nam là giả, nhưng cũng có thần thông. Mật giáo là bí mật truyền thụ, tức một người truyền cho một người, không cho người khác biết. Họ tập trung tinh thần gọi là tam nghiệp gia trì. Tam nghiệp là thân, khẩu, ý. Thân bắt ấn, khẩu niệm chú, ý quán tưởng, 3 thứ một lượt thì không có vọng tưởng để suy nghĩ việc khác, nên mau có thần thông. Người Tây Tạng coi thần thông không ra gì, vì người nào cũng có; còn người Trung Quốc, Việt Nam cho có thần thông là kiến tánh.

Thái Hư Đại Sư cho 3 người đệ tử qua Tây Tạng học Mật giáo, được mấy năm có thần thông về Thượng Hải; có thần thông nên mọi người đến cúng dường nhiều tiền, do vì có thần thông nên 3 người đều bị hại chết. Tại không phá ngã chấp, dùng tiền để thỏa mãn dục vọng của mình, phá giới chết hết. Thầy bên Thiền tông phát giác đệ tử có thần thông thì đuổi liền. Nếu Thiền sư có hiện thần thông, sau đó liền tịch; vì sợ người ta mê chấp thần thông, mà quên chánh pháp.

Hỏi: Tại sao có Thiền tông rồi mà lại có Mật tông?

Đáp: Mật tông ban đầu là ngoại đạo, do ngài Long Thọ sửa Mật tông lại thành chánh pháp, sau khi Phật nhập Niết bàn mấy trăm năm. Ngài Long Thọ là Tổ thứ 14 của Thiên tông, sửa pháp ngoại đạo thành chánh pháp, ngài là Sơ tổ của 6 phái.

Hỏi: Chỉ quán, Pháp giới quán, Duy thức quán, đại khái như thế nào?

Đáp: Chỉ quán là Thiền quán của tông Thiên thai, tông này căn cứ kinh Pháp Hoa, nên cũng gọi là Pháp Hoa tông. Cách tu của Pháp Hoa tông có chỉ quán thiền, trong đó có tam chỉ tam quán. Tam chỉ là: hệ duyên chỉ, tùy duyên chỉ, thể chơn chỉ; tam quán là: giả quán, không quán, trung quán. Có 6 thiền quán gọi là chỉ quán thiền (chỉ là ngưng suy nghĩ).

Pháp giới quán thiền thuộc tông Hiền Thủ là căn cứ kinh Hoa Nghiêm, cũng gọi là Hoa Nghiêm tông, có 4 pháp giới: Lý pháp giới, Sự pháp giới, Lý sự vô ngại pháp giới, Sự sự vô ngại pháp giới. Cách tu là pháp giới quán.

Tông Duy thức là tu Duy thức quán, dựa vào luận: Thành Duy Thức luận, Duy Thức Nhị Thập Tụng, Duy Thức Tam Thập Tụng.

Như Tam Luận tông dựa vào luận, kinh Lăng Già là Duy thức, mục đích phá chấp của ngoại đạo cũng có dựa thì đâu có khác! Tất cả Phật pháp, lời nói có khác nhưng bản thể không khác, bản thể chỉ là một Tâm linh.

Hỏi: Sao nói “thường, lạc, ngã, tịnh” là điên đảo của Nhị thừa?

Đáp: Vì họ còn chấp pháp, có chấp gọi là điên đảo; cho là thật hay giả đều là điên đảo; tức là điên đảo của Nhị thừa chấp xuất thế gian, còn tập khí xuất thế gian. Điên đảo của phàm phu là tập khí thế gian, điên đảo của bậc thánh cũng là ngã chấp vi tế. Như phá được thân này là không phải ta, thân này do ngũ uẩn, nhưng chấp Niết bàn là ta chứng cũng là ngã; tức là bỏ ngũ uẩn ngã, rồi ôm Niết bàn ngã. Cho nên vẫn là điên đảo.

Hỏi: Thế nào là bình thường tâm?

Đáp: Bình thường tâm là đã kiến tánh, chứ không phải cuộc sống hàng ngày của mình. Đời sống hàng ngày của mình là điên đảo. Bình thường tâm không dính mắc cái gì giống như hư không, nếu tâm giống như hư không mới được bình thường. Vì bom nguyên tử nổ làm tiêu tan hết, nhưng hư không vẫn bình thường. Tâm của người chưa kiến tánh không được bình thường.

Hỏi: Thế nào là Chánh pháp nhãn tạng?

Đáp: Chánh pháp nhãn tạng là Tâm linh của mọi chúng sanh, tức là Tự tánh không có gì dính mắc nên gọi là chánh pháp. Như Bồ đề, Niết bàn, Như lai, giải thoát, vô sanh, vô tử, vô trụ, bình thường tâm, chủng trí... nhưng ý không khác nghĩa. Hiện lượng có khác, cũng nói hiện ra số lượng. Tâm linh (bổn tâm) không có số lượng, nên số lượng khác với bổn tâm, mặc dù số lượng cao nhất cũng là khác.

Hỏi: Người đã chứng ngộ hiện được khắp không gian thời gian, cái thật tướng là hiện lượng, cái dụng là hiện lượng kiến. Xin Thầy khai thị?

Đáp: Đây là đối với tỷ lượng, phi lượng rồi nói hiện lượng. cũng như đối với tương đối mà nói tuyệt đối thì có hơi khác. Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô trí diệc vô đắc”, đã không có trí, nếu có hiện lượng trí không phải là trí.

Hỏi: Thế nào là “đương thể tức không”?

Đáp: Như cái tách này có cái thể. Giáo môn nói “do nhân duyên hòa hợp thành cái tách”. Nếu phân tích nhân duyên ra, vốn là không có cái tách. Khi mình đang thấy cái

tách vốn là không, không phải tiêu diệt cái tách rồi thành không. Theo lý của Nhị thừa phải diệt cái tách rồi thành không.

Hỏi: Con có vọng tưởng nhiều, nên chú ý tham thoại đầu để đuổi vọng tưởng. Vậy có được không?

Đáp: Không cần đuổi vọng tưởng, không cần biết vọng tưởng; vì nghi tình là không biết, nếu có vọng tưởng nổi lên cũng mặc kệ; chỉ cần giữ nghi tình thì vọng tưởng tự tiêu diệt. Do biết vọng nên vọng mới có, không biết vọng thì vọng làm sao có!

Hỏi: Lập đi lập lại câu thoại đầu phải không?

Đáp: Không phải lập đi lập lại, mà hỏi liên tiếp và nhìn liên tiếp. Như hỏi “khi chưa có trời đất, ta là cái gì?” Không biết. Rồi nhìn chỗ không biết, xem chỗ không biết là cái gì; chỗ không biết là thoại đầu, nếu phá được thoại đầu (vô thi vô minh) thì tất cả đều biết; không còn một cái gì mà không biết, cho nên cắt đứt gốc nghi. Tại không biết nên có nghi, tất cả đều biết thì không có nghi.

Đề câu thoại đầu, rồi nhìn chỗ không biết, xem chỗ không biết là cái gì; nhưng không cho tìm hiểu, suy nghĩ, giải thích; tức là muốn ngưng cái biết của bộ óc. Đến chừng kiến tánh rồi biết, đó là ngộ chứ không phải cái biết của bộ óc. Ngộ triệt để thì cái gì cũng biết, nếu thiếu sót một cái gì chưa biết nên không phải triệt ngộ.

Hỏi: Chủ yếu của kinh Địa Tạng là thế nào?

Đáp: Kinh Địa Tạng là kinh bất liễu nghĩa, tức là có tư tưởng chấp thật; còn kinh liễu nghĩa phá chấp thật. Kinh Di Đà, Dược Sư... đều là bất liễu nghĩa.

Hỏi: Bồ Tát là những vị đã chứng ngộ, rồi trở lại Ta Bà để độ chúng sanh phải không?

Đáp: Bồ Tát là tên gọi, phàm phu có thọ giới Bồ Tát cũng gọi là Bồ Tát; nhưng chỉ học hạnh Bồ Tát, do học hạnh Bồ Tát mà dần dần tiến lên quả vị Bồ Tát. Quả Bồ Tát bắt đầu từ sơ quả, nhị quả, tam quả... có 10 cấp, tới Thập địa Bồ Tát, đến Đẳng giác là Bồ Tát, Diệu giác mới là quả Phật. Tất cả pháp môn gặp nhau ở Đẳng giác, từ Đẳng giác tiến lên một bước nữa là quả Phật.

Hỏi: Thời khóa tụng thường có kinh bất liễu nghĩa, rồi sau có bài Bát nhã. Xin Thầy giảng cho?

Đáp: Sau khi tụng bất liễu nghĩa xong, rồi tụng Bát nhã để quét sạch bất liễu nghĩa; tức là từ bất liễu nghĩa đi tới liễu nghĩa, không phải đứng lại một chỗ. Cho nên, mỗi thời kinh sau cùng đều có tụng bài Bát nhã.

Kinh Bát nhã quét sạch tất cả hiểu biết: “vô ngũ uẩn, vô lục căn, vô lục trần, vô lục thức, vô tứ diệu đế, vô thập nhị nhân duyên, vô trí cũng vô đắc, cho đến xa lìa điên đảo cứu cánh Niết bàn”. Không phải chấp thật của ngoại đạo là thật vĩnh viễn. Vì vậy, mỗi lần tụng, cuối cùng đều có phá.

Hỏi: Tất cả Tôn giáo đều có thiên, thiên của Phật giáo khác với thiên của ngoại đạo như thế nào?

Đáp: Ngoại đạo đều có thiên, như Thiên chúa có tu viện; nhưng người tu ở trong đó, không cho đi ra ngoài; họ cũng ngồi thiền nhưng không bằng thiền Phật giáo. Phật giáo có điều thân là ngồi và đi, từ Phật Thích Ca đến bây giờ. Những người ngồi mà không đi lâu ngày thành bệnh. Ban đầu có bệnh, ngồi một thời gian hết bệnh; đến chừng ngồi lâu thành bệnh thì không hết bệnh, mà trị không được. Đến bác sĩ khám, không phát hiện ra bệnh. Theo tôi biết ở Việt Nam, có những bệnh như vậy, đi Nhật

đi Mỹ để trị. Nhưng rồi trị không được, vì bác sĩ khám không thấy bệnh, tại bệnh là do tâm sanh.

Những người có bệnh là khổ công tu, phần nhiều ở phái Khất sĩ. Một mình tu trong núi rừng có các kết quả như: ói máu, phát điên, phá giới. Như có sư ở núi Tô Châu bị ói máu, nhưng người ta bị ói máu thường bị chết; còn sư ấy bị ói máu mà không chết. Sư tu trên núi có thần thông, người ta ở Hà Tiên đem lương thực cúng dường thì sư biết trước. Sư ấy mấy lần muốn gặp tôi nhưng không được, có lẽ tôi với sư không có nhân duyên. Sư Ngọc được một thầy dạy tham thoại đầu, thời gian bị ói máu, rồi đến thầy ấy giải quyết không được. Sau này nghe tôi hoằng thiên, sư mới tìm đến tôi; tôi nói “tham thiên phải cho đúng, có ngồi có đi”, qua một thời gian hết bị ói máu.

Có vị Khất sĩ tu trong rừng không muốn gặp ai, đến chỗ có chim kêu tìm trái cây ăn để sống; nhưng thiếu muối, rồi độn củi để đổi; bằng cách bó củi để ngoài đường và viết “ai lấy củi để lại một gói muối”, đêm sau ra lấy. Qua mấy năm, không còn sư ấy nữa.

Vì tụng chú, niệm Phật hay quán một cái gì, để nhiếp tâm đè nén vọng tưởng. Nhưng chỉ đè nén mà không phá ngã chấp, theo vật lý đè mạnh chừng nào thì phản lực mạnh chừng nấy. Như đánh banh vào tường mạnh chừng nào thì dội lại mạnh chừng nấy. Đè nén đến mức cao thường có thần thông, nên tham sân si nổi lên; nhất là tâm tham nổi lên không thể kiềm chế được, vì sức nó quá mạnh. Tu mức thấp có thể đè nén được, tu đến mức cao thì đè nén không nổi. Do đó có 3 kết quả: ói máu, phát điên, phá giới. Người ta nói là tẩu hỏa nhập ma.

Hỏi: Có một vị tu giai đoạn đầu giống như cây khô. Xin Thầy khai thị?

Đáp: Công án này muốn cho người ta biết là không có lý, mà lại sanh ra nghĩa lý thuộc sản phẩm của bộ óc là không phải kiến tánh. Ban đầu ông Tăng đó giải ngộ, ngộ được cái lý, không phải thật chứng. Bà già sai con gái ôm chặt sư mà nói “nói đi! Nói đi!”

Sư tỏ tâm trạng nói: Cây khô dựa đá lạnh, cuối đông chẳng hơi ấm. (khô mộc ý hàn nham, tam đông vô noãn khí).

Nghĩa là cuối mùa đông trời rất lạnh, khiến cho cây, đá đều lạnh; tức là cảm tình của sư không còn chút nào, dù con gái ôm nhưng sư thấy không rung động. Tâm trạng đó thì người thường rất khen ngợi, bà già đã kiến tánh biết chưa kiến tánh rồi đuổi sư đi và đốt cái am.

Hỏi: 45 phút ngồi thiền, sau 15 phút điều thân là thế nào?

Đáp: 15 phút điều thân là thiền của Nhật Bản, đứng ra ngồi bao lâu thì đi bao lâu, ngồi nửa tiếng thì đi nửa tiếng. Tôi đến trung tâm thiền của Thái Lan là nguyên thủy Phật giáo, họ ngồi bao lâu rồi đi bao lâu; tức là hình thức từ Phật Thích Ca đến bây giờ họ không sửa đổi. Ở Trung Quốc cũng vậy, thời xưa không có đồng hồ thì đốt cây nhang để ngồi, hết cây nhang rồi đốt cây nhang khác để đi.

Thiền của Nhật Bản theo tánh con người ham ngồi hơn đi, thành ra họ chịu theo người ta là ngồi 45 phút đi 15 phút. Ban đầu ở Việt Nam, tôi sửa lại là ngồi 40 phút đi 20 phút; vì tánh người ta ham ngồi hơn đi. Sau này, người ta đã biết được pháp môn này, tin được tự tâm; rồi sửa lại là đi 30 phút đi 30 phút. Nhưng ở chỗ này vẫn còn ngồi 40 phút đi 20 phút, vì đây là xã hội Hoa Kỳ.

Hỏi: Sao người chết có tuần thất thứ nhất cho đến tuần thất thứ bảy?

Đáp: Đó là do thân trung âm mới có, thường thường người chết đi đầu thai liền; giờ chết và giờ sanh cùng một giây phút đó. Cho nên, người Tây Tạng đi tìm Phật Sống

đã chết, không biết sinh ở đâu? Căn cứ vào ngày giờ chết của Phật Sống trước, nên đi tìm con nít sanh ra đúng vào ngày giờ đó. Mấy năm mới tìm được 5, 6 đứa bé, không biết bé nào trong số đó là Phật Sống đầu thai? Vì vậy, đem các đồ của Phật Sống trước để lộn chung với các đồ khác, rồi cho các bé lấy ra. Bé nào lấy đồ ra nhiều nhất thì bé đó là Phật Sống đầu thai. Việc này giống như hên xui, nếu bé nào được coi là Phật Sống đầu thai thì cả gia đình của bé được vinh hoa phú quý.

Những người ở trong Thiên tông kiến tánh, được sanh tử tự do; muốn đầu thai chỗ nào cũng được, như đầu thai vào con gái không có chồng: Có ông già trồng cây tùng xin Tứ Tổ ấn chứng để kế thừa hoàng pháp.

Tứ Tổ nói: ông già quá đâu có bao nhiêu thời gian để hoàng pháp! Ông đi đầu thai, tôi sẽ đợi ông.

Ông già đi dọc bờ sông thấy cô gái đang giặt đồ, đến hỏi: tôi muốn ở đậu nhà cô được không?

Cô gái đáp: hãy hỏi cha mẹ của tôi.

Ông già nói: cô hứa rồi, tôi đến hỏi cha mẹ cô.

Cô gái bằng lòng, thời gian sau cô có thai. Cha mẹ của cô thấy có thai, rồi đuổi ra khỏi nhà đi ăn xin. Cô sanh ra đứa bé trai đem bỏ dưới sông, nhưng đứa bé nổi trên nước và trôi ngược lại. Cô gái ẵm lên nuôi được 14 tuổi dẫn đến Tứ Tổ làm đệ tử, sau này là ngũ tổ Hoàng Nhẫn.

Hỏi: Tiểu thừa là quả vị A la hán, Trung thừa là quả vị Bích chi Phật, Đại thừa là hướng về quả vị Phật, Tối thượng thừa là quả vị Phật. Kính xin Thầy giảng rõ?

Đáp: Phật là Giác, Bích chi là Độc giác, không phải Phật, vì cái này chưa phải là Diệu giác. A la hán cũng là Giác. Câu “vô thượng, chánh đẳng, chánh giác”, A la hán được chánh giác rồi, khác xa với ngoại đạo. Ngoại đạo cũng gọi là giác ngộ, gọi là tà giác, tức là chưa phá ngã chấp. Còn A la hán phá được nhân ngã chấp, nên gọi là chánh giác; nhưng chưa được chánh đẳng mà giác ngộ vẫn chưa bằng Phật, và Bích chi Phật cũng vậy. Đến bậc Bồ Tát được chánh đẳng (giác ngộ bằng Phật gọi là chánh đẳng), mà chưa được vô thượng, vì trên là quả vị Phật cao hơn (không có cao hơn gọi là vô thượng). Cho nên, gọi Phật là vô thượng, chánh đẳng, chánh giác.

Hỏi: Kinh Kim Cang nói “Độ hết thấy chúng sanh, nhưng không thấy có một chúng sanh nào để được độ”. Vậy như thế nào?

Đáp: Nếu chấp thật có chúng sanh thì mới thấy có độ chúng sanh. Chúng sanh vốn không có, như Phật nói “chúng sanh, tức phi chúng sanh, thị danh chúng sanh”, chúng sanh chỉ là giả danh, chứ không phải chân thật; bây giờ theo sự hiểu biết của mình cũng chứng tỏ được. Làm sao để chứng tỏ? Nếu chúng sanh là thật thì mỗi người là một đơn vị, đơn vị đó nhiều chừng nào thì số lượng ấy có thể hết, như đếm thì sẽ hết. Nếu có đơn vị thì bây giờ không có chúng sanh.

Tại sao? Như một đại kiếp có một ngàn chúng sanh thành Phật thì hết một ngàn đơn vị (bớt hết một ngàn, Phật tăng thêm một ngàn). Thời gian cứ trước hoài không hết, một đại kiếp trước nữa thì bớt hết một ngàn chúng sanh nữa; cứ trước hoài thì bây giờ hết chúng sanh, vì thời gian cứ trước hoài không bao giờ hết. Nhưng chư Phật không có thêm, chúng sanh không có bớt. Vì chúng sanh không thật, nên chư Phật cũng không thật. Cho nên, độ tất cả chúng sanh mà không thấy có một chúng sanh nào được độ, tức là Tâm linh của mình vốn như vậy.

Về sau, cứ một đại kiếp có một ngàn chúng sanh thành Phật, cho đến nhiều đại kiếp; nhưng chúng sanh vẫn y như cũ, không có bớt, chư Phật vẫn y như cũ, cũng không có

thêm; đến tận cùng vị lai cũng vậy, nên Tâm Kinh nói “bất tăng, bất giảm”. Do mình có tập khí tư tưởng chấp thật là không đúng thực tế.

Hỏi: Sao có bốn loài chúng sanh: thai sanh, thấp sanh, noãn sanh, hóa sanh?

Đáp: Đó là do tâm của chúng sanh hoạt động sanh ra 12 loài chúng sanh, nhưng đều là ảo tượng, đều là chiêm bao; trong lúc chiêm bao thì thấy, thức dậy thì hết (thức dậy tức là thành Phật). Nói độ thì không có độ, nói đắc cũng không có đắc. Như nói đắc đạo, nếu thật có đắc đạo không phải đắc đạo, vì Phật không phải tu mà thành, không phải chứng mà đắc. Cho nên, cuối cùng nói là vô tu vô chứng. Đã vô tu vô chứng, làm sao có độ? Nếu nói độ phải có năng độ và sở độ, vậy ai là năng độ, ai là sở độ, có pháp gì để độ?

Có người hỏi “Phật có trước hay là pháp có trước?” Do có pháp mới tu thành Phật, Phật đầu tiên thì ai độ? Lúc đó chưa có pháp mà tu pháp nào để thành Phật? Là vô lý. Còn nói pháp có trước, pháp là do Phật thuyết; chưa có Phật thì ai thuyết pháp đó để độ chúng sanh? Cũng vô lý. Như con gà có trước hay trứng gà có trước. Vì vậy, Phật nói là vô thi vô sanh.

Bản thể Tâm linh là vô trụ, không dính mắc chỗ nào; vô trụ nên hiển bày cái dụng, vô trụ cũng là thể, vô trụ cũng là dụng. Lục Tổ nói “lấy vô trụ làm gốc”, về cái dụng thì Duy Ma Cật nói “từ gốc vô trụ lập tất cả pháp”. Nếu mình thực hành được vô trụ, tuy chưa kiến tánh cũng thoải mái, không có gì phải đáng lo, đáng phiền não. Tất cả vọng tâm mình làm ra cái chuồng rồi tự nhốt trong đó, gọi là chuồng người.

Muốn kiến lập cái ta là thân này, thân này từ cha mẹ sanh ra, rồi nhiều đời cha mẹ sanh ra nữa, nhưng cuối cùng không thể tìm có cha mẹ đầu tiên, tức là không có cha mẹ bắt đầu. Như Phật tánh ai cũng đều có, vậy Phật tánh này làm sao thành lập? Thành lập từ chỗ nào? Không có chỗ; thành lập từ lúc nào? Không có lúc. Không có chỗ và không có lúc, làm sao thành lập Phật tánh được!

Bây giờ mình đã chấp có thì cái có này là cái chuồng, nên bị nhốt trong cái chuồng này ra không được; mình đi tới đâu thì cái chuồng đi đến đó, mặc dù có đi đến chân trời góc biển mà mình vẫn ở trong cái chuồng này. Cái chuồng này ai cho mình? Đó là do mình tự tạo ra. Phật muốn mình phá cái chuồng này, đừng tự nhốt mình vào. Kỳ thật rất là giản dị nhưng mình không chịu, cứ chui vô cái chuồng đó rồi không chịu ra!

Phật đã dùng nhiều thứ phương tiện, thí dụ giải thích; như kinh Pháp Hoa thí dụ nhà lửa, chúng sanh là mấy đứa nhỏ chơi trong nhà lửa không sợ đau khổ của sự chết thiêu, mà không chịu ra. Ông Trưởng giả (đức Phật) nói gạt với mấy đứa nhỏ rằng: “Ở ngoài cửa có đủ thứ xe, nào xe trâu, xe dê, xe nai... sao không chịu ra lấy để mà chơi?” Rồi mấy đứa nhỏ ra ngoài cửa chỉ được xe trâu (Đại thừa).

Hỏi: Thế nào gọi là minh và vô minh?

Đáp: Minh là sáng, vô minh là không có sáng. Tâm linh của mình không có minh và vô minh, minh và vô minh là pháp sanh diệt; lúc sáng thì không có tối, lúc tối thì không có sáng. Đó là chỉ là giả lập mà thôi. Thập nhị nhân duyên không có thật, nên dùng chữ vô là phá sạch hết (vô vô minh đến vô lão tử).

Tất cả các pháp bắt đầu từ vô minh, nhưng vốn không có vô minh. Bây giờ có ánh sáng mặt trời gọi là minh, đến tối thì không có ánh sáng mặt trời gọi là tối, vậy lúc đó không phải là không có ánh sáng mặt trời! Lúc đó ánh sáng mặt trời vẫn chiếu bình thường, tại bị trái đất che nên không thấy, rồi cho là lúc tối; sự thực thì không có, ánh sáng vẫn còn. Vì ánh sáng mặt trời chiếu soi không ngừng.

Bây giờ mình nói trời sáng, mà trời không có sáng! Nói trời tối, trời cũng không có tối! Trời không có dính dáng đến sáng và tối, trời là hư không tức Tâm linh của mình. Sáng và tối ở trong hư không sanh diệt, không dính líu đến hư không. Mình và vô mình ở trong Tâm linh của mình hoạt động không có dính líu với tâm mình. Tất cả đều không dây mà tự trói, kinh Lăng Nghiêm nói “tự tâm buộc tự tâm”, tự mình tạo ra cái chuông người rồi chui vô cái chuông đó.

Trang Tử có thí dụ, con rùa biển bò đến cái giếng rơi xuống giếng gặp một con rùa ở dưới giếng từ lúc nhỏ. Rùa giếng chỉ biết cái giếng của mình ở là lớn và nhìn lên miệng giếng thấy bầu trời lớn hơn cái giếng một chút.

Rùa giếng hỏi rùa biển: Chỗ anh ở đâu?

Rùa biển nói: Tôi ở biển.

Rùa giếng hỏi: Biển của anh bao lớn?

Rùa biển nói: Lớn lắm.

Rùa giếng lội 1/3 giếng rồi hỏi: Có lớn bằng như vậy không?

Rùa biển nói: Lớn hơn nhiều.

Rùa giếng lội 2/3 giếng rồi hỏi: Có lớn bằng như vậy không?

Rùa biển nói: Lớn hơn nhiều.

Rùa giếng nói: Vậy có lớn bằng cái giếng này không?

Rùa biển nói: Lớn hơn nhiều.

Rùa giếng nói: Anh đã nói láo nói bậy rồi. Cái biển của anh có phải ở dưới bầu trời này phải không? Bầu trời này lớn hơn giếng của tôi một chút, mà làm sao dung nạp cái biển của anh lớn hơn cái giếng của tôi được?

Lời nói của rùa giếng có đủ lý do chứng tỏ trước mắt, còn rùa biển không có lý nào, không có cái nào để chứng tỏ, chỉ nói là “lớn hơn nhiều”, lớn hơn bao nhiêu cũng không nói được. Vậy bảo rùa giếng làm sao tin cho nổi! Để cho rùa giếng tin biển lớn hơn giếng nhiều, theo quý vị phải làm thế nào? Đối với những người không tin tự tâm, vì họ là tâm rùa giếng chỉ biết trong phạm vi cái giếng thôi.

Hỏi: Thế nào là Luật tông?

Đáp: Luật tông là giữ giới luật đến cuối cùng cũng chứng quả, như Lục Tổ nói “Tâm địa chẳng quấy là tự tánh giới, Tâm địa chẳng loạn là tự tánh định, Tâm địa chẳng si là tự tánh huệ”. Giữ được giới luật thì có được giới, định, huệ.

Giới luật của Tiểu thừa khác với giới luật của Đại thừa, Tiểu thừa còn chấp người nữ không thể chứng quả, cho là người nữ có năm thứ chướng. Còn Đại thừa không có chấp thứ đó, người nữ chứng quả cũng như người nam.

Hỏi: Tại sao giới luật Tiểu thừa khác với giới luật Đại thừa?

Đáp: Vì nói theo Đại thừa thì người có căn cơ Tiểu thừa không tin, bỏ đi; như Phật thuyết kinh Pháp Hoa có năm ngàn người bỏ đi không chịu nghe. Phật nói là họ không có trí huệ nghe, gọi là tín huệ chưa có; vì họ còn chấp thật.

Năm giới của cư sĩ, mười giới của Sa di và Sa di ni, Tỳ Kheo có 250 giới, Tỳ kheo ni có 348 giới đều là giới của Tiểu thừa. Đại thừa gồm có giới Tiểu thừa và giới Bồ Tát. Đại thừa gồm có cả Tiểu thừa, Tiểu thừa không nhìn nhận Đại thừa.

Hỏi: Thế nào là thường kiến và đoạn kiến của ngoại đạo?

Đáp: Tất cả tương đối đều lọt vào tứ cú, Phật tánh bất nhị không có tương đối. Nếu có chấp bên nào đều là biên kiến, biên kiến là ở trong năm thứ ác kiến: thân kiến, biên kiến, tà kiến, giới thủ kiến, cấm thủ kiến.

Giới thủ kiến như ở Ấn Độ có một ngoại đạo chấp trâu bò là thánh, cho nên người trồng trọt bị trâu bò phá, mà không có ai đuổi đi. Cầm thủ kiến là như không cho người ăn thịt heo, mà các thịt khác lại được ăn.

Hỏi: Cư sĩ hỏi ngài Nam Tuyền rằng: Trong hội của Ngũ Tổ có trên 500 người, người nào cũng thông thái cả, tại sao Ngũ Tổ truyền y cho ngài Huệ Năng? Ngài Nam Tuyền trả lời: Sở dĩ truyền y bát cho ngài Huệ Năng, bởi vì ngài không biết Phật pháp, nhưng mà biết đạo. Kính xin Thầy khai thị?

Đáp: Phật Thích Ca nói trong kinh Kim Cang: “Không có pháp gọi là Phật pháp, pháp phi pháp phi phi pháp, ai nói Phật có thuyết pháp là phi báng Phật, không có pháp để thuyết gọi là thuyết pháp”. Vậy không có pháp, làm sao để biết Phật pháp? Ngài đã ngộ được vốn không có pháp nào, nhưng không phủ định tất cả pháp, pháp nào vẫn y như cũ thôi, chứ không có ý cá nhân xen vào. Cái tách vẫn là cái tách, trái nho vẫn là trái nho, trái cam vẫn là trái cam...

Hỏi: Thế nào là đạo?

Đáp: Theo Thiền tông thì nói thiền nói đạo cũng không cho. Đạo là đường đi, nếu muốn ngộ cuối cùng phải đi đúng đường, nên nói là đạo. Cũng như mình tham Tổ sư thiền, Đường Lối Tham Tổ Sư Thiền là đạo.

Đạo nói ra được là không phải đạo. Đạo không có nhất định, như đạo của Tịnh độ khác, đạo của tông Thiên thai khác, đạo của tông Duy thức khác. Nhưng cuối cùng cũng đến chỗ đó, chỗ đến không có khác; mà đường đi thì mỗi mỗi có khác.

Như Phật nói có 84.000 pháp môn, tức là 84.000 con đường, cuối cùng cũng đến chỗ đó, con đường đó gọi là đạo. Đến chỗ cuối cùng rồi mới ngộ được không có Phật để thành, không có pháp để đắc, mà cũng không có đạo để đi.

Hỏi: Phàm phu nếu không dùng phương tiện, làm sao đi đến chỗ?

Đáp: Có người hỏi Mã Tổ: Tại sao ngài nói là tức tâm tức Phật?

Mã Tổ đáp: Tại tôi muốn gạt cho con nín nín khóc.

Người ấy hỏi: Khóc nín rồi sao?

Mã Tổ đáp: Phi tâm phi Phật.

Hỏi: Nếu không dùng phương tiện chấp thật để phá chấp thật, làm sao đến chỗ phá chấp được?

Đáp: Phương tiện của Phật giáo khác với Thiên chúa, Thiên chúa không có phá ngã chấp. Phương tiện của Thiên chúa là bác ái có ngã chấp. Mặc dù, bác ái là thương mến rộng, nhưng phải có ta mới được. Tất cả vì của ta, ta thương người này thì cho người này, ta thương người kia thì cho người kia. Nếu không tin ta, không những ta không thương, mà bắt xuống Địa ngục. Phật giáo lại khác, gọi là từ bi, không có ta từ bi và không có người để từ bi. Từ bi là phá hết ngã chấp, phá hết ngã chấp gọi là từ bi.

Hỏi: Phá ngã chấp, mà sao nói “thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn”?

Đáp: Đó cũng là phá ngã chấp, trong công án của Thiền tông có vị Tăng hỏi Vân Môn: Tại sao Phật Thích Ca nói “thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn” cũng chấp ngã vậy?

Vân Môn nói: lúc ấy, ta thấy thì đánh chết cho chó ăn.

Chính Vân Môn cũng như Phật Thích Ca vậy! Là bất nhị. Tại sao? Nếu có Phật Thích Ca, có Vân Môn là nhị. Dẫu cho đánh Phật Thích Ca chết, nhưng còn cái xác vẫn là nhị. Cho nên phải cho chó ăn hết xác, chỉ còn có Vân Môn mới là bất nhị. Phật Thích

Ca muốn hiển thị nghĩa bất nhị, nên nói “thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn”. Vân Môn muốn hiển bày nghĩa bất nhị, nên nói “đánh chết cho chó ăn”.

Hỏi: Có người hỏi Duy Ma Cật về nghĩa bất nhị thì ngài làm thình. Vậy nói hay nín đều là nhị. Tại sao vậy?

Đáp: Vì Giáo môn chưa đến cứu cánh, Thiền môn mới đến cứu cánh. Cho nên, kinh Ma Cật nói “lấy vô trụ làm gốc. Vô trụ lấy gì làm gốc? Vô trụ chẳng có gốc”. Sợ người ta chấp vô trụ chẳng có gốc, nên ngài nhấn mạnh “từ gốc vô trụ lập tất cả pháp”. Vô trụ là thể cũng là dụng của Phật tánh. Hiểu biết của bộ óc đều là nhị, nên biểu thị nghĩa bất nhị thì Thiền tông không có xuyên qua lời nói, gọi là bất lập văn tự. Nếu xuyên qua lời nói đều là nhị, nên phải ngộ; vì thế nói “trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”.

Hỏi: “Tri chi như tặc, chúng diệu chi môn” là như thế nào?

Đáp: Thiền tông thì “tri chi như tặc, chúng họa chi môn”, tức là tất cả tai họa đều do chữ tri. Kinh Lăng Nghiêm nói “tri kiến lập tri tức vô minh bốn, tri kiến vô kiến tư tức Niết bàn” (kiến lập tri là căn bản vô minh, không kiến lập tri là Niết bàn). Nói “tri chi như tặc, chúng diệu chi môn” của Tông Mật. Tông Mật là tổ thứ năm của tông Hoa nghiêm, chứ không phải của Thiền tông.

Hỏi: Tu theo tông Thiên thai hay Duy thức phải đi từ tri phải không?

Đáp: Mà đi từ tri đến bất tri, đến tới chánh biến tri. Thiên thai tông có tam chỉ tam quán, ngài Trí Giả hoàn thành giáo lý tông Thiên thai, gặp chỉ phá chỉ, gặp quán phá quán, cũng là nghĩa vô trụ. Tam chỉ tam quán đến mức cao là tham Tổ sư thiên. Ba thứ quán là giả quán, không quán, trung quán.

Ban đầu thấy tất cả đều giả, nhưng quán riết thấy giả không phải thật giả; rồi quán không, không cũng không phải thật không; chẳng phải giả, chẳng phải không thì quán trung; nhưng trung cũng không có chỗ, vì hai bên không có, làm sao chính giữa để kiến lập! Giả không phải, không cũng không phải và trung cũng không phải, vậy là cái gì? Tức đến chỗ cao nhất là thể chơn chỉ phát lên nghi tình.

Chỉ là từ hệ duyên chỉ, tùy duyên chỉ, rồi đến thể chơn chỉ. Thể là thể cứu tức tham, chơn là chơn tánh, chơn như; tức là lúc đó bắt đầu tham thiền. Pháp nào cũng vậy, đến cuối cùng phát nghi, rồi từ nghi đến ngộ.

Hỏi: Công lao của ngài Long Thọ làm tất cả chuyện công thì họ coi là vô ích, không cần. Vậy Xin Thầy khai thị?

Đáp: Nếu không cần thì họ cứ chấp hoài. Trung Quán luận có 27 phẩm của ngài Long Thọ đều phá chấp. Phá được cái không thì 26 phẩm kia không cần phá nữa, vì tất cả các pháp đều ở trong không. Tại sao phải cần phá nhiều vậy? Vì chỉ phá cái không thì người ta vẫn chấp những thứ kia, nên người ta chấp cái nào thì phá cái nấy, chấp Như lai thì phá Như lai, chấp nhân duyên thì phá nhân duyên...

Cho nên Phật thuyết có 84.000 pháp môn. Nếu phá cái không thì các thứ kia cũng phá, nhưng người ta không chịu, vì tâm lượng của họ hẹp chấp cái nào dính mắc cái đó. Vì vậy, Phật mới nói Tiểu thừa. Trung thừa, Đại thừa, Tối thượng thừa.

Hỏi: Chúng con là phàm phu ăn cơm thế gian, mặc áo thế gian, đi đường thế gian... làm sao thực hành vô trụ được?

Đáp: Làm sao vô trụ không được! Cũng như ăn cơm thì cứ ăn cơm, đừng cho cơm này là ngon hay không ngon, thơm hay là không thơm, mà ăn tới no thôi. Mặc áo thì

cứ mặc áo, đừng cho áo này là đẹp hay cho áo kia là xấu. Rồi thấy người ta mặc đồ đẹp, bắt chước cũng may đồ để mặc; nếu không có đủ tiền để may thì cảm thấy phiền não.

Nếu mình chỉ biết mặc áo, người ta mặc áo đẹp xấu cũng không biết và mình không biết mình mặc đồ đẹp hay xấu. Cuộc sống hàng ngày đều vậy, làm không được do mình chứ không tại người khác. Bởi vì, mục đích ăn cơm là để no, mặc áo là che thân giữa lạnh; nhưng họ không chịu, mà chỉ muốn ngoan và đẹp.

Hỏi: Trong hội Linh Sơn, đức Phật đưa cành hoa, ngài Ca Diếp mỉm cười. Con không hiểu việc ấy như thế nào?

Đáp: Nếu hiểu thì kiến tánh, không hiểu thì nghi, giữ cái nghi rồi sau này sẽ kiến tánh. Tất cả công án của chư Tổ, chư Phật đều muốn cho người ta ngộ ngay; nếu ngộ không được tức là không hiểu, giữ cái nghi thì sau này sẽ được ngộ. Không phải chỉ có công án niêm hoa thị chúng! Bây giờ, tôi dạy tham thiền cũng vậy.

Hỏi: Giải quyết được công án này rồi đến công án khác, cứ tiếp tục mãi phải không?

Đáp: Đó là thiền của Nhật Bản, gọi là thấu công án, họ dùng bộ óc suy nghĩ. Tổ sư thiền mà tôi đang hoằng dương là chấm dứt bộ óc suy nghĩ, tìm hiểu, chỉ cho phát nghi. Nếu ngộ thì hiểu hết tất cả, bây giờ không ngộ phải phát nghi. Như công án này ngộ thì tất cả bao nhiêu công án đều hiểu hết, không những công án mà vũ trụ vạn vật không cái nào mà không thấu. Cho nên gọi là chánh biến tri, tức cái biết không còn thiếu sót, là chấm dứt gốc nghi. Nếu còn cái gì không biết thì phải nghi.

Hỏi: Cái ngộ của Bồ Tát và cái ngộ của Phật khác nhau thế nào?

Đáp: Cái ngộ của Bồ Tát Sơ địa thì chưa biết Nhị địa, những quả vị này còn biến dịch sanh tử; tức là Sơ địa chết thì biên Nhị địa, Nhị địa chết thì biên Tam địa, Tam địa chết thì biên Tứ địa... đến Thập địa, rồi đến Đẳng giác. Tất cả pháp tu nào đều gặp nhau ở Đẳng giác, từ Đẳng giác tiến lên một bậc là Diệu giác.

Hỏi: Có nhiều tiểu ngộ, đến cuối cùng thì thế nào?

Đáp: Giáo môn có 52 cấp: Thập tín có 10 cấp, Thập trụ có 10 cấp, Thập hạnh có 10 cấp, Thập Hồi Hương có 10 cấp, Thập địa có 10 cấp và Đẳng giác, Diệu giác.

Giác ngộ của Thiên tông là từ địa vị phàm phu trực chứng Đẳng giác, không có giai cấp. Phàm phu ngộ thì tập khí thế gian và xuất thế gian vẫn còn, rồi từ từ dứt tập khí thế gian đến tập khí xuất thế gian. Hàng Bồ Tát vẫn còn tập khí xuất thế gian, Thập địa Bồ Tát còn tập khí vi tế xuất thế gian.

07

Hỏi: Lục Tổ được truyền y bát, rồi sau 15 năm bảo nhậm là chứng đạo chưa?

Đáp: Bảo nhậm là dứt tập khí, cái ngộ của Lục Tổ bằng Phật; nhưng cái dụng không bằng, còn cách nhau xa lắm. Sau khi Lục Tổ bảo nhậm 15 năm thì cái dụng và ngộ đều bằng Phật. Có lần một người đến ám sát thì Lục Tổ đưa đầu cho chém, nhưng không chém được. Đó là hiển bày ra cái dụng. Mà người chém té ra chết giấc, Lục Tổ nói “ta chỉ thiếu người vàng, chứ không thiếu thân mạng”. Rồi đưa vàng cho người ấy, bảo phải đi mau và sau này trở lại.

Hỏi: Tập khí xuất thế gian là gì?

Đáp: Tập khí xuất thế gian là chấp cái quả của mình chứng. Kinh Kim Cang nói “ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng”. Bốn tướng này của phàm phu là tập khí thế gian, bậc thánh có bốn tướng này là tập khí xuất thế gian, tức chấp sở chứng, sở ngộ, cho đến chứng Niết bàn cũng còn chấp là ta chứng thì cũng còn ngã chấp, nên gọi là thọ giả tướng.

Hỏi: Thế nào là bất lạc nhân quả và bất muội nhân quả?

Đáp: Tăng hỏi ông già: người đại tu hành còn lọt vào nhân quả không?

Ông già đáp: bất lạc (lọt) nhân quả.

Cho nên, Ông già bị đọa năm trăm kiếp chồn. Ông già này trước kia làm trụ trì ở núi Bá Trượng. Ông già gần mãn kiếp chồn rồi biến thành người đến đạo tràng của ngài Bá Trượng nghe pháp. Một hôm, ông già nói với ngài Bá trượng: tôi là thân con chồn, xin ngài khai thị cho tôi được thoát thân chồn?

Bá Trượng nói: Ông cứ hỏi.

Ông già hỏi: người đại tu hành còn lọt vào nhân quả hay không?

Bá Trượng đáp: bất muội nhân quả (nhân quả rõ ràng).

Ông già nghe liền ngộ, thoát được thân chồn.

Hỏi: Tại sao đức Phật Thích Ca cũng bị nhân quả?

Đáp: Vì hoàng pháp cho người còn ở trong chiêm bao thì phải nói nhân quả, nếu người đã thức tỉnh trong chiêm bao, thì không có dính dáng đến nhân quả trong chiêm bao. Vì Phật Thích Ca vô trong chiêm bao để độ chúng sanh, nên nói còn phải chịu nhân quả.

Hỏi: Tiền kiếp của Phật Thích Ca gõ đầu con cá ba cái, sau bị nhân quả đau đầu ba ngày. Việc ấy như thế nào?

Đáp: Chỗ này, Phật Thích Ca nói “tôi bị đau đầu ba ngày”, ở kinh khác, lại nói “tôi không bị đau đầu”. Nói đau đầu chỉ là phương tiện. Như Phật thị hiện bệnh, sai A Nan đi xin sữa, gặp Duy Ma Cật quờ.

A Nan nói: Chính tôi nghe Phật nói mà!

Duy Ma Cật bảo: A Nan nên về đi, Phật làm sao có bệnh?

Vì trình độ của A Nan có khác, Duy Ma Cật biết Phật không có bệnh.

Hỏi: Chúng con ở trong chiêm bao, muốn thức tỉnh phải dùng biện pháp trong chiêm bao để đến chỗ thức tỉnh, vậy được không?

Đáp: Làm sao được! Nhắm mắt chiêm bao thì ông cũng có kinh nghiệm. Lúc thức tỉnh thì không có dính dáng đến chiêm bao nữa. Nhắm mắt chiêm bao thì ngủ đã tự thức, nhưng thức rồi sẽ chiêm bao lại; còn mở mắt chiêm bao không bao giờ tự thức, chỉ có tham thiền mới thức tỉnh, nhưng khi thức tỉnh thì không bao giờ bị chiêm bao lại nữa.

Hỏi: Sau đời nhà Tống ở Trung Quốc mới có công án và thoại đầu để tu, vì thích hợp nền nông nghiệp lúc đó; nhưng bây giờ thời đại khoa học máy móc phức tạp, có phương pháp nào khác để tu cho thích hợp không?

Đáp: Công án không bị không gian thời gian hạn chế, khác hơn khoa học; khoa học thì dần dần tiến bộ. Công án là để phát hiện Tâm linh, nói dễ hiểu là Phật tánh; Phật tánh không thể tiến bộ, nếu Phật tánh có tiến bộ thì Phật tánh cũng bị sanh diệt. Phương tiện là tùy căn cơ, chứ không phải có nhất định. Ngày xưa cũng tùy căn cơ mà thay đổi phương tiện.

Như công án “vô” (không) của Triệu Châu:

Tăng hỏi: con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: Không.

Tăng khác hỏi: con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: có.

Rõ ràng như thế đã khác, đâu có cố định!



Công án “uống trà” của Triệu Châu:

Triệu Châu hỏi Tăng: trước kia có đến đây chưa?

Tăng đáp: chưa.

Triệu Châu nói: uống trà đi.

Triệu châu hỏi Tăng khác: trước kia có đến đây chưa?

Tăng đáp: đến rồi.

Triệu Châu nói: uống trà đi.

Có người thắc mắc, sao Triệu Châu trả lời cho hai vị Tăng đã đến rồi và chưa đến đều là “uống trà đi”?

Triệu Châu gọi: Viện chủ!

Viện chủ: dạ.

Triệu Châu nói: uống trà đi.

Có chỗ Triệu Châu trả lời cho ba người đều “uống trà”, có chỗ trả lời cho hai người, người trả lời có, người trả lời không. Đó là tùy căn cơ, chứ không phải thời xưa khoa học kém, bây giờ khoa học tiến bộ mà sửa lại. Nếu bây giờ có người kiến tánh cũng tùy căn cơ vậy. Tùy căn cơ đó theo Giáo môn gọi là trên thì hợp ý Phật, dưới khế hợp người hỏi pháp. Phù hợp Phật ý không có tiến bộ, khế hợp đương cơ cũng không có tiến bộ; ngày xưa và bây giờ cũng vậy.

Hỏi: Có câu “tùy duyên bất biến” là Phật pháp bất biến, nhưng tùy theo hoàn cảnh bây giờ có khác. Vậy thế nào?

Đáp: Tùy duyên không phải bây giờ mới khác, hồi xưa cũng khác! Tôi mới vừa nói là người này nói là có, người kia nói là không thì mỗi người nhân duyên có khác.

Hỏi: Kính xin Thầy khai thị “chỗ nào có Phật thì tránh, chỗ nào không có Phật thì tới”?

Đáp: Đó là muốn mình phát nghi. Tất cả lời của chư Phật chư Tổ để cho mình ngộ, ngộ không được thì nghi; có người nghe thì ngộ liền, có người không được thì không hiểu, không hiểu tức phải phát nghi là tại sao vậy? Rồi giữ cái nghi đó, sau này sẽ được ngộ.

Hỏi: Theo các Tôn giáo thì trong người mình có cảm địa phải không?

Đáp: Các Tôn giáo có tư tưởng chấp thật, còn Phật giáo là phá chấp thật. Vậy không thể dùng Tôn giáo để thí dụ. Tối thượng thừa của Phật pháp cũng không thí dụ được, vì không có lý nên không thể logic, thí dụ được là Đại thừa, Trung thừa, Tiểu thừa. Chư Phật chư Tổ là muốn mình ngộ, vô lý mới chấm dứt suy nghĩ của mình. Nếu có lý thì cứ đuổi theo cái lý, nên Thiên tông mắng là “con chó đuổi theo cục xương”.

Hỏi: Nhưng người phát minh hơi nước và các phương tiện tối tân để giúp mọi người dùng, vậy có coi là Bồ Tát không?

Đáp: Bồ Tát là giúp người ta đạt đến chỗ tự do tự tại vĩnh viễn, không còn một chỗ nào khổ. Còn người phát minh hơi nước làm năng lượng để cho tàu chạy, xe chạy thì

không thể giải thoát cho người ta. Trái lại, toàn nước Mỹ mỗi ngày vì tai nạn xe hơi khoảng 57 người chết, chưa kể người bị thương. Hiện thực không có lợi ích giải thoát cái khổ, mà sanh ra tai hại, làm sao gọi là Bồ Tát được!

Bây giờ, phát minh cái máy và làm cái xưởng sản xuất đồ cho mọi người, ông nói là Bồ Tát cũng được; nhưng các phế thải của xưởng làm cho không khí ô nhiễm, bỏ xuống biển là cho nước biển ô nhiễm, làm cho người và vật thiếu nước uống. Nhà khoa học hiện nay đang lo sự ô nhiễm này, không biết làm sao!

Các nước tân tiến biết nguyên nhân của sự ô nhiễm, nhưng muốn kiếm tiền, nên đem các xưởng đến các nước lạc hậu, mang danh là giúp đỡ. Sự thật là muốn nước mình khỏi bị ô nhiễm. Như vậy là hại người, chứ đâu phải giúp cho người mà gọi là Bồ Tát!

Hỏi: Một người làm chính trị cho một quốc gia họ, nếu như vì cá nhân của họ thì việc đó không tốt; còn làm để cho quốc gia của họ được nâng cao đời sống, thì có thể coi là Bồ Tát không?

Đáp: Lương Võ Đế bồ thí, cúng dường các chùa và trai tăng hỏi Đạt Ma: Tôi làm vậy có công đức không?

Đạt Ma đáp: không có công đức.

Lương võ Đế nghe rồi không vừa ý, Đạt Ma đi khỏi. Sau này, nghe Tề Công nói muốn thỉnh về nhưng không được. Mục đích của Đạt Ma muốn người ta giải thoát vĩnh viễn tất cả khổ, còn Lương Võ Đế là tư tưởng thế gian chỉ giúp đỡ người ta, nhưng người ta không thể giải thoát được. Ông chỉ được phước đức, chứ không phải công đức; công đức như tô Đạt Ma nói ở tự tánh Phật đầy đủ.

Hỏi: Ai làm ra luật nhân quả?

Đáp: Luật vũ trụ không ai làm ra được, tất cả đều tự như vậy. Vô sanh là không có sự sanh khởi, vô thi là không có sự bắt đầu. Phật đã nói trắng cho mình hiểu vậy, chứ không phải như các nhà Triết học tây phương cho là phải có cái nhân gì lập ra! Không thể được. Nếu có thể lập ra thì có thành phải có hoại, có sanh phải có diệt, có bắt đầu phải có cuối cùng, đều nằm ở trong tương đối.

Hỏi: Con gà có trước hay trứng gà có trước?

Đáp: Con gà không thể có trước, trứng gà cũng không thể bắt đầu. Không những con và trứng gà, mà tất cả vũ trụ vạn vật đều cũng như vậy. Như trái cam có trước hay cây cam có trước? Không được, cũng như trứng gà và con gà vậy. Nếu muốn thành lập cái gì thì cũng không thành lập được.

Hỏi: Thế nào là kiếp không?

Đáp: Kiếp không là chưa có cái gì hết, vũ trụ chưa có cũng gọi là kiếp không. Đó là một khái niệm chưa có trời đất vũ trụ.

Hỏi: Tham thiền và theo dõi hơi thở ra hay vào, vậy như thế nào?

Đáp: Đó là không phải tham thiền, đếm hơi thở là thiền Tiểu thừa gọi là Sổ tức quán. Thiền quán của Tiểu thừa có 5 thứ: Sổ tức quán, Bất tịnh quán, Nhân duyên quán, Lục thức quán, Từ bi quán. 5 thứ thiền quán gọi chung là Ngũ đình tâm quán. Nhưng phần nhiều tu Sổ tức quán, cũng có một số ít tu Bất tịnh quán, còn các thứ quán kia ít người ta tu.

Tham thiền là thuộc về Tội thượng thừa, không thuộc về tam thừa; khác hơn tất cả thiền, gọi là “giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự”.

Hỏi: Ngồi thiền là nghĩ đến công án phải không?

Đáp: Không cho nghĩ, chỉ là hỏi và nhìn, không cho suy nghĩ, tìm hiểu, giải thích; chỉ là giữ cái không hiểu, muốn hiểu mà hiểu không nổi, gọi là nghi tình; ngoài nghi tình không biết cái khác. Đi, đứng, nằm, ngồi đều tham thiền được. Các thiền khác thì họ chủ trương ngồi, còn tham thiền không nhất định phải ngồi.

Giữ nghi tình là ngưng suy nghĩ, tức ngưng tất cả hoạt động của bộ óc, là chỉ giữ cái không biết của bộ óc. Đến giờ phút cuối cùng ngộ thì cái không biết của bộ óc cũng tan rã. Lúc đó, biết và không biết của bộ óc sạch hết thì cái biết Phật tánh toàn diện hiện lên khắp không gian thời gian, chỗ nào cũng biết.

Hỏi: Lục Tổ dạy đồ chúng như thế nào?

Đáp: Căn bản của Lục Tổ dạy là đừng thêm vô Tâm linh và đừng bớt ra Tâm linh, thì chỉ y như vậy. Như giới, định, huệ của Lục Tổ nói “Tâm địa chẳng quấy, tự tánh giới. Tâm địa chẳng loạn, tự tánh định. Tâm địa chẳng si, tự tánh huệ”. Đó là nói về giới, định, huệ. Nếu nói tất cả đều được hết, như Bát Nhã Tâm Kinh nói “chẳng đơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt”.

Rất là đơn giản, mà người ta muốn giải đủ thứ lý; nhưng không có lý gì, chỉ là chẳng nổi cái tâm xen vô, Lục Tổ gọi là vô niệm; vô niệm không phải là không có cái tâm, cái tâm vẫn y như cũ. Cho nên, tất cả đều chẳng... là được, chứ không phải chỉ nói giới, định, huệ thôi! Cái khác cũng vậy, chẳng tốt, chẳng xấu, chẳng trước, chẳng sau... là nghĩa của tâm là như như bất động.

Hỏi: Tối thượng thừa thiền và Tổ sư thiền khác nhau như thế nào?

Đáp: Tối thượng thừa thiền tức là Tổ sư thiền, tam thừa có giáo lý, rồi theo giáo lý để tu, có pháp thiền mà mỗi mỗi khác. Tối thượng thừa không có giáo lý, nhưng thực hành không trái với giáo lý; tức là ở ngoài tam thừa, gọi là giáo ngoại, đặc biệt truyền pháp môn này; mà pháp môn này không nhờ văn tự lời nói, nên gọi là bất lập văn tự. Vì khác hơn tam thừa nên nói là Tối thượng thừa.

Hỏi: Như lai thiền và Tổ sư thiền khác nhau như thế nào?

Đáp: Thực hành theo giáo lý Đại thừa là dùng cái biết, gọi là Như lai thiền; dùng cái không biết để tu gọi là Tổ sư thiền, do từ Tổ từ Tổ truyền xuống.

Hỏi: Hư không vô sở hữu phải là Như lai thiền không?

Đáp: Hư không vô sở hữu thì Như lai thiền và Tổ sư thiền đều không có. Vô sở hữu thì không có hư không, nhưng tất cả đều ở trong hư không, tất cả nhờ hư không hiển bày cái dụng. Tổ sư thiền cũng vậy, mục đích của Tổ sư thiền là muốn đạt đến vô sở hữu, chỗ dùng không có gì hạn chế; tức là không có chỗ để đứng chân, nhưng con người chấp có cái ta để đứng chân.

Đối với Tổ sư thiền muốn lập có ta (hữu ngã) hay không có ta (vô ngã) đều không được. Vì hữu và vô là tương đối, mà Tổ sư thiền là không có tương đối (nghĩa vô trụ), không trụ nơi có và không trụ nơi không có, không trụ nơi chẳng có chẳng không có, không trụ nơi cũng có cũng không có; gọi là lia tứ cú, tuyệt bách phi. Cho nên, chỗ nào cũng không trụ thì không bị dính mắc. Dù ở bất cứ nơi nào cũng định, gọi là Na già định.

Hỏi: “Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc”. Xin Thầy khai thị?

Đáp: Đó là lời nói, kinh Lăng Nghiêm nói “phàm có lời nói đều chẳng nghĩa thật”. Tất cả kinh điển đều dùng lời nói, danh tự. Thiền tông là bất lập văn tự, không có thể dùng lời nói. Nếu dùng lời nói thì không đúng thật tể. Như kinh có thí dụ: người mù

bồn sanh không thấy mặt trời, hỏi mặt trời thế nào? Người mắt sáng trả lời là tròn với nóng, người mắt sáng diễn tả đúng; nhưng người mù cho tròn với nóng là mặt trời thì sai.

Tôi biết mặt mũi ông Trương, có người hỏi tôi “mặt mũi ông Trương như thế nào?” Tôi diễn tả thật kỹ cho người ấy nghe, nhưng người ấy gặp ông Trương ở ngoài đường vẫn không biết. Tôi giới thiệu trước mặt ông Trương, lần sau người ấy gặp ông Trương ở đâu cũng biết. Tại sao? Không phải lời nói của tôi không đúng! Nhưng lời nói là lời nói, thật tế là thật tế. Thật tế không phải dùng lời nói để thay thế được. Cho nên, Phật nói “phàm có lời nói đều chẳng có nghĩa thật”.

Nghĩa thật là phải tự ngộ mới được, Phật muốn trị bệnh mù của chúng sanh; hết bệnh mù thì tự thấy, khỏi cần nhờ người mắt sáng. Người mắt sáng không muốn lừa gạt, vì không hiểu nên bị lừa gạt; tức chấp lời của người mắt sáng là bị lừa gạt, chính Phật Thích Ca rất sợ người ta chấp lời của Phật.

Cho nên, kinh Kim Cang nói “ai nói Phật có thuyết pháp là người ấy phi báng Phật”. Vì vậy, chỗ này rất là mâu thuẫn. Chính kinh Kim Cang của Phật thuyết, mà Phật lại nói “ai nói Phật có thuyết pháp là người ấy phi báng Phật”. Thật tế là vậy.

Thật tế nhờ vô sở hữu là hư không này, ứng dụng hàng ngày mà không biết. Bây giờ tôi nói cho biết, rồi cũng không nhìn nhận; cũng muốn sở hữu cho nhiều, chứ không chịu vô sở hữu. Chỉ Thiên tông có Bàn Uẩn là tỷ phú đem tất cả gia tài bỏ xuống biển, rồi hàng ngày làm giò tre sai con gái ra chợ bán để đổi gạo ăn.

Có người hỏi: tại sao không đem tiền cứu giúp người nghèo để có phước đức?

Bàn Uẩn trả lời: tôi đã bị hại nhiều rồi, sao lại đem hại người khác!

Người ấy nói: sao không để lại một ít tiền để ăn mà tu?

Bàn Uẩn nói: tôi đã biết bị hại, sao tôi tiếp tục bị hại nữa!

Cho nên, cả gia đình gồm có 4 người đều được kiến tánh.

Nói thì dễ, nhưng làm rất khó. Vì vậy, Phật dạy có 84.000 pháp môn để tu từ từ.

Hỏi: Thế nào là Kiến tánh rồi khởi tu theo thập mục ngưu đồ?

Đáp: Ở Việt Nam có người đem thập mục ngưu đồ để tu, ngài Nguyệt Khê nói tu theo thập mục ngưu đồ là sai lầm. Mục ngưu là bảo nhậm sau khi ngộ, trong Thiên tông thì “bất phá trùng quan bất bế quan” là sau khi ngộ, rồi bảo nhậm dứt trừ tập khí. Như Lục Tổ sau khi ngộ còn phải trải qua 15 năm ở chung với thợ săn để bảo nhậm.

Nghĩa chữ Phật là ngộ, ngộ là thành linh; chứ không phải ngộ lần lần. Học giáo lý thì có giai cấp: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác. Tổng cộng gồm có 52 cấp. Tổ sư thiên ngộ không có cấp bậc nào, là từ địa vị phàm phu ngộ thẳng Đẳng giác. Bất cứ môn phái nào tu cuối cùng gặp nhau ở Đẳng giác, rồi Đẳng giác tiến lên Diệu giác. Tổ sư thiên là pháp đốn giáo, đốn là thành linh, ngộ là đốn ngộ. Bây giờ mình chưa đốn ngộ, nhưng giữ tiệm tu, mà không có cấp bậc; không phải như thập mục ngưu đồ có 10 cấp bậc.

Hỏi: Kinh điển nói kiến tánh thành Phật, còn Thiên tông nói kiến tánh chưa thành Phật, vậy có đúng không?

Đáp: Kiến tánh là không phải có tự tánh để cho mình thấy, tự tánh không phải là sở thấy, kiến không phải là năng thấy; có năng có sở thì không phải là kiến tánh, kiến tánh là tự tánh tự hiện. Kinh Lăng Nghiêm nói “kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến. Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập”. Kiến kiến là kiến tánh là bản kiến tự hiện, chứ không phải có năng kiến. Nhiều người giảng kinh Lăng nghiêm cho là có năng kiến để kiến cái sở kiến. Kiến tánh là không có năng kiến để kiến sở kiến.

Duy thức có thêm chứng tự chứng phần. Kiến phần để thấy tướng phần, nếu có kiến phần và tướng phần là phạm phu, chưa phải kiến tánh; phải đến tự chứng phần là tự mình chứng tỏ, chứ không phải có kiến phần tướng phần.

Khi thân mình nằm trên giường nhắm mắt ngủ, thấy thân chiêm bao tiếp xúc thế giới chiêm bao. Thân chiêm bao là kiến phần, thế giới chiêm bao là tướng phần, thấy tất cả đều như thật. Giả tử có thiện tri thức nói cái tách không thật, đồ này không thật, luôn cả thân của ông không thật, người chiêm bao không tin. Người chiêm bao nói “tất cả không thật, sao tôi đụng nóng lạnh đều biết? Thân tôi không thật sao tôi biết buồn vui? Vậy ai tin được!” Nhưng ngủ đã thức dậy, những cái thật chất đó không có, luôn cả thân chiêm bao không tìm ra; chỉ còn cái thân nằm trên giường. Lúc ấy tự mình chứng tỏ (tự chứng phần), tất cả trong chiêm bao đều không thật. Lúc chưa thức tỉnh, chưa được tự chứng phần; người ta giải thích có lý cũng không tin.

Đang mở mắt chiêm bao, Phật giải thích rất kỹ, mình cũng không tin nổi. Nhắm mắt chiêm bao, khi thức tỉnh được tự chứng phần; mở mắt chiêm bao không bao giờ tự thức tỉnh, phải tham thiền đến kiến tánh mới thức tỉnh. Chưa kiến tánh là còn đang chiêm bao. Phật giải thích thật kỹ, mình tin không nổi là chưa được tự chứng phần, khi nào kiến tánh là được tự chứng phần.

Có người giải ngộ cho là tự chứng phần, tức hiểu theo bộ óc chứ không phải chứng ngộ. Duy thức thêm chứng tự chứng phần, tức Thầy ấn chứng cái tự chứng là đúng. Duy thức có bốn phần: tướng phần, kiến phần, tự chứng phần, chứng tự chứng phần. Mình hiểu theo bộ óc hoàn toàn không đúng sự thật, mà giải ngộ cũng là hiểu theo bộ óc, nên chưa thật tế giải thoát cái khổ sanh tử luân hồi, phải chứng ngộ mới được tự chứng phần.

Hỏi: Người đã kiến tánh mà chưa có ấn chứng, làm sao để bảo nhậm?

Đáp: Khi nào kiến tánh rồi tự nhiên dứt tập khí, thời gian đó gọi là bảo nhậm. Những người giải ngộ, họ cho là chứng ngộ thì không có thể bảo nhậm.

Hỏi: Lục Tổ ngộ nơi Huỳnh Mai mà chưa bảo nhậm, ngài có thể bị tái sanh không?

Đáp: Không có. Ngài không có phát huy được cái dụng của tự tánh. Phật nói trong kinh Lăng Nghiêm “khi cây đã đốt thành tro thì tro không thể thành cây được”, như quặng vàng đã luyện ra vàng thật thì vàng không thể trở thành quặng.

Hỏi: Cây đã đốt thành tro thì tro không thể trở lại thành cây, có giống như những người chấp lấy Niết bàn Tiểu thừa không có ích lợi gì phải không?

Đáp: Không phải! Phật thí dụ việc đó là để không có sự trở lại. Thí dụ không phải thật tế, là phương tiện để phá chấp. Vì vậy, Phật rất sợ người ta chấp lời, nên Phật nói “phàm có lời nói đều chẳng có nghĩa thật” hay “ai nói Phật có thuyết pháp là người ấy phỉ báng Phật”. Thật tế không thể nói, phải tự ngộ; còn nói được không phải thật tế, dùng lời nói của Phật để truy cứu thì không thể được.

Như Viên Ngộ lúc chưa kiến tánh triệt để thì ngài cách xa Thầy không có ấn chứng. Sau đó ngài bị bệnh nặng rồi được khỏi, gặp lại thầy là Pháp Diễn trong vòng một tháng được ngộ triệt để.

Phần nhiều không ngộ được là ôm cái lý. Hứa cư sĩ tự ngộ gọi thư cho Nhị Tổ để trình bày, vì không có lý, mà tự lập ra cái lý mới có sự tranh luận với nhau. Nếu vốn không có lý thì lấy cái gì để tranh luận! Tất cả kinh điển là theo cái lý, nhưng cái lý là

công cụ để phá chấp. Cho nên, thí dụ như chiếc bè qua sông, đến bờ phải bỏ bè; như thuốc giả để trị bệnh giả, bệnh giả hết thì thuốc giả cũng bỏ.

Giáo môn thường chấp trong kinh điển có chân lý, nếu chấp có chân lý thì giống như ngoại đạo. Giáo chủ ngoại đạo ngộ được chân lý, rồi tự mình làm giáo chủ để hoằng dương chân lý của họ ngộ. Phật Thích Ca ngộ là vô sở hữu (không có gì hết).

Hỏi: Không và không đại khác nhau như thế nào?

Đáp: Không đại là tên gọi giống như tứ đại, là có cái gì rồi! Còn cái nghĩa không là không có cái gì, như hư không vô sở hữu, cho nên không nói là quảng đại vô biên; nếu là quảng đại vô biên thành không đại, thành có cái không đại mới nói là quảng đại vô biên. Cái không vốn là không có thì lấy cái gì nói là quảng đại vô biên!

Cái không thì không có cái gì hạn chế, gọi là tánh không. Thông minh của con người đem cái không hạn chế thành cái không của tách, đĩa, nhà... muôn ngàn thứ nghĩa không, giải thích ra rất hay, thật có lý. Nhưng nguồn gốc của không chẳng có nghĩa lý. Chưa dựng lên nhà thì cái không đã sẵn, chưa có tách thì cái không đã sẵn. Mặc dù, giải thích muôn ngàn nghĩa không khác biệt, nhưng cái không sẵn không có khác biệt.

Con người lập ra là không đại, còn cái không sẵn sàng không phải là không đại. Tạm lập ra cái tên gọi là Tánh không, nhưng vốn không có cái đó. Cho nên, ngài Long Thọ nói là vô sở hữu. Vốn không có mà lập thành có, có mới nói là quảng đại vô biên. Nếu không có thì lấy gì nói là quảng đại vô biên! Chỗ này ngài Long Thọ muốn diễn tả cái ý như vậy.

Thật tế không có mà dùng tất cả, dung nạp tất cả; mình cũng đang dùng, nhưng mình bỏ quên cái đó; cứ ham cái sở hữu, không chịu dùng sức vô sở hữu. Sức vô sở hữu không có gì hạn chế, lại muốn dùng cái có sở hữu là hạn chế thành cái tách, đĩa, nhà...

Pháp châm cứu của tôi phổ biến vì muốn dùng cái sức không hạn chế. Khoa học giải thích là từ trường, tất cả lớn như hành tinh, nhỏ như nguyên tử đều có từ trường. Nhưng nhà khoa học chỉ nhìn nhận từ trường hiển tánh. Từ trường hiển tánh, tốc độ cao nhất của ánh sáng 1 giây đi 300.000 cây số.

Từ trường ẩn tánh thì tốc độ ánh sáng là thấp nhất, nhưng nhà khoa học chưa có nhìn nhận cái đó; mà Einten phát hiện cái đó, nên ông nói tốc độ gần như ánh sáng thì nó sẽ rút nhỏ lại. Theo lý luận của Einten nếu mà tốc độ siêu ánh sáng thì thành hư thể, tôi đặt tên là vật lý ẩn tánh.

Kinh huyệt là vật lý ẩn tánh, cảm thấy thân kinh vận động là vật lý hiển tánh. Châm cứu kích thích kinh huyệt ẩn tánh, vì ẩn tánh không chiếm không gian, nên nhà khoa học giải phẫu không thấy. Nhưng thật tế khi châm cứu kích thích thông qua hệ thống thần kinh hiển tánh thì có cảm giác, nên nó mới điều khiển từ trường của cơ thể để thích ứng với từ trường của trái đất thì được hết bệnh.

Sách châm cứu truyền ngày xưa, họ giải thích theo âm dương ngũ hành cũng có lý, nhưng phức tạp nên người ta khó hiểu. Cho nên, tôi muốn phổ biến nói theo khoa học hiện đại và thêm phần vật lý ẩn tánh, thì người ta dễ hiểu hơn.

Hỏi: Làm thế nào để tham cho đúng phương pháp Tổ sư thiền?

Đáp: Tham Tổ sư thiền rất giản dị, nói tham là tham thoại đầu, hỏi câu thoại. Thoại đầu, thoại là lời nói, đầu là đầu tiên lời nói; tức là chưa có nỗi niệm muốn nói câu

thoại mới gọi là thoại đầu. Nếu khởi niệm muốn nói, nhưng chưa nói ra miệng gọi là thoại vi. Vậy thoại đầu là chưa có nổi niệm.

Tham thoại đầu là hỏi câu thoại mục đích muốn đến thoại đầu, gọi là tham thoại đầu, mà chưa đến thoại đầu. Hỏi câu thoại là để kích thích niệm không biết, tất cả muôn ngàn câu thoại cũng là kích thích niệm không biết.

Như hỏi “chưa có trời đất ta là cái gì?” Không biết, rồi nhìn chỗ không biết đó gọi là khán thoại đầu; muốn xem chỗ không biết là cái gì, nhưng chỗ không biết thì không có chỗ; nên không có mục tiêu để nhìn. Không có mục tiêu để nhìn thì nhiều người nói là tôi nhìn không được, vậy đã nhìn được rồi. Tại sao? Do có nhìn được mới biết là nhìn không được. Vì nhìn không thấy gì, cho nên nói nhìn không được.

Hỏi câu thoại để kích thích niệm không biết gọi là tham thoại đầu, rồi nhìn chỗ không biết là khán thoại đầu. Nói tham thoại đầu là mục đích muốn đến thoại đầu, nhưng chưa đến; cứ hỏi và nhìn liên tục, một ngày kia sẽ đến thoại đầu. Khi đến thoại đầu thì không có niệm nào nổi lên, cho nên ngày đêm 24 tiếng thối mắc muốn biết mà biết không nổi (nghi tình), câu thoại tự mất. Đến thoại đầu là sắp kiến tánh, có thể vài phút sau hay vài ngày sau kiến tánh.

Mặc dù nói là hỏi, nhưng không dùng miệng hỏi, mà tâm hỏi; nói khán, không phải dùng mắt nhìn, mà dùng tâm nhìn; tức là hỏi thâm trong bụng, nhìn thâm trong bụng. Như muốn nhìn, nhắm mắt cũng nhìn được. Nhắm mắt thấy đen tối không thấy gì, dùng cái đen tối để thí dụ không thấy gì. Cho nên, nói là tham công án hay tham thoại đầu.

Bất cứ hỏi câu nào: Muôn pháp về một, một về chỗ nào? Khi cha mẹ chưa sanh, mặt mũi bồng lai của ta ra sao? Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật là cái gì?... Tất cả câu thoại đầu đều là kích thích niệm không biết.

Tuy câu thoại đầu muôn ngàn sai biệt, nhưng ý chỉ là một cảm thấy không biết và nhìn chỗ không biết. Hỏi là kích thích niệm không biết, nhìn là kéo dài niệm không biết. Nhìn mãi không thấy gì vẫn không biết, một ngày kia đến thoại đầu, thành linh biết được là kiến tánh thì tất cả khắp không gian thời gian đều biết.

Như bộ óc ngủ mê không biết, chết giấc không biết, chết rồi không biết; còn đến chừng ngộ là cái biết của Phật tánh thì ngủ mê cũng biết, chết giấc cũng biết, chết rồi cũng biết. Nếu chết rồi không biết thì cái biết có gián đoạn. Hỏi và nhìn đi song song, không có trước sau; không phải hỏi trước nhìn sau, không phải hỏi sau nhìn trước.

Hỏi: Có hai vấn đề khó khăn cho người tham thoại đầu: Thứ nhất là tham thoại đầu có một lúc không có nghi tình, không có nghi tình thì vọng tưởng sẽ xen vô. Trường hợp thứ hai, nếu mình tham thiền đến lúc miên mật thì có tình trạng xảy ra đưa đến nhưc đầu. Vậy cách nào để đối trị hai bệnh đó?

Đáp: Trường hợp thứ nhất là mình tập tham thì tự nhiên xen lộn với vọng tưởng, tâm niệm của mình thay đổi từng sát na; mình vừa tham là cái niệm khởi, rồi vọng tưởng cũng khởi, cứ xen lộn hoài thấy có vọng tưởng nhiều, không thấy có nghi tình. Nhưng sự thật vừa có nghi tình vừa có vọng tưởng. Rồi lần lần nghi tình và vọng tưởng tranh nhau, đến lúc nghi tình thắng, vọng tưởng bớt lại.

Vọng tưởng bớt thì nghi tình lên, nghi tình lên một phút thì vọng tưởng bớt một phút; nghi tình lên một tiếng thì vọng tưởng bớt một tiếng. Như ngày đêm là 24 tiếng, nếu giữ nghi tình được 1 tiếng thì vọng tưởng 23 tiếng, nghi tình được 2 tiếng thì vọng còn 22 tiếng. Nghi tình càng ngày càng tăng lên thì vọng tưởng càng ngày càng bớt.

Khi vọng tưởng bớt rồi hôn trầm, sẽ qua giai đoạn buồn ngủ. Nếu vậy cũng không sao, buồn ngủ cũng cứ hỏi và nhìn. Lúc thấy buồn ngủ thì lấy nước rửa mặt, lúc ngồi thấy buồn ngủ thì mở mắt lớn, mở mắt thấy còn buồn ngủ thì đi kinh hành hay kiểm công việc làm. Nếu tán loạn tức là vọng tưởng nhiều thì cứ đề liên tiếp, đề không có kẻ hở thì vọng tưởng không chen vào được.

Trường hợp thứ hai là do tập trung tinh thần, cố gắng. Tổ sư dạy đừng có tập trung tinh thần, đừng có cố gắng, ít phí sức chùng nào tốt chùng này, là chỉ cần miên mật, ra sức nhẹ nhẹ, đừng cố gắng thì không bị nhưc đầu.

Các môn khác là tập trung tinh thần, còn tham thiền khởi, chỉ cái thắc mắc không có kẻ hở. Như hỏi rồi một lúc sau hỏi lại tiếp thì có kẻ hở, nên vọng tưởng ở nơi kẻ hở nổi lên. Hỏi rồi hỏi nữa, khít khít không có kẻ hở thì vọng tưởng không có chỗ nổi lên, gọi là miên mật. Chỉ cần miên mật chứ không cần cố gắng.

Hỏi: Ngài Vân Môn nói “cái áo, cây gậy” đối với Tiểu thừa là vô ngã, đối với Trung thừa là do duyên hợp, đối với Đại thừa nói cái áo là không, đối với Thiên sư của Tối thượng thừa nói cái áo là cái áo, cây gậy là cây gậy. Vậy là thế nào?

Đáp: Thí dụ như vậy người ta khó hiểu. Sanh tử thì Tiểu thừa chấp có sanh diệt, Trung thừa không thấy sanh mà thấy diệt, Đại thừa thấy sanh và diệt như hoa đóm trên không, Tối thượng thừa không có giáo lý chỉ là trực tiếp thực hành, nhưng không nghịch với giáo lý. Tam thừa có giáo lý (Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa). Mỗi mỗi có pháp thiên đều có giáo lý.

Như Tiểu thừa có pháp thiên là Ngũ đình tâm quán (5 thứ thiên quán để đình chỉ tâm), Trung thừa là 12 nhân duyên, Đại thừa có 3 thứ thiên quán là Sa ma tha, Tam ma bát đề và Thiên na; giống như Pháp hoa tông là Giả quán, Không quán, Trung quán; giống chứ không có khác. Tất cả Đại thừa đều có 3 thiên quán này.

Tam thừa có xen lộn cái lý trong đó, Tối thượng thừa không có lý, tất cả đều y như cũ, không có đem cái lý để cho là phải hay không phải, cho là đúng hay là không đúng, cho là hợp lý hay không hợp lý.

Kinh Đại Niết Bàn có ngài Ca Diếp thay mặt cho đại chúng hỏi Phật: tại sao phàm phu có điên đảo tưởng thì có phiền não, còn bậc thánh cũng điên đảo tưởng mà không có phiền não?

Phật nói: tại sao bậc thánh có điên đảo tưởng?

Ca Diếp nói: phàm phu gọi con trâu là con trâu, con ngựa là con ngựa thì bậc thánh gọi con trâu là con trâu, con ngựa là con ngựa, không phải là điên đảo sao?

Phật giải thích tưởng có hai thứ:

Một thứ là thế lưu bố tưởng (thế là thế gian, lưu là lưu hành, bố là phổ biến) và trước tưởng. Phàm phu ở nơi thế lưu bố tưởng sanh ra trước tưởng, tức là gặp cái nào cũng chấp thật, nói con trâu chấp con trâu là thật, nói con ngựa chấp con ngựa là thật, nhà cửa cây cối đều vậy.

Bậc thánh vì hoằng pháp muốn cho phàm phu nghe cũng phải nói theo lời của phàm phu, gọi con trâu là con trâu, con ngựa là con ngựa; nhưng không có chấp thật (trước tưởng), trước tưởng gọi là điên đảo tưởng. Không có trước tưởng thì con trâu vẫn là con trâu, con ngựa vẫn là con ngựa, chỉ là lời nói, chứ không có chấp thật; tức không có đem ý mình cho con trâu là thật hay giả. Như Đại thừa nói không quán, giả quán; Tối thượng thừa không có cái đó, tức không có sự đối đãi; cái nào vẫn y như cũ, không đem ý mình xen vô.

Thiên tông có công án: Trung Quốc có Tông Lâm ở trên núi là của mười phương, không thuộc về ai, Tỉnh trưởng biết ai kiến tánh rồi mời làm trụ trì, người nhận chức trụ trì thì Tỉnh trưởng không can thiệp nội bộ Tông Lâm. Nhưng Tỉnh trưởng có quyền mời làm trụ trì và có quyền thôi trụ trì.

Ở giữa đường lên núi có một cái Đàm Không Đình (đàm là đàm luận, không là nghĩa không). Có một hôm, Tỉnh trưởng gặp Vị trụ trì kiến tánh.

Tỉnh trưởng hỏi: Thế nào là Đàm Không Đình?

Vị trụ trì đáp: Đàm Không Đình là Đàm Không Đình.

Nhưng Tỉnh trưởng nghe bất mãn, rồi đi hỏi một vị chưa kiến tánh: Thế nào là Đàm Không Đình?

Người ấy đáp: Chỉ đem Đình thuyết pháp, đâu cần miệng đàm không!

Tỉnh trưởng nghe thấy hay quá, rồi thôi Vị Trụ trì kiến tánh, mời người chưa kiến tánh làm trụ trì. Vì người chưa kiến tánh đem ý của mình xen vô thì tỉnh trưởng nghe thấy có lý, còn vị kiến tánh thì cái gì vẫn y nguyên vậy, chứ không có ý của mình xen vô.

Không có ý của mình xen vô thì người ta không chịu, tại tánh con người ham nghĩa lý. Cho nên, Tăng Ni sinh của Phật Học Viện khắp thế giới rất đông, những người học thiền rất ít, vì không có lý để học.

Hỏi: Tánh không có phải là Tối thượng thừa không?

Đáp: Là Tối thượng thừa, như đang dùng vô sở hữu nhưng mình không tin. Ngài Long Thọ thì nói thật tế, Tam thừa chỉ nói cái lý chứ không phải thật tế. Tối thượng thừa là thật tế hàng ngày, không có lia một chút, ứng dụng hàng ngày. Tâm mình cùng khắp hư không, do chấp nên tâm chỉ ở thân này, ngoài không có tâm mình.

Kinh Lăng Nghiêm thí dụ: đem cái bình đựng đầy hư không rồi nhét miệng bình (đem bản tâm nhiếp thành thức, thức là dụng của tâm cũng khắp hư không) đem đi chỗ này chỗ kia. Chỉ chấp cái không ở trong bình là của ta, còn cái không ở ngoài không phải. Sự thật, cái không ở trong bình và cái không ở ngoài bình không khác. Tâm đều là tâm của ta, thức đều là thức của ta. Phân biệt lại chấp thân này, nên dùng cái bình dụ cho nhục thân, đựng hư không đi luân hồi trong lục đạo.

Các nhà khí công có công năng đặc dị chứng tỏ: vận tốc nhanh nhất là ánh sáng đi 1 giây được 300.000 cây số. Nhà thiên văn muốn hình dung cự ly dùng ánh sáng để đếm, nếu dùng cây số dậm thì đếm không hết; ánh sáng đi một năm gọi là một quang niên, ánh sáng vòng quanh trái đất 7 vòng là 1 giây. Đối với vật chất thì ánh sáng đi nhanh nhất.

Giả tỷ máy bay có tốc độ bằng ánh sáng, muốn bay đến hành tinh kia phải 300 năm mới đến; còn tâm của mình là một niệm đến. Tốc độ máy bay 1.000 năm đến, mà tâm của mình chỉ có một niệm đến. Tại sao? Vì tâm cùng khắp hư không, đâu có cái nào ở ngoài hư không! Cho nên, tâm của mình muốn hiện chỗ nào thì hiện, chứ không cần bay; nhưng người ta không tin.

Bây giờ nhà khoa học biết tất cả vật chất đều có từ trường, như từ trường quả đất, cơ thể mình, tế bào cũng có từ trường, mình thở oxy hay hít vô, mỗi hạt nguyên tử đều có từ trường. Mỗi hạt nguyên tử, ở giữa có hạt, chu vi có nhiều điện tử xoay cái hạt đó, tốc độ là 1/3 cho đến 1/2 của ánh sáng. Nếu tốc độ 1/3 thì được 100.000 cây số/giây, nếu 1/2 thì 150.000 cây số/giây. Mình mang kính hiển vi thấy điện tử của vật chất đang xoay ngày đêm không ngừng.

Nhà khoa học cho là mỗi vật chất đều có từ trường tự động xoay, không tin thuyết của tâm; còn Phật nói tất cả do tâm tạo, là năng lượng của tâm. Như Lục Tổ nói “chẳng

phải gió động, chẳng phải phướn động, mà tâm của ông động”; tâm động nên gió mới động, tâm động nên phướn mới động.

Nguồn gốc năng lượng là do tâm, tâm không có hình tướng số lượng; thành ra người ta khó tin, vì dùng tai mắt không thể thấy được. Tất cả máy móc tối tân là giúp cho tai mắt để thấy, như con mắt thấy không được, nhưng mang kính hiển vi thấy được. Không qua tai mắt thì nhà khoa học cho là không có, sự thật có tồn tại chân thật. Nhà khoa học giải phẫu cơ thể này chỉ là thấy hệ thống thần kinh: thần kinh cảm giác, thần kinh vận động; nhưng không thấy kinh lạc, kinh huyết ở trong cơ thể; rồi phủ nhận không có kinh lạc, kinh huyết.

Người ta dùng kinh huyết để trị bệnh thấy công hiệu rõ ràng. Mặc dù họ không thấy, nhưng vì trị bệnh được, nên đại học ở Mỹ cũng phải nhìn nhận có khoa châm cứu, bác sĩ châm cứu, tốt nghiệp cũng có bằng cấp để chứng minh. Có kinh huyết, nhưng không có hình tướng, thuộc vật chất ẩn tánh. Từ trường của vật chất ẩn tánh mạnh hơn nhiều từ trường của vật chất hiển tánh. Khi châm cứu kích thích từ trường ẩn tánh thông qua hiển tánh, điều khiển từ trường của cơ thể để thích ứng từ trường của quả đất thì được hết bệnh.

Hỏi: Thế nào là tông chỉ Tịnh độ?

Đáp: Tông chỉ Tịnh độ là: tín, nguyện, hạnh.

-Tín là tin, có 3 thứ tin:

1-Tin lời của Phật Thích Ca không có nói dối.

2-Tin kiếp này mình sẽ được vãng sanh, chứ khỏi cần đợi kiếp sau.

3-Tin có cõi Cực Lạc, như kinh Di Đà nói “gió thổi chim kêu như âm nhạc làm cho mình nghe thấy ham tu”, tin cõi Cực Lạc có vui mà không có khổ. Được sanh cõi Cực Lạc, rồi nhờ Phật A Di Đà dạy tham thiền, phát khởi nghi tình được kiến tánh thành Phật.

-Có 2 thứ nguyện: tiểu nguyện và đại nguyện.

Tiểu nguyện là nguyện cầu cho mình được vãng sanh thì không được vãng sanh. Tại sao? Vì không hợp với nhân quả. Như giết một mạng phải trả một mạng, ăn một cục thịt phải trả một cục thịt, mới đúng nhân quả. Từ hồi nhỏ đến bây giờ ăn bao nhiêu, giết hại bao nhiêu, giết một con kiến cũng là sinh mạng, đập chết một con muỗi cũng là sinh mạng phải trả quả. Nếu cầu cho mình được vãng sanh thì không được, vì vãng sanh là không chết rồi sẽ thành Phật, thành Phật sao còn đi đầu thai để trả nợ! Vậy là không có nhân quả. Cho nên, phải phát đại nguyện mới hợp nhân quả.

Đại nguyện là không cầu một mình vãng sanh. Thành Phật trở lại độ chúng sanh nào mà mình thiếu nợ mạng, nợ thịt thì mới đúng nhân quả. Phát đại nguyện là coi tất cả chúng sanh bình đẳng. Nếu không thực hành đại nguyện vẫn còn ăn cá thịt. Nghịch lại đại nguyện của mình là nguyện giả nguyện suông làm sao được vãng sanh!

Như thiếu nợ của người ta, mà trương mục trong ngân hàng của mình không đủ tiền trả; mình ký ngân phiếu hẹn 5 hay 10 năm trả, người ta đem ngân phiếu lại ngân hàng để lãnh. Nhưng mình mỗi ngày phải nạp tiền vô ngân hàng. Nếu mình nói suông, không có tiền vô ngân hàng; người ta đem ngân phiếu đến lãnh tiền không được, phát hiện là ngân phiếu giả; phải bị pháp luật truy tố mình.

Cho nên, phát đại nguyện phải thực hành đại nguyện của mình phát. Như mỗi ngày mình phải làm những việc thiện, bố thí... Đại nguyện là không phải chỉ miệng nói tâm nghĩ là được, mà phải thực hành. Nếu chỉ miệng nói tâm nghĩ là nguyện suông, nguyện giả không được vãng sanh.

-Hạnh là thực hành niệm Phật.

Còn có hai thứ là: Quán tưởng niệm Phật là thiền và Thật tướng niệm Phật cũng là thiền. Phần nhiều người ta không tu thiền của Tịnh độ. Một số người tu Tịnh độ cho mình không phải thiền, mà lại phi báng thiền. Bất cứ pháp môn nào cũng có thiền.

Quán tưởng niệm Phật có kinh Quán Vô Lượng Thọ, Phật dạy 16 thứ pháp thiền quán. Nhưng người tu Tịnh độ và dạy Tịnh độ không để ý, cho là Thiền Tịnh song tu. Chính Tịnh độ đã có thiền, đâu cần phải Thiền Tịnh song tu!

Tổ 13 của tông Tịnh độ là Pháp sư Ấn Quang dạy cách thực hành niệm Phật có 2 thứ: Nhiếp tâm niệm Phật và Tán tâm niệm Phật.

Thế nào tán tâm niệm Phật? Là miệng niệm Phật, nhưng suy nghĩ cái này cái kia, không có chú tâm. Tán tâm niệm Phật dù có niệm một ngàn câu không bằng nhiếp tâm niệm Phật một câu, hay là mười ngàn câu, trăm ngàn câu, tán tâm niệm Phật cũng không bằng một câu nhiếp tâm niệm Phật.

Thế nào nhiếp tâm niệm Phật? Pháp sư Ấn quang dạy là ghi nhớ niệm Phật, như niệm A Di Phật thì nhớ một, niệm A Di Phật thì nhớ hai, niệm A Di Đà Phật thì nhớ ba; là nhớ chứ không phải niệm A Đà Phật một, A Di Đà Phật hai, A Di Đà Phật ba. Phải niệm bốn chữ rồi nhớ một số, nên gọi là ghi nhớ niệm Phật.

Ngài dạy niệm A Di Đà Phật, không cần phải niệm Nam Mô A Di Đà Phật, chỉ cần bốn chữ đơn giản hơn. Nếu sáu chữ thì ba năm được thành tựu, mà bốn chữ thì hai năm thành tựu; vì bốn chữ dễ nhớ hơn, tức là từ một nhớ đến mười; khi nhớ thường thường hay quên, niệm thì không quên; như nhớ năm, sáu thì hay quên hoặc ba, bốn cũng quên thì phải bắt đầu lại A Di Đà Phật thì nhớ một, A Di Đà Phật thì nhớ hai...

Nếu quên hay lộn xộn phải chia làm hai đoạn, là từ một nhớ tới năm, từ sáu nhớ tới mười. Nếu hai đoạn còn lộn xộn hay quên thì chia làm ba đoạn, từ một tới ba, từ bốn tới sáu, từ bảy tới mười. Đã ngăn không còn quên hay lộn nữa. Ba đoạn thuần thực rồi tiến lên hai đoạn, hai đoạn thuần thực thì từ một tới mười.

Ngược lại từ mười tới một, tức là A Di Đà Phật thì nhớ mười, A Di Đà Phật thì nhớ chín, A Di Đà Phật thì nhớ tám... Khi xuôi ngược đều quen thuộc khỏi cần nhớ, cứ niệm. Niệm được như vậy thì bốn chữ A Di Đà Phật ở trong tâm, có niệm hay không niệm đều ở trong tâm, tức “niệm mà bất niệm, bất niệm mà niệm”. Đến chỗ này gọi là nhứt tâm bất loạn.

Nhứt tâm bất loạn không phải quyết định được vãng sanh, chỉ sanh phẩm vị cao. Nếu không phát đại nguyện và không thực hành đại nguyện của mình phát, dầu cho đến nhứt tâm bất loạn cũng không được vãng sanh; quyết định được vãng sanh là do cái nguyện.

Còn nói khi lâm chung niệm mười niệm được đơi nghiệp vãng sanh! Nếu không đúng tông chỉ, khi lâm chung niệm một tỷ niệm cũng không được vãng sanh. Đúng tông chỉ thì khỏi cần mười niệm, mà chỉ cần một niệm cũng được vãng sanh.

Ngài Ấn Quang giải thích tín, nguyện, hạnh rất kỹ, có đường lối cho mình y theo đó thực hành. Nhưng bây giờ nhiều người dạy Tịnh độ mà không có đường lối để cho người ta thực hành, người học không biết, chỉ biết tụng kinh gõ mõ là Tịnh độ. Tụng kinh gõ mõ là Giáo môn, không phải Tịnh độ, tụng kinh tới đâu thì quán tưởng tới đó.

Di Đà Tịnh độ là Thật tướng niệm Phật, Quán tưởng niệm Phật, Trì danh niệm Phật. Người ta bây giờ chỉ biết Trì danh niệm Phật. Quán tưởng niệm Phật cũng có nhưng rất ít.

Ở Việt Nam, tôi chưa thấy ai thực hành Quán tưởng niệm Phật, mà lại phủ nhận thiên, cho là Tịnh độ không có thiên. Tịnh độ là thiên, không có pháp môn nào mà không có thiên! Thiên là để thực hành, nếu không có thiên thì không có tu.

Như niệm đến nhứt tâm bất loạn là thiên. Cho đến tà ma ngoại đạo cũng có thiên. Tôi không biết sao người tu Tịnh độ chỉ chấp niệm Phật mà không biết thiên của Tịnh độ! Đã không biết mình có thiên, lại đi bài xích thiên của người khác.

Thật tướng niệm Phật giống như Tổ sư thiên, sanh thì sanh nhưng không có vãng sanh, ở đâu cũng là Tịnh độ. Tâm tịnh là Phật độ tịnh, tức Tịnh độ trong tâm mình chứ không phải ở ngoài tâm. Vì tâm là thật tướng, gọi là Thật tướng niệm Phật.

Quán tưởng niệm Phật ghi trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, như quán mặt trời khi thành, nửa đêm mở mắt thấy có mặt trời sáng như ban ngày; quán Phật A Di Đà thành tựu, lúc khởi quán có Phật A Di Đà trước mắt. Đâu có cần lâm chung thấy Phật đến rước mình! Muốn thấy lúc nào cũng được.

Đó là tôi giảng sơ về pháp môn Tịnh độ, đây không phải là của tôi, tôi coi sách Tinh Hoa Lục của Pháp sư Ấn Quang. Những người hoằng dương Tịnh độ hay tu Tịnh độ cũng có coi, nhưng không biết.

Hỏi: Nói bình đẳng mà còn ăn thịt chúng sanh thì như thế nào?

Đáp: Đã phát nguyện độ chúng sanh lại còn ăn thịt chúng sanh làm sao được! Không coi chúng sanh bình đẳng. Như con chó đến gần mình thấy dơ dáy rồi đuổi đi, đâu coi nó với mình bình đẳng! Bình đẳng mới phá được ngã chấp, nếu không phá ngã chấp, tu thành cũng là tà ma ngoại đạo thì không thể giải thoát. Những người nói mình tu Tịnh độ nhưng ăn chay không được, nếu vậy làm sao vãng sanh? Bởi vì, phát nguyện chỉ là nguyện suông, nguyện giả.

Theo kinh nghiệm của tôi, tham Tổ sư thiên dễ hơn nhiều, dễ hơn trăm ngàn lần. Như tôi kể đứa bé ba tuổi cũng tham thiên được, còn Tịnh độ đâu có được! Pháp Tổ sư thiên rất đơn giản, tại người ta có thành kiến sẵn; nói là tham Tổ sư thiên thì khó, tu Tịnh độ là dễ. Tổ sư thiên nhờ tự lực, Tịnh độ nhờ tha lực. Nếu Tịnh độ nhờ tha lực thì mình khỏi cần tu! Nhưng cũng phải cần tự lực để tu.

Tổ sư thiên cũng nhờ tha lực, như Thầy chỉ dẫn, nhờ bạn đồng tham khích lệ với nhau và nhờ người ta nuôi ăn, nhà ở, đồ mặc... không phải hoàn toàn chỉ nhờ tự lực. Pháp môn nào cũng có tha lực có tự lực, nên Phật pháp gọi là nhân duyên; tự lực là nhân, tha lực là trợ duyên. Nhân duyên hòa hợp mới thành tựu.

Hỏi: Tham Tổ sư thiên rất giản dị làm sao thành Phật được?

Đáp: Khi kiến tánh thành Phật thì mới biết không có Phật để thành, Phật đã thành sẵn từ hồi nào. Họ không tin mình có thể thành Phật.

Hỏi: Quan niệm Tiểu thừa và Đại thừa khác nhau như thế nào?

Đáp: Tiểu thừa không có phát nguyện độ chúng sanh, tức là tự mình tu cho mình giải thoát, giống như chiếc xe chỉ chở một mình. Đại thừa như chiếc xe lớn chở mình và luôn cả người khác. Tiểu thừa có gieo duyên, không phải phát nguyện; gieo duyên là đi trước rồi sau này mới độ họ.

Đại thừa có kinh Pháp Hoa nói “trước là thỏa mãn điều nguyện, sau đưa họ vào trí huệ Phật”, nghĩa là người ta muốn gì thì cho cái nấy để thỏa mãn dục vọng, nếu họ không có cảm tình mà thuyết pháp thì họ không nghe; bố thí nhiều lần, họ coi mình là người tốt nên họ chịu nghe pháp, độ họ vào trí huệ Phật.

Tiểu thừa đi khát thực cho người ta gieo phước, không phải muốn cho người ta giải thoát; như người ta gieo phước lành được phước báo, vì tâm niệm hẹp nên gọi là tiểu.

Hỏi: Thế nào là thuận theo chúng sanh?

Đáp: Thuận theo chúng sanh là thuận theo căn cơ trình độ: trình độ của họ là tiểu học thì dạy tiểu học, trình độ của họ là trung học phải dạy trung học, trình độ của họ là đại học nên dạy đại học. Nếu họ chỉ có trình độ tiểu học mà dạy bài đại học thì họ không hiểu, người có trình độ đại học mà dạy bài tiểu học làm sao họ chịu học! Đó là tùy thuận căn cơ trình độ của chúng sanh, không phải tùy thuận tâm của chúng sanh muốn làm việc gì cũng được.

Hỏi: Trong một hơi thở có thể trút hết một đại tạng kinh, là nghĩa như thế nào?

Đáp: Khởi cần một hơi thở cũng được. Khi ngộ rồi, không những đại tạng, mà tất cả vũ trụ vạn vật, công thương, kỹ nghệ đều thấu suốt; không phải chỉ có đại tạng kinh điển, Giáo môn gọi là chánh biến tri (chánh là biết thực tế, biến là phổ biến không gian thời gian), phổ biến không gian thời gian thì không có số lượng, nên không có gì hạn chế, tất cả trong không gian thời gian đều biết hết. Ở trong một sát na cũng biết, một hơi thở có thể mấy trăm sát na. Lục Tổ nói “mê trải qua nhiều kiếp, ngộ chỉ là sát na”.

Hỏi: Tại sao gọi Đại thừa là nhập thế?

Đáp: Vì Đại thừa phát nguyện độ chúng sanh, muốn độ chúng sanh thì phải nhập thế. Còn Tiểu thừa không phát nguyện độ chúng sanh chỉ là xuất thế.

Hỏi: Có phải Đại thừa tu thành Phật rồi nhập thế mới độ chúng sanh?

Đáp: Không phải! Chưa thành Phật, vừa tu vừa độ chúng sanh.

Hỏi: Sao nói “không có ai độ ai được”?

Đáp: Sự thật, nói độ là dạy cho người ta tự độ, chứ không độ giùm cho người ta được. Lục Tổ nói “Tự tánh tự độ”, nhưng không có Phật dạy thì không biết cách tự độ.

08

Hỏi: Tại sao kinh Pháp Hoa cho Niết bàn Tiểu thừa là hóa thành?

Đáp: Thanh văn chứng Niết bàn Tiểu thừa là hóa thành, chưa phải là bảo sở; như cất nhà ở giữa đường, mà họ cho là an ổn. Ở giữa đường đâu có thể cất nhà được! Cho nên, Phật bảo họ phải bỏ rồi tiến lên bảo sở. Những định tánh Thanh văn không nghe lời Phật, vì họ đang say Niết bàn của họ; đến chừng hết say họ chịu nghe, mới bỏ Niết bàn Tiểu thừa tiến lên Niết bàn Đại thừa.

Hỏi: Chứng quả A la hán là được Niết bàn tịch diệt thì như thế nào?

Đáp: Niết bàn gọi là tịch diệt (không sanh không diệt); nhưng Đại thừa không trụ nơi tịch diệt, tức vô sở trụ. Tiểu thừa trụ nơi tịch diệt là còn có sở trụ, bản thể thì vô sở trụ. Còn có sở trụ không phải bản thể (bỏ lai diện mục).

Hỏi: Vị Tăng sửa đường lộ là để kết duyên với những người đi đường phải không?

Đáp: Vị Tăng sửa đường lộ không có ý để gieo duyên, nhưng hành vi đó sẽ được gieo duyên. Như mình ăn ba bữa, mà không nghĩ ăn ba bữa để làm gì. Ăn ba bữa là cuộc sống hàng ngày phải vậy, nhưng trong đó đã có gieo duyên; mà mình không có nỗi ý gieo duyên, cứ tới giờ là ăn. Bực thánh chỉ có thể lưu bố tử, không có trước tướng. Muốn giải thích cho quý vị biết thì nói là gieo duyên.

Hư không vô sở hữu dung nạp tất cả, hư không chẳng nói là “tôi dung nạp tất cả”; thật tế hư không dung nạp tất cả và dùng tất cả, hư không chẳng nói “tôi dùng tất cả”. Kỳ thật, không có dùng mà nó dùng, không có dung nạp mà nó dung nạp; vô sở hữu mới dùng, vô sở hữu mới dung nạp. Nếu mình suy lý thấy mâu thuẫn, vô sở hữu là không có cái gì thì lấy cái gì để dung nạp, nhưng vô sở hữu mới dung nạp; vô sở hữu là không có cái gì thì lấy cái gì để dùng, mà dùng tất cả.

Ngài Long Thọ giải thích ra rất có lý, cái lý đó là vô lý; mặc dù trước mắt là vậy, nhưng người ta không tin. Đâu có nghĩ là mình ăn cơm, uống nước, mặc áo, nói năng, tiếp khách đều nhờ vô sở hữu này! Có tiền mua đồ ăn, mà không có vô sở hữu này thì mình cũng không ăn được; tất cả trong cuộc sống hàng ngày đều phải nhờ vô sở hữu này.

Hỏi: Thế nào là đại khai viên giải?

Đáp: Giải này là giải ngộ, viên là tròn tức là đầy đủ, đầy đủ là hiểu được pháp bất nhị, pháp bất nhị là nguồn gốc Phật pháp. Cho nên, có tư cách giảng kinh thuyết pháp, tuy chưa kiến tánh nhưng giải ngộ đầy đủ. Kỳ thật, tôi chỉ là giải ngộ, chứ chưa có chứng ngộ, nên tôi giảng kinh được.

Gần đây có ngài Lai Quả, ngài Hư Vân, ngài Nguyệt Khê... đều là những người đã chứng ngộ. Những người chứng ngộ không cần ai biết, nên mình không biết được. Người chưa chứng ngộ cần cho người ta biết, viết ra sách để hình mình ra trước đầu sách, với các chức vụ làm thế này thế kia là sợ người ta không biết.

Có Tăng sửa đường lộ tỉnh Vân Nam, vì ngài biết không có duyên, từ lúc hai mươi mấy tuổi kiến tánh sửa đường lộ đến tám mươi mấy tuổi gặp ngài Hư Vân. Ngài Hư Vân nói ra mới biết Tăng đó kiến tánh, nếu không gặp ngài Hư Vân thì không biết Tăng đó kiến tánh. Tình hình giống như Tăng đó rất nhiều, nhưng mình làm sao biết được! Ngài Hư Vân cố tình sống chung với Tăng đó được mười mấy ngày mới biết được.

Hỏi: “Y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa” trong pháp tứ y là như thế nào?

Đáp: Liễu nghĩa là triệt đề, bất liễu nghĩa là không có triệt đề. Nói cho dễ hiểu: liễu nghĩa là phá chấp thật, bất liễu nghĩa là chấp thật. Liễu nghĩa là vô sở trụ, bất liễu nghĩa là có sở trụ. Phật coi chúng sanh bình đẳng, nhưng tùy căn cơ trình độ của chúng sanh mà thuyết pháp.

Những người căn cơ trình độ thấp kém nghe kinh liễu nghĩa không được, cho nên phải giảng kinh bất liễu nghĩa. Bất liễu nghĩa không đúng theo Phật pháp, mà chỉ là phương tiện để hướng dẫn vô cửa Phật. Đến chừng vô rồi từ từ dẫn đến liễu nghĩa.

Người có tư tưởng chấp thật nghe liễu nghĩa phá chấp thật mà họ không chịu, rồi bỏ đi; cũng như trong hội Pháp Hoa có năm ngàn người bỏ đi, vì kinh Pháp Hoa là liễu nghĩa, mà những người đó không chịu liễu nghĩa, tại họ không đủ thính huệ để nghe (không đủ trí huệ để nghe). Vì vậy, Phật bất đắc dĩ phải nói bất liễu nghĩa, thì năm ngàn người cũng được độ, sau này họ chuyển sang liễu nghĩa.

Hỏi: Thế nào là “y pháp bất y nhân”?

Đáp: Mặc dù, người đó, Pháp sư đó, Thiền sư đó địa vị cao, danh tiếng khắp thế giới; nhưng họ giảng pháp bất liễu nghĩa, mình y pháp liễu nghĩa chứ không y pháp bất liễu nghĩa. Nếu người đó không có địa vị trong xã hội, không có danh tiếng và không có ai biết; nhưng người đó giảng đúng pháp liễu nghĩa nên theo pháp đó; tức là theo pháp chứ không theo người. Hiện tại phần nhiều người ta theo người có danh tiếng khắp thế giới, có địa vị cao hoặc có tín đồ nhiều. Đó là “y nhân bất y pháp”.

Hỏi: Thế nào là “y trí bất y thức”?

Đáp: Trí là không có phân biệt, thức thì có phân biệt; thức là trí huệ của bộ óc, trí là trí huệ của Phật tánh. Cho nên, kinh Pháp Bảo Đàn nói “chuyển thức thành trí”, chuyển tám thức thành bốn trí. Phân biệt là nhị, phải có đối đãi.

Kiến tánh chuyển thức thành trí, chưa kiến tánh vẫn là thức; bất quá có kiến giải cao trong tương đối; giảng sư này có kiến giải cao hơn giảng sư khác, nhưng so với người trí thì còn xa lắm. Thức không thể giải thoát, trí mới được giải thoát.

Trí gọi là bất động trí, tức bát nhã ngày đêm không gián đoạn; chứ không phải như thức lúc dùng mới có, lúc không dùng thì không có. Còn trí luôn luôn dùng cùng khắp không gian.

Hỏi: Làm sao biết các vị Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm và A la hán tu dứt được phiền não nhiều hay ít?

Đáp: Chỗ đó chỉ có những người chứng quả Bồ Tát hiện tướng Thanh văn để thuyết pháp. Như chứng sơ quả là Tu đà hoàn lia được lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Nếu có Pháp sư nói chứng sơ quả mà còn dính mắc lục trần thì không đúng. A la hán dứt hết tất cả phiền não; Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A Na hàm chưa dứt hết phiền não, chỉ dứt đến mức nào, tức còn tư tưởng mê chấp (tư hoặc) trong tam giới.

A la hán hoàn toàn không có mê chấp tam giới, cho nên không sanh tử luân hồi trong lục đạo, gọi là bất sanh. Tu đà hoàn còn sanh Dục Giới 7 lần, Tư đà hàm còn sanh 1 lần Dục Giới, A na hàm còn sanh trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

Hỏi: Thế nào là nghĩa ba câu?

Đáp: Nghĩa ba câu nhiều nhất ở trong kinh Kim Cang: câu thứ nhất là chấp thật, như Phật nói “thế giới”, chấp thế giới là thật; câu thứ nhì là “tức phi thế giới”, chấp thế giới là giả; câu thứ ba là “thị danh thế giới”, là câu thứ nhất là thế giới giả danh, câu thứ nhì thế giới là giả cũng là giả danh không phải thật giả, câu thứ ba giả danh không phải là thật giả danh cũng là giả danh; tức là nghĩa vô sở trụ, không trụ nơi câu thứ nhất, không trụ nơi câu thứ nhì, cũng không trụ nơi câu thứ ba; thành ra mới đúng với bản thể vô trụ.

Như ban đầu chấp núi sông là thật, đến thứ nhì núi sông là giả (không thật), tới thứ ba thì núi sông vẫn là núi sông. Người ta không hiểu cho là câu thứ nhất và câu thứ ba giống nhau, nhưng lại là khác. Vì câu thứ nhất có lấy ý của mình xen vô cho núi sông là thật, còn câu thứ nhì cho núi sông là giả, câu thứ ba là không đem ý mình xen vô cho là thật hay là giả, núi sông vẫn là núi sông (chỉ có thể lưu bố tượng, chứ không có trước tượng, còn câu thứ nhất và câu thứ nhì có trước tượng). Nghĩa ba câu là vô sở trụ, là bản thể của tâm.

Hỏi: Người đọc sách được có trí tuệ là như thế nào?

Đáp: Đó là trí của bộ óc của thế gian, còn y trí bất y thức tức chuyển cái thức thành trí gọi là bát nhã (trí của Phật tánh), chứ không phải cái trí của bộ óc. Thông thường nói trí huệ là trí huệ của bộ óc, trí huệ của bộ óc và trí huệ của Phật tánh khác nhau.

Vì trí huệ của Phật tánh có khác nên người dịch không dịch là trí huệ, nhưng cũng có nghĩa là trí huệ, nên dịch âm là bát nhã. Trí huệ của bộ óc do mình tác ý mới dùng được, bát nhã luôn luôn khắp không gian thời gian; không có ai tác ý, tự động đang dùng; như cái dùng của hư không, ai cũng nhờ hư không vậy.

Hỏi: Những người thích coi sách, đối với tham thiền như thế nào?

Đáp: Tất nhiên bị chướng ngại, nếu chưa tin tự tâm được 100% phải nhờ đọc sách chánh pháp để tăng cường tin tự tâm 100% là có ích. Nếu chấp thật lời Phật Thích Ca cho là chân lý thì bị chướng ngại. Chính Phật Thích Ca nói “Ai nói Phật có thuyết pháp là người ấy phỉ báng Phật”. Thật tế không thể dùng lời để nói, và cũng không thể dùng bộ óc để suy nghĩ đến. Kinh Lăng Nghiêm nói “thân tâm bất năng cập” (thân tâm không có thể đến được), còn trí huệ của bộ óc thì thân tâm có thể đến.

Hỏi: Người ghiền đọc sách, làm cách nào để trừ?

Đáp: Muốn trừ thì đừng có trừ, tham Tổ sư thiền là hỏi câu thoại kích thích niệm không biết; rồi khán thoại đầu là nhìn chỗ không biết, muốn xem chỗ không biết là cái gì; nhưng chỗ không biết thì không có chỗ để xem, nên không có mục tiêu để nhìn; thành ra người ta nói “tôi nhìn không được”, nhưng đã nhìn được rồi; tại nhìn không thấy gì, có nhìn mới biết là nhìn không được.

Mặc dù, nhìn không thấy gì, nhưng cứ tiếp tục hỏi và nhìn. Hỏi dùng tâm hỏi, nhìn cũng dùng tâm nhìn; cứ hỏi và nhìn đi song song, không có trước sau; lâu ngày trở thành thói quen rồi thành khối, bất cứ ham thích cái gì thì tự động không còn ham thích.

Như ở Việt Nam có Phật tử thích xem hát, tham thiền một thời gian tự động không thích xem hát; ham mặc đồ đẹp, tham thiền một thời gian tự động không ham mặc đồ đẹp; ưa đi ăn nhà hàng, tham thiền một thời gian tự động không ưa đi ăn nhà hàng. Ghiền coi sách cũng vậy, giữ được nghi tình có ghiền đọc sách cũng tự mất. Nếu cố ý muốn bỏ thì bỏ không được, vì cố ý muốn bỏ là dùng cái biết. Chính cái biết mà Thiền môn gọi là cửa tai họa, tức tất cả tai họa từ chữ biết sanh ra.

Cho nên, giáo lý tam thừa đều ngưng cái biết (hoạt động của tâm). Như thừa Thanh văn có 5 thứ thiền quán để ngưng hoạt động của tâm, phần nhiều tu Sở tức, có một số ít tu quán Bất tịnh, còn 3 thứ kia (quán Từ bi, quán Nhân duyên, quán Lục thức) ít có người tu. Đỉnh tâm là đỉnh chỉ cái hoạt động của tâm, cái hoạt của tâm là ham biết; tức là muốn đỉnh chỉ tánh ham biết đó thì phải có thiền quán. Trung thừa và Đại thừa đều như vậy, chỉ là pháp thiền khác; nhưng mục đích là đỉnh chỉ cái tâm. Tối thượng thừa dùng cái không biết để đỉnh chỉ.

Hỏi: Tâm có thể chuyển về một, nhưng không ngưng được phải không?

Đáp: Tam thừa chuyển về một, Tối thượng thừa không có chuyển về một.

Hỏi: Nghi tình có tiến tới vô thủy vô minh không?

Đáp: Nói theo thế lưu bố tượng là tiến tới, sự thật không có tiến hay thoái; tức là không có sự tương đối, tuy nói bất nhị nhưng không phải một. Vì không có thể dùng thí dụ để giải thích, giáo lý tam thừa có dùng thí dụ để giải thích. Thiền quán của tam thừa là thực hành giáo lý tam thừa.

Như pháp thiền thừa Thanh văn là thực hành giáo lý của thừa Thanh văn, pháp thiền thừa Duyên giác là thực hành giáo của thừa Duyên giác, pháp thiền Đại thừa là thực hành giáo lý của Đại thừa. Tới thượng thừa không có giáo lý, gọi là bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, chỉ có thực hành. Tuy không có giáo lý, nhưng không nghịch với giáo lý; cũng là đình chỉ tâm, nhưng có nuôi cái nhân nghi đưa đến ngộ.

Hỏi: Ngài Lai Quả nói “từ đa tâm đến thiếu tâm, thiếu tâm đến nhất tâm, nhất tâm đến vô tâm”. Vì tập khí mình nhiều quá nên không thể bỏ một lần được, vậy thế nào?

Đáp: Ngài Lai Quả vì phương tiện để giảng cho người ta hiểu.

-Con thấy đường đi cũng vậy phải không?

-Đường đi không phải vậy, Giáo môn có 52 cấp, từ bực từ bực mà tiến lên là vậy; Tới thượng thừa không có cấp bực, từ địa vị phàm phu thẳng chứng Đẳng giác.

-Vì có tạp niệm nhiều quá nên cần tu như vậy phải không?

-Cái đó là của Giáo môn, Tới thượng thừa không có cái đó.

Hỏi: Nghi tình từ từ thành khối, chứ bây giờ làm sao được?

Đáp: Nghi tình thành khối là cái nghi tình, nói cấp bực lần lần tiến lên thì không có cái đó. Như người mới nghe là ngộ liền, hay bị đánh bạt tai là ngộ liền, hoặc bị đá nhào là ngộ liền.

-Các vị đó có sẵn công phu mới được như vậy mà?

-Có sẵn công phu ở kiếp trước cũng có, nhưng kiếp này tất cả vẫn bằng như mọi người, cho đến ngộ rồi nhưng không biết mình đã ngộ. Như Thiền sư Diệu Tông kiến tánh lúc 15 tuổi, nhưng tự mình không biết đã kiến tánh. Bây giờ mình nói là tu từ từ, nhưng trong bản thể Phật tánh không có từ từ; từ từ huân tập thì mới thành, còn cái này đã thành sẵn không thể từ từ.

-Thân con có bệnh phải uống thuốc rồi từ từ sẽ hết, như thế là sao?

-Đó là pháp thế gian, pháp xuất thế gian nói được, còn của Thiền môn không nói được. Chân như là như như bất động. Bài giải thích hư không trong Đại Trí Độ luận, theo hiểu biết của bộ óc thấy rất mâu thuẫn! Vô sở hữu là không có, không có hư không nhưng dung nạp tất cả, dùng tất cả là nhờ cái không có. Theo lý không đúng, vô sở hữu là không có lấy gì để dung nạp! Nhưng thật tế lại dung nạp. Vô sở hữu lấy cái gì để dùng! Nhưng cái nào cũng nhờ nó để dùng. Đó là nghịch với lý của bộ óc, bộ óc kiến lập lý đều là vọng.

Theo sự hiểu biết của mình cũng dễ chứng tỏ: bây giờ, các nhà triết học, nhà khoa học trên thế giới đều muốn kiến lập, muốn kiến lập phải có sự bắt đầu thì có sự sanh khởi. Họ đang nghiên cứu sự sanh khởi của vũ trụ, sanh khởi của sanh mạng; nhưng thật tế, Phật đã nói là vô thi (không có sự bắt đầu).

Giả thiết có sự bắt đầu, không gian phải nói bắt đầu từ chỗ nào? Nói bắt đầu từ chỗ này, nhưng chỗ này là một chỗ trong không gian; rồi chỗ này bắt đầu từ chỗ nào? Bắt đầu từ chỗ kia, cứ bắt đầu nhiều chỗ khác... cuối cùng không có chỗ bắt đầu.

Về thời gian, nói bắt đầu từ lúc nào? Bắt đầu từ một triệu kiếp trước cho đến một trăm tỷ kiếp trước, con số cứ tăng thêm không khi nào cùng tột. Nhà toán học nói ra con số cao nhất được không? Không thể nói ra con số cao nhất, làm sao tìm ra sự bắt đầu! Thời gian không có bắt đầu, vì trước thời gian đó còn có thời gian nữa. Vậy, lý do bắt đầu không thể thành lập.

Nhà toán học nói bắt đầu thời gian xưa nhất cũng nói không ra. Tại sao? Vì biên ra một con số, rồi thêm con số 0 phía sau thì lớn hơn 10 lần, cứ thêm số 0 phía sau vô cùng tận, bộ óc không thể biết. Cuốn sách nói về con sâu dế cỏ rất nhỏ chỉ là một đơn tế bào, dùng kính hiển vi mới thấy được. Một ngày đêm nó nứt thành 2 con đến ngày 90 thì nó thành một mét khối, đến ngày 130 thì thể tích bằng quả đất, nếu thêm một ngày nữa là 2 quả đất...

Nếu quả đất xẻ làm 2, rồi hai bên cũng xẻ làm 2, cứ xẻ tới hoài tới 130 lần thì khôi phục lại con sâu dế cỏ. Nếu tôi lấy toán học xẻ thêm 10 lần 130 lần hoặc trăm lần, một ngàn lần, thì con số ấy vẫn còn biểu thị cơ thể con sâu dế cỏ. Nhưng thật tế có cơ thể con sâu đó không? Dầu cho có, mà bộ óc không biết. Phân tích nhỏ lại, bộ óc còn không biết, làm sao bộ óc truy cứu sự bắt đầu!

Hỏi: Xin Sư Phụ giảng chiêm bao theo Duy thức?

Đáp: Khi ngủ mê thì 5 thức trước (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) ngưng hoạt động, chỉ có thức thứ 6 hoạt động biến hiện (độc đầu ý thức biến hiện) thân và thế giới chiêm bao; thân chiêm bao tiếp xúc thế giới chiêm bao, tiếp xúc cái tách, trái cam đều có thật chất, tiếp xúc nóng lạnh đều biết, thân chiêm bao bị đánh biết đau. Giả sử trong chiêm bao có thiện tri thức thuyết pháp thật hay, nói cái tách, trái cam, luôn cả thân ông đều không thật, người chiêm bao không tin. Đến lúc ngủ đã thức dậy (Duy thức gọi là tự chứng phần) tự mình chứng tỏ thân và thế giới chiêm bao đều mất, chỉ còn thân nằm trên giường. Nhưng đang chiêm bao cho là thật, bởi đang chiêm bao khóc thức dậy còn nước mắt. Thân chiêm bao thấy cảnh khủng bố sợ, thức dậy nghe trái tim còn đập. Thật tế vốn không có, chỉ là thức thứ 6 tạo ra, gọi là tâm tạo.

Mở mắt chiêm bao, Duy thức gọi là đồng thời ý thức biến hiện; vì 5 thức trước đang hoạt động, nên hai thức cùng biến hiện. Như thấy sắc tướng thì nhãn thức và ý thức cùng biến hiện, nghe âm thanh thì nhĩ thức và ý thức cùng biến hiện. Nhĩ thức nghe âm thanh, nhưng không biết tiếng gì, phải có thức thứ 6 cùng nổi lên mới biết tiếng người, tiếng chim, tiếng chó... Nếu chỉ có thức thứ 6, không có nhĩ thức nên không nghe được tiếng thì lấy gì để phân biệt. Cho nên, phải hai thức cùng biến hiện thành mở mắt chiêm bao bây giờ.

Một thức biến hiện cũng là tâm, hai thức biến hiện cũng là tâm. Nhưng người ta chỉ cho nhắm mắt chiêm bao là chiêm bao, mở mắt chiêm bao không phải chiêm bao. Thật tế nhắm mắt chiêm bao là một thức biến hiện, mở mắt chiêm bao do hai thức cùng biến hiện. Kinh nói “tất cả đều do tâm tạo”, nếu tâm không biến hiện thì tâm không tạo; biến hiện thì không phải thật, nên nói là chiêm bao.

Nhắm mắt chiêm bao ngủ đã tự thức, khởi cần tu; nhưng tối ngủ có chiêm bao lại, cứ chiêm bao mãi. Mở mắt chiêm bao không bao giờ tự mình thức tỉnh, phải tu đến kiến tánh tức là mở mắt chiêm bao thức tỉnh; sau khi thức tỉnh không bao giờ có chiêm bao lại. Cho nên, thành Phật không bao giờ trở lại chúng sanh; nếu trở lại chúng sanh thì thành Phật cũng vô dụng.

Hỏi: Người đã phá Sơ quan rồi chết, sau đó họ dùng tâm thức để tu tiếp như thế nào?

Đáp: Nếu người ấy phá Sơ quan còn ôm cái pháp, như ngài Cao Phong còn ôm cái ngộ; có sở hữu thì có thể đi đầu thai. Như Đại Huệ đầu thai rồi có nhân duyên kiến tánh triệt để, vì kiếp trước đã phá Sơ quan. Trụ trì mộng thấy thần Già lam báo “ngày mai có một Thiên sư Dân Phong Duyệt đến chùa” (tên kiếp trước của Đại Huệ), sáng ngày Đại Huệ (19 tuổi) đến. Trụ trì biết nên tiếp đãi rất chu đáo và đem ngữ lục Dân Phong Duyệt cho Đại Huệ coi xong liền thuộc lòng. Đại Huệ ở nơi Viên Ngộ nghe câu

“gió nhẹ từ phương nam đến, nơi góc chánh điện cảm thấy yên lành”. Liền ngộ triệt đề.

Hòa thượng Thủy Lưu đến thăm Mã Tổ, vừa đánh lễ thì Mã Tổ đá một cái nhào xuống, Thủy Lưu liền ngộ.

Hoàng Bá đã ngộ đến một ngôi chùa xin làm công quả, ngài không nói là ngài đã ngộ. Một hôm Thừa tướng Bùi Hưu đến chùa tham quan thấy bức tranh trên tường, hỏi Trụ trì: hình này là gì?

Trụ trì nói: là Cao Tăng.

Bùi Hưu hỏi: hình thì thấy rồi, còn Cao Tăng đâu?

Trụ trì trả lời không được.

Bùi Hưu hỏi: chỗ này có Thiền sư không?

Trụ Trì đáp: mấy hôm trước có một vị giống như Thiền sư đến ở đây.

Bùi Hưu nói: xin mời ra để tôi hỏi.

Hoàng Bá đi ra, Bùi Hưu nói: vừa rồi tôi hỏi Trụ trì nhưng không đáp được. Bây giờ tôi xin hỏi Thượng tọa có được không?

Hoàng Bá đáp: được.

Bùi Hưu hỏi: hình thì thấy rồi, còn Cao Tăng ở đâu?

Hoàng Bá nói lớn: Bùi Hưu!

Bùi Hưu đáp: dạ!

Hoàng Bá nói lớn: ở đâu?

Bùi Hưu nghe liền kiến tánh và tán thán hay quá, liền mời về dinh Thừa tướng để cúng dường rồi hỏi pháp. Do đó mới có Truyền Tâm Pháp Yếu.

Hỏi: Lúc đó Bùi Hưu ngộ cái gì?

Đáp: Nếu có cái gì thì không phải ngộ. “Bồ đề viên mãn quy vô sở đắc”, nếu có đắc được thì không phải ngộ; sẵn sàng của mình, người kiến tánh triệt đề tự nhiên có cái dùng đó.

Có vị kiến tánh, ban đêm tự nhiên la lên “ta đại ngộ rồi!” Sáng mai, Trụ Trì thượng đường hỏi: hồi hôm, ông nào đại ngộ ra đây? Vị ấy ra. Trụ trì (đã kiến tánh) hỏi: tại sao tự mình nói đại ngộ, thấy cái gì vậy?

Vị ấy đáp: Sư cô vốn là người nữ làm.

Trụ trì biết vị ấy đã kiến tánh.

Một Thiền sư danh tiếng, căn cơ chưa đến mức chín mùi, cũng không có cách nào làm cho ngộ. Như Tôn Khiêm theo Đại Huệ hai chục năm, có công phu rất nhiều, nhưng chưa ngộ; Đại Huệ biết vị này căn cơ gần chín mùi, mới sai đem lá thư cho cư sĩ Ngụy Công ở Kinh Thành, đang làm quan tương đương Thừa tướng, là người đã kiến tánh. Tôn Khiêm bực mình và nói “tôi đã dùng công phu hai chục năm mà chưa ngộ, mà bây giờ sai tôi đem lá thư, đi bộ phải mất tháng mới tới”.

Bạn đồng tham tên Quang cũng biết ý của Đại Huệ, biết vị này sắp ngộ, nói: đi đường cũng dùng công phu được vậy, tại sao không đi? Để tôi đi cùng sẽ giúp ông. Đi được một khoảng đường, Quang nói: việc gì tôi cũng có thể giúp, nhưng chỉ có 5 điều thì ông phải tự làm.

Tôn Khiêm hỏi: 5 điều gì?

Quang nói: đi tiêu, đi tiêu, mặc áo, ăn cơm, với kéo tử thi đi trên đường.

Tôn Khiêm nghe xong liền ngộ.

Quang nói: bây giờ, ông đi một mình được rồi, còn tôi đi về.

Tôn Khiêm đi đến Kinh Thành gặp Ngụy Công đưa thư, Ngụy Công muốn nhờ Tôn Khiêm độ người mẹ, người mẹ này thường ngày hay tụng kinh, Ngụy Công không có

cách nào khuyên người mẹ bỏ tụng kinh để tham thiền. Tôn Khiêm có nhân duyên với người mẹ, một thời gian người mẹ bỏ tụng kinh, rồi tham thiền được kiến tánh. Tôn Khiêm trở về chùa, ở đàng xa Đại huệ thấy liền biết Tôn Khiêm đã ngộ.

Hỏi: Dụng công phu đến mức gần kiến tánh, nếu không gặp thiện tri thức có thể kiến tánh phải không?

Đáp: Phải rồi! Như ngài Lai Quả nói “công phu đến thoái đầu, không muốn kiến tánh cũng không được”. Cho nên, chỉ sợ mình không chịu đi, chứ có đi sao không đến! Có đi thì sẽ đến nơi.

Hỏi: Người sơ tham phải có có vị lão tham hướng dẫn là thế nào?

Đáp: Sơ tham tham không đúng thì phải có lão tham hướng dẫn tham cho đúng. Những người tự làm tài khôn, theo tôi mười mấy năm cứ chấp câu thoái đầu. Nói tham thoái đầu nhưng chưa đến thoái đầu, muôn ngàn câu thoái đầu là chỉ cái không biết. “Niệm Phật là ai?” là kích thích cái không biết, “muôn pháp về một, một về chỗ nào?” cũng kích thích cái không biết, “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” vẫn là kích thích cái không biết. Khán thoái đầu là nhìn chỗ không biết, đâu phải ý của mỗi câu thoái có khác biệt; tham câu này được, mà tham câu kia không được!

Hỏi: Tu theo Thiên tông có thọ Bồ Tát giới không?

Đáp: Có chứ! Tiểu thừa không thọ Bồ Tát giới, chỉ thọ đến Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni. Tôi thượng thừa cũng như Đại thừa có tam đàn đại giới là Sa di, Tỳ kheo, Bồ Tát thọ cùng một lượt. Như ở Trung Quốc thời hạn thọ giới là 53 ngày.

Hỏi: Cư sĩ có thọ Bồ Tát giới không?

Đáp: Cư sĩ nào muốn thọ Bồ Tát cũng được và không muốn thọ Bồ Tát giới cũng được. Tu sĩ Đại thừa phải thọ Bồ Tát giới, nếu không thọ Bồ Tát giới thì không phải Đại thừa, vì Đại thừa gọi là thừa Bồ Tát. Thọ Bồ Tát giới là học hạnh Bồ Tát, nếu không muốn học hạnh Bồ Tát là thừa Thanh văn, Duyên giác.

Hỏi: Những người tu Tịnh độ được vãng sanh Cực Lạc, nhờ Phật A Di Đà dạy tham thiền rồi thành Phật, họ trở lại độ các chủ nợ. Việc ấy như thế nào?

Đáp: Việc đó là tự nhiên như vậy, người nào kiến tánh thành Phật được dụng của Bát nhã là automatic cùng khắp không gian thời gian, không bao giờ gián đoạn, giống như cái dụng của hư không.

Hỏi: Làm nhiều việc từ thiện có trở ngại trên đường tu tập không?

Đáp: Làm việc từ thiện cho xã hội là thực hiện hạnh Bồ Tát. Giới Bồ Tát có hai phần: chỉ trì và tác trì. Chỉ trì là không làm thì giữ giới; tác trì là phải làm mới giữ giới, không làm là phạm.

Bồ Tát giới của cư sĩ có một điều: Cư sĩ thọ Bồ Tát giới mua vé xe muốn đi đến chỗ nào, nhưng giữa đường, xe ra khỏi ngoại ô thấy bên đường có người bệnh hay người bị tai nạn, mà không có ai cứu giúp. Người cư sĩ thọ giới Bồ Tát thấy việc ấy phải bỏ vé xe, rồi xuống xe đưa người đó đến bệnh viện hoặc đưa đến nhà, trở lại mua vé xe khác đi tiếp. Nếu không làm như vậy là phạm, làm gọi là tác trì.

Hỏi: Bồ Tát thừa phải thực hành lục độ ba la mật, nên bố thí theo tam luân thế không. Vì vậy không có lòng mong cầu, không biết có người được bố thí. Thành Thầy khai thị?

Đáp: Phải rồi! Bố thí của Đại thừa là tam luân thế không là không thấy có người bố thí, không thấy có người nhận bố thí, không thấy có tài vật bố thí.

Hỏi: Mục sư hỏi ngài Nguyệt Khê “Tại sao Phật giáo ít làm việc xã hội?” Ngài trả lời: Phật giáo không có chủ trương như vậy. Nếu thực hành hạnh Bồ Tát thì đã làm việc xã hội nhiều. Tại sao?

Đáp: Ngài Nguyệt Khê phá chấp của Linh Mục, vì Linh Mục chấp theo Tin lành. Bồ thí của Phật giáo, như kinh Pháp Hoa nói “trước là thỏa mãn dục vọng của người đó, để kéo người đó vào trí huệ Phật”; tức là câu trước là thỏa mãn dục vọng, nếu không có câu sau thì không được.

Giáo lý của người ta là tin được sanh lên cõi trời, không tin thì phạt xuống địa ngục. Người làm ác đọa xuống địa ngục, Phật xuống kéo người ấy lên, Phật không phạt người ta xuống địa ngục. Nếu người ấy không tin Phật hay phỉ báng cũng muốn kéo họ lên.

Bồ thí của Phật là từ bi, bồ thí của họ là bác ái. Từ bi là phá ngã chấp, bác ái là tăng cường ngã chấp. Nhưng người thường cho từ bi và bác ái giống nhau, sự thực thì khác.

Vô duyên từ là không có nhân duyên đối đãi, không có ta từ bi và không có người nhận từ bi của ta. Đồng thể bi là người vui thì ta mới vui, người khổ là tôi khổ, vì cùng một thân thể, không phải khác; tức là cùng một Phật tánh, không có khác.

Bác ái là tất cả cái này là của tôi, tôi ái người này thì tôi cho người này, ái người kia thì tôi cho người kia, ái rất nhiều nên gọi bác; còn những người mà tôi không ái thì tôi không cho, từ bi nếu có ái hay không ái đều cũng cho.

Hỏi: Người Khất sĩ đi khất thực thì tâm họ quán như thế nào, để cho Phật tử cúng dường cầu phước?

Đáp: Tiểu thừa có Ngũ Đình Tâm quán, không phải họ đi khất thực mới quán! Lúc nào cũng quán, khất thực có pháp khất thực phải đúng; tức là đi thì mắt chỉ được nhìn phía trước 3 thước, mắt không được ngó qua ngó lại, không được nói chuyện; người đến cúng dường bỏ đồ vật vào bát cũng không được nhìn vào mặt người ấy, nên vị Khất sĩ không biết người cúng dường. Đi khất thực mang theo tích trượng có chuông, khi đến trước cửa nhà người ta biết.

Các nước Tiểu thừa, Phật tử để vật cúng dường sẵn cho các vị Khất sĩ đi đến; các nước Đại thừa không có làm sẵn. Người Khất sĩ đi khất thực chỉ đứng trước nhà này một chút, rồi đến nhà khác một chút; theo pháp khất thực nêu qua 7 nhà mà không ai cúng dường cũng phải về, nhưng bây giờ không ai làm đúng như vậy. Có người vô chợ khất thực, có người đến chỗ bán cá; người bán cá cúng dường cá sống, người khất thực bảo người ấy đập cá cho chết mới lấy. Ở Vũng Tàu, có người giả Khất sĩ đi khất thực, Chánh đại diện nơi đó mời hỏi, biết người này đi khất thực mượn.

Hỏi: Tham thoại đầu chỉ cần nghi tình, mà không cần đáp án. Kính xin Sư phụ khai thị?

Đáp: Không những không cần đáp án, nếu muốn tìm ra đáp án là chướng ngại sự kiến tánh, chướng ngại sự tham thiền. Nghi tình là không hiểu không biết, tất cả câu thoại đầu chỉ là kích thích niệm không biết, gọi là tham thoại đầu.

Khán thoại đầu là nhìn chỗ không hiểu không biết, muốn xem chỗ không biết đó là cái gì, xem không thấy gì vẫn còn không biết, rồi hỏi mãi khán mãi đến một ngày tới thoại đầu (đầu sào trăm thước) tiến lên một bước là kiến tánh.

Trước kia tất cả đều không biết, tới chừng kiến tánh triệt để thì tất cả đều biết; không có một cái nào không biết, không có lúc nào mà không biết; cho nên gốc nghi chấm dứt, vì không có cái gì để nghi nữa, gọi là đốn đoạn nghi căn.

Hỏi: Tham thoại đầu và khán thoại đầu cách nhau bao xa?

Đáp: Nếu có xa gần thì không phải, vì khắp không gian làm sao có xa gần. Khán thoại đầu và tham thoại đầu không có trước sau.

Hỏi: An lạc trong hiện tại và nhìn vào một niệm vô sanh thì thế nào?

Đáp: An lạc trong hiện tại là pháp thế gian, tam thừa gồm Tiểu thừa, Trung thừa và Đại thừa có giáo lý nói về xuất thế gian và có pháp thiền để thực hành. Tiểu thừa có 5 pháp thiền quán (Ngũ đình tâm quán) để thực hành giáo lý Tiểu thừa. Trung thừa là thừa Duyên giác có thiền quán Thập nhị nhân duyên để thực hành giáo lý Trung thừa. Đại thừa có 3 thứ thiền quán: Sa ma tha, Tam ma bát đề, Thiền na để thực hành giáo lý Đại thừa.

Tối thượng thừa (tham Tổ sư thiền) không có giáo lý, chỉ có thực hành, nên gọi là giáo ngoại biệt truyền bất lập văn tự, nhưng không trái ngược giáo lý, còn gọi là pháp thiền trực tiếp.

An lạc trong hiện tại là pháp thế gian, không phải tu giải thoát, giống như đi xem hát, lúc xem hát thì quên phiền não, tuồng kịch hát xong thì phiền não trở lại hay đi xem đá banh hoặc xem cái gì đó. Tất cả kinh Phật không có nói mấy thứ đó, kinh Phật chỉ nói Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa.

Pháp thế gian thì người ta dễ tiếp thu, vì tư tưởng của người thế gian cũng vậy, nên nói người ta nghe thực hành được liền. Như người ta ham thích đi xem hát, đá banh... là người ta có ham thích sẵn. Còn pháp xuất thế gian nghịch với thế gian, nghịch với người ta ham thích; thành ra người ta không thích.

Tứ Niệm Xứ là ở trong 37 phẩm trợ đạo giúp tu thiền Tiểu thừa để giải thoát là xuất thế gian, còn an lạc là ở trong thế gian, như hiện tại được vui giống như xem hát xem đá banh, lúc vui thì quên phiền não, vui hết thì phiền não trở lại.

37 phẩm trợ đạo là trợ giúp cho người tu Tiểu thừa, đầu tiên là Tứ Niệm Xứ gồm có Quán thân bất tịnh là quán thân này dơ quá, không sạch; Quán thọ là khổ tức bất cứ thứ gì lãnh thọ đều khổ, còn cái kia vui là nghịch với khổ; vui thì người ta thích, còn khổ làm sao người ta thích! Vì cũng có tên là Tứ Niệm Xứ, nhưng nghịch với Tứ Niệm Xứ của Phật, để cho người không biết Phật pháp hiểu lầm là Tứ Niệm Xứ của Phật. Nếu theo giới luật của nhà Phật thì có tội địch ngục.

Quán tâm vô thường, Quán pháp vô ngã; còn cái kia là tăng thêm cái ngã, đã hại biết bao nhiêu người, mà người bị hại không hay biết, tưởng là của Phật pháp. 5 thứ chánh là Ngũ Đình Tâm quán để đình chỉ hoạt động của tâm. Trung thừa, Đại thừa cũng đình chỉ hoạt động của tâm, bất quá là thực hành khác và tạo cái nhân khác.

Hỏi: Mỗi hành động hàng ngày của Tu sĩ đều niệm chú, vậy việc ấy như thế nào?

Đáp: Việc ấy tôi không biết ai đặt ra, bởi vì theo thần chú là Mật tông. Bây giờ khóa sáng chiều của Giáo môn là tổng hợp đủ thứ, tụng kinh, niệm chú, thí thực, kiết thủ ấn... đều có. Có người không hiểu ý kinh của Phật, rồi tự lấy ý mình thay cho ý của Phật. Đốt vàng mã là lừa người gạt quỷ. Lục Tổ nói “vô niệm, niệm là chánh; hữu niệm, niệm là tà”. Kinh Địa Tạng là bất liễu nghĩa nói “khởi tâm động niệm đều là tạo nghiệp”. Nhưng người ta không chịu để ý, cứ theo sự ham thích của mình.

Nếu nuôi sự ham thích của mình, làm sao giải thoát? Phật dạy là nghịch lại cái ham thích của mình. Kinh Lăng Nghiêm nói “vi kỳ hiện nghiệp” (trái lại nghiệp hiện tại của mình). Mình ham thích cái này thì mình không ham thích, ghét cái này thì ngược lại không ghét. Cho nên mới được giải thoát. Nếu thuận theo sự ham thích thì bị cảnh lôi kéo, đối với Phật pháp không có tác dụng. Phật pháp là muốn người ta giải thoát, lìa khổ vĩnh viễn; nhưng mãi tạo nhân khổ, làm sao lìa được! Mình phải hiểu ý của Phật dạy.

Tiểu thừa cũng phải lìa dục, nên được ra khỏi luân hồi. Việt Nam và Trung Quốc là nước Đại thừa, có người tu theo Đại thừa lại chê Tiểu thừa, nhưng làm không bằng Tiểu thừa. Tiểu thừa còn phá nhân ngã chấp ra khỏi luân hồi, mà có người tu theo Đại thừa không phá ngã chấp, lại thêm chấp pháp nữa, miệng thuyết pháp chê Tiểu thừa. Người đi thọ giới cũng phải qua giới Tiểu thừa vậy. Giới Sa di, Tỳ kheo... đều là giới của Tiểu thừa.

Có người chỉ cần hiểu qua giáo lý, không cần giữ giới. Như Tu sĩ ở Nhật Bản có vợ và ăn mặn, gọi là Tân Tăng (Tăng mới), họ cho là tiến bộ. Nếu không có giữ giới thì đâu khác với người thế gian! Làm sao gọi là người xuất gia được? Bị ngũ dục lôi kéo thì không thể giải thoát. Đức Phật dạy giải thoát, thuận theo ý mình, rồi cho theo giới luật của Phật dạy là xưa, bây giờ phải học cái mới.

Theo tôi biết không có người nào thực hành, như uống nước tụng chú, ăn cơm tụng chú... vì như vậy phiền phức quá. Người tu Tịnh độ chỉ cần niệm một câu A Di Đà Phật là đủ, nếu niệm thành khối thì được tịnh tâm, nên ăn cơm cũng tịnh được tâm, đâu cần nhớ thần chú để tụng!

Tham thiền là hỏi câu thoại và nhìn thoại đầu, thì không cần nhớ thần chú để tụng. Thiền quán Giáo môn như: Sổ tức chỉ cần đếm hơi thở từ 1 đến 10, rồi 10 ngược lại 1, cũng không cần nhớ thần chú để tụng. Rất là đơn giản và có kết quả, những pháp của Phật dạy mình không chịu thực hành, mà thực hành những cái của người đời sau bày đặt ra làm chi!

Hỏi: Chùa Cao Môn có nghi thức quả đường không?

Đáp: Quả đường cũng có, đó là của Giáo môn chứ không phải là Thiền môn. Hòa thượng Đức Lâm học tông Thiên thai, ngài nói với tôi “lịch sử Thiên tông Trung Hoa, tôi chưa coi cuốn nào”, tất cả Truyền Đăng Lục, tôi đều xem qua hết. Như thầy môn sư của tôi là ở Phước Kiến, Phước Châu có chùa Dũng Tuyền ở trên núi Cổ Sơn của Tào Động tông, được nhiều người kiến tánh. Thầy tôi có ở đó 2 năm, lúc ấy có 200 Tỳ kheo ở trong Thiền đường; nhưng chỗ ấy Giáo môn cũng có, niệm Phật cũng có.

Có 3 nhánh: nhánh chánh là Thiền đường có 200 Tỳ kheo ở đó tham Tổ sư thiền, có nhánh Đại bi lâu chuyên trì chú đại bi có mười mấy Tỳ kheo, có niệm Phật đường có hai mươi mấy vị chuyên niệm Phật. Lâu Đại bi và niệm Phật đường từ bắt đầu vô cho đến cuối cùng, tất cả đều phải tụng kinh sáng chiều và phải ăn quả đường.

Chùa được chia làm 3 giai đoạn: giai đoạn thứ nhất phải làm hết là ăn quả đường và tụng kinh sáng chiều; giai đoạn thứ nhì là chọn những người tinh tấn vô Thiền đường nhỏ chuyên tham thiền, trong đó có mấy chục vị tọa hương đi hương, tới bữa ăn dọn sẵn đến ăn, chứ không có tụng kinh hay ăn quả đường; giai đoạn thứ ba là những vị trong Thiền đường nhỏ xin ra ở một mình trong Cốc, cách chùa hơi xa, mỗi cái Cốc chỉ ở một người, cách xa xa có một cái Cốc, hai Cốc nhìn thấy nhau nhưng không nói chuyện với nhau được.

Chùa không phát lương thực cho những cái Cốc, nhưng phát một bao cơm cháy; mỗi nửa tháng về chùa lãnh một bao cơm cháy, ăn hết nửa tháng sau lãnh tiếp; có người nấu lại ăn hoặc có người chỉ ngâm nước lạnh cho mềm để ăn, năm này qua năm khác không có bệnh, không thiếu dinh dưỡng. Phần nhiều những người ở Cốc đều có thần thông, là những người đều tu đến bậc cao. Cho nên, họ không cần phải đi lãnh, mà tâm niệm đi lấy; vì người phát cơm cháy biết những phần cơm cháy của họ biến mất.

Hỏi: Ngài Hư Vân làm chùa rất nhiều, vậy những chùa đó thuộc của ai?

Đáp: Những chùa đó đều là của mười phương, không có của ai hết. Chùa của ngài Hư Vân sáng lập ra làm trụ trì, mà ngài muốn đãi khách cá nhân, đến khổ phòng của chùa mua dầu, thiếu đồng xu cũng không được; công và tư rõ ràng. Tất cả của chùa là của thường trụ, không phải thuộc về ai. Người ta đến ở một ngày là làm chủ một ngày, ở một năm là làm chủ một năm, chừng nào đi thì hết, nên gọi là thường trụ.

Chùa có quy củ, ai cũng phải tuân theo, do vậy Tông Lâm lớn 3.000 người đều trật tự. Tông Lâm có Khách đường, nếu ai tranh chấp thì đưa đến xử, giống như Tòa án của thế gian. Vì đông người nên tổ chức chặt chẽ đàng hoàng, phạm quy củ phải bị đánh hương bản, nếu việc nào cần đuổi thì đuổi.

Hỏi: Đường lối Tổ sư thiền là nghĩ đến câu thoại đầu phải không?

Đáp: Không phải nghĩ! Mà hỏi và nhìn. Đến thoại đầu, theo người ta cho là điên khùng, nhưng chỗ đó là sắp kiến tánh. Bây giờ, mình bắt đầu tham là mục đích đến thoại đầu, chưa đến thoại đầu là tham thoại đầu và khán thoại đầu. Chỉ giữ nghi tình mà không có niệm muốn đến thoại đầu thì mới đến thoại đầu.

Hỏi: Phương pháp tham Tổ sư thiền miên mật không có kẻ hở, nếu có kẻ hở thì vọng tưởng xen vào. Vậy những người tham thiền ở công sở phải suy nghĩ thì có thích hợp với họ không?

Đáp: Thích hợp, ngày đêm là 24 tiếng, nếu có 10 tiếng làm việc thì cứ làm việc, đừng tập tham thiền; còn lại 14 tiếng thì tập tham thiền. Khi nào 14 tiếng này tập tham thiền thành quen thuộc tự động. Như tập xe đạp, ban đầu hai tay vịn nó cũng ngã lên ngã xuống, sau này hai tay vịn nó không ngã, sau này buông tay cũng không ngã, sau này quẹo khỏi cần tay cũng quẹo được. Cần tập cho quen được tự động, lúc đang làm việc tự động thì mình không biết; lúc ấy bộ óc không biết, nhưng cái biết của Phật tánh thay thế. Cho nên làm đúng hơn, nhanh và tỉ mỉ hơn.

Hỏi: Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật có giảng thời mật pháp, các chúng sanh tham thiền mà mong tránh được ma cảnh, điều đó là không thể có. Đức Phật dạy trì chú Lăng Nghiêm, vậy tham Tổ sư thiền kèm theo trì chú Lăng Nghiêm thì như thế nào?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm không phải dạy tham Tổ sư thiền, kinh Lăng Nghiêm là dạy thiền của Giáo môn, 3 thứ thiền quán: Sa ma tha, Tam ma bát đề và Thiền na. Thiền quán đó đối với người thượng căn thì không cần đoạn sau, tức là không cần theo 3 tiệm thứ; đó là đối với trung hạ căn.

Trì chú là nói về Mật tông chứ không phải của hiển giáo, không phải là tu thiền của Giáo môn; tức là trì chú là thiền của Mật tông có khác. Vì kinh Lăng Nghiêm gọi là viên đốn (bao gồm tất cả), cho nên có pháp môn trì chú ở trong đó, có pháp môn niệm Phật ở trong đó (của Đại Thế Chí). Đủ thứ pháp môn đều có trong kinh Lăng Nghiêm.

Phàm phu thiền, Ngoại đạo thiền; tất cả thiền đều có trong kinh Lăng Nghiêm, đừng đem thiền này lộn với thiền kia. Nửa quyển trên kinh Lăng Nghiêm là tiếp người

thượng căn, nửa quyền sau là tiếp người trung hạ căn. Trung hạ căn mà Phật có bày ra 3 tiệm thứ (tiệm là dần dần, thứ là thứ lớp). Vừa rồi tôi nói “vi kỳ hiện nghiệp” cũng trong ba thứ đó, tức là lớp thứ ba phải trái với hiện nghiệp, chứ không phải trì chú.

Tôi hoảng Tổ sư thiên thì nói Tổ sư thiên, có hỏi thiên Tiểu thừa thì giải thích thiên Tiểu thừa, hỏi thiên Trung thừa thì giải thích thiên Trung thừa, hỏi thiên Đại thừa thì giải thích thiên Đại thừa. Đừng hỏi lộn xộn, vì Phật chia làm nhiều thứ thiên là muốn thích ứng căn cơ trình độ của người đó.

Căn cơ trình độ mà Phật có chia làm 5 thứ chủng tánh, ở trong kinh Lăng Già nói rõ: Thanh văn chủng tánh thích hợp tu thừa Thanh văn, Duyên giác chủng tánh thích hợp thừa Duyên giác, Bồ Tát chủng tánh thích hợp thừa Bồ Tát (Đại thừa), ngoại đạo chủng tánh chấp ngã nên thành Ngoại đạo tu giải thoát không được, Bất định chủng tánh là không nhất định, gặp thầy Thanh văn thì họ tu Thanh văn, gặp thầy Duyên giác thì họ tu Duyên giác, gặp thầy Bồ Tát thì họ tu Bồ Tát.

Pháp môn Mật tông vốn là ngoại đạo, sau Phật nhập diệt 500 năm, ngài Long Thọ là tổ 14 của Thiên tông khuyên những người tu Mật tông ngoại đạo trở về chánh pháp. Sau này trong Phật pháp mới có giáo phái Mật tông, nhưng Mật tông ở Tây Tạng và Nhật Bản có rất nhiều giáo phái; có người mặc áo đỏ, áo vàng... như Phật Sóng có hai phái (phái Đạt Lai Đạt Ma và phái Ban Thiên).

Bây giờ, phái Ban Thiên cũng còn ở Trung Quốc, chính phủ còn có liên hệ; phái Đạt Lai Đạt Ma ở nước ngoài nghịch với Trung Quốc, phái này nói là Phật sống chuyển thế. Phái Ban Thiên và phái Đạt Lai Đạt Ma có khi cũng xung đột với nhau.

Hỏi: Phật pháp là pháp bất định và tất cả đều do tâm tạo thì các pháp vô thường; Tu đà hoàn tái sanh 7 lần, có vị nào tu tinh tấn được đốn ngộ hơn, hoặc có vị nào làm việc ác có thể dời lại mấy chục đời, tại sao phải nhất định tái sanh 7 lần?

Đáp: Các vị đã chứng quả Tu đà hoàn là lìa được lục trần, tức là theo chủng tánh Thanh văn đầu thai ở Dục giới thêm 7 lần, đó chỉ là ước số. Như pháp thế gian: Tiểu học, Trung học, Đại học là phổ thông dạy người thường; còn những người có năng khiếu đặc biệt, có thể khỏi cần qua Tiểu học, Trung học mà học Đại học vậy! Trên là nói theo phổ thông, đối với những người đặc biệt không được.

Hỏi: Coi bói toán và tử vi đối với Phật pháp thì như thế nào?

Đáp: Linh Mục người Mỹ cũng biết việc đó là Phật cấm, mà Tu sĩ Phật giáo làm việc đó, Phật cho là tà mạng thực.

Hỏi: Xin Sư Phụ khai thị quan trọng của Tổ sư thiên là tin tự tâm hơn cả đường lối tham thiên?

Đáp: Đường Lối Thực Hành là muốn phát hiện tự tâm, nếu không tin tự tâm làm sao phát hiện!

09

Hỏi: Làm sao mình phát hiện được dụng công sai lạc?

Đáp: Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiên nói “sơ tham phải có lão tham hướng dẫn”, là sợ lộn vào lối tà mà tự mình không biết, trong đó có 10 điều kiện; điều thứ nhất là phá ngã chấp “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”, nếu thực hành điều thứ nhất mới bảo đảm. Vì phá được ngã chấp thì không thể lộn vào tà ma, không bị nhập ma; bị

nhập ma là do có ta, nếu ta còn không có thì ma nhập chỗ nào! Ma nhập là thừa cơ hội mình cầu, ham thích hoặc sợ. Không đắc, không cầu, không sợ nên ma không có dịp để nhập.

Hỏi: *Mình muốn kiến tánh là có sở cầu phải không?*

Đáp: Trong lúc tham thiền không được muốn kiến tánh, đến khi kiến tánh mới biết không có Phật để thành, gọi là vô tu vô chứng. Không phải tu mới thành, không chứng mới đắc; bây giờ đã thành sẵn, đắc sẵn. Cho nên, tin tự tâm là tin như vậy. Tôi đã nói có hai điều kiện là tin tự tâm và khởi nghi tình. Mặc dù, tin pháp môn 100 % mà chưa tin tự tâm cũng không được, vì chỉ có được phân nửa.

Tôi hỏi cô: Phật Thích Ca nói “tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”, vậy cô tin mình có Phật tánh không?

Cô ấy đáp: Có.

Tôi hỏi: Phật tánh có thể giảm bớt không?

Cô ấy nói: giảm bớt.

Tôi nói: nếu Phật tánh có thể giảm bớt thì Phật tánh cũng bị luân hồi, nên thành Phật vô dụng; do đó Phật tánh không thể giảm bớt. Phật tánh có thể gián đoạn không? Nếu Phật tánh có thể gián đoạn thì Phật tánh sanh diệt. Phật tánh bị che mờ là do chấp của vọng tâm, Phật nói là vô thi (không có sự bắt đầu), cũng là nghĩa vô sanh (không có sự sanh khởi), nên người chứng quả ngộ pháp vô sanh.

Nói con gà có trước trứng gà được không? Không được, vì không có trứng gà làm sao có con gà! Trứng gà có bắt đầu được không? Không được, tại không có con gà làm sao sanh ra trứng gà! Con gà không thể bắt đầu và trứng gà cũng không thể bắt đầu, gọi là vô thi cũng gọi là vô sanh. Tất cả đều như vậy, chứ không phải chỉ con gà và trứng gà thôi!

Con người do cha mẹ sanh gọi là nhân duyên, tức thần thức với cha mẹ làm nhân duyên sanh ra thân mình. Mình truy cứu sự bắt đầu con người, như cha mẹ thì có ông bà nội và ông bà ngoại, ông bà nội cũng có cha mẹ nữa... tính từng đời không hạn chế, truy cứu cha mẹ đầu tiên được không? Không.

Giả thiết muôn tỷ kiếp trước có cha mẹ đầu tiên, cha mẹ đầu tiên có cha mẹ không? Nếu có cha mẹ thì chưa phải đầu tiên, vậy cha mẹ đầu tiên từ đâu ra? Khoa học nói là con khi tiến hóa, con khi do con nào tiến hóa? Do con chó, con chó do con nào tiến hóa? Do con mèo... hỏi hết động vật đến con cuối cùng, con nào tiến hóa? Không nói được, vì không có bắt đầu.

Có người nói trước kia là do phân tử, điện tử từ từ tiến hóa hình thành. Tôi xin hỏi, bào thai của con người có 10 tháng sanh ra, 1 tháng có hình 1 tháng, 2 tháng có hình 2 tháng... đến 10 tháng sanh ra đủ thân thể con người. Nhưng tính từ điện tử đến thành con người không thể nói là 10 tháng. Tôi giả thiết là 1 triệu năm phải chia 1 triệu cấp, tức là cấp thứ nhất là điện tử, cấp thứ 1 triệu là con người. Bây giờ mình chỉ thấy cấp thứ nhất và cấp 1 triệu, mấy cấp kia không ai thấy.

Có người nói ông sống mấy chục năm làm sao thấy được 1 triệu cấp? Tôi nói khỏi cần, bây giờ sống 3 năm cũng thấy được. Tại sao? Vì gần đến 1 triệu, thiếu 3 năm được 1 triệu thì mình phải thấy, bởi thiếu 3 năm biến thành con người hay thiếu 1 năm

thì mình cũng thấy chứ! Nhưng đâu có ai thấy? Còn bào thai 10 tháng mà ai cũng thấy. Cho nên, lý thuyết đó không thể thành lập.

Con khi tiến hóa và điện tử đều không thể thành lập sự bắt đầu, vì không đủ lý do nên Phật nói là vô thi. Tuy nói do nhân duyên sanh, nhưng Phật phủ định nhân duyên. Tại sao? Vì nhân duyên cũng phải có nhân đầu tiên. Như con gà và trứng gà làm nhân duyên với nhau, nhưng nhân đầu tiên không có, nên nhà khoa học cho là tự nhiên.

Sự thật, chúng tỏ tự nhiên không được, không thể tự nhiên ở trong hư không sanh ra con gà và trứng gà. Phật nói trong kinh Lăng Nghiêm “không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên”. Thực tế nói không được, phải tự mình tu chứng ngộ mới biết được; tức là ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh, bây giờ còn đang chiêm bao thì tất cả đều là chuyện chiêm bao.

Tin tự tâm là tin mình có Phật tánh, tin Phật tánh không thể giảm bớt thì thần thông, trí huệ bằng Phật Thích Ca, không có kém hơn Phật Thích Ca một chút. Tại sao? Vì không thể giảm bớt, nếu kém hơn Phật Thích Ca một chút thì có thể giảm bớt. Nhưng mình đã tin không thể giảm bớt, mà không thể gián đoạn vậy bây giờ đang làm Phật, chứ không phải tu rồi mới thành Phật. Nếu không phải làm Phật thì có gián đoạn, chư Phật chư Tổ đều chứng tỏ bây giờ mình có năng lực đầy đủ.

Trong kinh Lăng Nghiêm chứng tỏ tánh thấy không mất, là dùng thực tế trước mắt; chứ không phải đem những sự đoán mò để dạy người ta. Phật không thể nói được thực tế, nhưng chúng tỏ hiểu biết của mình là không phải thực tế.

Hỏi: Tự tâm là bả sanh, khi cha mẹ sanh ra thì tự nhiên đi theo đũa con ra. Xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Đó là sản phẩm của bộ óc, vì vô thi vô sanh làm sao có bả sanh! Có bả sanh thì đã có sanh rồi.

-Ấy là người ta dùng từ ngữ để tạm nói?

-Tạm nói cũng là lời nói, lời của Phật cũng là lời nói chứ không phải thực tế, thực tế là tự mình chứng mới được. Phật đã nói “tất cả lời nói đều chẳng nghĩa thật”, nên Phật rất sợ người ta chấp vào nói của Phật. Vì vậy phủ nhận là “ai nói Phật có thuyết pháp là người ấy phi báng Phật”.

Hỏi: Cái nào của mình cũng bằng Phật, vậy mình tu để làm chi?

Đáp: Tu để hiện bằng Phật, tức là hiện cái dùng bằng Phật; Phật có đủ thần thông trí huệ, mình có nhưng không dùng được. Tu là phá ngã chấp của mình, tức “vi kỳ hiện nghiệp”, cái nào mình thích thì không thích, cái nào chê không được chê, cái nào ghét nên không ghét. Mình muốn cái nào phải nghịch lại hiện nghiệp của mình.

Hỏi: Căn bản ý thức là khái niệm được hay mất, khái niệm cái này hoặc cái kia; thông thường một người nhìn cảnh bên ngoài chưa có ý thức xen vào, nhưng do thói quen ý thức đưa vào. Vậy phương pháp tham Tổ sư thiền có phải gạt bỏ sự tham gia của ý thức để nhìn sự vật giống như chưa có ý thức xen vào phải không?

Đáp: Đó cũng đúng phân nửa, cuộc sống hàng ngày đều dùng ý thức, gọi là nhất niệm vô minh, từ niệm này qua niệm khác. Ý thức ngày đêm hoạt động không ngừng, ban

đêm hoạt động biến hiện nhắm mắt chiêm bao, ban ngày hoạt động biến hiện mở mắt chiêm bao, đều do ý thức biến hiện, kinh gọi là do tâm tạo.

Ban đêm một mình ý thức biến hiện, gọi là độc đầu ý thức biến hiện, cũng là tâm tạo. Ban ngày hai thức cùng biến hiện cũng là tâm tạo. Tâm tạo không thật nên gọi là chiêm bao, nhưng con người chỉ chấp nhận nhắm mắt chiêm bao, không chấp nhận mở mắt chiêm bao.

Tâm có tám thức không phải tám người là chỉ có một người. Tại sao người ta nhìn nhận nhắm mắt chiêm bao là chiêm bao? Vì nhắm mắt chiêm bao ngủ đã tự thức dậy thấy thế giới và thân chiêm bao đều mất, chỉ còn cái thân nằm trên giường tự mình chứng tỏ (Duy thức gọi là tự chứng phần) là chiêm bao.

Mở mắt chiêm bao không bao giờ tự thức tỉnh, phải tu mới thức tỉnh. Tham thiền đến kiến tánh là trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh. Mình đang chiêm bao dù Phật nói có lý cũng không tin, như Phật nói trong Tâm Kinh “không có già chết”; ai cũng già chết mà nói không có già chết, làm sao ai tin được! Nhưng khi thức tỉnh mới biết không có già chết. Vô thi vô sanh làm sao có già chết! Gọi là ngộ pháp vô sanh, nhưng chưa ngộ là đang chiêm bao phải chịu già chết.

Người ta nói biết chiêm bao đừng làm việc chiêm bao. Tôi nói “không được”, bây giờ ở nhà chiêm bao, mặc áo chiêm bao, ăn cơm chiêm bao, không làm việc chiêm bao làm sao được! Tất cả đều phải theo chiêm bao mà làm, chứ không thể tránh.

Ông nói đương niệm là đã nổi niệm rồi, Lục Tổ nói “vô niệm niệm là chánh, hữu niệm niệm là tà; tà chánh đều quét sạch, thanh tịnh đến cùng tột”. Mặc dù, chánh cũng còn phải quét, huống là chấp cái niệm đó, cái niệm đó là tà.

Như công án núi sông: ban đầu đem ý mình cho núi sông là thật, tu được lúc biết núi sông là giả, sau tiến thêm một bước không đem ý mình vô là không có núi sông thật hay giả thì núi sông vẫn là núi sông. Những tương đối trong ý niệm mình không nổi lên nữa, cho nên núi sông vẫn là núi sông. Nếu không biết thì thấy câu thứ ba giống như câu thứ nhất, nhưng rất khác xa. Đó là nghĩa ba câu của kinh Kim Cang.

Nghĩa ba câu nhà Phật là vô sở trụ, vô trụ là thể và dụng của tâm; như Ngũ Tổ giảng “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, Lục Tổ nghe ngộ triệt để. Thí dụ cái tay là tâm của mọi người hoạt bát vạn năng, lấy mặt kiến, cái tách, trái cam... đều được. Nếu trụ mặt kiến thì hoạt bát vạn năng của tay bị mất, nên lấy cái tách, trái cam... đều không được. Tay buông mặt kiến thì khôi phục hoạt bát vạn năng của tay, nên lấy cái gì cũng được. Mặt kiến này là pháp có, nếu trụ pháp không, tức tay tự làm nắm tay là trong tay không có gì; nhưng đã có trụ thì cái dụng cũng bị mất, nên lấy thứ gì cũng không được. Vậy cái không này cũng phải quét, mới khôi phục cái dụng của tay.

Kinh Kim Cang nói “ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”, tức là không trụ có và không, bất cứ cái gì không trụ, cho đến Phật và Bồ tát cũng không trụ thì được sanh cái dụng của tâm; mà dụng của tâm luôn luôn không gián đoạn, vì khắp không gian thời gian. Dụng của tâm gọi là Bát nhã tự động, khỏi cần tác ý dùng; không phải như ông nói phải có cái ý vô trong hiện thực, nếu vậy có sở trụ.

Hỏi: Lấy một hình ảnh cụ thể để minh họa, trong cái nhà có đèn sáng dụ cho tánh biết, có sáu cửa sổ dụ cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; ngoài có sáu trần, ánh sáng ở trong không ngừng chiếu ra qua sáu cửa sổ. Nhưng do mình chỉ chú ý mở cửa sổ, thực tế là mình trụ vào chỗ đó thì ánh sáng bị hạn chế. Minh họa như thế có đúng phần nào với ý tham Tổ sư thiên không?

Đáp: Đó là công án của Tổ sư thiên, nhưng ông đã sửa lại nên không phải.

Công án này là: Trong một cái nhà có 6 cửa sổ và đốt một cây đèn, dùng màn che một cửa sổ, còn 5 cửa sổ kia, ánh sáng vẫn chiếu ra ngoài. Nếu dùng màn che hết 6 cửa sổ thì ánh sáng không chiếu ra ngoài, nhưng gió thổi bay màn che làm cho ánh sáng chiếu ra ngoài.

Đối với Thiên tông không cần che 6 cửa sổ, chỉ cần tắt cây đèn nên ánh sáng không lọt ra ngoài.

Hỏi: Thế nào Lục Diệu Môn của Tiểu thừa?

Đáp: Lục Diệu Môn của Tiểu thừa có 6 cấp:

1-Sô Tức Môn là khéo điều hòa thân thể (đếm hơi thở), từ 1 đếm tới 10 để nhiếp loạn tâm.

2-Tùy môn là không miễn cưỡng, chỉ tùy theo hơi thở dài hay ngắn, hít vào biết vào, thở ra biết ra, dài ngắn, lạnh ấm đều biết hết.

3-Chỉ Môn là ngưng tâm (lắng niệm) được an nhàn sáng suốt, không chút lay động.

4-Quán Môn là cần phải quán tâm rõ ràng, biết ngũ ấm là hư vọng, phá tất cả tri kiến điên đảo và chấp ngã... (bây giờ người ta lại lấy Quán Môn ở chỗ này ngược lại, ban đầu cũng có dùng Sô Tức, lấy Tùy môn chút ít).

5-Hoàn Môn là xoay tâm trở lại chiếu tâm năng quán, biết tâm năng quán là hư vọng.

6-Tịnh Môn là tâm chẳng chỗ dựa, chẳng trụ, chẳng khởi, chẳng chấp trước.

Bây giờ khởi niệm liên tục tìm hiểu, như nhà khoa học tìm hiểu vật chất; còn cái này là tìm hiểu tinh thần (ý thức) càng trói buộc thêm vào sâu luân hồi, mà lại cho ý thức là bản tâm. Tiểu thừa biết cái này là vọng, nên phá được ngã chấp. Y theo 6 môn này tu tập sẽ đạt đến diệu cảnh của Niết bàn Tiểu thừa, nên gọi là Lục Diệu Môn. Đây chính là của Phật dạy, Tiểu thừa được chứng quả ra khỏi phần đoạn sanh tử của khổ luân hồi.

Tùy theo dục vọng của con người, dùng ý thức biết sâu vào; như khoa học tìm hiểu sâu vào phân tử, nguyên tử, điện tử, cao phân tử. Phật dạy biết nó vọng nên ngưng lại, họ không biết tâm niệm của mình sanh diệt từng sát na; như ngọn đèn đang cháy, ngọn đèn sát na thứ nhất, đến ngọn đèn sát na thứ nhì không phải ngọn đèn sát na thứ nhất, ngọn đèn sát na thứ ba không phải ngọn đèn sát na thứ nhì. Thấy ngọn đèn không sanh diệt, sự thật là nó đang sanh diệt. Tâm niệm của mình đang sanh diệt, sát na niệm trước khác sát na niệm sau, sanh diệt liên tục.

Như A La Hán quán được 80 ngàn kiếp trước và 80 ngàn kiếp sau, cũng tùy theo sát na mà biến đổi; tức là sát na này quán, nhân quả sát na này liên tiếp đến 80 ngàn kiếp sau thuộc về sát na này; sát na thứ nhì là khác, có chỗ biến đổi chứ không phải sát na trước mà quán, nó cứ thay đổi hoài. Mặc dù chẳng trụ là bản tánh, để cho nó khởi lên

nhưng mình không có ý niệm dính vào nó, cho đó là thật, cho đó là giả, cho đó là vui...

Hỏi: Tại sao họ chứng quả A La Hán?

Đáp: Họ chấp Niết bàn Tiểu thừa, trụ nơi này cho là cứu cánh, không chịu tiến lên; kinh Pháp Hoa nói là hóa thành, ở nửa đường cất nhà cho là cuối cùng, không chịu tiến lên bảo sở (quả Phật). Đại thừa có người phá nhân ngã chấp, phá pháp ngã chấp, rồi chấp cái không, Phật cũng quở vậy. Mặc dù, nói đến bảo sở nhưng không có bảo sở, gọi là “bồ đề viên mãn quy vô sở đắc”.

Hỏi: Thế nào là chấp có và chấp không?

Đáp: Phật nói chấp có là bệnh nhẹ dễ trị, chấp không là bệnh nặng khó trị. Vì chấp có thì dùng cái không phá được, chấp không mà dùng cái có để phá lại khó hơn, cái có là người ta biết không đúng. Bỏ lại diện mục không phải không có cái gì, nhưng không dính mắc cái gì, gọi là vô sở trụ. Lục Tổ nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” liền ngộ triệt để.

Người ta khó chấp nhận, vì không có cái gì để cho nắm bắt; có người nói theo lời Phật dạy, nhưng nghịch lời Phật, vì phải chịu sự ham muốn của chúng sanh, phải có cái gì để cho người ta nắm bắt. Tùy duyên đó khác, tùy duyên có cái bất biến; nếu tùy duyên mà biến thì không được, bỏ lại là bất biến; tùy duyên là ứng phó hàng ngày, chứ không phải duyên lôi kéo.

Tùy duyên bất biến là không chấp, vì có bất biến không bị duyên lôi kéo. Trong kinh Đại Niết Bàn nói chỉ có thể thế lưu bố tướng, không có trước tướng: như người thế gian gọi con ngựa, bực thánh cũng gọi con ngựa. Lời nói của bực thánh giống như lời nói người thế gian là để cho người thế gian biết. Con ngựa không phải thật, nhưng người thế gian chấp con ngựa là thật.

Tùy duyên của bực thánh là không chấp trước, chỉ có thế lưu bố tướng, không có trước tướng. Người thế gian ở nơi thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng, chỉ khác chỗ này thôi. Bực thánh tùy theo danh từ của người thế gian mà gọi, khác nhau tâm chấp và tâm không chấp. Không có chấp không phải không có tâm, tức không khởi niệm cho đó thật, cho đó giả, sống một cách thoải mái tự tại, không bị một cái nào dính mắc.

Có một quan triều đình là người kiến tánh, sống như người thường, mỗi ngày vẫn ăn cơm bình thường, bông cháu đi chơi. Nhưng trong tâm vị quan ấy tự do tự tại khác hơn người thường, gần lâm chung, từ giả mọi người, rồi ngồi ngay mà tịch (chết).

Hỏi: Xin Sư Phụ kể về Bồ Đại Hòa Thượng?

Đáp: Bồ Đại Hòa Thượng là người kiến tánh, hành vi của Ngài là muốn cho người khác kiến tánh; chứ không phải Ngài cho bánh kẹo mấy đứa bé và cùng đùa giỡn, đó là người ta thêm vô. Ngài có túi vải đựng đồ dùng hàng ngày, gặp ở đâu thì ngủ ở đó.

Có Tăng kiến tánh muốn thử Ngài có phải là kiến tánh không! Tăng đi trước Ngài, Ngài đánh nhẹ vào vai Tăng, Tăng ngó lại; Ngài nói: xin một đồng xu?

Tăng nói: nói được, cho một đồng xu.
Ngài bỏ túi vải xuống đất và khoanh tay đứng đó. Chỉ vậy là Tăng biết Ngài đã kiến tánh.

-Tăng khác hỏi: thế nào là túi vải?
Ngài bỏ túi vải xuống đất, rồi đứng đó.
Tăng hỏi: thế nào là việc trong túi vải?
Ngài mang túi vải đi.

Hỏi: Ngài Cao Phong Diệu không phải thấu công án, mà phá công án phải không?

Đáp: Mục đích khán công án giống như khán thoại đầu, chỉ là kích thích niệm không hiểu không biết; rồi nhìn chỗ không hiểu không biết. Muôn ngàn công án là mục đích kích thích niệm không hiểu không biết, chứ không phải các công án có tác dụng khác nhau.

Thầy của Cao Phong Diệu hỏi Cao Phong Diệu “Không chiêm bao, không suy nghĩ, vậy chủ ở đâu?” Lúc đó Ngài mới phá được Trùng quan, chưa đến cuối cùng là Mặt hậu lao quan.

Các vị kiến tánh danh tiếng, người ta tin; nhưng đệ tử không chịu tin. Lúc đó ba anh em Viên Ngộ cho mình là kiến tánh, thầy là Pháp Viễn không chịu ấn chứng. Ba anh em Viên Ngộ giận bỏ đi nơi khác. Pháp Viễn nói “các vị bệnh nặng sẽ biết đến tôi”. Nếu thật ngộ thì sanh tử giải quyết được, nhưng các vị chưa giải quyết; nên gặp bệnh nặng rồi dùng cái ngộ của mình đối trị không nổi. Khi hết bệnh trở về, Pháp Viễn biết trước sẽ trở về.

Hỏi: Có phải các Thiền sư không sợ chết chăng?

Đáp: Không sợ chết rất dễ! Các dũng sĩ đi chiến trận không sợ chết, nhưng các người đó không được giải thoát. Những người cầm tử làm tai hại cho người ta, như người Nhật Bản lái máy bay cắm vào Hàng không mẫu hạm.

Hỏi: Tại sao ba anh em Viên Ngộ không đối phó được sanh tử?

Đáp: Vì họ bệnh gần chết, nhưng đem cái ngộ của mình dùng không được. Thiền là cái tâm, tất cả do tâm tạo. Ba anh em Viên Ngộ trở về, mà Pháp Viễn đã biết trước. Viên Ngộ về trước, còn hai người kia về sau. Viên Ngộ trong một tháng kiến tánh triệt để.

Hỏi: Đại Thông Trí Thắng Phật 10 kiếp ngồi đạo tràng, Phật pháp chẳng hiện tiền, mà chẳng thành Phật đạo?

Đáp: Đại Thông Trí Thắng Phật là Bích chi Phật, tức là tu thừa Duyên giác (Trung thừa). Vị này chấp ngồi, chỉ ngộ ở giữa đường (hóa thành), chưa thành Phật, nhưng chứng được quả Bích chi Phật.

Hỏi: Tham Tổ sư thiền có cái gì thúc đẩy để cho mình tỉnh tấn?

Đáp: Không có cái gì đem ý mình để thúc đẩy cho tinh tấn, chỉ cần đừng nổi lên một niệm nào là đủ rồi. Ngài Trung Phong nói “ngoài nghi tình, nếu có một niệm nào nổi lên là tâm trộm cắp”. Người trí thức muốn có sở hữu, muốn có trí huệ để nhìn biết thế giới này. Nói vô sở hữu là người ta đã phản đối, như thực tế là vậy, họ không chịu nhìn nhận thực tế.

Tổ Ấn Am thăng tòa nói “người tham thiền rất kỵ dùng tâm sai lầm”:

- Minh tâm kiến tánh là dùng tâm sai lầm.
- Thành Phật thành Tổ là dùng tâm sai lầm.
- Xem kinh, giảng giáo là dùng tâm sai lầm.
- Đi, đứng, ngồi, nằm là dùng tâm sai lầm.
- Ăn cháo, ăn cơm là dùng tâm sai lầm.
- Đại tiện, tiểu tiện là dùng tâm sai lầm.
- Nhứt động, nhứt tịnh, nhứt vãng, nhứt lai là dùng tâm sai lầm.
- Lại còn có một chỗ là dùng tâm sai lầm, ta không dám nói trắng ra. Tại sao? Vì “nhứt tự nhập công môn, cửu ngư sa bất xuất” (nói về hình phạt của chính phủ: một chữ ghi vào công môn, chín con trâu kéo không ra).

Bất cứ cái gì đều dùng tâm sai lầm, là tâm trộm cắp của ngài Trung Phong nói. Vì vốn vô sở hữu, nếu có sở hữu thì sai lầm. Như nói “minh tâm kiến tánh” là sai lầm, có nổi lên tâm gì đều là sai lầm. Đến chỗ nhứt tâm không khởi lên vẫn còn vô thi vô minh (thoại đầu), nhưng công phu đến thoại đầu sắp kiến tánh; không nổi niệm gì (vô tâm), nếu còn ngồi chỗ đó đối với kiến tánh cũng còn rất xa. Đến chỗ này không còn đường đi, ngài Lai Quả nói “đến thoại đầu, không muốn kiến tánh cũng không được”.

Hỏi: Bỗng nhiên người thấy mất tất cả, sau đó tìm lại bình thường. Vậy có phải là vô ký không chăng?

Đáp: Không phải, đó là cảnh giới của vọng tâm; ý niệm nào nổi lên đều là dùng tâm sai lầm.

Hỏi:

**Năm xưa nghèo chưa phải thật nghèo,
Năm nay nghèo mới thật là nghèo.
Năm xưa nghèo không đất cắm dùi,
Năm nay nghèo đất dùi đều không.
Kính xin Thầy khai thị?**

Đáp: Đây là công án của Hương Nghiêm, Ngài thông suốt giáo lý; người ta hỏi một đáp mười, ở dưới thiên hội của Bá Trượng. Quy Sơn và sư huynh đệ đều kiến tánh, nhưng Ngài chưa kiến tánh. Khi Bá Trượng tịch, Quy Sơn ra hoàng pháp, Hương Nghiêm làm đệ tử và theo học.

Một hôm, Quy Sơn muốn giúp Hương Nghiêm, hỏi: khi cha mẹ chưa sanh, hãy nói một câu thử xem?

Hương Nghiêm không trả lời được, xin Quy Sơn nói trắng ra cho hiểu.

Quy Sơn nói: Tôi không phải làm khó, nhưng sau này ông hiểu rồi chửi mắng tôi.

Hương Nghiêm đem tất cả kinh sách đốt hết, từ giả Quy Sơn hành cước đến một ngôi chùa hoang; cất một cái cốc ở đó, tự mình trồng trọt nuôi sống. Qua mấy năm, nghi câu hỏi của Quy Sơn; đang nhổ cỏ, gặp miếng ngói rơi lượm liệng trúng cây tre kêu “cốc”; Ngài nghe liền ngộ, lúc ấy mới biết ý Quy Sơn không nói trắng ra. Nếu nói trắng ra, làm sao có ngày nay ngộ! Biết ơn vô hạn, mà hướng về Quy Sơn lễ bái làm pháp tử.

Bài kệ trên của Hương Nghiêm truyền đến, Quy Sơn nói Hương nghiêm đã ngộ. Ngưỡng Sơn đến Hương Nghiêm khám xét hỏi: nghe nói sư đệ ngộ rồi, có cái gì trình ra xem?

Hương Nghiêm nói bài kệ:

Năm xưa nghèo chưa phải thật nghèo,

Năm nay nghèo mới thật là nghèo.

Năm xưa nghèo không đất cắm dùi,

Năm nay nghèo đất dùi đều không.

Ngưỡng Sơn nói: Sư đệ ngộ Như lai thiên, chứ chưa ngộ Tổ sư thiên. Bây giờ còn cái gì nói ra thử xem?

Hương Nghiêm nói bài kệ khác:

Ta có một cơ nháy mắt nhìn y,

Nếu mà chưa hội đừng gọi Sa di.

Ngưỡng Sơn ấn khả “cung hỷ”, mừng cho sư đệ ngộ được Tổ sư thiên.

Hỏi: Thế nào Tổ sư thiên và Như lai thiên?

Đáp: Tổ sư thiên không lập giáo lý, Như lai thiên có lập giáo lý; có giáo lý thì có thể giải thích, như bài kệ “năm xưa nghèo...” Bài kệ “ta có một cơ...” không có giáo lý, nên không thể giải thích. Tam thừa đều có giáo lý, và có pháp thiên để thực hành giáo lý. Tổ sư thiên không có giáo lý, chỉ có thực hành; tức là tham công án, tham thoại đầu. Cho nên nói thiên có 4 thừa, giáo lý chỉ có 3 thừa.

Hỏi: Hiểu giáo lý rồi tu Tổ sư thiên, giống như nương theo ngón tay để nhìn mặt trăng. Xin Thầy khai thị?

Đáp: Tôi gặp những người hiểu giáo lý lọt vào tà đạo nhiều hơn, vì họ chấp hiểu biết của mình, họ hiểu sai lầm. Không những lọt vào sai lầm, mà còn hoằng dương tà đạo. Ngài Trí Giả nói “học Phật pháp thành ngoại đạo”, tiêu diệt Phật pháp là do những người này, gọi là con trùng ăn thịt sư tử. Từ điển Phật Học ghi ngài Trí Giả ngộ Thiên thai tông, có giải thích 3 thứ ngoại đạo:

1-Chánh thức ngoại đạo (tu thành sống muôn ngàn năm, có thể sanh cõi trời).

2-Gắn bản Phật giáo mà hành ngoại đạo (những người đó dầu cho tu thành, cũng phải xuống địa ngục).

3-Học Phật pháp thành ngoại đạo (hiểu lầm ý Phật, đem ý mình thay thế cho ý Phật để dạy người; tự mình vẫn còn không biết cho là thông suốt, giảng kinh thuyết pháp.

Những người ấy tiêu diệt Phật pháp, Phật thọ ký là con trùng ăn thịt sư tử. Bởi vì, sư tử chết mà các con thú khác không dám đến gần để ăn thịt, phải đợi sư tử chết thúi sanh ra con trùng ăn thịt của nó. Cho nên, nói những người học Phật pháp trở thành ngoại đạo tiêu diệt Phật pháp).

Hỏi: Tại sao sanh về Bắc Câu Lưu châu thì chứng ngoại kiến tánh?

Đáp: Vì chỗ này phước nghiệp của mỗi người bằng nhau, sanh ra tự lớn, quần áo, ăn uống đều tự nhiên; người nào cũng sống 1.000 năm, họ khỏi cần lo gì hết; muốn cái gì được cái nấy, muốn ăn thì đồ ăn trước mặt, ăn xong rồi tự dọn dẹp.

Hỏi: Tham Thiên Phổ Thuyết nói “người thích vật hoặc theo tình cảm, xưng hô lễ phép ấy là tình; lời nói, vấn đáp kiến giải hiểu biết ấy là thức. Chính tình thức làm cho thiền đường suy tệ”. Xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Cuộc sống hàng ngày, tất cả đều dùng tình thức. Kinh Lăng Nghiêm nói “tình nhiều chừng nào đọa xuống nhiều chừng nấy”, tình chỉ có đọa, không có lên; tướng có cái đọa, có cái lên. Như thiền quán tướng thì lên, tướng bậy bạ thì đọa. Thức là phân biệt, tánh của mình muốn cái tốt chê cái xấu. Như bây giờ vì phân biệt mà xảy ra chiến tranh đổ máu.

Cọp đói với con nó có tình thương mẹ con, nhưng phân biệt không phải con của nó thì xé thịt cho con nó ăn. Người có kiến giải cao, nhưng ác hơn cọp không biết bao nhiêu lần. Cọp đói mới ăn thịt loại khác, con người chưa đói lại muốn hại người khác, vì muốn cho mình có nhiều tiền; do tiền mà anh em cha mẹ cũng hại được. Cọp không bao giờ giết hại đồng loại, vì lợi ích nên con người giết hại đồng loại; có khi giết một cách thâm hiểm, đó là do kiến giải mà ra. Bởi kiến giải, họ tổ chức chính trị ra lệnh giết biết bao nhiêu triệu người.

Hỏi: Tại sao thông minh từ cảnh được?

Đáp: Cảnh sanh tâm, tâm sanh cảnh. Bây giờ, nhà khoa học thông minh nghiên cứu cảnh, phát hiện cảnh chưa phát hiện, cho mình hiểu biết nhiều hơn, thông minh hơn, nên người ta gọi là nhà khoa học.

Hỏi: “Người hành đạo đời đời kiếp kiếp, trừ cái tu huệ phương tiện này ra, tất cả đều là hành vi nghiệp. Cho nên, nói tu phước chẳng tu huệ như bạch tượng đeo chuỗi ngọc”. Kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Huệ không phải trí huệ bộ óc của thể gian, huệ là tự tánh sẵn có; bây giờ nói tu huệ là nói theo thể gian, kỳ thật tu là hiện trí huệ sẵn có, không phải do tu được trí huệ đó. Những người tu phước được phước báo, phước báo hết đọa theo nghiệp. Tiền thân voi trắng tu phước không tu huệ, nên đầu thai thành voi trắng không có trí huệ; nhưng được nhà vua thương mến, cho người chăm sóc kỹ lưỡng.

Hỏi: Đoạn văn trong Tham Thiên Phổ Thuyết “Thường trụ thật là khó làm. Như chỗ rạp hát rất là vui vẻ hấp dẫn, ở mười ngày hai mươi ngày còn lưu luyến, chứ ở lâu thì chẳng chịu nổi. Sao vậy? Chỗ không vừa ý, khó trụ là lẽ đương nhiên, tại sao chỗ vừa lòng mà cũng chẳng thường trụ? Trong đó có cái việc kỳ đặc mà phàm chẳng thể hiểu, Thánh chẳng thể hội. Kỳ đặc ra sao? Một niệm ban đầu của chúng ta y vào gốc vô trụ mà sanh huyễn trụ, như chẳng thể thường trụ là chẳng phải hiện tại chẳng thường trụ.

Thế giới có tướng thành, trụ, hoại, không; con người có tướng sanh, già, bệnh, chết; tâm có tướng sanh, trụ, dị, diệt, đều chẳng phải tướng thường trụ. Mọi người đều theo tướng này sanh, theo tướng này diệt, chẳng thể nào chạy ra khỏi tướng này một bước. Cho nên nói: ‘Pháp đó trụ ngôi pháp, tướng thể gian thường trụ’. Ngộ được tướng này, tất cả các tướng đều thường trụ”. Kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Thường trụ ở đây nói là Tự tánh, Tự tánh thì bất động (như như bất động). Kinh Lăng Nghiêm nói “tất cả có lay động nên biến đổi”, có biến đổi phải chết mất. Cái nào không lay động thì không biến đổi, nên không chết mất (thường trụ). Thường trụ này là Tự tánh không thay đổi (không lay động), nhưng tất cả lay động là cái dùng của nó.

Như Lục Tổ nói “chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, mà tâm của ông động”. Nói tâm của ông động, không phải tâm có động nhưng là cái dùng của tâm, làm cho phướn động, làm cho gió động. Khoa học bây giờ cũng chứng tỏ, họ không nói là năng lượng của tâm.

Tánh con người ham thích, tương đối là chán nản; như nghe nói tuồng hát hay liền đi coi, coi hai ba lần là chán nản; bảo đi coi nữa thì không muốn đi, nhưng lần đầu rất ham thích. Thường trụ này là bản tâm của mình, tánh vốn là vậy.

Tự tâm là như như bất động, nói theo lời thế gian là thường trụ. Nhưng cái dụng vô trụ, nếu cái dụng mà trụ thành chấp, bản thể vô trụ. Như tấm gương không động, dụng chiếu soi, người nam đến hiện hình người nam, người nữ đến hiện hình người nữ... bất cứ gì đến cũng hiện. Hiện là cái dụng của tấm gương, nhưng nó chỉ có một mặt, mặt sau không dùng được.

Cho nên, hình dung bản tâm là Đại viên cảnh trí, là cái gương tròn; tức chiếu soi hết mười phương, không chỗ nào thiếu sót nhưng chẳng động. Ngài Long Thọ giải thích hư không vô sở hữu, tất cả đều ở trong vô sở hữu và hiển bày cái dùng. Vô sở hữu không động, nhưng tất cả đều động; mà trụ cái động nào gọi là vô trụ. Nếu trụ một cái động nào là chướng ngại cái dùng.

Nếu theo tướng thế gian thì sanh diệt, không có thường trụ; nhưng trụ theo ngôi pháp là thường trụ, như giấy trụ nơi ngôi pháp giấy, đem giấy đốt thì ngôi pháp giấy mất, thành ngôi pháp tro trụ ngôi pháp tro. Tùy theo pháp sanh trụ nơi pháp sanh, pháp diệt trụ nơi pháp diệt; tức là không đem ý mình vô trong pháp đó, tất cả đều y như cũ; không đem ý mình cho thật hay giả, không xen ý mình vô là vô trụ. Pháp nào trụ theo pháp đó gọi là thường trụ.

Có người dịch là “tướng thế gian thường còn” thì sai nghĩa. “Thường trụ” không thể dịch là “thường còn” được, nghĩa thấy giống nhưng ý lại khác. Nếu “thường trụ” dịch là “thường còn” thì “chẳng trụ” phải dịch là “chẳng còn”, vậy “chẳng còn” không thể được. Cho nên, thường trụ chẳng phải chẳng còn, chẳng trụ chẳng phải chẳng còn.

Hỏi: Tại sao số lượng chúng sanh chẳng thể biết?

Đáp: Vì không có ngã, nên không kiến lập đơn vị; do đó Phật nói vô thi vô sanh. Nếu có đơn vị thì bây giờ hết chúng sanh, tất cả đều thành Phật. Kinh nói một đại kiếp có một chúng sanh thành Phật, nếu chúng sanh có đơn vị thì Phật cũng có đơn vị; chúng sanh bớt một ngàn thì Phật tăng thêm một ngàn. Chúng sanh có số lượng, còn thời gian không có số lượng. Một đại kiếp trước bớt hết một ngàn chúng sanh, một đại kiếp trước nữa bớt hết một ngàn chúng sanh nữa... dần dần chúng sanh sẽ hết.

Vì chúng sanh không có số lượng, nên Phật cũng không tăng thêm, chúng sanh cũng không bớt, tận cùng vị lai cũng bao nhiêu chúng sanh đó. Tại sao? Vì chúng sanh

chẳng phải chúng sanh, Phật chẳng phải Phật. Do tâm chấp thành chúng sanh, hết tâm chấp gọi là Phật. Nhưng chấp và không chấp là hư vọng. Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô lão tử diệt vô lão tử tận”, không có già chết, cũng không có hết già chết; tức là không có sanh tử thì không có Niết bàn.

Nhưng bây giờ thấy sanh tử rõ ràng, do tâm mình hoạt động. Như thân mình xoay thấy căn nhà xoay, tâm ngưng hoạt động thì sanh tử hết, thân ngưng xoay nên căn nhà hết xoay. Xoay dụ cho luân hồi, ngưng xoay dụ cho Niết bàn. Căn nhà vốn không có xoay, mà nói là căn nhà ngưng xoay!

Tâm như như bất động, vì vọng chấp thành cái tình; chỉ là tình chấp, không phải sự thật; tức ở trong chiêm bao. Lúc thức tỉnh chiêm bao thì việc chiêm bao hết, bản thể vẫn y như cũ. Khi chiêm bao mà bản thể không thêm, lúc thức tỉnh rồi bản thể không bớt. Do chiêm bao thấy mọi vật, thức tỉnh không còn thấy nữa.

Hỏi: Có người hỏi đức Phật: người chứng quả A La Hán rồi sẽ đi về đâu?

Đức Phật đáp: ví như một đóm lửa tắt rồi sẽ đi về đâu?

Kính xin Thầy khai thị?

Đáp: Bản tâm cùng khắp hư không, nếu có chỗ trở về thì không cùng khắp. Bây giờ, nhà khoa học cũng chứng tỏ ánh sáng cùng khắp hư không. Nếu cùng khắp hư không, cây đèn tắt rồi ánh sáng đi về đâu! Làm sao có chỗ về!

Hỏi: “Chúng sanh không có duyên thì không thể độ, định nghiệp chúng sanh không thể chuyển”. Kính xin Thầy khai thị?

Đáp: Phải rồi, không phải tuyệt đối. Sau khi kết duyên độ được, không có duyên tạm không độ được. Định nghiệp chỉ một lúc nào thôi, chứ không phải vĩnh viễn. Như định nghiệp kiếp này, nhưng kiếp sau lại khác. Từng sát na khác nhau, tâm mình thay đổi nên nghiệp cũng thay đổi.

A La Hán chỉ biết 8 muôn kiếp sau, biết cái nghiệp sát na này kéo dài 8 muôn kiếp sau, sát na kéo dài 8 muôn kiếp sau đã thành khác, có cái vẫn còn y vậy, có cái do tâm biến đổi. Như sát na trước còn ác, sát na sửa lại thiện thì nghiệp đã biến đổi rồi. Các vị ấy thấy suốt 8 muôn kiếp trước, mà căn cứ sát na hiện nay chứ sát na sau không được.

Hỏi: Đoạn văn trong Tham Thiền Phổ Thuyết nói:

“Như người đời ngày đêm dụng tâm bận rộn công việc gia đình, chẳng từng nói đến tâm thì đâu thể được sự thôi nghĩ của nó. Người học đạo hàng ngày bị vọng lôi đi, khởi rồi lại dừng mà chẳng biết chỗ dừng, dừng rồi lại khởi mà chẳng biết chỗ khởi, vì chưa kịp để ý đến chỗ này.

Phải biết vọng không có nguyên nhân, như sóng đuổi theo nhau, gió dừng thì sóng lặng, khi biển yên sóng lặng quay đầu lại tức là giác. Người trong ngoài lay động, biết rồi lại mất, thấy rồi lại dời, làm sắc làm không, hoặc ẩn hoặc hiển, man mác chẳng thật, nói chung đều là vọng. Đã biết được vọng ắt phải biết chân, nay cho nhiều tâm là vọng, một tâm là chân, đã kiến lập một tâm, ắt phải trừ vọng.

Phương pháp trừ vọng quý ở tham thiền. Hàng ngày có thiền thì tự có thể thôi vọng. Người xưa nói: “Cuồng tâm ngưng nghĩ, ngưng nghĩ tức Bồ đề”. Cổ nhân ngày dưới chữ Bồ đề quở là “thằng chết”, đến đây một tâm cũng bất khả đắc. Đã là

Bồ đề, tại sao nói là “thằng chết”?

Kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: “Thằng chết” thí dụ tâm ngưng hoạt động, tức bộ óc ngưng hoạt động không còn vọng tưởng. Tâm vốn không thể chết, vì tồn tại vĩnh viễn. Không những bản tâm tồn tại vĩnh viễn, mà cái dụng của bản tâm (tánh thấy, tánh nghe, tánh biết...) đều tồn tại vĩnh viễn (kinh Lăng Nghiêm chứng tỏ).

Hỏi: “Nhân niệm Phật là cảm quả vãng sanh Tây Phương”. Kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Niệm Phật phải đúng tông chỉ Tịnh độ mới được vãng sanh Tây Phương, tham thiền cũng phải đúng tông chỉ, nếu không đúng sẽ lọt vào tà ma. Tu theo pháp môn nào, phải đúng theo tông chỉ của pháp môn đó, nếu không đúng thì không được.

Hỏi: Tu Tịnh độ phải phát đại nguyện, tin cõi Phật A Di Đà và nguyện về cõi Ngài. Nhưng cuộc sống này còn trong tình trong thức, nên vẫn còn phân biệt. Trong kinh Di Đà không nói chỗ nào ăn chay?

Đáp: Không phải nói ăn chay, mà nói về nhân quả là nhân nào quả nấy “ăn cục thịt trả cục thịt, giết một mạng trả lại một mạng”. Cho nên, tiểu nguyện trái với nhân quả, không được vãng sanh. Tiểu nguyện chỉ cầu một mình vãng sanh, đại nguyện là cầu tất cả chúng sanh được vãng sanh. Phải thực hành đại nguyện của mình phát, nếu chỉ miệng nói tâm nghĩ là nguyện suông, nguyện giả thì không được vãng sanh.

Hỏi: Thọ Bát Quan Trai cảm quả đạo tràng rồi phải không?

Đáp: Không phải, Tông Lâm thì khác, Tông Lâm tự chúng nhiều chuyên tham Tổ sư thiền. Trung Quốc có Tông Lâm lớn dung nạp 3.000 người. Thầy của tôi tu tại Phước Kiến, ở đó có 200 Tỷ kheo tu trong Thiền đường nhỏ. Tất cả người tham thiền ăn uống, ngủ nghỉ... đều ở trong Thiền đường, trong đó có nhiều bộ phận như: bệnh viện, tòa án... Thọ Bát Quan Trai là cái cầu nối đưa đến xuất gia, thực tập xuất gia một ngày một đêm là gieo nhân xuất gia, để sau này có duyên xuất gia.

Hỏi: Thọ Bát Quan Trai và người ở Tông Lâm khác nhau như thế nào?

Đáp: Thọ Bát Quan Trai thuộc về bên Giáo môn, họ chưa thể giải thoát. Ở Tông Lâm tham thiền giải thoát ngay chỗ đó. Đa thiền thất ở Tông Lâm có 10 thất liên tiếp và thêm ngày đầu ngày cuối, tổng cộng 72 ngày. Nhiều vị Tổ trong thất thứ nhất kiến tánh, có người thất thứ nhì kiến tánh, có người thất thứ ba kiến tánh, có người thất thứ tư kiến tánh. Vua Ung Chính thất thứ nhì kiến tánh, nhưng kiến tánh vẫn làm vua.

Hỏi: Làm sao biết mình kiến tánh?

Đáp: Kiến tánh gọi là chánh biến tri, tức khắp không gian thời gian, không có cái nào mà không biết. Nói về thời gian, ngủ mê bộ óc không biết, chết giấc không biết, chết rồi không biết. Còn cái biết Phật tánh (chánh biến tri), chết giấc cũng biết, chết rồi cũng biết. Nếu chết rồi không biết thì có gián đoạn, không cùng khắp thời gian. Không những kiếp này, mà những kiếp trước kiếp sau đều biết, vì cùng khắp thời

gian. Kiến tánh thì mình tự biết, bản thể vốn là vậy; bản thể hiện lên, vì bản thể khắp không gian thời gian; không gian thời gian đều ở trong đó.

Hỏi: Thọ Bát Quan Trai là trông nhân xuất gia, vậy Phật có muốn cho mọi người xuất gia không?

Đáp: Đức Phật không phải muốn mọi người xuất gia, mà muốn mọi người kiến tánh. Cho nên Tòng Lâm khỏi cần xuất gia vẫn kiến tánh, cư sĩ, ông vua, thừa tướng, bà già bán rong ngoài đường đều có thể kiến tánh. Lục Tổ kiến tánh lúc còn cư sĩ, sau 15 năm mới xuất gia; vì để có hình tướng oai nghi để hoàng pháp nên Lục Tổ xuất gia. Trong Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiên có 3 bé gái không phải người xuất gia mà kiến tánh, lại còn con nít (Long Nữ 8 tuổi, cô họ Trịnh 13 tuổi, cô họ Tô 15 tuổi).

Hỏi: Có phải xuất gia dễ ngộ hơn không?

Đáp: Lục Tổ nói “thân tại gia mà tâm xuất gia, hơn thân xuất gia mà tâm tại gia”. Không phải xuất gia hay tại gia, do tại tâm. Cho nên, nói “đạo do tâm ngộ bất tại tọa” (đạo do tâm ngộ, chẳng ở chỗ ngồi). Xuất gia không tu đàng hoàng bị mắc nợ thí chủ, xét theo giới luật có nhiều người mắc nợ phải đọa địa ngục, từ địa ngục ra còn phải trả nợ cho thí chủ.

Hỏi: Tham thiền dành cho người khờ ngốc phải không?

Đáp: Không phải, người thông suốt giáo lý cũng kiến tánh, người khờ ngốc cũng kiến tánh; hai người ấy có khả năng kiến tánh bằng nhau.

Hỏi: Sao tham thiền thấy như khờ ngốc?

Đáp: Ấy là công phu của người ta đến mức đó, bên ngoài người ta thấy như khờ ngốc; nhưng sự thật không phải, vì công phu đó cao.

Hỏi: Đoạn văn trong Tham Thiền Phổ Thuyết nói “Điều thiết yếu là chẳng nên chấp lý mà bỏ sự, Thiền tông quả là kẻ vác bèo, cũng chẳng nên chấp dụng hoặc nguyên thể bị mất là kẻ đột phá. Thiên về tánh là chỉ chứng nhị thừa, thiên về tướng thành phàm phu; cần phải tánh tướng song hành, sự lý vô ngại mới được pháp thể trang nghiêm vậy”. Kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Đó đem giải thích là vậy. Tự tánh, Phật tánh đều là bản tánh của tâm. Đem tướng chia ra làm 4 cấp: ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Đến khi kiến tánh không còn phân biệt tánh và tướng, gọi là thật tướng.

Kinh Viên Giác giải thích có 2 thứ 4 tướng:

Bốn tướng của phàm phu: Chấp thân này là ngã tướng, tiến lên tất cả nhân loại là nhân tướng, tiến lên nữa là chúng sanh tướng, nhưng còn chấp tất cả trong thời gian là thật, gọi là thọ giả tướng.

Bốn tướng của bậc thánh đã chứng quả: Chấp cái ngộ của mình chứng gọi là ngã tướng; tiến lên một bước biết cái ngộ đó không có ngã (chứng tỏ không thành lập cái

ngã), nhưng có năng chứng sở chứng, thuộc về nhân tướng; tiến lên một bước nữa, liễu tri ngã tướng nhân tướng không thể thành lập, nhưng có năng liễu tri sở liễu tri, nên gọi là chúng sanh tướng; rồi tiến lên một bước nữa là chứng Niết bàn không có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, nhưng ôm Niết bàn cho là ta chứng, gọi là thọ giả tướng.

Cái của Phật là Bồ đề viên mãn quy vô sở đắc, không có đắc, không có chứng, luôn cả Niết bàn cũng không có. Vừa rồi nói, hư không vô sở hữu, nếu còn sở hữu thì không được. Mặc dù, cái sở hữu là Niết bàn cũng không được, cái sở hữu đó là Phật cũng không được. Nếu có sở hữu thì còn có tướng là chướng ngại. Vì thật tướng là vô tướng, nếu có tướng không phải là thật tướng.

Hỏi: Tại sao tu nhân khổ hạnh cảm quả phước đức?

Đáp: Phật không có chủ trương khổ hạnh, nên người chấp khổ hạnh là còn cái ngã; muốn dùng khổ hạnh mài giũa cái ngã. Nhưng cái nhân là ngã, không phải bôi xóa cái ngã.

Hỏi: Huệ trì nhập định trong bọng cây hơn 700 năm, vậy Ngài có biết gì không?

Đáp: Ngài nhập định hơn 700 năm, theo cảm giác của Ngài biết có một chút xú. Cho nên, ngài hỏi “sư huynh của tôi có khỏe không?” Người ta tính ra là Ngài nhập định hơn 700 năm.

Hỏi: Diệt tận định là sao?

Đáp: Diệt tận định của cõi trời cao nhất, còn có ngã chấp chưa ra khỏi luân hồi. Diệt tận định của A La Hán phá được nhân ngã chấp, ra khỏi lục đạo luân hồi. Giáo môn giải thích là dứt được phần đoạn sanh tử, nhưng chưa dứt được biến dịch sanh tử. A La Hán còn có sở đắc, phải cần tiến lên đến Diệu giác (quả Phật) được vô sở đắc.

Hỏi: “Phải biết tự mình hành đạo là công nhỏ, khuyên người hành đạo là công to, thế nên cái đạo lợi hành vô tận”. Kính xin Sư Phụ khai thị?

Đáp: Phải rồi, tự mình là cái ngã; Bồ tát hành đạo quên mình vì người khác.
